



XUÂN VŨ

NHỮNG BẠC THẦY
CỦA TÔI

TỔ HỢP

XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG HOA KỲ

những bậc thầy của tôi

XUÂN VŨ



Paris * 02.2025

những bậc thầy của tôi

Xuân Vũ

**Bìa: *Tổ hợp xuất bản*
Miền Đông Hoa Kỳ
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn***

những bậc thầy của tôi

XUÂN VŨ

**Tổ hợp xuất bản
Miền Đông Hòa Kỳ
1998**

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	13
Đôi lời cùng độc giả	21

PHẦN 1

1. Chương 1	29
Truyện Tàu: kho tàng văn hóa của tôi	
Tây Du: trang truyện đọc đầu tiên	
2. Chương 2	39
Ông thầy Huế: bạn thơ từ phương xa	
của tía tôi	
3. Chương 3	59
Từ trận đòn nên thơ đến kho tàng trong	
ngôi nhà xưa	

4. Chương 4	89
Rửa chân cho sạch nước phèn	

5. Chương 5	131
Rạp hát Nam Xuân và nàng tiên của tuổi thơ	

6. Chương 6	155
Nắng gió và tiếng chuông chùa quê ngoại	

PHẦN 2

7. Chương 7	171
Mầm non ươm trong khói lửa	

8. Chương 8	183
Thi sĩ vàng: Xuân Tước	

9. Chương 9	205
Trận cầu mống 1946	

10. Chương 10	223
Sơn Nam Phạm Anh Tài ;	

11. Chương 11 261
Nhà phóng viên bắt đầu biết mùi thuốc
sung
12. Chương 12 289
Những bậc thầy trong văn xuôi
13. Chương 13 313
Nguyễn Tuân người bào chế rượu mơ
14. Chương 14 329
Nguyễn Hồng: khi viết, tôi cấu thịt da tôi
để trên giấy
15. Chương 15 345
Nguyễn Huy Tưởng: “đất Nam kỳ là đất
tiểu thuyết”
16. Chương 16 427
Nguyễn Công Hoan: “truyện là bịa y như
thật”

- | | |
|---|-----|
| 17. Chương 17 | 443 |
| Chi tiết nhỏ làm nên tiểu thuyết lớn | |
| 18. Chương 18 | 455 |
| Cá tánh của nhân vật trong truyện Tàu | |
| 19. Chương 19 | 479 |
| Thêm vài nhân vật có cá tánh độc đáo trong truyện Tàu | |
| 20. Chương 20 | 501 |
| Mấy truyện ngắn tôi không bao giờ quên | |
| 21. Chương 21 | 531 |
| Góp nhặt bốn phương | |
| 22. Chương 22 | 539 |
| Viết thêm: viết văn là một việc phiêu lưu | |

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Xuân Vũ là một nhân vật dị thường! Sinh trưởng ở miền Nam, tập kết ra Bắc, được lệnh xâm nhập miền Nam để viết về “cuộc đồng khởi của Bến Tre” thì ông lại nhìn ra “đường đi không đến” để trở về với dân tộc. Rồi cùng với một bộ phận dân tộc ông đã chọn con đường “lưu vong” năm 1975, thay vì ở lại với một chế độ đã hơn một lần đánh lừa ông cũng như đồng bào ông.

Không phải là mọi sự đều êm thắm đối với ông. Không viết được trong 10 năm ở miền Bắc, vào miền Nam lại được giải thưởng với cuốn Đường Đi Không Đến – được tái bản 8 lần tại hải ngoại, tái bản một cách bí mật nhiều lần ở ngay “thành phố Hồ Chí Minh” và bán với giá chợ đen. Ra hải ngoại với một hành trang đầy ắp chữ nghĩa mà túi tiền thì rỗng không, ông không nề hà làm đủ mọi nghề – miễn là lương thiện để kiếm sống – mong một ngày có phương tiện cầm bút trở lại.

Sau vài năm vắng bóng trên văn đàn, khi có điều kiện ông đã trở lại cầm bút với một sức mạnh vũ bão, ông viết nhu thác đổ: hồi ký, truyện ngắn, truyện dài, kịch, truyện phim, khảo luận, phải năm sáu nhà xuất bản mà in không kịp, quyển sau lại dài hơn quyển trước. Tính tới nay,

ông đã cho ra đời hơn 50 cuốn sách. Đại tác phẩm 2000 Ngày Đêm Trấn Thủ Củ Chi (viết chung với Dương Đình Lôi) giờ này đã ra đến quyển thứ sáu và vẫn còn tiếp tục, không biết khi xong thì thành mấy nghìn trang!

Có người cho rằng ông đã để chính trị chi phối ngòi bút nhiều quá. Song ta phải nghĩ rằng ngay dù nhận xét đó có đúng phần nào với Xuân Vũ chẳng nữa thì cũng là điều tự nhiên, vì nếu giờ này ở cuối thế kỷ 20 còn có người, sau khi đã sống với phát xít, với cộng sản, với độc tài với tham nhũng và phi nhân mà rồi vẫn bình chân như vại trước mỗi thù dân tộc hoặc cho là người nghệ sĩ cần và bắt buộc phải ở trên tất cả . . . thì có lẽ người đó cũng quá vô tâm như sống trong một thế giới nào khác, không phải thế giới ta đang sống, đang vật lộn với hàng ngày,

một thế giới mà ở ngay trên quê hương ta vẫn còn chế độ đàn áp đối với những người cầm bút, những người tranh đấu ôn hòa cho lý tưởng tự do.

Nhưng trường hợp Xuân Vũ, nhận xét trên không hoàn toàn đúng, vì bên cạnh những loại sách phơi bày bộ mặt thật “xã nghĩa”, ông còn có những tác phẩm mô tả tình cảm con người, tâm lý xã hội, tình đồng ruộng, tình đất nước . . . Bây giờ, cuốn *Những Bậc Thầy Của Tôi* đang ở trên tay quý vị là một cuốn *Kỷ sự Văn học*, ghi chép những kinh nghiệm viết văn do các bậc tiền bối truyền lại một loại khá hiếm hoi trên văn đàn hải ngoại, trong đó tác giả, bằng giọng văn dí dỏm, truyền cảm, gợi hình . . . chia sẻ với chúng ta những mẩu chuyện thu nhặt được ở những buổi chuyện trò thân mật riêng-mà ông có mặt-của các nhà

văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ. . . trao đổi với nhau một cách chân tình, cởi mở khi vắng bóng công an hay đại diện Đảng và Nhà nước. Nó không phải là thứ kinh nghiệm rập khuôn trong mấy “Trại viết” do Đảng và Nhà nước “chặn dắt” các “ngòi bút sáng tác”. Trong cuốn này Xuân Vũ thổ lộ: “Tôi sẽ ghi một cách chân thật và đầy đủ những điều tôi học được ở các cụ về phần “nghệ thuật vị nghệ thuật” mà thôi, còn phần nghệ thuật vị . . . cái gì khác xin gác qua cho độc giả khỏi nặng nề, nếu có đọc những trang sách này.”

Trong một lá thư riêng cho nhà xuất bản, nhà văn Xuân Vũ tâm sự: “Tất cả cuộc sống xưa bình thường bỗng nhiên trở thành kỷ niệm. Tôi còn nhớ nhiều người quá mà không viết nổi nữa. Không có nhà văn nào khi chết mà đã hoàn thành tất cả những ý định của mình.

Cuốn sách này coi như là ‘trạm nghỉ chân’ cuối cùng, nghỉ xong rồi ngủ luôn không đi đâu nữa hết...”

Ở một đoạn khác nhà văn than thở: “Không có cái nước nào khổ ải trầm luân như nước mình. Chị Ngân Giang nghe nói có vào Sài Gòn bán quán cà phê rồi trở về Hà Nội rồi, có lẽ không khá. “Hôm nay ôn lại chuyện non sông...”

Nguyên văn cả hai câu thơ như sau:

Hôm nay ôn lại chuyện non sông

Nghe sóng nghìn xưa vỗ bến lòng.

Nhà văn Xuân Vũ đã từng thổn thức về hai câu thơ trên của Ngân Giang nữ sĩ, do đó chúng tôi không tin cuốn sách này sẽ là “trạm nghỉ chân” cuối cùng, nghỉ xong rồi ngủ luôn không đi đâu nữa... « như ông nói, vì từ lâu cứ mỗi lần “chuyện

non sông” len lén trở về tâm tư ông, thì “sóng nghìn xưa” lại dạt dào trong lòng... làm ông không thể ngồi yên được. Chúng tôi thiết tưởng tất cả chúng ta đều mong như vậy.

TỔ HỢP XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG
HOA KỲ

1998

ĐÔI LỜI CÙNG ĐỘC GIẢ

Vài năm trước có một bạn đọc gửi thư cho tôi, gọi tôi là «nhà văn lão thành». Tôi giật mình. Mình già thật rồi sao? Mới ngày nao tóc xanh ngắn ngắt, mà mới có mấy chục năm qua, nay đã lão thành?

Nhưng đó là sự thực. Mình đang sống những năm cuối của cuộc đời. Hãy cố gắng viết những gì chưa viết, kéo rồi như Balzac, khi nằm xuống, trong ngăn kéo hãy còn 45 quyển sách mới phác họa,

trong đó có một quyển định viết về nước Tàu.

Gần đây có nhà xuất bản yêu cầu tôi viết về kinh nghiệm viết truyện. Tôi từ chối ngay vì tôi không có kinh nghiệm gì cả, hoặc thoảng như kinh nghiệm của mình chỉ làm hại cho việc viết lách, thì càng không nên đưa ra. Vì viết văn không có luật lệ, nguyên tắc như làm bánh hay xây nhà.

Trong văn học nghệ thuật, cái môn văn là «kỳ quái» hơn cả. Âm nhạc thì có trường dạy, có người đỗ tới bằng tiến sĩ âm nhạc, hoặc viện sĩ nhạc viện. Môn hội họa cũng có trường Sơ đẳng tới Cao đẳng Mỹ thuật. Môn Kiến trúc, Nhiếp ảnh lại càng phải học.

Không có môn gì là không có trường từ Sơ cấp tới Cao cấp, chỉ có văn học là

không có trường. Nếu có chỉ là trường lý luận, chứ không có trường nào dạy sáng tác cả. Chỉ có những Viện Văn học, Hàn lâm Văn học để đánh giá các tác phẩm thôi. Trông thế thì biết Văn học là môn nghệ thuật lạ lùng nhất. Có thể nêu một vài dẫn chứng sau đây ở nước ta mà tôi biết khá rõ:

Hồ Biểu Chánh là một vị chủ quận, Nguyễn Công Hoan là thầy giáo, Nguyễn Tuân là một công chức, Tô Hoài là một người dân thường của một làng thợ dệt, Nguyên Hồng là một người nghèo, Truy Phong là thầy giáo, Xuân Tước là một nhà huấn luyện thể thao, Sơn Nam là một học trò khó, Huy Hà là một thanh niên mê thơ Nguyễn Bính v.v... và v. v... Nhưng bỗng họ trở thành nhà văn trong một sớm một chiều, vì những trang sách mà họ viết lên bằng con tim thổn thức,

không với khuôn mẫu nào cả, không có thầy nào dạy cả.

Tôi chưa thấy ai định nghĩa hai tiếng nhà văn một cách độc đáo và chính xác bằng Thạch Lam: «Nhà văn (hay nghệ sĩ) là một sản phẩm kỳ dị của Hóa công ... Không phải muốn là được, học mà nên ...» Tôi xin mượn thêm lời Nhà văn cổ điển Nga, mà tôi đọc cách đây gần 50 năm. Piotr Pavlenko đã nói: «Những kẻ có trái tim âm ỉm (les coeurs tièdes) không làm nhà văn được. Hãy viết để trở thành nhà văn. Khác hơn, thì đó chính là buồn lậu». Hai danh nhân trên đã định nghĩa rõ ràng nhất hai tiếng nhà văn. Các bậc tiền bối ta đã viết, và đã trở thành nhà văn. Ngày nay hễ nói đến Hồ Biểu Chánh, là nói tới Ngọn Cỏ Gió Đùa, nói đến Nguyễn Công Hoan, không thể quên Bước Đường Cùng, Lá Ngọc Cành

Vàng, nói đến Nguyễn Tuân, phải nhắc Vang Bóng Một Thời, Chùa Đàn, nói đến Tô Hoài là thấy lại Dế Mèn Phiêu Lưu Ký, Quê Người, nói đến Nguyên Hồng là nhớ đến Bỉ Vỏ, nói đến Sơn Nam là muốn tìm đọc Văn Minh Miệt Vườn, Hương Rừng Cà Mau, nói đến Huy Hà là ngâm ngùi Hoa Trắng Thôi Cài Trên áo Tím, Sơn Nữ Phà Ca, nói đến Tâm Điền – Xuân Tước là nghe lại dư âm Tự Do Cơm áo Hòa Bình, và những bài thơ nâng ông lên hàng Thi sĩ Vàng của thơ ca thế giới hiện đại.

Đó là những bậc thầy của tôi trong văn học nghệ thuật, những người đã trao cho tôi cây bút để cầm và viết. Đúng ra tôi muốn nêu lên những điều mà tôi học được ở các thầy rải rác khắp nơi chứ không ở một trường học nào. Có những điều tưởng chừng như rất nhỏ, thế mà

lại rất lớn, có những điều tưởng là bình thường, nhưng lại rất cao siêu. Trong nghề viết, học và hành suốt đời vẫn chưa hết. Ngoài những điều học được nơi các bậc ấy, tôi cũng xin được nêu lên những hoàn cảnh mà tôi nghĩ rằng có ảnh hưởng đến tôi, những ông thầy vô danh mà kẻ dạy lẫn người học đều không biết. Sách của ta còn có câu «Học thầy không tày học bạn». Tôi học ở bạn cũng nhiều như học ở thầy.

Vậy xin cảm tạ các thầy và các bạn.

Xin cảm tạ độc giả.

Xuân Vũ

PHẦN I

CHƯƠNG I

TRUYỆN TÀU: KHO TÀNG VĂN HÓA CỦA TÔI TÂY DU: TRANG TRUYỆN ĐỌC ĐẦU TIÊN

Tía má tôi muốn cho con biết chữ sớm nên khi tôi vừa lên năm thì đã được đến trường xóm học vỡ lòng A, B, C với ông thầy Tám rất nghèo ở gần nhà. Ông lấy tiền công bằng gạo hoặc

bằng những loại thực phẩm khác do cha mẹ học trò đóng. Một người chú tôi công tôi đến trường hàng ngày. Như vậy mất một năm. Khi tôi lên 6 thì ông cụ tôi lập nhà thờ Thiên Chúa mở đạo và rước hai Dì Phước về dạy chữ không lấy tiền cho con cháu trong họ tộc và hàng xóm.

Nhà thờ ở ngay bên cạnh nhà tôi, nên má tôi chỉ dắt tôi đến, chứ không bắt chú tôi công nữa. Học chữ ở nhà thờ và đọc kinh hàng ngày ở đây mất một năm. Bấy tuổi, tôi vào trường làng học lớp đồng ấu (Enfanten), vào khoảng 1937. Tôi may mắn hơn những đứa bạn trường xóm, phần đông chúng không vô được trường làng mà phải ở nhà giúp đỡ cha mẹ, hoặc đi ở mướn.

Một hôm tôi đến nhà thằng bạn chơi, bỗng thấy một quyển truyện rách nát, trang giấy vàng nẫu nằm trên bàn, tôi

bèn cầm lên đọc. Mới biết đọc, nên ham, thấy chữ là muốn đọc. Thói thường, đọc chưa chạy thì phải lẩm nhẩm đánh vần, hoặc đọc to lên từng chữ một cách ngắt ngứ chứ không sông sê, còn đọc chạy thì chỉ lướt mắt qua hàng chữ chớ không phải lẩm nhẩm.

Tưởng chỉ đọc chơi vài hàng, nào ngờ đi hết dòng này đến dòng khác, hết đoạn này đến đoạn khác, rồi đọc luôn một hơi dài, luôn mấy trang liền mà không hay.

Đó là những trang truyện tôi đọc đầu tiên, khi vừa vào học trường làng, vừa đọc chạy chữ Quốc ngữ. Tôi đâm ra mê, nhưng không biết tìm đâu ra để xem tiếp. Mãi cả tháng sau tôi mới tìm ra người có bộ truyện này. Đây là ông Sáu, em rể của ông Nội tôi. Ông Sáu làm ruộng nhà, ông không giao thiệp với ai, và nổi tiếng là khó tính. Dụng cụ nhà nông

ông sắm đủ, ông không mượn của ai, và cũng không cho ai mượn bất cứ món gì. Nhà có một bầy trâu, sân trước mỗi khi mưa to chẳng khác gì một miếng ruộng. ông có ba vật quý: Thứ nhất là cây vú sữa trắng, trái rất ít, nhưng trái nào trái nấy to bằng cái tô. Hàng năm ông đếm từng nụ và khi trái chín, ông hái một cặp trội nhất đem kiếng cho nhạc phụ, nhạc mẫu là hai cụ cố tôi. Những trái còn lại thì biếu những bậc trên trước, người nhà cũng chỉ được nếm ư chút thôi. Nhất là không được thò tay mà hái trái nào, nếu không có lệnh của ông. Bảo vật thứ hai là hai chai rượu chát đỏ hiệu Con Dơi, ông giữ lại như kỷ niệm từ đám cưới của ông. Nay đã có cháu, nhưng ông vẫn chưa khai ra, vì “chưa đúng lúc”.

Bảo vật thứ ba là bộ truyện Tây Du Diễn Nghĩa, đầu thời 1911, do Phạm

Văn Thìn xuất bản. Khổ dài (không như sách ta xuất bản bây giờ). Bìa vẽ hình Tam Tạng cỡi ngựa, Bát Giới vác đinh ba đi trước, mở ngược lên, có vẻ hớn hờ. Sa Tăng gánh đồ hành lý, còn Hành Giả thì bay là đà nửa ngọn cây sau lưng Tam Tạng. Màu rất tươi, xem rất thú vị, vì rất “giống trong truyện”.

Tại sao tôi biết ông Sáu có bộ truyện quý giá này? Là vì một hôm trên đường từ trường về nhà, tôi cao hứng kể đoạn truyện mà tôi vừa đọc ở nhà bạn cho chú Vĩnh nghe. Chú là con trai út của ông Sáu. Tôi kêu bằng chú, nhưng chú học cùng lớp với tôi. Nghe tôi kể, Vĩnh nói liền:

– Tam Tạng vừa được Thái Bạch Kim Tinh cứu khỏi lại bị yêu bắt nữa!

– Tại sao chú biết?

– Tao đọc truyện chớ sao? – Rồi chú khoe luôn – Tao đọc cả chục cuốn, chớ phải bấy nhiêu thôi sao?

Thế là tôi tóm được chủ nhân của bộ Tây Du. (Năm 1992, nhân gửi thư về thăm bà con quê nhà, tôi hỏi thăm chú Vĩnh về bộ truyện Tây Du. Chú viết trả lời: “Mày quên rồi sao? Nhà tao với nhà mày bị Tây đốt năm 1946, khi nó đóng đồn chợ Cầu Mống. Một chiếc đĩa con cũng không còn. Truyện nào còn được!”)

Nhưng làm sao mượn được? Chú Vĩnh bảo:

– Ba tao khó lắm, ông để bộ truyện trong giường học, tao không có chìa khóa.

Tôi biết giường học là giường gì rồi. Nó là em của “rương xe”. Nhà giàu xưa

mới có hai loại “tủ sắt” này. Của quý đều để trong đó cho bảo đảm khỏi bị cướp. Ăn cướp mà chẻ được “giường học” và “rương xe” thì hương quân đã tới còng đầu. Chú Vĩnh không giống ông Sáu, chú dễ tính, lúc nào chú cũng có tiền dư, ít nhất là hai, ba xu để trong vỏ hộp quẹt “diêm Hai sao Bến Thủy” hoặc “Blue Bird”. Mỗi lần cần tiền để mua đạn đá bắn cu-li, tôi không ngần ngại hỏi chú Vĩnh. Bao giờ chú cũng càu nhàu: “Mượn mượn? Mơi trả à ghen!” Miệng nói vậy, nhưng tay vẫn mở hộp quẹt lấy tiền đưa ra ấn vào tay tôi hoặc một xu, hoặc nửa xu. Vì thế tôi mới mon men hỏi mượn truyện Tây Du. Ban đầu chú lắc lia:

– Không được, ba tao biết, bị đòn chết.

– Len lén, ông làm sao biết được!

Rồi ngày một ngày hai tôi cứ năn nỉ “òn ỹ” riết, chú phải xiêu lòng. Chú đồng ý lấy cho mượn, nhưng còn nghiêng răng dặn:

– Mà mày đừng có cho ai mượn lưu truyền rồi mất, nghe hôn?

– Tôi leo vào bồ lúa đọc một mình, không có cho ai mượn đâu mà!

Tuy tôi hứa vậy, nhưng cả tuần sau chú mới bảo:

– Chiều đi học về mày ghé lấy. Nhưng mày phải đứng ngoài cây vú sữa, tao lòn ra cửa (lá sách) cho. Đừng để ai trông thấy. Ba tao biết là chết!

Nhà chú đóng cửa im ỉm như chùa quanh năm, chỉ mở ra khi có đám giỗ. Khi về ngang nhà chú, tôi ghé lại, bụng phập phồng. Rủi ông Sáu bắt gặp méc tía

tôi, thì bị rầy to. Thời đó, mấy ai đọc chữ, trẻ con biết gì mà bày đặt!

Tôi đứng co ro bên gốc vú sữa chờ. Tối nay về nhà phải học bài Sử ký dài, và nhiều bài toán phải làm tới khuya mới xong, còn đọc sao nổi. Bỗng cánh cửa hé mở, tôi chỉ nhìn thấy cái chót mũi ló ra thì biết là chú Vĩnh. Tôi vọt lại, chú lòn cuốn truyện ra, rồi khép cửa liền. Tôi nhanh nhẹn đút nó vào trong áo, và ôm chiếc cặp ánh trước bụng tự nhiên đi ra; mắt cứ ngó bên này bên kia như có ai thấy.

Kể từ hôm đó, tôi mê Tây Du.

CHƯƠNG II

ÔNG THẦY HUẾ: BẠN THƠ TỪ PHƯƠNG XA CỦA TÍA TÔI

Một hôm bỗng có người khách lạ đến nhà tôi, đầu cúp chải, mặc bộ đồ bà ba trắng, áo cổ bầu đứng, vai ngoéo cây dù, vai mang túi quả mướp.

Tía tôi cũng không biết là ai, nhưng vẫn chào niềm nở. Ông khách nói:

– Tôi nghe thầy làm thơ, nên tìm đến xướng họa chơi.

Tía tôi nói:

– Tôi cũng đang tập làm chút đỉnh. Chẳng hay tiên sinh nghe ai nói vậy?

– Tôi không nhớ là ai nói, nhưng có đúng không?

– Tôi rất hân hạnh được tiên sinh hạ cố. Xin mời vào tệt thất !

Sau này tôi mới biết đó là ông thầy đồ ở Quảng Nam thất chí, đi ghe bầu vào đây bán thuốc cao trà đẳng. Tía tôi như phùng tri kỷ. Để có nhiều thì giờ ngâm vịnh với nhau, ứa tôi kêu bà con đến mua mỗi người một món, trong giây lát hết tay nải thuốc của ông thầy.

Rồi bảo má tôi làm gà đải đẳng như thượng khách. Tôi không biết hai người xướng họa với nhau những bài thơ nào, nhưng thấy có vẻ tương đắc lắm, lúc cười

ngả nghiêng, lúc lặng thinh không nói.

Mãi tới chiều tối, tía tôi mới tiễn ông bạn thơ ra khỏi ngõ, hai bên quyến luyến nhau. ông thầy hẹn năm sau đến mùa gió nồm sẽ lại vào thăm vùng đất Nam kỳ. Nhưng năm sau không thấy ông tới. Vài bữa tía tôi lại ra ngõ ngóng một bữa, và hỏi những người đi chợ về xem có thấy ghe bầu (bằng nan) bán thúng bán rổ ở bến chợ không?

Người quen đáp:

– Ghe bầu đậu hai ba chiếc!

Ghe bầu ở Quảng có vô, nhưng bạn xưa không thấy đến. Thỉnh thoảng tía tôi lại nhắc ông “thầy Huế nói tiếng trọ trẹ”. Và lấy làm tiếc lần ngâm vịnh tương đắc sao mà ngắn ngủi?

Từ đó tôi mới biết tía tôi có làm thợ, và cũng từ đó tôi bắt đầu để ý tới chiếc tủ sách của tía tôi. Đó là chiếc tủ đứng sơn véc-ni màu nâu nhạt, có khóa. Chiếc tủ đứng uy nghi ở gian nhà trước, chứa đầy sách. Mỗi lần mở nó ra lấy món gì cần thiết xong, tía tôi đều khóa lại. Xâu chìa khóa có nhiều chiếc, tủ trong buồng thì khóa bằng khóa chữ. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ, không hiểu sao tự nhiên nó hiện lên trong đầu tôi: R.-O.-M.-E.-K. Không hiểu đó là nghĩa gì, nhưng má tôi dùng năm chữ đó để khóa tủ. Không biết hai cái ống khóa chữ mất lúc nào? Muốn mở tủ trước khó lắm, nhưng qua nhiều lần “nghiên cứu”, tôi biết được chiếc chìa dùng để mở nó. Phải chờ cơ hội.

Lúc này tôi đã lên lớp nhì (Préparatoire). Thầy của tôi là ông Trần Văn Lâu. Ông mất lúc tám mươi hai tuổi. Tôi vừa

gửi thư về thăm, ông viết mấy chữ: “Thầy phải đi nhà thương ngay, nên không viết cho con nhiều được. Khi về nhà sẽ viết dài...” Nhưng ông đi rồi không về nữa. Đau đớn thay! Đây là vị thầy cuối cùng của tôi qua đời.

Ông cũng là bạn thơ của tía tôi, thỉnh thoảng ông ra nhà tôi để xướng họa với tía tôi. Hai ông ngồi cả ngày để nói chuyện thơ. Tôi luôn luôn túc trực bên trong cửa buồng để được gọi bưng trà châm nước. Do đó tôi nghe được những tiếng lạ tai vui vui, rồi nhớ thuộc lòng hồi nào không biết

(Bình – Bình – Trắc – Trắc – Bình – Bình -Trắc

(Trắc – Trắc – Bình – Bình – Trắc – Trắc – Bình v.v...

Sau nhiều lần thấy tôi đến chơi, tôi còn nghe lỏm và thuộc lòng được nhiều hơn nữa – những tử vận của thơ Đường như:

– ôi – thôi – rồi – nổi – xôi

– xô – cô – vô – ô – rô

– thẳng – ăn – mắng – nhẵn – răng

– gà – bà – qua – nhà – ta

– voi mòì – còi – thoi – roi

– không – chồng – trông – bông –
lông v.v...

Trong mấy chục năm trở lại đây, tôi rất ít đọc được thơ Đường trên báo chí, càng ít thấy những bài tử vận kể trên. Vì thơ mới lẩn át, hay vì luật Đường thi quá gắt gao?

Tía tôi có làm nhiều bài và bắt tôi chép vào tập. Tiếc thay lúc đó tôi chưa hiểu gì, nên chỉ còn nhớ có mấy câu theo tử vận “ôi – thôi – rồi – nổi – xôi.”

Điều Em Rể (của tía tôi)

Jean Lê Văn Báu ôi!

Phận soạn sao vắn dỗi thôi?

Năm ngoái Sài gòn còn ngóng đợi

Ngày nay âm cảnh hết mong rồi.

Một năm hương lửa duyên còn bén

....

hoặc là:

Thế gian lắm chuyện náo nê, ôi!

Cuốn lười mùa đời nếm chút thôi!

Nhờ chép thơ và nghe thơ mà thời

đó tôi đã thuộc mười bài Thập thủ liên huấn của vợ vua Thành Thái. Bây giờ cũng còn nhớ gần đủ. Xin chép một vài đoạn KHUÊ PHỤ THÁN. (Do nhà thơ Thượng Tân Thị ở Huế thác lời vợ vua Thành Thái làm.)

– I –

Chồng hỡi chồng ơi, con hỡi con,
 Cùng nhau xa cách mấy năm tròn.
 Chân trời góc biển nơi chim cá,
 Dãi gió dầm sương tủi nước non.
 Mộng điệp vì đâu cơn lẻ tẻ, (?)
 Hồn quê khiến dễ thiếp chon von.
 Ngày qua tháng tại trông đằng đẵng,
 Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.

– II –

Đã mòn con mắt một phương Âu,

Có thấy chồng đâu, con ở đâu!

Dẫu dặm non xanh cùng biển cả,

Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.

Trách ai dặt mối không lừa lọc,

Để thiếp năm canh chịu dãi dầu.

Hỡi đấng cao xanh sao chẳng đoái,

Tấm lòng bút rút suốt canh thâu.

Loại tử vận thì tác giả phải dùng năm chữ ở vận bình, không được thay chữ khác. Còn loại tạp thủ liên hườn thì tác giả phải lặp lại mấy chữ cuối của bài trước để bắt đầu bài kế. Và bài thứ mười phải trở lại đúng năm chữ vận bình của bài đầu. Lại một luật lệ gắt gao khác, khó

theo. Phải chăng vì thế mà thơ Đường luật thừa dân trên thi đàn?

Từ khi biết đọc truyện, tôi muốn tìm xem trong tủ đựng những sách gì. Một dịp may đến: Tía tôi đi đá gà. Thế là chàng va không bỏ lỡ cơ hội. Thừa lúc má tôi ở ngoài vườn, tôi đi vào buồng lén lấy chùm chìa khóa. Đã có ý định mở tủ từ lâu, nên mỗi lần thấy tía tôi mở tủ, tôi be be lại gần để xem. Nhờ thế tôi dùng đúng chiếc chìa khóa, không phải mò mẫm mất thì giờ lâu lắc. Tôi mở được chiếc tủ, vừa mừng vừa sợ, có lẽ sợ hơn mừng, vì đây là một việc cấm mà tôi cả gan làm. Nên tôi chỉ dám mở một cánh thôi. Chỉ một bên mà đã thấy được bao nhiêu sách. Những cuốn sách rất cũ, nhiều cuốn rách nát, gáy sách xù xì, nhiều tờ sách cuốn mép. Tôi thấy một quyển to và dày ước bằng ba cuốn

truyện, bèn cầm lên coi, thì thấy ngoài bìa nét chữ rất đẹp của tía tôi: Kim Vân Kiều viết theo lối “écriture anglaise” chữ nghiêng. Tôi giở đại vài trang bên trong. Ôi chao, những hình là hình !

Tôi thích quá, ngồi bẹp xuống đất mà coi, quên hẳn mình đang là “kẻ trộm”. Hình của Viên ngoại, của Thúy Kiều và Thúy Vân, ở bên dưới mỗi tấm hình đều có đề thơ:

Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Hình Từ Hải đầu đội mào có lông công:

Râu hùm hàm én mày ngài,

Vai năm thước rộng thân mười thước cao.

Hình Thúy Kiều ngồi một mình:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.*

À, thì ra tía thường vẫn ngâm những câu này, tôi nghe luôn (tuy không hiểu gì hết), nên nay đọc thấy là thuộc liền.

Tôi đang mê mải xem hình Từ Hải, Khuyển Ưng, Khuyển Phệ, thì bỗng có tiếng la:

– Chết nghe? Anh dám mở tủ của tía.

Tôi giật mình ngoảnh lại, thì ra con em gái tôi. Tuy bị dọa méc ưà nhưng tôi vẫn không ngán. Tôi để quyển Kiều vào chỗ cũ, rồi moi thêm một lúc nữa. Tuy

ngoài mặt làm bộ không ngán nhưng bụng sợ lắm, nên đóng cửa tủ khóa lại rồi đem chìa khóa bỏ vào chỗ cũ, dưới mí chiếu trên giường ngủ trong buồng, thì lại gặp má tôi. Thấy tôi lính quỳnh lấm lét bà hỏi:

– Con có đẽ y như trước không? Kéo mất dấu tía mày biết!

Thấy má tôi không rầy mà còn có ý che chở, thì tôi vững bụng. Từ đó, cứ có dịp là tôi lên mở tủ. Có nhiều lần không đọc gì hết, mà chỉ lấy cuốn này cuốn khác cầm lên để xuống. Ở ngăn ngoài tủ, tôi nhớ có nhiều sách báo lắm: Lục tỉnh Tân văn, Hà Nội báo, Đuốc Tuệ, Đuốc Nhà Nam (trong một tờ này có một cái hình hài hước vẽ một người nằm tréo ngoài hút thuốc phiện, bên dưới có câu chú thích: Rỗng Nam phun khói, đánh đổ nghịch tặc!)

Đến bây giờ mỗi lần nhớ lại, tôi hãy còn tức cười.

Bên cạnh những sách quốc ngữ, có nhiều quyển chữ nho, trang sách vừa vàng vừa mỏng, tôi không dám giở ra, vì sợ chữ nghĩa bể hết. Thừa nhỏ tía tôi có học chữ nho. Lúc tôi học trường làng thì ông nội của tía tôi (cụ Cố) còn sanh tiền. Mãi đến lúc lục sách trong tủ này tôi mới biết cụ làm Phó tổng. Trước kia chỉ thấy lâu lâu cụ tới chở tôi bằng xe ngựa vô làng, chớ không biết cụ làm việc gì.

Tôi thấy giấy tờ của cụ do tía tôi giữ còn một số viết bằng chữ nho. Có lẽ vì thế cụ bắt tía tôi học chữ nho để giúp cụ chẳng?

Tía tôi rất có hoa tay viết chữ quốc ngữ lẫn chữ nho đẹp nổi tiếng cả vùng. Ông rất coi trọng chữ viết của tôi, “xem

chữ biết người” ông nói vậy. Cho nên mỗi tuần ông đều xem vở tôi, đặc biệt hệ bài “écriture” (tập viết) nào dưới tám điểm là ông rầy, hoặc phạt. Có lần tôi bị phạt phải chép 3, 4 trang Kiều, và một lần khác, tôi bị nặng hơn: tìm tất cả những câu “Mười lăm năm”.

Trời ơi! làm sao đọc cho hết mấy trăm trang sách để tìm ra những câu “Mười lăm năm”? Thằng nhỏ cầm quyển Kiều leo lên vông một chốc thì mắt muốn híp lại, nên chỉ coi hình Từ Hải, Hồ Tôn Hiến, Bạc Hạnh... rồi ngủ khò. Ba tuần hèn không ớm ra một câu “Mười lăm năm” nào hết. Mỗi lần đi đá gà về, ông ngoéo cây dù lên cột là hỏi:

– Mà tìm ra chưa? Chưa ra thì mười lăm roi! Muốn cái nào thì muốn?

Tôi đành chịu nhận roi, nhưng ông không đánh, mà bảo:

– Lật ra trang ... có câu:

Những từ sen ngó đào tơ,

Mười lăm năm ấy bây giờ là đây.

Tôi lật ra, đúng y. Ông lại bảo tiếp:

– Lật trang ... có câu:

Từ con lưu lạc quê người,

Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm.

– Trang ... có câu:

Những là rẫy ước mai ao,

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!

Tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ ba câu
“Mười lăm năm” của tía tôi phạt.

Còn mấy bài tử vận tôi nhớ được cũng nhiều. Bây giờ, đôi lúc tôi có thử làm nhưng không làm nổi. Vận voi-mòi-còi-thoi-roi thì có bài Hát Bội (không nhớ rõ của Cử Trị hay của Huỳnh Mẫn Đạt) như vậy:

*Đứa ghẻ ruồi, đứa lác Voi
Bao nhiêu xiêm áo cũng trơ Mòi
Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
Đứa nịnh loe hoe mấy sợi Còi
Trên trình có nhà còn lộp lộp
Dưới chân không ngựa lại quơ Roi
Người ta nói hể bội thi bạc
Bôi mặt đâm nhau cú lại Thoi.*

Tôi nhớ lúc này thầy tôi cho bài học thuộc lòng là “Thơ Đầu Trọc” và “Cây Vòng”.

(Quên ba câu)

Củ khoai sao lại có hai tai

Khi tưởng sọ dừa ôm ấp giữ

Trẻ ngờ trái bưởi hỏi han hoài

Ai rằng không cán Quỳnh xin cuộc

Hút thuốc mà coi, gạo hẩm hòi.

CÂY VÔNG

Uổng công tạo hóa mấy thu đông

Cao lớn làm chi vông hỡi vông

Càng lớn càng già càng lộp xộp

Ruột gan chẳng có, có gai không.

....(quên)

Tôi chép về cứ lải nhải đọc vang nhà,
không hiểu gì cả nhưng vẫn nhớ! Bây giờ

mới thấy hay mà đã thuộc tự bao ngày. Thời kỳ này tôi cũng thường nghe tí tôi nhắc tới các phương danh như: Thầy Bảy Chiêm, Cô Ba Sương Nguyệt Ánh.

CHƯƠNG III

TỪ TRẬN ĐÒN NÊN THƠ ĐẾN KHO TÀNG TRONG NGÔI NHÀ XƯA

Cũng vì thơ Đường mà tôi bị đòn một phen. Số là một hôm tôi lại mở tủ sách. Lần này tôi mở cả hai cánh tủ ra, và mò vô ngăn trong. Tôi run lên như thám tử tìm được “Kho Vàng Sầm Sơn”. Những sách là sách. Một quyển sách rõ to, có cả chữ Tây lẫn chữ Quốc ngữ và chữ Nho (Tự Điển). Một bộ tiểu

thuyết Đôi Uyên Ương (Võ Đông Sơ – Bạch Thu Hà), một chồng báo Đuốc Tuệ, một chồng báo Văn Lang của Docteur Hồ Tá Khanh, và những cuốn sách khác không nhớ tên.

Tôi vừa mừng vừa sợ, lật giở lia lịa. Bỗng thấy một quyển in toàn những hàng ngắn giữa lòng trang giấy. Đúng là thơ. Không biết là thơ gì. Thơ gì thì thơ, tìm chỗ trốn, đọc thử xem. Tôi vừa nghĩ vừa kẹp nách quyển sách và khóa tủ lại, đem trả chìa khóa vào chỗ cũ, rồi nhanh nhẹn leo lên bồ lúa – nơi má tôi thường giú chuối xiêm hoặc chôn ổ cơm rượu, ít ai để ý, nay tôi dùng nó như thư lầu để đọc truyện Tây Du.

Không còn chỗ nào khác tốt hơn nên tôi cú “đăng vân” lên đó, nằm trên manh chiếu mà giở tập thơ ra đọc ngẫu đọc nghiêng, đọc xong đem trả lại chỗ cũ.

Đến chiều, ngồi vào bàn ăn cơm, tía tôi hỏi tôi ngày nay đi đâu mất biệt? Tôi ú ớ cho qua. Tía tôi lại nói vài ba chuyện, rồi hỏi:

– Ngày mai con trả bài gì?

– Dạ, Qua Đèo Ngang.

– Con thuộc chưa?

– Dạ thuộc rồi!

Tôi thuộc thật, nên nghe tía hỏi, tôi liền đọc luôn để khoe:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá lá chen hoa.

Lom khom dưới núi tiêu vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà..

Nhớ nước ...

Tía tôi khen:

– Con giỏi lắm!

Tôi được trớn, nói luôn:

– Con còn thuộc một bài Đèo Ngang nữa, tía à !

– Con giỏi vậy a? Để ăn cơm xong, con đọc cho tía nghe.

Má tôi thấy tôi giỏi nên cũng khuyến khích tôi bằng một cái trứng cá. Tôi không ăn mà bỏ vào chén đứa em tôi và kiêu hãnh đọc liền:

Một đèo, một đèo, lại một đèo,

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.

Cửa son đỏ loét tùm hum nóc,

Hòn đá xanh rì lún phún rêu. . .

Đọc được mấy câu rồi quên. Tôi nhìn sắc mặt tía tôi, thấy ông không có vẻ gì khen tôi như lúc nãy, nên cố moi óc nhưng vì gấp rút chỉ thuộc có mấy câu (cũng may mà thuộc có mấy câu). Tía tôi ăn cơm xong, buông đũa xuống, ra nhà trước, rồi trở vô hỏi:

– Bữa nay đứa nào mở tủ?

Ở nhà chỉ có đứa em chưa đi học và tôi, thì còn ai? Đích thị chàng va, chớ ai nữa? Má tôi lo âu, nói đỡ cho tôi:

– Nó đi theo trâu ra đồng tối ngày, đâu có ở nhà.

Tía tôi không nói gì, cứ lẳng lẳng xách cây chổi lông gà vẩy một cái:

– Thằng đó lên cúi trên ván mau!

Má tôi lại nói đỡ:

– Thì để cho nó ăn cơm rồi đã !

Nhưng tôi còn nuốt sao vô nữa mà ăn. Tôi buông đũa, nước mắt đầm đề, riu riu đi lên nhà trên nằm dài trên bộ ván gỗ.

Tía tôi gác cây chổi gác ngang đít tôi. Tôi run từng miếng thịt. Tía tôi bảo:

– Sao tía dặn con không được mở tủ, mà con cãi lời tía?

– Hu hu ...

– Tủ rầy còn mở nữa hết?

Má tôi đứng trong cửa buồng, trả lời giùm tôi:

– Tủ rầy con không dám nữa. Nói đi, rồi lạy xin lỗi tía. Mau đi để khỏi bị đòn!

Nhưng tôi cất tiếng không nổi. Tía

tôi nhịp nhịp cán chổi trên đất. Tôi khóc ré lên. Tía tôi bảo:

– Cấm biệt, không có mở tủ nữa, nghe không?

– Dạ. — Má tôi cũng đáp thay.

– Sách trong đó con không có đọc được, đừng có rớ tới nghe không?

– Dạ ! — Má tôi vừa đáp vừa bước tới lôi tuột tôi xuống ván. (Trận đòn độc nhất trên đời... vì thơ, rất nên thơ!)

Sau này khi lớn lên, tôi mới hiểu ra rằng tôi bị đòn không phải vì dám mở tủ, mà vì đọc những bài thơ ở tuổi tôi không nên đọc. Nhưng tôi không biết đó là “thơ cấm trẻ con”.

Trong gia tộc tôi đến thời bấy giờ vẫn còn giữ cái lễ luật: Trai không được

đọc Thủy Hử, gái không được đọc Thúy Kiều. Cho nên trong vô số truyện Tàu của ông Cố tôi mua không có bộ Thủy Hử – Mãi đến năm 1986 tôi mới đọc bộ truyện này.

Bây giờ xin trở lại truyện cậu bé đang bị roi cắn đứt. Nghe má tôi nói, tôi lồm cồm ngồi dậy xá một xá và chạy theo má tôi. Xuống tới bếp, ngẫm nghĩ sao không biết, tôi lại co giò phóng một hơi lại nhà ông Cố tôi. Ông Cố tôi lúc bấy giờ đã hưu trí, nhà có một chiếc xe ngựa để đi chợ, tàu ngựa ở bên hông nhà. Trên tàu ngựa luôn luôn có một chú khỉ ngồi, hề trông thấy ai đi qua là nhóp nhép miệng như nói gì. Thỉnh thoảng trẻ con lối xóm kéo tới ném vỏ chuối cho nó bắt. Khi vớ được cái vật không ăn được thì nó trợn mắt và “chửi” trả thù những kẻ lừa nó.

Bị đòn xong, tôi ù té chạy băng qua

tàu ngựa rồi vọt vào nhà, nhào vào lòng bà Cố tôi đang ngồi trên ván ăn trầu, òa lên khóc. Bà hỏi chuyện gì? Tôi không đáp mà càng khóc ngất lên. Bà Cố là người oai quyền nhất trong gia tộc. Tôi nghe nói lại rằng: các ông các bà tôi thừa 20-25 đã có vợ có con cũng bị bà bắt cúi đánh bằng roi như thường, nhưng bà lại đặc biệt cưng các cháu chắt. Đứa nào muốn trốn đòn cú tới đây ăn vạ là được sự che chở của bà. Bất cứ tội nặng đến đâu cũng được “trắng án”.

Tôi cũng khá khôn ngoan, nên đã tới đây tìm “cây dù”. Bà ẵm tôi ra chuồng ngựa để dỗ tôi. Các cô tôi nguyền háy:

– Cặp giò chấm đất rồi còn mắc ẵm!

Bà lấy chuối ném cho khỉ ăn cho tôi coi, tôi vẫn không nín. Bà hứa sẽ cho tôi đi xe ngựa, tôi càng khóc to làm như

vừa bị một trận đòn to bằng trận Xích Bích. Bà để tôi đứng xuống đất, kéo quần xuống xem mông dít in mấy lần roi.

– Nó đánh con ở đâu?

Tôi trở khắp người và còn tức tưởi khóc tiếp. Kịp lúc đó, má tôi đến, đem quần áo cho tôi thay. Má tôi biết lạch trồn của tôi. Bà Cố bảo:

– Có một thằng con trai mà ngày nào bây cũng đánh. Dem nó về ăn thịt đi!

– Dạ thưa nội, tía nó đâu đã đánh roi nào, chỉ mới hăm thôi!

– Hăm mà dít thằng nhỏ lần ngang lần dọc thế này hả?

Thật ra, bà chỉ trông thấy những lần roi tưởng tượng qua những giọt nước mắt lâm ly của tôi. Thấy được bênh vực

tôi cảm thấy như “mối thù” được rửa xong. Má tôi thay quần áo cho tôi và năn nỉ tôi về.

Bà tôi gạt ngang:

– Để nó ở đây với tao !

Trời đất ơi! Tôi là dũng tướng đang bại trận khô giáp tả tơi bỗng nhờ viện binh mà chiến thắng, thật là hả hê.

Bà Cố lại ẵm tôi vào nhà. Bà đem bánh và chuối xoài ra dỗ tiếp. Các cô tôi càng lườm nguýt. Nhưng thằng chắt này đâu có ngán ai? Cậu chàng līm một hơi hết mấy trái xoài thanh ca của bà nội tôi vừa đem lên cho ông Cố bà Cố tôi ăn cơm xong tráng miệng.

Như vậy là trận đòn thiệt ngọt hơn chè đường.

Tôi nằm trên ván ngủ một giấc tấy trần.

Lúc mở mắt ra thì nghe tiếng đọc truyện văng vẳng bên tai. Ở đầu ván đằng kia, cách mép giường của Ông chừng một sải tay, chú Năm đang nằm sấp mà đọc truyện dưới ánh sáng thếp đèn dầu mù u.

Chú Năm là con ông Mười. Ông Mười là con trai út của ông Cố và là em ruột của ông nội tôi, chú ruột của tía tôi. Chú Năm học cùng trường nhưng trên tôi hai lớp.

Chú có nhiệm vụ thường trực là đọc truyện cho ông Cố tôi nghe để đỡ giấc ngủ. Dè đâu sau trận đòn lại gặp tri âm. Chú Năm chơi thân với tôi như một người bạn. Chú Vĩnh tuy cùng lớp mà không thân bằng.

Biết tôi vừa qua cơn giông tố, nên khi đọc xong mấy “hồi” truyện, ông Cố đã ngủ say, chú rút lui êm, không nói gì tới tôi.

Vừa bị đòn võ lở, tôi xấu hổ, nên làm như không quen với chú.

Tôi hí hí mắt, khi thấy chú ra khỏi cửa thì mở to ra bình thường, nhìn lên nóc nhà. Khoảng nhà chỗ ông Cố bà Cố tôi ngủ thì lợp ngói có vẽ hình chim cò, bông hoa, trông rất vui mắt. Tôi vốn quen từ lâu nhìn những hình đó nhưng nhìn mãi thì cũng chán, nên tôi đảo mắt khắp phòng. Bất ngờ tôi thấy trên chiếc kệ lớn ở ngay trước mắt có những chồng sách cũ. Tôi ngồi dậy định lấy, nhưng chiếc kệ cao, tôi không với tới.

Tôi hỏi Bà, Bà nói:

– Truyện! Con không đọc nổi đâu!

– Con đọc nổi.

– Thiệt hôn?

– Bà đưa con đọc cho coi?

– Con muốn đọc truyện gì?

Tôi chưa biết truyện nào khác ngoài truyện Tây Du, nhưng đáp bướng:

– Truyện nào con đọc cũng được.

Bà hết sức vui mừng. Bà lấy xuống một chồng để trước mặt tôi. Tôi thấy quyển nào cũng có hai chữ “Diễn Nghĩa”. Tôi lắc đầu phụng phịu:

– Truyện “diễn nghĩa” này không hay đâu bà ạ !

– Truyện gì là truyện “diễn nghĩa”?

Tôi đưa tay chỉ, Bà bảo:

– Đâu phải truyện “Diễn Nghĩa” mà là «Phong thần diễn nghĩa, Thuyết Đường diễn nghĩa, Tây Hôn diễn nghĩa, con à ! Đâu con đọc thử bà nghe.

Tôi nào có biết “diễn nghĩa” là gì, và tại sao cuốn nào cũng có hai tiếng “diễn nghĩa” như vậy, nhưng tôi chắc chắn là đọc được. Tôi bèn tự đắc giở truyện ra, trong lúc Bà khêu đèn lên cho tỏ.

Tôi cất tiếng đọc re re luôn nửa trang, không ngó lên.

Bà đến lay ông thức dậy, bảo:

– Thằng Triết nó đọc truyện nè !

Ông nói:

– Tôi nghe này giờ rồi.

Chính cái kệ sách ấy là kho tàng văn hóa của tôi, đã mở ra cho bộ óc non nớt của tôi những điều mới lạ, đã cho tôi những nhân vật, những cốt truyện, những chi tiết kỳ diệu, những bố cục đơn sơ hoặc rắc rối, đã mang lại những say mê cho tuổi thơ, tuổi trẻ lẫn tuổi già.

Lúc về hưu, ông Cố tôi đã mua không biết bao nhiêu truyện Tàu, thơ phú, bài ca, mua sắm máy hát. Tôi không thể đọc hết, nghe hết và cũng không thể nào nhớ hết. Tôi xin cố gắng ghi lại đây những tập truyện và thơ:

Tiết Nhơn Quý chinh Đông, Tiết Đình San chinh Tây, Thuyết Đường, Tam hạ Nam Đường. Tàn Đường, Nam Tông Bắc Tông, Thập nhị Quả phụ chính Tây, Vạn Huê lâu, Ngũ hổ bình Nam, Ngũ hổ bình Tây, Long đồ Công án (Bao công xử án), Tam Quốc, Phong Thần, Phong

kiếm Xuân Thu, Đông Châu liệt quốc, Tây Hồn, Nhạc Phi, Chung Vô Diệm, Xuân Thu anh liệt, Anh hùng náo tam môn giai, Tây Du... (Bộ Tây Du mà chú Vĩnh cho tôi mượn không biết có phải xuất xứ từ cái kệ sách này không?)

Chàng Nhái, Trần Minh khổ chuối, Lục Vân Tiên, Thạch Sanh chém chàng, Lâm Sanh Xuân Nương. Tôi ít đọc thơ, chỉ đọc truyện. Tôi đã đọc hết tất cả các truyện kể trên trước mười tuổi, không truyện nào tôi đọc một lần, nhất là truyện có đánh phép. Chỉ truyện Tây Hồn là tôi đùn cho chú Năm đọc, vì nó không có “hô giáng hô thâu”. Riêng truyện Tam Quốc thì chỉ gặm cầm chừng, chớ không thích lắm, vì nhiều mưu kế quá, tôi không hiểu.

Cái đầu ván bên cạnh giường ông Cố

tôi là nơi biểu diễn tài nghệ đọc của học trò trong xóm.

Bất cứ trò nào, bất cứ lúc nào, muốn đọc truyện đều có thể đến đây để đọc. Cứ mười lăm, hai mươi trang, được ông Cổ trả cho nửa xu. Cả người nhà cũng được lãnh lương chớ không riêng gì người ngoài.

Tiền công nhật cuốc đất, cấy gặt lúc bấy giờ là một cắc (lúa hai cắc một gạo) thế mà đọc 15-20 trang truyện được trả nửa xu, kể cũng hậu lắm.

Riêng tôi, chủ nhật ít khi vắng mặt trên bộ ván này.

Tôi nhận ra còn nhiều truyện cũng hấp dẫn lắm, như truyện Phong Thần, Phong Kiếm Xuân Thu, đánh phép ác liệt. Tôi rất mê Tôn Tản trong Phong

Kiểm Xuân Thu. Ông có ba bữu bối rất ghê gớm, đó là con thanh ngư, tức là con trâu của ông cỡi. Ông bị Bàng Quyên phản bội chặt chân, nên còn có tên là thằng Cụt. Ở xứ tôi, hồi kháng chiến chống Pháp, có một chiến sĩ Vệ Quốc Đoàn bị thương ở chân phải mang tật, đi đâu anh phải cỡi trâu, nên đồng bào gọi anh là Tôn Tấn. Một nét rất độc đáo cho một nhân vật.

Bữu bối thứ hai là cây Hạnh huỳnh kỳ. Đây là cây cờ phép biến hóa vô cùng, có thể đỡ được mọi thứ binh khí của kẻ địch.

Bữu bối thứ ba là Đôi gậy trầm hương. Đây là món binh khí vô cùng lợi hại.

Còn trong Phong Thần thì có các trận do các giáo chủ bên Triệt giáo và

Xiển giáo lập nên để giết hại nhau, đánh phép mịt mù thiên địa.

Xiển giáo gồm những vị tiên gốc người tu thành. Giáo chủ của phe này là Ngươn Thỉ Thiên Tôn và Lão tử. Còn Triệt giáo gồm những vị tiên cốt thú tu thành, như rùa, rắn, ba ba, cạp, beo v.v... Người cầm đầu phe này là Thông Thiên Giáo chủ. Xiển giáo thì phò nhà Châu để diệt Trục, còn Triệt giáo lại chống lại mệnh trời bên Trục chống Châu. Vì khác chánh kiến nên Triệt giáo lập trận Tru Tiên để giết Xiển giáo. Số lượng tiên bị giết trong cuộc chiến dài dằng dặc này là 365 vị. Bản danh sách này đã được định sẵn, gọi là

“Phong Thân bảng”.

Tôi vẫn thường nghe người trong xóm nói:

– Thằng đó thuộc về Triệt giáo (Chơi không vô !)

Ý nói người nào đó không tốt. (Cốt thú)

Ngoài cái thích đọc truyện ra, như các đứa trẻ khác cùng lứa, tôi cũng còn có những trò vui khác, như tắm vũng, đánh trống, rập chim. Nằm đọc truyện bên trong, mà bên ngoài đám bạn hú nhau ra xẻo tắm, hoặc rủ đá banh, rập chim thì mắt đâu còn thấy chữ nữa, bụng cứ nhấp nhồm, chỉ muốn ngồi dậy đông đi.

Do đó bụng ngấm tính kế.

Một bữa trưa, tôi đang đọc tới đoạn “Hỏa đầu quân Tiết Lễ bị Trương Sỹ Quý cướp công cho rể là Hà Tôn Hiến” – thì bên ngoài đám bạn thò tay vô ngoắc lia. Tôi vẩy tay đáp lại rồi ... nhìn qua giường

tôi thấy ông tôi đã ngủ say với tiếng ngáy đều đều nho nhỏ. Theo lệ thường thì ai đọc bộ nào tới đâu cứ việc làm dấu bằng một lá trầu, hay một mẩu bao nhang để kỳ tới trở lại đọc tiếp, hoặc có ai muốn đọc thì giở ra ngay đó mà đọc. Ông tôi không kén nghe. Bất cứ đoạn nào của bộ nào cũng được, miễn có đọc thì thôi, không cần liên tục, nhưng ông thuộc hết, những tờ truyện như sắp lớp trong bụng ông. Tôi bèn nhảy sang đoạn “Lý Thế Dân mộng ứng hiện thần” cách nhau chừng hơn hai mươi trang. Như vậy là tôi hoàn thành nhiệm vụ, có thể đi chơi. Nhưng... tôi vừa nhồm dậy là Ông “u” một tiếng khẽ.

Chú Năm tôi vẫn dặn tôi chớ có nhảy trang ông biết, nhưng tôi không nghĩ rằng đang ngủ say mà Ông lại nghe. Nào ngờ đâu Ông vẫn nghe trong lúc ngủ.

Nghe Ông “ư” tôi bèn lật ngược lại đọc đoạn vừa nhảy. Vài lần sau tôi lại nhảy, nhưng lần nào cũng bị “ư” nên tôi không dám “nhảy” nữa.

Chủ nhật nào tôi cũng lãnh lương được ít nhất là một xu. Trời ơi! học trò trường làng thời đó mà ăn hàng một xu mỗi bữa sáng là oai lắm...

Má tôi chỉ cho tôi mỗi ngày hai xu hoặc một xu rưỡi chứ không hơn. (Vừa rồi anh Phạm Thăng có gửi tặng má tôi đúng một xu rưỡi, và viết: “Con tặng má số tiền này để má nhớ lại thời nhà văn... con của má đi học trường làng.”)

Có tôi thế chân, chú Năm tôi được rảnh cả ngày chủ nhật. Chú đi lượm dừa rụng để bán lấy xu, rồi tối lại đọc truyện để lãnh lương thêm.

Vào trường, chúng tôi hùn vốn lại mua đạn bắn cu-li, ăn thêm. Có khi vốn liếng đến năm xu, nhưng cũng có lúc xui xẻo thua phộc túi, phải mượn tiền của chú Vĩnh.

Chú Vĩnh hồi này đi coi hát bội. Hễ có gánh hát tới thì chú đi xem, không những một đêm, mà xem luôn mãi đến lúc ghe hát nhỏ sào mới thôi.

Chú học trung bình, nhưng không bao giờ vắng mặt, và có tật đi sớm. Cả trường ai cũng phải nhận rằng không ai đi sớm hơn Vĩnh.

Vào đến cổng là đã thấy Vĩnh ngồi chong ngóc ở hàng ba rồi.

Đêm nào coi hát, sáng lại chú phải tìm tôi để “tâm sự” về đêm hát hôm qua. Chú Năm cũng đọc truyện, nhưng vào

đến sân trường là tìm bồ bấn cu-li trước khi vào lớp. Bởi vậy, chú Vĩnh thường tìm tôi.

– Tối hôm qua Bạch Viên bay đứt dây.

– Bạch Viên nào?

– Bạch Viên đi rước Vương Thiên xuống cứu Tôn Tấn.

– Rồi sao đứt dây?

– Ai biết đâu nè !

– Rồi có bay lại không?

– Té coi bộ nặng nên Bạch Viên không ra hát nữa!

– Rồi ai thay?

– Y chỉ có ra một màn đó thôi! – Vĩnh tiếp – Để chiều mình đi học về

ghé lại bến xem dưới ghe hát có y ở dưới không? Báo hại còn một giò thì khốn!

Cứ mỗi lần Vĩnh xem hát là tôi lại được nghe một chuyện vui. Một lần Vĩnh bảo:

– Bữa nay Trương Phi rút râu? Thằng chả đang nổi giận dùng dùng, quơ xà mâu lên hét âm âm và đưa tay vuốt râu, bỗng hàm râu rụng xuống sạp.

-Ừa, sao kỳ vậy?

– Râu giả đeo vô, chớ phải râu thiệt sao mậy! Bữa trưa nào rảnh, tao dẫn mày lén vô phía trong rạp coi râu mao thì mày biết.

Một buổi trưa, ăn cơm căng-tin xong, hai chú cháu lên nhà lồng chợ, lén chui vô phía sau sân khấu. Tôi lóa mắt, một sào treo những mao là mao, trên mao

dưới râu. Nào mỗ vua, mỗ thừa tướng, mỗ Vương Hồn Bí Trọng, mỗ Hoàng Phi Hổ, rồi đến mỗ của Lưu Bị. Tôi hỏi:

– Mỗ Quan Công đâu?

– Quan Công không đội mỗ, chỉ bịt khăn mày quên rồi à?

Còn râu? Râu ba chòm, 5 chòm, râu Trương Phi, râu Bàng Hồng, Tôn Tú... Râu ngắn, râu dài. Râu bạc như râu Tỷ Can. Râu chết nhất như râu Tần Cối.

Còn sào bên ha là áo bào. Trông mà mê. Áo thêu kim tuyến, áo long bào, áo võ tướng văn quan, áo của quân sư quạt mo. Rồi những gương dáo giắt đầy giá, bỏ loạn xị dưới đất nào gương Lục yểm, nào hồ lô của Tiên cô Xiển giáo.

– Mày đi coi ban đêm kia mới hay. Đây là con cóc Thiềm thừ của Dư Hồng

Dư Triệu cỗi, đây là con hạc của Bích Vân Tiên cô v.v...-chú Vĩnh ý có đi coi hát nên nói ron rót cho tôi nghe, tỏ vẻ món nào cũng rành.

– Mày coi kìa, đấy là cái đầu của Thân Công Báo lúc y cất ra đưa cho con hạc gấp lấy bay đi.

Đó là vốn sống của tôi sau này. Tôi không có thu thập không cố sao chép gì cả, cũng không cả chú ý nhớ những gì, không cần nhớ những gì. Nhưng khi viết thì . những gì cần thiết tự nhiên sẽ đến. Có những nhân vật mình không định có trong truyện, nhưng bỗng nhiên vào tới một đoạn nào đó, nó lại “đầu quân” với mình. Tức thì mình nhận nó, đặt tên nó rồi cho nó vào đội ngũ. Về sau nó lại trở thành người quan trọng trong đám nhân vật của mình. Có khi mình lại thích hơn cả những nhân vật mình sửa soạn trước.

Chuyện tưởng đã quên lại sống dậy, còn chuyện nóng hổi lại quên, lại nguội đi. Người viết nào mà không có những chuyện tưởng chừng vật vãnh đó, những cái mà Leon Tolstoi gọi là “Chi tiết nhỏ làm nên tiểu thuyết lớn”. (Petit détail fait grand roman).

CHƯƠNG IV

RỬA CHÂN CHO SẠCH NƯỚC PHÈN

Tôi rời trường làng để lên trường quận với bao nhiêu là luyến tiếc. Những buổi đọc truyện, những ngày hót cá lia thia, những đêm tát đìa hay canh cá nhảy hăm... Tất cả đều lùi lại phía sau. Cậu bé mười tuổi bắt đầu biết sự phồn hoa đô hội và nhiều ánh sáng, đông người, nhiều xe cộ bụi bặm hơn.

Tôi ăn cơm trọ nhà một người bạn của tía tôi là ông Ba Đạt. Ông Ba chỉ nhận nuôi con cháu của những người quen lớn. Ông rất nghiêm khắc nhưng lại có lối nói hài hước. Thí dụ, ông đi ngang gánh hát Sơn Đông mãi võ bán thuốc rượu trị đau lưng, thì về nhà ông nói:

– Tưởng thuốc gì, ai dè thuốc rượu con bìm bịp. Uống thuốc đó vô chưa hết đau lưng, nhưng đã mắc bệnh nói láo.

Hoặc thấy họ mị thuật ra tiền, ông bảo:

– Sao không thuật ra xài để đi hát mệ vậy?

Một hôm có người thanh niên tên Vân đến nhà và kêu ông bằng bác. Không biết có phải đó là Ba Vân quái kiệt sau này hay không? Anh đi theo gánh

hát xuống diễn tuồng ở đây và vào thăm ông. Ông hỏi:

– Tao nghe nói mày làm hề hay lắm, có không?

– Dạ, đâu có bác. Cháu chỉ biết chọc cười!

– Nếu mày chọc tao cười thì tao mới đi coi, còn không thì thôi.

Ba Vân bảo:

– Bác nhìn cháu nè!

Ba Vân tự nhiên vuốt tóc, làm lé, gương mặt bỗng nhiên đổi khác hoàn toàn. Nhưng chưa hết, anh làm luôn thẳng cùi đi ăn mày, nói lảm nhảm và đưa tay xin tiền.

Cả nhà cười rần rần. Bà Ba nói:

– Bác trai sẽ đi và bác cũng đi coi cháu hát đêm nay.

Ông Ba lại hỏi:

– Đêm nào mà cũng làm có bấy nhiêu sao?

Ba Vân bồng trả lời bằng tiếng Bắc tiếng Trung và tiếng Nam một hơi dài không nghỉ. Cả nhà lại ôm bụng cười một phen nghiêng ngả. Bà Ba nói:

– Cái thằng nói tiếng “trợ trợ” giống mấy con mẹ bán vải ngoài chợ ghê !

Nhà lồng chợ quận Mỏ Cày đời ông quận Phước lợp bằng những tấm xi-măng đúc rất nặng chớ không lợp ngói như các nhà lồng khác. Người ta đồn nó sẽ sập, nhưng nó vẫn đứng hoài. Tới sau này tôi lên tỉnh học, đi về qua vẫn thấy nó còn nguyên đó, tuy có nứt và một ít

rêu xanh phủ lên.

Ở quận lỵ có một nhóm anh chị bụi đứng bến xe thường xuất hiện buổi sáng để giặt khách cho chủ, không phe nào dám đương cự. Chủ hãng xe có tới bảy chiếc, thân thể rất lớn. Để được vững vàng làm ăn, ông chủ nắm ngay thời cơ, lúc ông quận vừa mới đáo nhậm, ông ta bèn bung một mâm lễ vật tới ra mắt, và khúm núm bẩm:

– Xin quan lớn nhỏ “Phúc” cho con nhờ.

Ông quận bèn cười:

– “Phước” thì cứ nói “Phước” chứ “Phúc” gì – Và không nhận lễ vật.

Một buổi sáng tôi đi học ngang bến xe, thấy ông quận đang quát tháo mấy người lính hầu cận:

– Tụi bây lấy cái cửa mập ra đây, tao cửa mấy cái đầu xe này! Tao đã rắc vôi bảo đậu cho ngay hàng mà nó cứ đậu so le.

Ông quận Phước người mảnh khảnh, nhưng rất oai quyền. Thời ông ngồi tại đây, những anh chị bị như thòi lòi rút trong hang không dám ló ra. Nhà lồng chợ là nơi quen thuộc của chúng tôi cả đêm lẫn ngày. Ngày nào mà không đi qua đó vài ba lượt?

Uống nước đá trưa, ăn cháo sáng đều phải ghé đây. Những buổi không còn đồng xu dính túi, đi học bụng đói meo như Michelet tự truyện (nhà văn, tiến sĩ người Pháp, nhà nghèo lúc còn đi học), cũng cứ ngửng mặt hiên ngang “le nez dans l’azur» (mũi hình lên trời) như thường. Buổi trưa đi học sớm 15-20 phút, tôi có hai chỗ dừng chân, đó là sạp Ba-

zar của thầy Ba răng vàng. Thầy Ba bịt cả hai hàm răng không chừa một cái nào trắng. Sạp hàng của thầy thường có hát máy để thu hút khách hàng.

Thời học trường làng, thì tôi nghe cái máy ở nhà ông Cố tôi Đó là cái máy nặng, muốn dời chỗ, tôi và chú tôi phải khá vất vả. Nó có cái bàn cả cái ống tà-la, món nào cũng nặng 15-20 kí lô chớ không ít.

Hát riết không còn kim mới phải mài kim cũ vào khu tô. Còn đĩa nhựa thì bể sứ, hát cà lăm cà lạp, nhưng cũng biết được giọng nào của cô Năm Cần Thơ, cô Ba Bến Tre, giọng nào của cô Tư Sạn, cô Bảy Phụng Há.

Những món đồ xưa như vậy, dần dần tôi quên đi, không nhớ nó bị vứt vào xó xỉnh nào, nói chi ghi ơn nó đã mở mang

trí tuệ, bắc cầu cho mình đi lên.

Bây giờ học trường quận, tôi được thấy chiếc máy nhỏ xíu xách tay gọn gàng ở Bazar của thầy Ba, gọi là máy Columbia. Thầy quay dây thiếu nhẹ nhàng, máy hát tiếng thanh thoả sông chảy, chớ đâu có nghe lộc cộc như cái máy xưa ở nhà. Tôi mê mãi nghe, nào là Hoa Rơi Cửa Phật, nào là Quan Công Phục Hoa Dung Đạo, Tào Tháo Kế Công.

Tuồng thì nghe lâm ly muốn khóc, tuồng lại ôm bụng cười nôn.

Thầy Ba chơi điệu, không sợ tốn kim mòn đĩa, trưa nào cũng hát suốt, mà hát đúng bộ chớ không nhẩy cóc. Cho nên, hễ nghe máy hát là người ta bu đến. Chị bán tàu hủ, lão chệt già đẩy xe bán bánh mì, đám học trò chúng tôi và những chủ sạp bên cạnh là thánh giả thường trực

San Hậu Thành ôi, sao mà bi đát? Hoàng hậu giết vua cho anh em nhà mình soán ngôi. Phụng Nghi Đình sao mà hài hước ! Cha cướp vợ của con, để con uất ức phải giết cha lấy lại vợ.

Thầy Ba vừa điều khiển máy vừa thuyết minh. Chúng tôi mê mẩn nghe cả máy lẫn người, đến lúc trống trường giục lần cuối, mới đâm đầu chạy, vở sách văng tung tóe trên đường. Đó là trung tâm văn hóa thứ nhất.

Còn một trung tâm văn hóa khác cũng hấp dẫn trí óc trẻ thơ không kém những đĩa hát của thầy Ba. Đó là tiệm thuốc Tây của dược sĩ Ngô Quang Thọ, còn gọi là tiệm thầy Thọ. Ông có ba con trai và một người con gái. Con trai lớn học cùng lớp với chú tôi ở Mỹ Tho. Con trai kế học trường quận trên tôi hai lớp, còn con trai út học cùng lớp với tôi. Sau

này trở thành tướng lĩnh rất có uy tín trong QLVNCH.

Tiệm thuốc Tây có hai tầng, tầng lầu làm tư thất, tầng trệt dùng làm hiệu thuốc. Ở mặt tiền có hai tủ kính lớn. Và đó là “trường đại học của tôi.” Anatole France bảo hàng ngày đi học, ông thường dán mũi vào tủ kính của các hiệu sách cũ kỹ, kính bám đầy bụi bặm, hoặc đứng lại xem những bà cụ chiêm những trái “charognes” trong chảo mà thèm. Ông nói: “Kiến thức tuổi thơ của tôi bắt đầu từ những việc nhỏ nhặt này”. (Anatole France khi về già mới viết truyện ngắn nổi tiếng “Buổi Tụ Trường”)

Gorki kể lại những ngày trẻ thơ đi làm mướn đến mười bảy nghề. Sống với bà dì khắc nghiệt, hoặc phải vất vả đọc sách bằng ánh sáng trắng phản chiếu từ đáy chiếc xoong nhôm. Ông gọi

tất cả những việc đó là “My universities” (Những trường đại học của tôi).

Tôi may mắn hơn Michelet, A. France và Gorki nhiều. Tôi không phải đi ở mướn, cũng không mấy khi nhịn đói đi học, không phải thềm quà bánh. Tôi chỉ trễ lớp đôi khi vì la cà ở chợ hoặc để nghe máy hát, hoặc dán mũi vào tủ kiếng của hiệu thuốc Tây. Ở trong đó biết bao nhiêu là sách. Ôi, những sách là sách bày ra bán. Cả một trời sách.

Bước Đường Cùng của Nguyễn Công Hoan, Rắn Báo Oán của Lan Khai, Tiếng Hát Giữa Rừng Khuya của Tchya, Bánh Xe Khứ Quốc của Phan Trần Chúc, Phan Đình Phùng của Đào Trinh Nhất (quyển này tôi thấy có trong tủ sách của tía tôi). Người Ngựa, Ngựa Người, Kẻ Đến Sau của Lê Văn Trương, Tôi Kéo Xe của Tam Lang, Nắng Đào của Nguyễn

Xuân Huy... Hai Thử Khôn sách Hồng của Thế Lữ, sách của Thạch Lam, Đoạn Tuyệt và Bướm Trắng của Nhất Linh....

Đó là những dòng chữ in trên giấy và in cả vào đầu tôi.

Chưa bao giờ tôi được nhìn thấy sách nhiều đến thế, chưa bao giờ tôi được đọc những tên sách kỳ ảo đến thế. Ngoài ra còn những sách phân loại classique (cổ điển) và loại truyện trẻ con như Contes de Perrault.

Thằng bạn tôi là chủ của những sách đó, thế mới kỳ lạ. Và nó lại cũng cho tôi mượn đọc, thế mới càng kỳ lạ hơn. Nó không dặn tôi phải giữ kỹ như chú Vĩnh cho tôi mượn truyện Tây Du.

Khi tôi đọc xong một quyển thì đưa trả cho nó. Đi học về nó lên lầu, tôi đứng

chờ bên dưới, nó ném quyển khác cho tôi chụp.

Ngược lại, khi đá banh thì nó giữ “gôn”, tôi đá cho nó chụp. Có lần gặp phạt “penalty”, tôi đá bay mắt kiếng của nó (nó mang kiếng cận rất sớm). Vậy mà nó không giận, vẫn cho tôi mượn sách như thường.

Trong ba năm học trường quận, tôi đọc hầu hết sách trong tủ kiếng của hiệu thuốc Tây nhờ thằng bạn hào hiệp của tôi. Xin cảm ơn nó.

Mặc dù trong cặp không mấy khi vắng sách, tôi vẫn không lơ đọc truyện Tàu. Thằng Vinh, bạn cùng làng, lên đây học, ở trọ cùng nhà là một con sâu truyện Tàu. Mỗi lần về nhà trở lên, nó đều mang theo vài quyển Phong Thần. Bộ này thì tôi gặm mòn hết cả rồi, nhưng hồi trước

đọc mà không nhớ mấy, bây giờ đọc lại thấy như mới. Đêm nào học bài xong, nó cũng đem Phong Thần ra gạo. Mấy đứa không thích, nhờ đi coi hát và nhờ nó “tuyên truyền”, riết rồi cũng mê theo hai đứa tôi.

Lại được một lợi thế là bà Ba, chủ nhà cũng ghiền truyện. Bà bao dầu dũa cho tụi tôi đọc. Ngày thường thì học bài sớm, đọc tới chín giờ thì tắt đèn ngủ, tối thứ bảy đọc thả cửa, châm dầu hai ba lượt. Gặp đoạn hay, nhướng mắt không lên cũng ráng. Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu Thành, hoặc Đào Tam Xuân xử tội lăng trì Hàn Tổ Mai, thì bỏ sao đành? Tru Tiên Trận thì càng không thể bỏ!

Đọc hết bộ Phong Thần, thì thằng Vinh lục lợi đi mượn, hoặc vác Phong Thần đi đổi lấy Mạnh Lệ Quân. (Hồi đó không có những nơi cho thuê

truyện). Phong Thần đổi lấy truyện nào cũng được cả, vì nó có đánh phép rất hấp dẫn, ai cũng thích.

Lên trường quận tôi vẫn đọc truyện, nhưng hơn dưới nhà một bậc, là diễn tuồng luôn. Ông Ba có một ngôi nhà bỏ trống ở gần bờ sông, chúng tôi kéo ra đó chia vai. Đứa làm Tôn Tản, đứa đóng vai Hải Triều, chuốc kiếm tre leo lên ván đánh nhau ầm ầm. Cũng có Tru Tiên kiếm, hồ lô hô thâu hô giáng như gánh hát thiệt. Nhưng bữa bồi làm bằng các-tông dán giấy bóng gói kẹo, đốt đèn cầy. Có khi đang đấu phép, đèn phát lên cháy rụi bữa bồi hết trơn, tiên ông tiên bà sợ phỏng nhảy bò càn.

Những hôm gánh hát đến diễn ngoài nhà lồng, thế nào bọn tôi cũng có mặt ngoài chợ, không coi hát cũng đi. Trống đánh rập rình, kèn Tây rao bảng thổi

phòm phòm, đít như mọc gai, ngồi học bài sao thuộc! Nhưng ông Ba gắt gao lắm, đứa nào muốn đi, phải học thuộc bài rồi ông mới cho đi. Chưa thuộc cũng thưa rằng thuộc, sáng hôm sau thức dậy, ôm cặp đến trường, vừa đi vừa nhẩm bài.

Tôi có coi những gánh hát sau đây: Gánh Đồng Thịnh, gánh Kim Thành, gánh Kim Thoa, Gánh Tố Nhu, gánh Đồng ấu Hòa Bình, gánh hát xiếc Hưng Long... Không hiểu sao không có các gánh Tân Thịnh và Bầu Bòn tới đây?

Gánh Kim Thành diễn tuồng Quan Công hiển thánh. Lúc ông xuất hiện thì rạp hát lặng trang, khi ông vô hậu trường, khán giả rộ lên nói: «Giống quá, giống quá!» Nhưng cũng có nhiều người không thích hát bội, vì nó không có ca muối, mà chỉ dùng điệu bộ nhiều hơn, nên bỏ

ra về, lại còn cần nhả: «Không làm gì hết, cứ ư ử, ư ử và vuốt râu!»

Nhưng gánh này quần áo râu mao thật đẹp.

Gánh Đồng ấu Hòa Bình đào kép toàn thiếu niên. Có anh kép thiếu nhi làm hề, tên là hề Paul Sĩ. Gánh này lại diễn tuồng Tây chớ không diễn tuồng Tàu, mà lại tuồng cổ điển của Pháp là Le Cid của Comeille dịch ra tiếng Việt Nam. Tôi xem nhưng không nhớ gì hết. Mãi về sau lên trường trên mới học vở kịch này. Đặc biệt hơn nữa gánh hát có một màn nhạc Cải cách trình bày bản “C'est à Capri”.

C'est à Capri que je l'ai rencontrée

...Au milieu du jardin de Capri.

Người sô-lô bài này là một cô gái độ

15, 16 tuổi mặc đồ ngắn phơi trần hai tay và cặp chân trắng muốt. Cô che dù dầm, vừa hát vừa múa. Đến nửa bài thì phục đèn màu hồng, nên cô nàng càng đẹp chẳng khác gì tiên nữ, làm khán giả xuýt xoa chắc lưỡi hồi lâu.

Khí dứt bản hát, khán giả vỗ tay muốn sập rạp và kêu “bis, bis” rùm trời. Sáng hôm sau, bọn tôi có ý tìm xem mặt cô đào non này nhưng không gặp. Gánh Kim Thoa không nhớ diễn tuồng gì, gánh Tố Như cũng vậy, nhưng tôi vẫn nhớ hàm răng trắng như tuyết và cái miệng đẹp của đào Tố Như. Có lẽ đây là cô đào đẹp nhất tôi được xem ở chợ quận này.

Tôi quên kể tới gánh Nhạn Trắng của Lê Thành Các. Tôi cũng có thấy chiếc xe đua của ông ta nữa. Nó nhẹ lắm. Tay đua số 1 của quận thử đưa hai ngón tay nhấc

nó bồng lên cho bà con coi. Tôi không nhớ Lê Thành Các đóng tuồng gì, chỉ nhớ là tuồng có đấu “boa-nha” (poignard). Hồi này tôi đã trên mười tuổi và quen xem hát, rành các vụ rao bảng, xem vẽ quảng cáo. Bây giờ lại thích mò mẫm vào sau sân khấu để xem những gì khác cơ. Đó là tính tò mò của trẻ con, chứ không có ý gì.

Như trong tuồng Tiết Đình San cầu Phàn Huê, cô đào đóng Phàn Lê Huê thật đẹp, lại thêm gò má bên trái có lúm đồng tiền, lúc xuất hiện ở Soái đường thật oai phong lẫm liệt. Khán giả phải ồ lên một tiếng, tỏ vẻ tán thưởng.

Một bữa tôi tìm gặp cô (Nhờ cái lúm đồng tiền nên không lẫn người khác), thì mới té ngựa ra. “Cô” đang ngồi ăn cơm sau rạp hát với ba đứa con nhỏ và ông chồng. Chồng cô chẳng ai khác, đó

chính là Tiết Đình San!

Bụng tôi buồn tênh, rồi lại tự hỏi: Sao họ ra tuồng đẹp vậy? Cũng chính cặp vợ chồng này đêm sau đóng tuồng Thần nữ dâng ngũ linh kỳ chuộc tội Tiết Ứng Luông. Vợ đóng vai Thần nữ, chồng thủ vai Tiết Ứng Luông. Một cô đào khác thay vai Phàn Lê Huê, một anh kép khác thay vai Tiết Đình San, vì hai vai này trở thành thứ yếu.

Thần nữ với cái lúm đồng tiền vẫn xinh đẹp vô cùng, tướng đâu là gái son. Ở tại nhà lồng chợ quận này, tôi còn được xem hát bóng tuồng Tam Tạng thỉnh kinh nhưng không giống trong truyện. Tuy vậy vẫn thích lắm, vì Tôn Hành Giả bay trên mây thật xem thích hơn là bay trên sân khấu cải lương. Thời đó chỉ có hát bóng câm (cinéma muet). Mãi về sau lên tỉnh tôi mới được coi hát bóng nói

(cinéma parlant). Tôi cứ tự hỏi mãi không biết tại sao họ làm Tôn Hành Giả bay trên mây y như thật được?

Cũng như họ làm sao cho Tôn Hành Giả bay trên sân khấu? Cái mục “tiên bay” và “mị thuật” lôi cuốn khán giả nhất. (Bây giờ ta xem video thấy tiên hóa phép thiên hôn địa ám, hoặc đánh nhau trên mây thì rất là thường, nhưng hồi thời đó, “tiên bay” và “mị thuật” ít gánh hát làm được, nó nguy hiểm chết người, chứ không phải dễ dàng!)

Các tuồng tích tôi đều thuộc cả rồi, nên không xem nữa, mà tôi lại len vào sau sân khấu. Tôi mới tìm ra những bí mật nhà nghề của một vài gánh hát. Thí dụ như:

Thông Thiên Giáo chủ sắp xuất hiện hoặc Qui Linh Thánh mẫu đấu phép với

Quảng Thành Tử thì phải có sấm chớp, trời gầm trợ oai. Sấm chớp thì làm cách nào tôi không rõ, nhưng còn trời gầm thì rất dễ; bên trong sân khấu có treo một tấm thiếc Cao Bằng (như tấm “tôn” lợp nhà, nhưng không có gợn sóng) dài chừng ba thước. Khi cần “trời gầm” thì một người nắm đuôi tấm thiếc mà rung, thì ra tiếng “rùng rùng” giống y như trời gầm. Muốn tiếng gầm lớn thì rung mạnh, muốn gầm nhỏ thì rung nhẹ .

Còn tiên bay rất nguy hiểm.

Lúc đánh trận xong, tiên sắp thăng thiên thì lùi lại gần bên cánh gà. Tiên bay phải đeo một sợi dây nịt da thật chắc (như dây an toàn) ở sau lưng có một khoen sắt. Khi tiên sắp bay thì đèn phải mờ mờ. Một người sau cánh gà móc sợi dây vào khoen sắt kia. Sợi dây được luồn qua chiếc rỗ-rẽ gắn ở trên nóc nhà lồng.

Đầu dây buộc vào một bao cát nặng bằng ba lần vị tiên. Bao cát này đặt trước trên kèo nhà lồng. Khi tiên sắp bay thì một người trèo lên kèo ngồi sẵn đó, khi tiên giậm chân và la:

“Hô, bay!” thì người này xô bao cát xuống. Bao cát rơi, rút vị tiên lên nóc nhà, đồng thời màn cũng hạ nhanh. Thường thường “tiên bay” được dùng làm “cú ri-đô” luôn. Một là nó hấp dẫn, hai là nếu có xảy ra việc gì không ăn khớp hoặc là đứt dây, tiên té nhào, hoặc là anh chàng có nhiệm vụ móc quên móc, nên tiên giậm chân hô bay, bao cát rơi xuống rồi mà tiên lại không bay, – tất cả những chuyện đó, đều được che kín sau tấm màn.

Ở bên ngoài khán giả ngồi nhóc mõ cá kèo xem, bay hay không bay cũng vui lòng vỗ tay, chớ đâu có biết bộ máy không ăn ý ở bên trong. Cũng có khi tiên bay

bị đứt dây, lại cũng có khi anh chàng có trách nhiệm xô bao cát lại không leo lên nóc nhà lồng làm nhiệm vụ.

Một vụ tiên bay không phải là dễ. Khán giả đâu có thương giùm cho các vị tiên bay? Đó là mới nói về vụ tiên bay một thân một mình từ góc sân khấu này bay đánh rẹt qua góc sân khấu kia. Còn những vụ khác như Tôn Tản bay với con Thanh ngư, Qui Linh Thánh mẫu bay với con hạc, thì phải rắc rối hơn, nhưng cũng không khó bằng tiên vừa bay vừa đánh nhau trên trời, hai vị bay chớ không phải một.

Trường hợp này, hai đường dây rút phải chéo nhau, hai bao cát toòng teng nửa chừng, chờ tiên đánh xong mới cho rớt luôn xuống đất, thì tiên mới bay tuất lên nóc lồng rồi trèo xuống sau.

Đây là mấy nét đơn sơ về vụ bay, cậu bé học trò lên nhìn vào sau sân khấu mà biết được. Còn đây là “hô giảng, hô thâu”:

Phàm đánh nhau thì tiên đều có sẵn bửu bối, hễ chỉ tay lên trời “hô giảng” là bửu bối xuất hiện. Địch thủ thường ném “hô lô” hoặc bửu bối khác lên để hạ bửu bối kia, hoặc phá nó đi. Những lúc này thì sân khấu phải tắt đèn tối um, như vậy mới thấy bửu bối hiện ra trông có vẻ rùng rợn vô cùng. Sờn tóc gáy chớ chẳng phải chơi?

Có gánh thì giảng dây chì ngang sân khấu, còn bửu bối là một mặt cái hộp thiếc có cắt hình “Tru Tiên kiếm” hoặc “Khổn Tiên thành”, dán giấy màu lên, bên trong có đốt đèn cây, treo lên sợi dây chì. Khi tiên “hô giảng”, thì bên này kéo cho cây kiếm chạy qua, bên kia tiên “hô thâu” cũng kéo cho chiếc hồ lô chạy ra. Hai

bầu bối đụng nhau ở giữa sân khấu, chạy qua chạy lại một chút. Hễ kiểm thắng thì đẩy hồ lô chạy tuốt, còn hồ lô thắng .. thì đuổi kiểm chạy thẳng vào buồng, rồi đèn sáng trở lại. Nhưng như vậy có lẽ không hay, vì hai bầu bối chỉ đụng nhau trên một đường thẳng của sợi dây chì. Cho nên có gánh lại không đấu phép như thế, mà cho hai người ôm hộp bầu bối ra quơ lượn lên lượn xuống, đuổi nhau, tiến thối, linh động hơn kiểu trên.

Nhưng cũng có khi không ăn khớp là như thế này:

Ở bên trong có một cái thùng thiếc lớn, kín các mặt, chừa một mặt hở che bằng những khung giấy màu. Người phụ trách thuộc tuồng biết lớp nào cần màu nào, hoặc sân khấu phải tối om, thì tùy nghi mà phục vụ. Lúc tiên hô giáng thì trời găm, sấm chớp thì trời đất tối om,

người ôm thùng bửu bối chạy ra quơ quơ. Tiên bên kia hô thâu, thì một người khác lại ôm một chiếc thùng khác ra quơ. Hai bên đối chọi nhau, bên nào thua thì chạy tuốt vô buồng, bên kia đuổi theo rồi biến luôn. Những lúc đó, ánh sáng phải được xử dụng ăn rập. Nhưng có khi không hiểu vì lẽ gì anh ta lại cho đèn sáng trở lại trong lúc hai cái bửu bối vẫn còn quơ quơ trên sân khấu.

Nhưng khán giả rộng lượng la lên:

– Lòi lưng rồi! Chạy vô, mau lên!

Rồi cả rạp cười ồ. Hòa cả làng. Chỉ tội nghiệp cho ông thầy tuồng.

Bằng cặp mắt tò mò, tôi đã tìm ra được nhiều bí mật nhà nghề sau sân khấu, nhưng tôi rất thương cảm cuộc sống của những gánh hát. Lâu lâu thấy nhà lồng

vắng tiếng trống thì lòng lại thấy buồn.

Ở đây tôi biết tiếng kèn Tây và được nghe chị Oanh (nghe nói là em gái của nhạc sĩ Trần Văn Khê) từ trên tỉnh xuống đây hát bài “Đêm Đông”. Ấn tượng một người đàn bà mặc áo dài trắng đứng trên sân khấu hát theo kèn và đàn đệm mãi mãi sống trong đầu tôi. Gương mặt của chị ra sao, tôi không còn nhớ, nhưng cái dáng thanh thanh của chiếc áo dài vẫn còn phảng phất trong đầu, mỗi khi nhớ lại những kỷ niệm của đứa học trò trường quận.

Tôi cũng bắt đầu học hát theo tiếng kèn “saxophone”. Thầy Vi ở Giồng Tre, Cái Bông cứ vài tuần lại đem kèn đến dạy chúng tôi hát. Thầy Viễn, một người Bắc mang kiếng cận, ngực rất nở nang, mang giày da, mặc áo thung trắng có thêu hình “người phóng lao” trên ngực,

có giọng hát rất hay. Trước khi dạy, thầy đều hát cả bài cho chúng tôi nghe trước. Và tôi bắt đầu chép những bài hát vào một tập giấy Cái Chuông đóng tay khổ nhỏ. Madelon, Ce n'est qu' un aurevoir, Xuân về, Nắng tươi v.v... Tiếng kèn Saxo của thầy Vi đã gợi lên trong tôi một sự ham muốn nghe những âm thanh, gọi bằng tiếng “Solfège”.

Tôi cũng ham hát lắm. Trong đám bạn tôi có một thằng hát rất hay, tên là thằng Đa, em vợ của thầy Trần Bá Hậu. Thằng Đa bao giờ cũng thuộc bài hát trước tôi, và mỗi khi thầy dạy hát, nó đều được hát trước, để làm bài mẫu, hoặc mỗi khi chúng tôi hát sai, thì nó hát lại để chúng tôi nghe mà sửa theo cho đúng.

Tôi cũng bắt đầu nghe thầy hát bằng dấu nhạc “Do-ré-mi-fa-sol...” ở đây. Và tôi đi tìm người có bài “C'est à Capri” để

xin chép. Không biết văn nhân nào đã dịch ra lời Việt rất tình tứ:

Vì đâu gặp gỡ em Tuyết Nga một ngày xuân kia

Tình yêu tăng lên hai quả tim nhịp cùng nhau...

Tôi lảm nhảm hát nửa nạc nửa mỡ như vậy. Và đó có lẽ là bài hát tôi thích. Nào tôi hiểu tại sao? Rồi tôi tìm chép những bài khác như Tango Chinois, mà lời Việt được dịch như sau:

Anh trở về tìm nàng Phi Yến

Cơn gió chiều nhẹ lay khóm trúc...

Hoặc bài La Marseillaise, quốc ca của Pháp:

Allons, enfants de la Patrie

Le jour de gloire est arrivé ...

Học cùng lớp với tôi có những người bạn gái lớn tuổi và học giỏi hơn tôi, đó là chị Chuộng và Sương. Hai chị ngồi bàn trên tôi. Các môn học tôi kỵ nhất là toán. Đã lên cours Supérieur rồi mà phép tam xuất tôi rất sợ, phân số càng sợ hơn. Một hôm thầy cho bài toán, đại để như thế này:

“Một trái banh thả xuống đồng lên được 0,80 m. Mỗi lần đồng thì bề cao sụt xuống $\frac{3}{5}$, vậy bề cao của đồng thứ ba là bao nhiêu lần?”

Chỉ có thế mà tôi ngồi bút tóc mãi tính không ra. Cũng may Sương xề vờ qua một bên cho tôi ngó. Từ đó hai người cho tôi cạy toán luôn. Hể môn toán qua rồi thì các môn khác, tôi coi như pha. Một bữa cũng làm toán, tôi ngó

lên thì thấy đáp số lẫn chữ “L’Amour” (Yêu). Nhưng tôi cũng không hiểu ý định của Sương, rồi tôi cũng không để ý nữa. Còn một người con gái khác thường đi chung đường đến trường. Nhà cô có cây đàn dương cầm. Mỗi buổi trưa đi sớm, tôi thường tấp vô tiệm chụp hình Lệ Chơn coi hình. Lúc bấy giờ chưa có phim màu, nhưng có nhiều nữ khách hàng lại muốn hình mình môi son má phấn, nên tiệm phải bôi thêm vào, trông rất đẹp. Có nhiều tấm ảnh đàn bà con gái ngày nào tôi cũng xem mà không chán, (như cụ Vương Hồng Sển mê xem ảnh cô Ba Trà ở hiệu Hương Ký Photo năm 1930 vậy). Trong lúc mắt ngắm ảnh đẹp, thì tai lại được nghe tiếng dương cầm, thật là thích thú, những mạch nước li ti thấm vào đất, mai kia trở thành giọt nước mát chẳng?

Ở trên tôi có kể về những quầy truyện trong tủ kiếng của tiệm thuốc Tây. Bên hông hiệu thuốc này có những kiosques cất bằng gỗ sơn màu xanh nhạt rất đẹp, có thể dời đi được. Ở dọc bên xe và trước các cửa hiệu tiệm lớn có một khoảng trống trắng xi măng từ tiệm nước Hoa kiều tới tận Bazar Mỹ Ngọc. Đối diện với Bazar của thầy Ba đều đặt những chiếc kiosques này. Người ta thuê làm quán giải khát, hoặc bán hàng lật vật. Trong số có chiếc do một họa sĩ thuê để làm tiệm vẽ truyền hình.

Bữa trưa đi học tôi thường đứng lại xem họa sĩ vẽ. Một bữa tôi thấy ông vẽ ảnh Napoléon 1er. Ảnh này tôi thường thấy trong Dictionnaire Larousse, khi học lịch sử nước Pháp tôi giở ra tìm thêm tài liệu. Nay họa sĩ vẽ lớn và rõ hơn, nên tôi thích, cứ đứng xem hoài. Bữa đó hình như tôi trễ học.

Còn một việc nữa, một sự kiện lịch sử của đời tôi mà tôi suýt quên. Tôi đã nói rằng tôi rất yếu toán, còn luận văn thì tôi rất ... không yếu. Đọc sách *Lecture expliquée* tôi cũng khá cả về giọng đọc lẫn giải đáp. Vào giờ toán thì tôi co đầu rút cổ, ngồi núp sau lưng hai cô bạn, sợ thầy thấy mặt kêu lên bảng thì nguy to. Cả những bài tôi tự làm được, hiểu rành, tôi cũng chỉ giở tay oam oam, chớ không dám giơ thẳng. Còn giờ luận văn và đọc sách, thì tôi chường mặt ra, giơ tay chồm lên phía trước, để được thầy kêu. Từ trường làng lên trường quận bước vào lớp nhì một năm (*cours moyen 1ère année*) tôi học lớp A của thầy Cang, tôi trả thuộc lòng bài “*Jeanne d’Arc*” rớt một hơi, được thầy khen “*Très bien*” cho 8 điểm, là cái điểm mà suốt năm không trò nào nhận được.

Cũng năm đó, có quan Toàn Quyền Đông Dương Decoux xuống tại nhà việc Đa Phước Hội, tôi được thầy chỉ định tôi đọc một bài chào mừng ngắn bằng tiếng Pháp. Đọc xong, một nữ sinh ở lớp B sẽ tặng Ngài “một bó hoa vườn nhà”.

Tuy có mấy câu mà cô giáo phải mất cả buổi luyện cho tôi đọc đúng giọng lên xuống, ở những chấm phết dừng lại bao lâu, và nhìn lên ông Toàn Quyền lúc nào. Tôi đọc xong, được ông khen giỏi và bắt tay tôi trước khi nhận hoa.

Trường Mỏ Cày đã mở ra cho cậu học trò nhà quê một chân trời mới vô cùng rộng rãi và xán lạn, đã rắc những hạt giống lạ, và đã ghi vào lòng cậu ta những vần điệu mà mãi... 60 năm sau mới được ghi ra:

MƠ LẠI TRƯỜNG XƯA QUẬN MỎ CÀY

Tôi đã yêu nàng trong giấc mơ,
Và trong ý tứ những lời thơ.
Trong khóm mắt ai Xuân ửng sắc
Trong lá tình thư chẳng dám đưa.
Một sáng bất ngờ nàng lướt qua
Tôi sẵn cành hoa nhẹ ném ra
Dừng lại mỉm cười nàng nhặt lấy
Tôi đứng nhìn theo gót nở hoa.
Như mẻ bắp rang, tuổi học trò
Trắng thơm như giấy mới vừa mua
Đẹp như hoa phượng sân trường nở
Như mắt trong veo chẳng bụi mờ.

Tương cay muối ớt rủ trèo me
Miếng kẹo da trâu tan học về
Những con toán lén cho nhau chép
Roi mây cắn đít khóc lê mê.
Luận văn chính tả khá gay go
Sử ký, địa dư chẳng dễ mò
Văn được điểm cao — ai biết nổi
Bữa bồi gì hơn những “phép bùa”.
Hiệu sách trưa nào cũng ghé ngang
Thạch Lam, Thế Lữ, Nguyễn Công
Hoan
Cho tôi trí thức thời thơ dại
Bằng những truyện đầu tiếng Việt
Nam.

Đang đọc bỗng nghe trống đổ hồi,
Sách Hồng ném trả chạy cong đuôi
Tiểu lâm, tiểu thuyết vui trong cặp
Tây Du, Tam Quốc thuộc hơn bài
Vú sữa xanh lè cặp rách môi
Bưởi non cũng hái đá tung trời
Ra quân mù mịt sân trường cát
Vào lớp còn mơ quả bóng nhồi
Ngồi bên cửa sổ ngắm tàu qua
Sóng vỗ bờ sông vệt khói nhòa
Tiếng còi réo gọi niềm mơ ước
Làm khách viễn hành đến bến xa
Nóng ran đường nhựa phồng chân
em

Lá điệp im nghe tiếng guốc huyền
Vấn vương tà áo đôi chàng bướm
Nón nghiêng che má lúm đồng tiền
Hoa niên như lá trên cành hát
Trái tim hồng lý dạ sầu riêng
Tóc mượt dừa xanh con mắt phượng
Má đào, môi mật, búp tay sen.
Gót em in dấu con đường nhỏ
Quê ta – còn dính đất nông nàn
Cho anh nắm chặt tay tiên nữ
Đã viết đời anh thắm những trang
Người qua phố cũ nhớ cô Hai¹

1 Giai thoại cô Hai Vàng được truyền tụng qua nhiều thế hệ ở Mỏ Cày. Tôi hân hạnh được nghe em Nguyễn Thị Bửu, một nữ sinh trường Mỏ Cày kể lại.

Nhan sắc quê mình dễ mấy ai
 Tơ thảm se cùng trang tuần kiệt
 Ngờ đâu mẹ ghẻ tráo duyên hài
 Cô đem cái chết giữ chung tình
 Hồn gái đồng trinh vốn hiển linh
 Dân đem bài vị thờ trong miếu
 Quanh năm hương khói góc sân
 đình

Có nghĩa gì hai tiếng “Mỏ Cà”
 Như đời thở nhẹ, lá me bay
 Dầu biết tuổi thơ lai bất vãng
 Mà dạ băng khuâng nhớ tiếc hoài
 Hỡi ôi, tóc liễu muôn năm cũ
 Sao còn quấn chặt mảnh hồn tôi

Trường xưa gạch ngói rêu phong Vũ
Giữa bụi thời gian vẫn chói ngời
Mỏ Càyl yêu dấu của riêng tôi
Tuy gần mà lại hoá xa xôi
Xa xôi vẫn hẹn ngày tao ngộ
Anh, Mỏ Càyl, Em – ở một nơi...
Có ai trở lại thời thơ ấu
Xin hốt giùm tôi nhúm cát nâu
Bên gốc điệp già mình trốn nắng
Má em anh đặt chiếc hôn đầu!

CHƯƠNG V

RẠP HÁT NAM XUÂN VÀ NÀNG TIÊN CỦA TUỔI THƠ

Rời trường quận, tôi lên trung học ở tỉnh thành, một chân trời mới mở rộng trước mắt với nhiều ánh sáng ngựa xe và phố xá.

Trường của tôi là “Institution Trung Châu” nằm bên ven đường đi Mỹ Tho và gần Ngã Ba Tháp; ở ngã ba này có dựng một cái tháp ghi công những người Pháp

đã bỏ mình trong cuộc xâm chiếm xứ Nam kỳ.

Lúc này tôi không còn đọc truyện Tàu mà cũng không đọc truyện Tây. Chỉ khi nào thầy giảng bài thì mới học. Tôi bắt đầu đọc tiểu thuyết tiếng Việt. Những quyển ở dưới quận tôi đã từng đọc, nhưng không hiểu bao nhiêu, lên đây gặp lại và đọc tiếp với sự say mê và hiểu rõ hơn, như Bước Đường Cùng, Bánh Xe Khứ Quốc, rồi thêm vào đó là những quyển Cô Tư Thung, Lê Phong Phóng Viên, Lạnh Lùng, Làm Lễ, hình như có Giông Tố nữa thì phải. Đây là một trường tư thực, nên sách đọc không bị kiểm soát.

Ngoài những trang sách ra, tôi còn có một trung tâm văn hóa khác. Đời học trò bao giờ cũng thế. Đó là rạp cải lương Nam Xuân. Ở dưới quận thì xem toàn

cải lương, ít khi xem hát bội và kịch nói. Những tuồng tích do các gánh lớn diễn đều xuất sắc hơn.

Đặc biệt là những gánh Tân Thịnh, Bầu Bòn chuyên môn hát tuồng truyện thì không thấy đến hát ở đây, mà họ len lỏi xuống các chợ làng chợ quận. Có lẽ dân thành thị không còn thích tuồng có các tiên đánh phép và các màn mị thuật nữa. Thay vào các tuồng truyện đã có các tuồng cải lương, nhưng với nội dung mới, với những nhân vật nửa truyện nửa kiếm hiệp có tính chất xã hội. Như chàng hiệp sĩ nọ yêu cô tiểu thư kia, nhưng gia đình không gả. Chàng hiệp sĩ đi lang thang, hai mươi năm sau, trở về quê cũ tìm gặp lại người tình xưa, nhưng nàng bị cưỡng ép lấy một viên tù trưởng quyền uy. Chàng hiệp sĩ bèn liều thân xông vào cứu người yêu và bị tử thương.

Tôi đã mê say xem những tuồng Thuyền về và Người mặt sắt thuộc loại kể trên – không nhớ của tác giả nào. Trong tuồng có những màn đấu “boa-nha” rất rùng rợn, hai hiệp sĩ đánh với nhau, cái chết thấy trước mắt, tiếng “boa-nha” đậm và đờ rồn rảng y như thật. Hiệp sĩ A thất thế nhào lặn xuống đất, hiệp sĩ B lao theo đâm thẳng vào cổ, hiệp sĩ A giờ “boa-nha” ra đỡ. Hai lưỡi “boa-nha” xâu vào nhau, hiệp sĩ A cố chống đẩy nó ra, trong lúc hiệp sĩ B cố ấn xuống cổ địch thủ. Sự dằng dai kéo dài hơn một phút trong sự nín thở của khán giả. Nhạc Tây thối giật gân nhồm tóc gáy. Cuối cùng lưỡi “boa-nha” của hiệp sĩ B đâm xuống đất sém bên cổ hiệp sĩ A. Bên trái rồi bên phải, cả hai lần đều hụt.

Hiệp sĩ A tổng một đạp, hiệp sĩ B ngã ngựa ra. Hiệp sĩ B ngồi dậy chạy và “lông-

rông” qua cửa sổ. Màn hạ nhanh, khán giả vỗ tay rầm trời. Các loại tuồng này, tuy đã được khán giả nhiệt liệt hoan nghênh, nhưng ông bầu vẫn không quên đưa sáu câu Vọng cổ vào. Dù sao nó vẫn hiện đại hơn các tuồng truyện.

Hiệp sĩ mang gương, đầu chít khăn đứng trước cảnh núi rừng hoang vắng trở tay cất tiếng ca: “Em ôi, kìa vùng trăng đã xế ngang... Đầu!” Thì trên đỉnh núi, vầng trăng lơ mờ lại hiện lên, làm cho câu ca thêm linh động. Trách sao khán giả không mê mẩn sự đời! Thêm vào đó, giữa những màn hát lại có những lớp “hoạt kê hài hước” chọc khán giả cười bể bụng. Hoặc có những bài ca sô-lô Pháp lời Việt.

Ở quận, tôi đã từng xem cô đào tí hơn của gánh Đồng ấu Hòa Bình độc diễn bài “C'est à Capri” mà đêm về cứ mơ

tưởng... Lên đây tôi lại được xem những màn tương tự nhiều hơn, các cô đào ăn mặc duyên dáng và mê ly hơn.

Bây giờ thi ca phong phú và tràn ngập cuộc sống, đọc lại những câu như trên chúng ta thấy bình thường, chứ thời đó mà nghe:

BÀI HÁT CHO NINA

Ô, văng kim ô chói rạng ngời sáng
soi

Trời trong xanh có khác chi đôi mắt
em

Nên em thuận tình mà không thổ lộ
với ai

Thì thuyền đây ta hãy ra khơi,

Tìm một nơi vắng vẻ để chúng
mình...

Trốn lánh mọi người...

thì khán giả phải cho đó là việc lạ
lùng, vừa hát vừa ra điệu bộ thì càng lạ
lùng hơn nữa.

Tôi nhớ có lần một ca sĩ hát bài “Thu
Trên Đảo Kinh Châu”. Tôi nghe xong,
hôm sau đến gánh hát xin chép bản nhạc
và học thuộc ngay tức khắc. Đến bây giờ
tôi vẫn còn nhớ toàn bài.

Đàn chim bay thướt tha trên núi cao
miền xa

Mang theo những nỗi buồn mộng
mơ

Ngày thăm sầu đã qua

(hờ hớ hờ hớ hơ hơ)

Khi ta đi liễu đang còn xanh lá

Bên khóm hoa tiếng hát của hoàng
oanh

Còn dịu dàng mấy câu

(hờ hớ hờ hớ hơ hơ)

Ngày nay cúc kém tươi, hoa héo khô
vì đâu

Trên hoa dưới lá cành đào non

Giọt sương sầu muốn rơi

Sông Kinh Châu có con bướm trắng

Gió thu đưa người biệt ly vào canh
sầu đó chẳng ?

(hờ hớ hờ hớ hơ hơ.)

Mãi về sau tôi mới biết tác giả là Lê
Thương.

Bản nhạc sao mà buồn thế? Và sông

Kinh Châu là con sông nào, ở đâu, đã chứng kiến giọt lệ biệt ly của ai? Nào tôi có biết, nhưng người nữ ca sĩ vô danh kia đã gieo vào lòng cậu học sinh một nỗi buồn.

Rồi lại một nỗi buồn khác chợt theo: Buồn tàn thu.

Ai lướt đi ngoài sương gió

Không dừng chân đứng em bẽ bàng

Ôi vừa thoáng qua em mơ ngay bước
chân chàng

Từ xa đường vắng, nghe mùa thu
chết

Dem mùa đông rét rơi theo lá vàng.

Đó là tiếng than của những giờ phút
thu tàn rơi theo lá qua giọng hát của
một thanh niên, mà bốn mươi lăm năm

sau tôi mới có hân hạnh gặp mặt: nhạc sĩ Phạm Duy. Xưa kia cả hai cùng đầu xanh, bây giờ tóc đều đã bạc.

Có lẽ nhờ những bài hát này mà khi vào lớp nghe thầy giảng văn, tôi hiểu hơn những vần thơ của Verlaine và của Lamartine chăng?

Il pleure dans moncoeur

Comme il pleut sur la vilte.

(Bài Ariettes oubliées của Verlaine.)

...Je me souviens

Des jours anciens

Et je pleure.

Et je m'en vais

Deçà, delà

Pareil à la

Feuille morte.

(Bài Chanson d'automne của Verlaine.)

Biết bao giờ tôi còn được nghe những bài hát và giọng ca tuyệt diệu như thế nữa?

Trên sân khấu Nam Xuân, tôi còn được xem Trần Văn Khê biểu diễn các thứ đàn cổ nhạc Việt Nam, và nghe ông nói ba giọng Nam Trung Bắc như một tiết mục nghệ thuật. Sân khấu Nam Xuân cũng như cái rạp hát Nam Xuân đã in vào đầu cậu bé những kỷ niệm thần kỳ không bao giờ phai.

Ở đây tôi còn được xem những vở kịch của gánh Nghề Mới của Tư Chơi. Đây là lần đầu tiên tôi thấy những vai

tuồng mặc đồ Tây, áo dài “mốt”, y như ngoài đời. Một chàng thanh niên yêu một nàng thôn nữ. Gia đình cô thôn nữ phải gán con gái cho ông Hội đồng để trừ nợ. Chàng thanh niên đau khổ phải bỏ nhà ra đi. Đại khái như vậy. Cũng có ca Vọng cổ, Bình bán, Kim tiền:... Thì ra ở làng tôi cũng có chuyện tương tự xảy ra. Tôi cũng thích xem, nhưng không mê lắm, chỉ ngạc nhiên như đứng trước một việc lạ.

Trên sân khấu này, tôi được gặp rất nhiều nghệ sĩ tài danh của nghệ thuật cải lương. Trước rạp hát bao giờ cũng có treo những tấm hình tài tử. Hình chụp rất đẹp. Tôi rất thích xem, nhưng không bao giờ mơ ước trở thành tài tử

Không nhớ gánh nào có kép Bảy Cao. Bảy Cao mặt xương, nước da trắng, chụp ảnh đội nón Fléchet. Nghe nói mặt

rổ hoa mè, nhưng tôi không thấy. Lên sân khấu rất đẹp trai. Đêm nào có Bảy Cao ra tuồng thì khán giả chật rạp, đặc biệt nữ khán giả đông hơn các đêm khác. (Tôi chỉ nghe người lớn xầm xì như vậy chứ không tự có nhận xét này). Tôi chỉ ham coi hát nên bất cứ gánh nào tới, trung bình hát ba đêm, thì ít nhất tôi cũng có mặt một đêm, chứ không khi nào làm ngơ.

Nhưng phải công nhận là Bảy Cao có nét mặt rất đẹp. Trong bọn học trò chúng tôi, có một đứa tên là Phước, con ông chủ Sáng ở làng Lương Hòa. Phước rất giống Bảy Cao, nên chúng tôi gọi nó là “Bảy Cao”, riết rồi thành danh. Vào lớp, thầy cũng kêu nó là Bảy Cao luôn. (Ông có tài vẽ vòng tròn, quay tay một vòng là y như vẽ bằng compas.)

Tôi vẫn ghét toán, và sợ thầy dạy

toán. Bữa nào đứng ở hàng ba, tới giờ rồi mà chưa thấy ông tới thì mừng lắm. Bữa nào thấy ông lom khom đạp xe ở đầu đường bã đậu sau trường Phan Thanh Giản thì lo rầu lẩn. Ngược lại giờ luận văn thì trò này rất oai hùng lắm liệt. Bài của cậu ta luôn luôn trên 12/20 (chưa có ai được 13), và được khen là bài mẫu. Thấy tôi, tú tài Nguyễn Nhơn Nghĩa ở huyện Sóc Sãi đem ra đọc lên cho cả lớp nghe. Trong lớp lại có hai cô đầm cũng thua điểm tôi. Mà không thua sao được khi đầu đề thấy cho là: “Một ngày ở đồng quê” (Une journée à la campagne) thì hai cô làm sao mà rặn cho ra? Còn tôi thì trúng tủ, tôi chỉ kể lại những gì tôi làm lúc trước như chăn trâu, thả diều, hớt cá lia thia thì vô đề quá trời. Tôi nhớ cá lia thia, tôi không biết kêu là gì, bèn phịa đại là “poisson de combat” cũng được thầy khen đáo để.

Tối tối, đêm nào có gánh hát thì thầy giám thị nói chặn trước. Thầy cũng từng làm quỉ phá nhà chay thời trẻ nên bây giờ rất rành tâm lý của chúng tôi. Thầy bảo chung tất cả:

– Bây có đi thì đi (coi hát), mỗi đêm đi chừng 1/3 thôi. Đêm nay đưa này đi, đêm mai đưa kia đi, chớ đồng hè đi ráo, rui ông Đốc đến, thấy lớp học trống rỗng, ông cất chén cơm tao!

Chúng tôi đâu có làm theo lời thầy yêu cầu. Bữa nào đảng rập có quảng cáo đấu “boa-nha”, và “lông-rông” qua cửa sổ, dít có gai làm sao ngồi học cho thuộc bài. Lén lén ném vở xuống phòng ngủ rồi đi vòng theo giếng nước mà lĩnh mất tới khuya vẫn hát mới về. Thầy hay chỉ đảng hăng cho có chừng, trong lúc “nội ứng” mở cửa phòng ngủ cho vào. Sáng mai có ăn “cặp hột vịt” cũng không ân hận.

Khi tôi lên Mỹ Tho học ở nội trú, sự canh gác gắt gao vô cùng, nên không có cơ hội nhảy rào xem hát nữa. Còn luận văn thì chỉ nhận được cao nhất là 114 điểm. Giáo sư dạy Pháp văn là bà đầm Pottier, người Pháp chính cống, vợ của một kỹ sư Pháp. Bà thương học trò và dễ dãi với chúng tôi bao nhiêu, thì ông thầy Việt cũng dạy Pháp văn khó tính, bắt “phốt” (faute) học trò gắt gao bấy nhiêu – Tới giờ trả bài luận văn, học trò thiếu điều chui trong học tủ. Đứa nào cũng bị ông phê gắt gao là nhếch nhác, vô nghĩa, trật mėjo, đủ thứ. Mỗi đứa trở thành một tội phạm, may lắm là được cặp hột vẹt không đóng khung. Nghĩa là bài của anh chẳng có đáng gì cả, không bị phạt là may. Phần đông bị cặp “hột vẹt đóng khung” (Zéros encadrés) nhưng cũng chưa đáng bị phạt. Một số đứa bị «– 00, nghĩa là bài của anh dưới cả số không – và bị phạt

1/2 “consigne”. Trong năm học, tôi nhớ chỉ có một mình tôi là được 114 điểm mà thôi. Đó là điểm cao nhất của ông bố thí cho tôi.

Tôi cũng không biết cách cho điểm này có ảnh hưởng gì đến tôi sau này hay không, nhưng có lần tôi đọc thấy trên báo Văn nghệ Hà nội: Léon Tolstoi tác giả Chiến tranh và Hòa bình đã từng chữa một số truyện hoặc một số đoạn văn của ông đến 108 lần – Còn Gustave Flaubert thì có một “style extrêmement travaillé” (câu văn cực kỳ trau chuốt). Nghề văn cũng lắm công phu! Cảm ơn thầy cho tôi 114 điểm.

Bây giờ xin trở lại trường Trung Châu của tôi.

Thời kỳ đó đã có mở lớp dạy tiếng Anh. Lớp cao nhất tiếng Pháp là năm

thứ hai (2^e Année). Tôi học năm thứ nhất mới đầu 13, 14 tuổi gì thôi. Ở năm thứ hai có một chị tên là Hiền, người nữ sinh độc nhất mặc đồ đầm đi học trường này.

Hiền nhỏ nhắn xinh xinh, mặc “jupe” có “dentelle” (ren), cổ áo cũng có viền và tay phồng. Hiền đi xe đạp đầm bánh sau có bao lưới. Mỗi sáng thứ 3 và thứ 6 có giờ toán, tôi thường ra đứng ở thêm ba ngóng ông thầy để “mừng” hay “rầu”. Bỗng một hôm có một bóng hồng cỡi xe đạp thả dốc vào sân trường. Trường không có cổng, không có gác dan, nên ai đi xe đạp cũng thả dốc, ít ai chịu xuống dắt xe. Đó là chị Hiền chớ không ai khác.

Từ đó tôi cũng ra thêm đứng ngóng, nhưng không phải ngóng thầy mà cũng không biết chờ ai. Bỗng một bữa Hiền thả dốc vào sân, và dựng xe ở thêm. Chị vào

văn phòng có lẽ để đóng tiền trường. Lúc chị trở ra, tôi vẫn còn đứng ở đó. Bỗng nhiên tôi buột miệng nói như hát, khi Hiền vừa đi qua. “O ma belle, je t'adore!” (Ô! Người đẹp, tôi yêu nàng !)

Hiền quay lại nhìn tôi, rồi bước thẳng đến dắt xe đi. Hôm sau, không phải là thứ ba, cũng không phải là thứ sáu nhưng tôi vẫn ra ngóng. Hiền thả dốc và thẳng xe trước mặt tôi, hời bằng tiếng Pháp:

- Cậu nói với ai ngày hôm qua?
- Tôi có nói gì đâu!
- O ma belle ... còn chối hả?
- À đó là câu hát trong bài Tango Chinois.
- Ở đâu “toi” có bài đó?
- Tôi nghe thầy Phước hát. (Thầy

Phước thi rớt “diplôme”, dạy lớp “supérieur” ở đây).

Quả thật thầy Phước lúc đó có vẻ mến cô Sầy, em vợ ông đốc Trần Văn Kế, cô đang dạy lớp nhì năm thứ hai, nên lúc nào thầy cũng hát luôn miệng câu đó, đến nỗi ai cũng biết tình cảm của thầy đối với cô, và chúng tôi thuộc luôn cả bài.

Hiền lại nói:

- “Toi” hát được không?
- Tôi chỉ bắt chước thôi.

Sự thực tôi đã thuộc bài này từ dưới quận, nhưng ít hay hát. Lên đây nghe thầy Phước hát thì nhại theo, và nghe giọng mình hình như run run khi hát sau lưng Hiền. Chẳng ngờ chủ nhật hôm đó, Hiền cho người đến chở tôi về nhà

chị. Chị là con của một ông Phán, nhà ở trong xóm dừa Mỹ Hòa.

Nhà có đàn piano. Chị đánh đàn cho tôi hát để chữa những chỗ sai trong bài Tango Chinois và dạy tôi nhiều bài khác.

Tôi vừa hát vừa run, vừa sung sướng vừa sợ hãi. Ở đâu có chuyện bất ngờ như vậy? Lúc năm tuổi tôi “phá” đồn Harmonium của thầy Năm trong nhà thờ ở quê ngoại, lên 10 tôi nghe tiếng đồn piano ở gần tiệm chụp hình, và bây giờ được hòa giọng vẹt đực của mình vào tiếng đồn này. Thật là kỳ lạ !

Chị Hiền dạy cho tôi những bài hát sau đây: Chante, ma guitare và Guitare d’amour. Tôi chỉ được chị Hiền đón về nhà vài ba lần rồi hết năm học.

Khi tôi lên Mỹ Tho, có vài lần về ghé trường Trung Châu thăm thầy cũ, nhưng các thầy đã đi nơi khác, chỉ còn thầy giám thị ở lại. Bạn xưa cũng chẳng còn ai. Buồn tênh, buồn hơn nữa là thầy cho tôi biết chị Hiền đã lấy chồng. Bây giờ tôi mặc quần áo sạch sẽ, giày dép tươm tất, nhưng không đến thăm được chị để nói hoặc hát bài hát năm nào:

O ma belle, je t'adore!

Những bài hát trên đã in sâu vào trái tim thời niên thiếu của tôi, những bài hát mà danh ca Tino Rossi với giọng hát tài hoa đã làm say đắm hàng vạn trái tim nam thanh nữ tú từ Nam chí Bắc của thời bấy giờ. Riêng tôi ngày nay thỉnh thoảng trong một niềm rung cảm bất ngờ, tôi hát khe khẽ đôi câu để nhớ chị Hiền, một người chị như chị của Nguyễn Bính hay của Chateaubriand. Không biết

bây giờ chị ở đâu, chị Hiền? Chị có hiện ra hay không trong tác phẩm của tôi?

Nếu còn sống thì chị đã 70, và không biết chị có đọc dòng chữ này của tôi không? Hồi đó chị đánh đàn cho tôi hát, tay chị có run không? Chị có hiểu vì sao tôi hát câu ấy không? Chớ tôi thì tới bây giờ tôi vẫn không hiểu?

Ôi! Những âm thanh kỳ diệu như những giọt nước hồng rót từ bàn tay tiên nữ vào lòng tuổi trẻ đến nay vẫn còn say kẻ bạc đầu.

CHƯƠNG VI

NẮNG GIÓ VÀ TIẾNG CHUÔNG CHÙA QUÊ NGOẠI

Trong những năm đi học tôi thường dùng hầu hết những ngày bãi trường để rong chơi ở quê ngoại tôi. Một vùng đất nằm ven con rạch chảy suốt bề ngang cù lao Minh như một sợi đai ngọc nối liền hai nhánh sông Cửu Long, Hàm Luông và Cổ Chiên, và chảy qua hai phố chợ lớn là Tân Hương và Cầu Mống. Sau nhà ngoại tôi là một cánh

đồng rộng chạy liền tới xóm Cái bản thuộc làng Đại Điền, một làng trù phú gồm những nhà giàu lớn nhất nhì tỉnh Bến Tre. Trên cánh đồng này toạ lạc một ngôi chùa có cái tên rất đẹp là Oai Linh Tự, do một nông dân thành tính Đức Phật lập nên, từ căn chòi lá lụp sụp. Đến khi tôi lớn lên, đã thấy mái ngói nguy nga ẩn núp trong vườn cây sum xuê hoa lá. Xa trông như một hòn đảo xanh giữa biển sóng vàng lúa chín. Những năm ở nhà hay lên trường quận học tôi cũng vui chơi thích thú, nhưng về quê ngoại thì mới thoả chí tang bồng.

Bên cạnh nhà ngoại tôi lại còn có ngôi nhà thờ cũng như ngôi nhà thờ bên nhà tôi, nó chỉ cách một nương ranh nho nhỏ. Thành thử lúc nào cậu bé cũng được nghe tiếng chuông nhà thờ đổ và chuông chùa ngân. Má tôi sanh tôi ra ở

nhà ngoại tôi. Má tôi kể lại rằng bà cho tôi bú đều đặn là nhờ nghe tiếng chuông nhà thờ và chuông chùa, thay vì xem đồng hồ.

Quê ngoại đối với tôi là một bài thơ dài, một thiên hồi ký không viết ra nổi. Tới chết tôi vẫn còn mang những hình tượng đẹp đẽ về một miền quê, nơi tôi khóc tiếng chào đời trong một ngôi nhà xưa u tịch. Chính ngôi nhà xưa này là vườn ươm tâm hồn thơ đại của tôi. Đối với tôi không mảnh đất nào đẹp bằng Quê Ngoại. Nơi đây tôi có hầu tất cả những gì quý giá cho tuổi thơ : sách vở thi văn, trò chơi và tình thương. Tôi viết ra những dòng này để tri ân và tôn vinh Quê Ngoại, một mảnh trời riêng của tôi, không thể tìm đâu ra trên cõi đời này.

Ở trong nhà tôi đọc truyện cho ông Cố tôi nghe, ra đây tôi được nghe các dì

(em của má tôi) đọc truyện cho tôi nghe. Dì Năm thì đọc Ngũ Hồ Bình Tây, đoạn Định Thanh chạy trốn, bỏ Thoại Ba công chúa, công chúa đuổi theo kịp, gọi: “Bớ Định Thanh! Hãy dừng ngựa!” Dì khóc òa, nghẹn ngào không đọc được nữa, cả nhà cũng khóc theo, trừ cậu Tám tôi. Cậu đang học trường quận, cậu bảo: “Khóc cái gì! Đó là truyện bên Tàu một ngàn năm trước người ta đặt ra, chớ phải thật hay sao?”

Dì Tư tôi thì đọc tiểu thuyết Nửa Chừng Xuân, loại sách khổ lớn. Tôi tò mò cũng đọc cho biết tiểu thuyết là gì. Tuy không hiểu, nhưng cũng đọc hết quyển. Ngoài tôi chẳng những nói thơ Lục Vân Tiên, mà còn chép luôn cả quyển.

Có người ở huyện Đông Thành,

Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền.

Đặt tên là Lục Vân Tiên,

*Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học
hành.*

Theo thầy nấu sủ xôi kinh,

*Tháng ngày bao quản sân Trình nắng
mưa.*

Sau này khi lên trung học, giờ An-namite, giáo sư (Pháp văn) Huỳnh Đình Tràng giảng Lục Vân Tiên bằng tiếng Pháp – ông gọi Nguyệt Nga là fiancée của Vân Tiên – tới hai câu:

Văn đà khởi phụng đăng giao,

Võ thêm tam lược, lục thao ai bì.

Ông lắc đầu, không biết làm thế nào cho chúng tôi hiểu, cực chẳng đã, ông phải nói bằng tiếng Việt, là cái ngôn ngữ đã trở thành xa lạ đối với ông. Chim

phụng không có trong tiếng Pháp, còn
đăng giao thì dịch làm sao? “Tam lược,
lục thao” lại càng khó nữa!

Cậu Tám tôi thì lúc nào cũng nói lối
Chiêu Quân cống Hồ :

*...Ôn quân vương đáp lại mảy may
Lộc nhà vua no ốm bấy lâu nay
Gặp nạn nước phải liều thân cho trăm
họ...*

*Hoặc kêu Lô-tô:
Nước chảy bon bon
Con vượn bỗng con
Lên non hái trái
Tôi cảm thương nàng
Phận gái mồ côi,
Con số một ôi!!*

Cậu Bảy tôi đi học ngoài để đô lâu lâu mới về. Cậu dạy tôi đờn măng-đô những bài hát Santa Lucia, Si tu reviens, Tant qu'il y aura des étoiles.

Nhà ngoại không có tủ sách, chỉ có “buồng gói” là phòng để cất giấu những đồ quý. Ban ngày vào đó cũng phải dùng đèn pin. Và một cái tủ gỗ trắc mun đen, trong đó đựng áo Tây, cà vạt của cậu và áo dài mốt, dầu thơm của các dì. Má tôi không thích những thứ này, nên không bao giờ ngó tới. Ngoài những thứ ấy ra, chiếc tủ còn chứa những cuốn sách rất quan hệ đối với tôi.

Cậu cho tôi nhiều sách lắm: Andromaque, Tartuffe, Le Cid, những sách cổ điển loại khó của Pháp, tôi nhận, nhưng không đọc nổi. Bên cạnh những cuốn ấy còn có: Pêcheurs d'Islande của Pierre Loti, Contes choisis, Contes de la bé-

casse của Guy de Maupassant, Lettres de mon moulin của Alphonse Daudet. Những quyển này tôi đọc được ngay. Có lẽ đó là những truyện Pháp đầu tiên tôi được đọc tại nhà. Tôi đã khóc khi đọc đến kết luận cuốn Pêcheurs d'Islande: “Người yêu của Yuan ra đi chuyên ấy và không bao giờ về nữa”.

Khi lên trường, tôi trình sổ sách của cậu tôi cho với bà đầm dạy Pháp văn, bà chỉ cho phép đọc cuốn Pêcheurs d'Islande, còn truyện của Maupassant, bà bảo:

“Tuổi con chưa đọc được”. Tôi không hiểu vì sao, nhưng tôi đã đọc cả rồi. Có lẽ trong sách mô tả nhiều màn yêu đương quá chẳng? Về sau khi ra Hà nội (đã bắt đầu viết văn) tôi lại được chị Mộng Sơn tặng cho một quyển truyện ngắn chọn lọc của Maupassant, Nguyễn Khai cho

mượn quyển Miss Harriet cũng của Maupassant. Và tôi lục lọi tìm đọc (có lẽ tất cả) truyện của Maupassant, kể cả tiểu thuyết *Une vie* của ông nữa. Có thể nói đây là nhà văn Pháp tôi đọc nhiều nhất. Tôi cũng có thử đọc tập *Trois Contes* của Gustave Flaubert, thầy của Maupassant, nhưng khó quá, đọc không nổi. Cái tủ của cậu tôi đã đóng một vai trò rất quan trọng trong đời học trò của tôi.

Lúc tôi 4, 5 tuổi, mỗi lần ra nhà ngoại thì ông thầy Năm bên nhà thờ sang ẵm tôi về nhà thầy chơi. Thầy để tôi ngồi trên bập vế và cho tôi phá đàn. Cây đàn harmonium của nhà thờ. Thầy cầm tay tôi ấn vào các phím, miệng hát đồ-rê-mi. Có lẽ đây là lần đầu tôi được nghe tiếng đàn. Tôi lớn lên dần, và thầy vẫn còn ở đó giảng đạo, chớ không đổi đi đâu. Thầy dạy tôi đọc kinh và cắt nghĩa

cho tôi những tấm ảnh Đức Mẹ và chúa Giê Su. Đến bây giờ tôi đã già, khi viết hồi ký, bỗng nhiên giật mình tự hỏi: Sao mình vẫn chưa giữ đạo? Một hôm tôi đi thỉnh ảnh Đức Mẹ về treo trong nhà. Vẫn gương mặt sầu não ngày xưa ngày xưa. Đôi mắt như nhuộm lệ nhìn xuống trần thế. Ngồi viết mà ngôi nhà thờ cũ Quê Ngoại chập chờn trong đầu. Cậu bé ngồi trong lòng ông thầy đọc phá những phím đàn.

Ngày rằm tháng bảy một năm nào, tôi theo Ngoại tôi đi xuống chùa Oai Linh. Ngôi chùa ở giữa ruộng khoáng đạt với gió với mây. Chiều chiều tiếng chuông ngân nga phủ ảm rặng vườn, ru hồn nhân thế. Thử nghĩ làng xóm không có tiếng chuông nhà thờ và tiếng chuông chùa sẽ lạnh lẽo biết bao? Người đời sẽ không còn biết nương tựa vào đâu mà

sống, những cuộc xâu xé sẽ càng khốc liệt hơn, đẫm máu hơn.

Bước chân vào nhà chùa, tôi thấy một cuộc sống khác. Áo nâu, dép mo, những đĩa cà, những hũ dưa. Nét mặt sư cụ trông cũng không giống người ngoài xóm, tiếng nói chậm chạp, giọng nói ôn hòa. Bất giác tôi nhớ lại những trang truyện Tây Du. Tôi đứng trước bức tường vẽ hình Thập Điện U Minh, những hình phạt hãi hùng – nào tội nhân bị cửa hai nấu dầu, nào tội nhờn dầu đội chậu máu, đít ngồi bàn chông, nào tội nhờn bị quỉ sứ lột thịt xẻ da v.v... Bên cạnh đó, chiếc cầu Nại Hà mịt mù giữa sương khói, dưới dạ cầu nào là rắn rết, hùm beo, tội nhờn đi trên cầu sẩy chân rơi xuống bị thú dữ xé xác. Những trang truyện Tây Du mô tả đúng y như cảnh này. Ôi, thật

là khủng khiếp? Tôi sợ quá, chạy tới nắm tay Ngoại tôi, hỏi:

– Còn ông vua Đường đâu, hử Ngoại?

Ngoại tôi ngạc nhiên:

– Ông vua Đường nào?

– Ông vua bỏ nhúm cát trong ly rượu của Tam Tạng.

Ngoại tôi trở ngoài sân:

– Ngoài kia kia.

Tôi chạy ra sân nhìn dọc hàng rào bằng gạch, những ô hình đầy màu sắc. Dần dần tôi nhận ra, đó là những bức hình mô tả những tai nạn của Tam Tạng trên bước đường thỉnh kinh. Đã đọc truyện nên tôi nhận ra một cách lý thú như tái ngộ những bạn đời trên bước đường lưu lạc bơ vơ của tôi hôm nay.

Đây là buổi tiễn đưa Tam Tạng. Vua Đường đang bỏ nhúm cát vào ly rượu. Đây là hình Thái Bạch Kim Tinh giải tỏa cho Tam Tạng ... Đây nữa Tôn Hành Giả mượn quạt Ba Tiêu. Còn đây là Tam Tạng đến Tây Lương Nữ quốc v.v...

Tôi mê mãi xem, nhìn lại dưới chân thấy mấy con qui bò bên chân tường, trên vách vẽ hình con ba ba tu lâu năm, chỗ thấy trò Đường tăng qua Đại Độ hà. Tôi tưởng đây là những chú ba ba con bò lên từ đáy sông ấy. Xem một hồi, tôi vào chùa. Nhìn lên phía phải, trên bàn thờ rất nhiều hình tượng. Tôi chợt nhớ Phật tổ phong cho Bát Giới chức La Hán. Tôi tự nhủ: Chắc ông ấy đứng chung trong hàng những vị này. Tôi cố tìm, nhưng không thấy khuôn mặt nào giống ông ấy cả.

Từ đó về sau, mỗi khi theo Ngoại đi chùa, tôi ở ngoài xem các ô hình trên vách tường. Có tất cả là 81 ô. Đúng ra khi tới Tây phương thì Đường tăng chỉ vượt qua có 80 nạn, nhưng Phật tổ bảo theo nhà Phật thì phải “Cửu cửu bát nhất” nên Ngài “tạo” thêm một tai nạn cho đủ số 81. Đó là tai nạn “Vô tự kinh” – Khi lãnh kinh, Tam Tạng không có hối lộ cho người giữ Tàng Kinh lâu, nên bị ông phát cho những quyển kinh không có chữ. Tam Tạng phải quay trở lại hối lộ cái bình bát bằng vàng, kỷ vật của vua Đường tặng, để lãnh kinh có chữ.

Tôi sợ không dám xem hình Thập Điện U Minh nữa. Nhưng cho tới bây giờ, những hình ảnh đó vẫn in đậm trong đầu tôi. Và mặc dầu được tiếp xúc với thế giới văn minh, tôi vẫn không sao

xóa được những hình ảnh đó, cũng như câu kinh Thiên Chúa:

Kẻ lành được lên thiên đàng, kẻ dữ sa hỏa ngục chịu phạt đời đời.

Văn hóa quả là... ghê gớm vì sức ăn sâu và tác động lâu dài của nó.

Bây giờ tôi đã già, nhìn lại suốt từ khi đọc trang truyện Tây Du đầu tiên, tôi thấy tôi là đứa bé ham văn nghệ. Gặp truyện là đọc ngay. Rồi mê xem hát. Tờ truyện và tuồng hát đi vào tôi một cách dễ dàng như nước tưới vào gốc cây. Rồi thích ca hát, mê xem hình vẽ. Chưa bao giờ tôi mơ ước trở thành tài tử hay nhà văn. Chỉ biết ham các môn ấy. Và cái môn tôi sợ nhất là toán! Đến bây giờ tôi làm tính cộng vẫn còn ... trật!

PHẦN II

CHƯƠNG VII

MẦM NON ƯƠM TRONG KHÓI LỬA

«...Một mùa thu năm qua cách mạng
tiến ra đất Việt

Bùng ngàn tiếng thanh niên tung
gông phá xiềng

Đoàn người trai ra đi miệng hô lớn
Quyết Tiến...»

(nhạc Tuổi Xanh – Phạm Duy)

Tôi rời trường trên một chiếc thuyền chèo vượt sông Cửu Long, ngang qua cù lao Rồng. Chưa tới ngày bãi trường, nhưng vì Nhật đã chiếm trường làm trại lính, chúng tôi không còn chỗ học, hơn nữa, tình hình có vẻ lộn xộn, chắc ở dưới tận thôn quê, Tía tôi cũng nghe nên cấp tốc lên rước tôi về.

Thuyền đi ngang qua mũi cù lao, tôi thấy chiếc chiến hạm Pháp lớn nhất nhì Đông Dương nằm nghiêng trong sóng nước: chiếc Amiral Charner vừa bị quân Nhật bỏ bom chìm mới hôm qua. Chính mắt tôi trông thấy những quả bom rơi xuống.

Xa trường lòng buồn vô hạn, nhưng khi về đến nhà thì lại vui ngay, vì không khí đồng quê đang rộn rịp từng bừng,

không giống như những lần khác khi tôi từ trường về nhà nghỉ hè .

Tôi đã nghe tới tiếng: “Chuẩn bị cướp chánh quyền!” Rồi cướp chánh quyền thật. Dân dưới làng, những người hăng hái đã đáp xe, nằm đòn lên tỉnh để “coi cướp chánh quyền” ra làm sao.

Chỉ sau một tuần lễ, bộ mặt nông thôn đã đổi khác. Những danh từ Độc lập, Tự do, phân đoàn, nguyệt phí... bắt đầu chuyển trên môi người, và những bài hát cải cách – hồi đó gọi là “bài ca thanh niên” đã bắt đầu vang động thôn xóm. Trước nhất là bài “Thượng lộ tiểu khúc”:

Thanh niên tiến lên nhìn xem trời
mây khô héo

Kìa biên thùy xông xao, binh tử mở
reo . . .

Kể đó là bài “Lên Đàng”:

Nào anh em ta cùng nhau xông pha
lên đàng

Kiểm nguồn tươi sáng

Ta nguyện đồng lòng điểm tô non
sông

Từ nay, gia sức anh tài...

Và đây khúc hát rung động tâm can:

Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời
sông núi,

Đồng lòng cùng đi đi đi mở đường
khai lối.

Vì non sông nước xưa,

Truyền muôn năm chớ quên.

Nào anh em Bắc Nam, cùng nhau ta
kết đoàn!

Hồn thanh xuân như gương trong
sáng

Đừng tiếc máu nóng tài xin ráng

Thời khó thế khó khó làm yếu ta,

Dầu muôn chông gai vững lòng chi
sá

Đường mới quyết phóng mắt

Nhìn xa bốn phương

Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can
trường

Điệp khúc:

Thanh niên ơi! ta quyết đi đến cùng?

Thanh niên ơi! ta nguyện đem hết
lòng

Tiến lên đồng tiến về vang đời sống

Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng!

Những bạn cùng lứa tuổi với tôi, dù là người Nam, Trung hay Bắc đều sống trong không khí bùng bùng do những bài hát này gây nên.

Tám mươi năm ông cha nô lệ cho thực dân, biết bao cuộc khởi nghĩa đầu rơi máu chảy, lót đường cho con cháu tiến lên, ngày nay mới hát được những câu thật là mát dạ nở lòng.

Đây Bạch Đằng Giang

Sông hùng dũng của nòi giống

Tiên Rồng, giống Lạc Hồng,

Giống anh hùng Nam, Bắc, Trung

Hoặc:

Chi Lăng ! Chi Lăng !

Tiếng ai hò reo vang trời!

Chi Lăng!

Bóng ai tranh hùng muôn đời² . . .

Tôi đóng kịch. Tôi vẽ khẩu hiệu. Tôi lục lạo tìm giấy trong tủ của Tía tôi để làm ca-lô cho thiếu nhi. Tôi còn bận rộn hơn các bác nông dân vào ngày mùa. Và, cuối cùng tôi làm thơ:

Em ăn rau và cải

Trồng trên đồng tro tàn

Trên nền nhà rụi cháy

Hàng cột ngã thành than.

Cơm em ăn mỗi ngày

Đều có dính máu Tây

Vì mùa khô mùa nước

2 Những bài ca của Lưu Hữu Phước làm trước 1945.

Tây phơi xác ruộng này
Nhà em Tây nó đốt
Em ra ngủ ngoài vườn
Khác gì anh chiến sĩ
Quen lạnh lẽo gió sương.
Bây giờ em còn bé
Em ôm đỡ súng cây
Ngày mai này em lớn
Cầm súng thiết bắn Tây... (1947)

Tại sao tôi làm thơ và làm khá đúng vận, tôi cũng không biết. Tôi có biết thơ là gì, đó là cảnh tượng trước mắt tôi chép lại.

Những đồng tro tàn, những ngôi nhà bị Tây đốt cháy chơ vơ những thân cột đứng không phải ở đâu xa lạ, mà đó là xóm tôi, và chính là nhà tôi. Còn “Em ra ngủ ngoài vườn”, chú bé đó chính là tôi. Và “Ngày mai em lớn cầm súng bắn Tây” cũng chính là nguyện vọng của cậu. Mãi tới năm 1950, khi tỉnh nhà bị quân Pháp lấn chiếm, gia đình làng xóm tôi phải chạy xuống lánh nạn ở miền Tây, tôi mới chép bài thơ này gửi đăng báo. Ông Lưu Quý Kỳ, chủ bút báo tôi gửi thêm, nhưng tôi có bài nào nữa đâu mà gửi. Đúng là bài thơ “chó dắt” mà.

Bài này lại được nhạc sỹ Phan Vân, cũng là người hùng của thành đô mới ra khu kháng chiến, phổ nhạc. Phan Vân lần đầu tiên lấy làm lạ: tác giả bài thơ do anh phổ nhạc chỉ là cậu bé 17 tuổi.

Phan Vân là nhạc sĩ rất hồn nhiên. Ở thành anh đã chơi nhạc ở các vũ trường và sáng tác bài “Những cánh hoa đời” bất hợp thời trong chiến khu.

Trong những cuộc họp cơ quan hoặc dân chúng, anh thường ôm ghi ta ra sô-lô bài hát này. Thiên hạ vỗ tay, tôi cũng vỗ tay theo, không nghĩ rằng mình đã bước vào văn nghệ.

CHƯƠNG VIII

THI SĨ VÀNG: XUÂN TƯỚC tức THI SĨ TÂM ĐIỀN : THẦY TÔI

“ĐÂY BIỂN RỘNG, ĐÂY RỪNG SÂU”

Cách mạng bùng nổ ra, cậu Bảy tôi nghỉ học, lên làm việc trên tỉnh Bến Tre, lúc bấy giờ đã đổi tên ra là tỉnh Đồng Chiểu. Chú tôi đang dạy học ở Trà Vinh, lúc bấy giờ gọi là tỉnh Trần Hữu Độ, thì ở luôn bên đó. Cả hai vị đều lãnh trọng

trách trong phong trào. Còn tôi cũng lót tốt theo cậu tôi lên tỉnh, vai mang đàn mandoline, túi nhét cây Harmonica, làm ủy viên phụ trách thiếu nhi toàn tỉnh.

Lúc đó thi sĩ Tâm Điền mở lớp huấn luyện thanh niên ở bãi biển Cồn Chim. Đây là một thanh niên khôi ngô tuấn tú. Ông tên thật là Mạch Văn Tư dạy ở trường nhà nước. Tâm Điền là chiết tự từ chữ TƯ.

Chữ “Tâm” nằm trên chữ “Điền” thành ra chữ “Tư”. Khi tôi học trường tư thực Trung Châu thì ông làm hiệu trưởng trường Thể Dục Đông Dương Esipic toạ lạc ở góc giếng nước giáp ranh xã Phú Khương. (Trường Esipic trong phong trào Thanh Niên Ducoroy, trước 1945).

Mỗi sáng trước giờ học, tôi thường ra đứng bên gốc măng cầu ta ở hiên nhà

trường, mê say nhìn đoàn lực sĩ mặc áo thung ba lỗ, vừa hát vừa đi ăn rập về phía sân vận động tỉnh. Bây giờ phong trào thể dục, thể thao lan tràn khắp ngõ hẻm hang cùng, chớ hồi đó, thể dục thể thao chỉ ở trường học và những nơi công cộng. Đối với một số người, nó còn là một trò cười.

Cậu tôi vào nhà tôi, nói với tía má tôi một câu tôi còn nhớ mãi: “Tôi coi thằng T. có khiếu văn nghệ đó anh Hai, chị Hai! Để tôi dắt nó đi học”. Má tôi không muốn cho tôi đi, còn tía tôi thì không nói gì cả, riêng tôi thì rất ham. Thời buổi đó, ai không đi bộ đội thì cũng là cán bộ mang ba lô đi chỗ này chỗ nọ, chứ ở nhà thì bị coi như lạc hậu.

Cậu tôi dắt tôi xuống trại huấn luyện của thi sĩ Tâm Điền. Trại có hai phân trại, một dành cho thanh niên, một dành cho

thiếu nhi. Tôi chưa đến tuổi thanh niên, nhưng cậu tôi lại đưa vào bên thanh niên. Thi sĩ Tâm Điền, trại trưởng và là bạn của cậu tôi, nên cũng nhận cho tôi vào. Cả hai phân trại tổng cộng chừng 80 trại sinh.

Chương trình gồm có: Thể dục, Đức dục, và Chính trị. Ban huấn luyện thay phiên nhau giảng bài. Đặc biệt có giờ dạy hát do nhạc sĩ Lữ Sinh phụ trách. Anh có cây đàn violon. Đây là lần đầu tiên tôi được thấy loại đàn này. Các gánh hát chỉ có kèn trống chớ không có violon. Hội trường là một ngôi nhà lá thấp lè tè, ngăn làm đôi, chừng 1/3 làm văn phòng, khoảng còn lại làm lớp học. Lớp học được trang trí với những tấm hình vẽ tay bằng mực Tàu nghề sếp cho lâu phai.

Trước mặt là ba tấm ảnh lớn với những dòng chữ:

Gorki : Kỹ sư linh hồn

Rolland : Bạn của kẻ yếu

Bathusse: Đại tướng chống Phát Xít.

Một tấm ảnh thanh niên ôm súng ra chiến trường: Thanh niên mới.

Ngước nhìn lên trên cây xà ngang có ba khẩu hiệu: DÂN TỘC, KHOA HỌC, ĐẠI CHÚNG.

Ngoài ra chỉ có một chiếc bàn đặt trên bục dành cho giảng viên và những bàn ghế bện bằng cây trà không róc vỏ còn lúi xúi. Cọc bàn chôn dưới cát. Băng ngồi rất đau đít, nhưng vì thích thú nghe bài học nên không kêu ca.

Sáng dậy theo tiếng keng làm bằng

vỏ bom. Đánh kèng chỉ vừa đủ, nếu đánh mạnh, bót Cầu Ván sẽ nghe. Hồi đó coi giặc như trò chơi, cách nhau có sáu cây số. Trại sinh vừa tung nóp dậy vừa hát:

Anh nghe chằng cung kèn rạng đông

Đang uy linh lừng vang trên không ?

Đang thiết tha hùng hồn khêu cháy
gan Lạc Hồng

Cháy lên nhuộm bao ánh hồng . .
. (Hùng Lĩnh)

Hát xong là cuốn nóp xong xếp trên vạt, vọt ra sân xếp hàng kéo ra bãi biển. Vừa chạy vừa hát “Thanh niên Hành khúc” với lồng ngực nở phồng trong gió biển.

Một hôm cũng vào buổi sáng, chúng tôi đang chạy dọc bãi biển, thì thấy những

quyển sách lẫn trong bọt sóng và rác rến – Chúng tôi đổ xô đến nhặt lấy, đồng thời báo cáo với huấn luyện viên. Mọi người đều cho rằng đây là một chuyến thuyền đi từ Bắc vào Nam đã bị nạn trên thủy trình về phương Nam. Trại sinh đem vào sân phơi, rồi cẩn thận gỡ từng trang, không để rách.

Nhạc sĩ Lữ Sinh đem quyển bài ca vào văn phòng gỡ ra đờn ngay. Và tối hôm đó bọn tôi được học bài “Chiến sĩ Việt Nam” của Văn Cao.

Bao chiến sĩ anh hùng

Lạnh lùng vùng gươm ra sa trường.

Quân xung phong,

Nước non đang chờ mong tay người

Hồn sông núi khí thiêng ghi muôn đời...

Điệp khúc:

Thề phục quốc, tiến tên Việt Nam . .

Lập quyền dân, tiến lên Việt Nam

Đài hạnh phúc đắp xây Tự do

Việt Nam tranh đấu chống quân
ngoại xâm!

BẮC SƠN (của Văn Cao)

(Kính tặng con Hùm xám Chu Văn
Tấn)

Đoạn I

Ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu
gio

Đau lòng bao năm sống lầm than
đây đó .

Ai về châu xưa nhớ hồi máu thấm
cây rừng

Còn vang khe núi tiếng quân oai hùng ...

Những lời ca hùng tráng, trữ tình và tràn ngập lòng yêu nước, đã mang đến cho chúng tôi sự hăng hái đánh đuổi giặc thù – Ngoài giờ học là miệng hát vang trại. Tiếng hát của những trái tim thanh niên đã phá tan khôn khí âm u của rừng sâu. Có lẽ bọn lính Pháp đóng đồn Cồn Chim cũng phải khiếp đảm vì tiếng hát này. Chúng tôi nào biết cách mạng là gì, chỉ hiểu cách mạng qua bài hát và thơ ca ngợi dân tộc.

Trong sổ sách nhật được ở bãi biển còn có quyển Ngọn Quốc Kỳ – tráng khúc của Xuân Diệu.

“Chàng Xuân Diệu năm xưa hay sâu lắng” mà tôi thường gặp ở Mỹ Tho trong bộ đồ Tây trắng phau, với mái tóc quăn

lòa xòa trước trán, là tác giả của quyển thơ này chẳng? Một đêm trại trưởng thi sĩ Tâm Điền đem ra đọc cho cả lớp nghe:

 Gió reo, gió reo, gió Việt Nam reo,

 Mây bay, mây bay, mây hồng tươi
sáng!

 Gió ca trên non, gió ngợi trên đèo

 Gió bay đi mà nhạc cũng bay theo

 Đưa tin mới khắp trên trời nước Việt

 Hoa cỏ đón mà núi sông cũng biết

 Cờ Việt Nam oanh liệt gió mừng bay.

Những lời thơ đẹp như thế, chúng tôi reo trên miệng, chúng tôi nuốt vào lòng. Bây giờ nhớ lại những ngày sống và học ở trại huấn luyện Cồn Chim, tôi hãy còn xúc động, và tưởng như mình là

chiến sĩ ở chiến trường.

Sau khi tuyển lựa và dạy hết những bài hát trong tập sách cho chúng tôi, nhạc sĩ Lữ Sinh bèn dạy cho chúng tôi bài hát mới:

CHIẾN SĨ LÊN ĐƯỜNG

(Kính tặng các chiến sĩ Trung đoàn 99)

Với núi sông vừa khi tươi sang

Lên đường ta quyết tiến

Đoàn quân ta cùng bước đều

Ca rền khắp ngàn nơi xa

Cứu nước non vượt khi nguy biến

Lên đường ta quyết chiến

Dù muôn khó, nguyên lướt qua

Núi sông muôn thu chờ ta
Chân lướt suối băng tràn rừng
Ta chiến đấu qua ngàn trùng
Tim chất chứa bao nguồn sống
Đem sắc máu pha non song
Ta chiến thắng trên gai chông
Ta quyết đắp xây tương lai
Ngàn tươi sang
Xông pha mau đi lên
Non sông đang mong ta
Lòng tràn hăng hái lòng đầy cương
quyết
Lên đường!
Chiều chiều chúng tôi mượn cây đờn

măng-đô bế ở văn phòng và đem những bài hát ra nong cát để «mò» ..từng câu nhạc. Một hôm, thằng Vịnh (con của chú Hai quản lý trại) hỏi tôi:

– Mấy anh biết bản này ở đâu không?

– Thì ở trong tập nhạc vớt dưới biển chớ đâu!

– Của chú Tư và chú Sinh mới làm đó.

Chúng tôi hết sức ngạc nhiên. Riêng tôi quan niệm rằng những người làm được thơ đăng báo cho mình chép, và làm bài hát cho mình đàn hát là những người phi thường, ở đâu đâu xa lắm chớ không có ở gần mình, thế mà bài hát này lại do thầy trại trưởng và thầy dạy nhạc làm nên mới lạ chứ!

Lâu nay tôi có nghe ai ở trong tỉnh mình làm thơ làm nhạc đâu, những bài C'est à Capri, Đêm Đông, Thu Trên Đảo Kinh Châu đều ở đâu tới.

Nhưng ngày một ngày hai, tôi tin cái việc khó tin đó là sự thật, bởi vì một hôm khác, chúng tôi lại được dạy một bản mới mà bên dưới tên bài có đề tên tác giả.

TỰ DO – CƠM ÁO – HOÀ BÌNH

Nhạc Lữ Sinh – Lời Tâm Điền

Làm sao khắp chúng dân đều Tự do

Làm sao khắp muôn dân đầy cơm áo.

Làm sao khắp thiên hạ hưởng hòa bình

Bao nhiêu năm đói rét và lầm than

Bao nhiêu lần bao nước mắt đầm máu xương

Đứng lên đều tung gông cùm giam
đời sống

Cùng nhau đem sức đấu tranh

Cùng nhau quyết tranh phần sống

Nào ngại tan nát thân mình

Nào ngại cực khổ gian lao

Muôn dân khóc than

Muôn dân nát long

Muôn dân căm hờn

Vì đời bất công

Vùng lên quyết tranh phần sống

Tự do hạnh phúc kia rồi

Hòa bình no ấm chào đón ta

(Bài này đài Hà Nội dùng làm nhạc

hiệu buổi phát thanh vào Nam trong 10 năm mà không biết tác giả là ai !)

Rồi lại một bài hát mới nữa cũng của Lữ Sinh và Tâm Điền ra đời:

TIẾN LÊN ĐƯỜNG SÁNG

Cùng đi, nguyên đem thân hiến cho đời mới

Tim thắm nồng tiến lên, hét lên, ánh dương chan hòa

Đem thân mình dâng cho đời thêm tươi sáng

Quyết nắm tay tiến lên ngày mai.

Đi đi cùng đi, tiến tiến cùng tiến

Tiến lên!

Ta hiên ngang dù mưa gió không sờn

Nhanh chân bước xông pha nguy
nan

Vui chân bước ta luôn hiên ngang

... (quên ba câu chót!)

Bỗng một đêm chúng tôi được nghe
một bài thơ. Bạn hãy tưởng tượng bên
ngọn đèn dầu cá gió thổi ù ù suýt tắt dưới
mái lá thấp lè tè, những mái đầu xanh,
những cặp mắt ngược lên chăm chú vào
một thanh niên áo sơ-mi nâu bỏ trong
quần cụt đen, say sưa đọc thơ. Giọng đọc
cất lên chen lẫn trong gió biển thổi và
tiếng sóng đánh triền miên.

Đây biển rộng, đây rừng sâu

Đây menh mông cao cả

Đây thiên nhiên hòa hợp với lòng
người

Đây muôn hồn tươi đẹp giữa hồng
tươi . . .

Người đọc chính là thi sĩ Tâm Điền.
Anh đọc thơ của anh. Anh làm thơ tặng
các học trò của anh. Anh dạy chính trị
bằng thơ. Anh tiêm vào đầu óc chúng
tôi những vần điệu của thơ giữa cảnh
biển rộng, rừng sâu mênh mông cao cả.
Những đêm nghe thơ thật say sưa hào
hứng.

Thời đó thơ còn rất xa lạ với mọi
người, không mấy ai được nghe thơ,
càng không có ai là thi sĩ. Thi sĩ phải ở
đâu trên Sài gòn gì kia chứ, làm sao trong
góc rừng ven biển mà có người làm được
thơ? Thơ phải có từ đời xưa, in trong sách
rồi ta chép, ta học, chớ làm gì có người
làm được thơ ở ngay trước mặt ta, cầm
trên tay mà đọc cho ta nghe?

Những bài ca lượm dưới biển, những bài ca của Tâm Điền – Lữ Sinh đã ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đến tâm hồn cậu bé 17, và đã tiêm vào lòng cậu ta một liều thuốc yêu nước, yêu dân tộc mà từ trước tới nay, những bài học lịch sử chỉ mới là một sự mơ màng.

“Thần dân nghe chẳng, sơn hà nguy biến?”

Câu hát này hay thật, nhưng nó như tiếng loa gọi từ lòng lịch sử xa thẳm mấy thế kỷ qua như trong một cơn mộng. Còn hôm nay, trước mắt là biển rộng, bên cạnh là rừng sâu, phía trên kia là bót giặc trong tầm súng, thì bài ca câu hát rất thực tế, không còn mơ màng xa xôi gì nữa.

Ngay cả tiếng súng của Vệ quốc đoàn cũng hàng ngày vang bên tai và khói đốt

nhà của thực dân bốc lên trước mắt cay nồng, thì bài hát “Tự Do Cơm Áo Hòa Bình”, bài “Tiến Lên Đường Sáng”, bài “Chiến Sĩ Lên Đường” là tiếng hét xung phong, viết bằng thơ và âm nhạc của hai nhà nghệ sĩ vĩ đại: Tâm Điền và Lữ Sinh. Đó là tiếng lòng u ẩn, tiếng hét uất hận của dân tộc Việt Nam sau 80 năm nô lệ. Nhạc thơ ấy đã gây ảnh hưởng sâu sắc không đời nào phai nhạt trong tôi.

Tôi mãi mãi nhớ ơn thi sĩ Tâm Điền, nhà thơ đầu tiên đã nói cho tôi hiểu rằng: thơ là tâm tình của dân tộc Việt Nam. Mọi người Việt Nam đều làm thơ. Anh làm thơ từ thuở thanh xuân đến nay ngoài “cổ lai hi”. Anh đã hai lần (1991-92) được tặng danh hiệu “Thi Sĩ Vàng” của World Poetry.

CHƯƠNG IX

TRẬN CẦU MỔNG 1946 HOẠ SĨ DIỆP-MINH-CHÂU "SẢN PHẨM KỲ DỊ CỦA HÓA CÔNG"

Cầu Mống là chợ làng Hương Mỹ
quê vợ của Thống Tướng Lê Văn
Ty.

Hồi năm 1946 Tây trở lại. Chúng
dùng cái chành lúa của người Tàu gọi là
Tiệm Mới, ở ngay đầu cầu trên trục giao

thông tỉnh và dùng hàng vạn gia lúa đã vô bao sẵn mà làm phòng tuyến. Tưởng rằng với những vách thành kiên cố như vậy, chúng sẽ sống muôn năm.

Bọn lính Tây và pác-ty-dăng rất ác, chúng bắt người về đồn tra tấn tàn nhẫn. Một hôm chúng ra nhà tôi ở Cổ Cò tìm bắt tía tôi về làm hội tế cho chúng, nhưng ông bất hợp tác. Chúng định bắt má tôi, tôi bèn chịu bắt thanh, chúng đem tôi về đồn làm con tin, để tía tôi phải ra đầu hàng.

Sáng hôm sau có một chiếc xe jeep từ quận Mỏ Cày xuống đây. Vì trong đồn không có ai nói tiếng Pháp được, nên tên xếp đồn bắt tôi ra phiên dịch. Có lẽ tên quan ba thấy mặt mày tôi không đến đôi tối tăm, nên hắn nói chuyện với tôi:

– Tao đến giữ an ninh cho dân chúng,

tại sao chúng mày chống chúng tao?

Tôi bật lại ngay:

– Vì chúng tôi không muốn nước Pháp cai trị chúng tôi.

– Ô, nước Pháp cũng đáng yêu lắm chứ, tại sao chúng mày không yêu mà lại thù?

– Tôi yêu Hugo, Balzac, Jeanne d'Arc, cả mụ đầy tớ Nanon, nhưng không yêu các ông.

– Tại sao?

-Thì cũng như dân tộc các ông không thể yêu người Phổ trước kia đã cai trị nước ông rất khắc nghiệt. Và. dân Pháp đã giết người Phổ giành lại độc lập. Nếu ông đọc truyện «Những người tù binh» của Maupassant thì rõ.

Hắn ta có vẻ suy nghĩ hồi lâu, rồi ra lệnh cho tên xếp đồn thả tôi. Tôi chạy bay tóc trần về nhà, thì gặp bộ đội Hai Phải đang đóng ở nhà tôi. Các ông ấy đang ăn cơm, thì nghe tin lính đồn ra bắt gà. Họ bèn buông đũa, xách súng chạy ra đường phục kích tụi lính này, rồi xông vô đánh đồn luôn. Bộ đội hồi ấy chỉ có súng máy (FM) là cao, chớ đâu có súng phá tường, thì làm sao mà hạ cái đồn này nổi?

Dân làng ôm rơm, lá dừa đem đến ném quanh chân đồn, còn chủ tiệm người Tàu thì hiến dầu lửa để tắm vải đốt đồn. Ngoài ra, người dân ở phố chợ rờ nhà lấy lá, gỗ đem tới làm bồi. Một biển lửa bao quanh đồn. Cuối cùng ngôi đồn cũng bị sóng lửa tràn ngập. Chỉ vài tên pác ty-dăng liều mạng chạy băng qua biển lửa ra được bên ngoài, còn lại bao nhiêu thì bị cháy thành tro cùng với

hàng chục ngàn gia lúa.

Tất cả đã trở thành một quả núi tro bốc khói nghi ngút. Từ trong tro thấy lòi ra những đồng xương trắng hếu. Một vài hòn tro quến cục lớn hơn nắm tay nằm lẫn lóc bên những gốc cây. Người ta tới xem lấy cây khêu, lật qua lật lại và bảo đó là trái tim. “Trái tim không cháy.”

Cây bàng già bên mé sông bị lửa tấp rụi hết một bên lá, còn bên kia de ra sông thì hãy còn xanh. Cái sân gạch, nơi những người chủ “tiệm Mới” ngồi hút ống điếu bình cũng đã bị tro than phủ lên. Mấy cây me trước cửa tiệm đã biến thành than đứng trơ ra đó, chỉ còn cái gốc không bắt lửa.

Trong khung cảnh đó, một người mặc sơ mi rằn, lưng đeo Colt 12 đứng bên hí hoáy vẽ. Anh vẽ cái núi tro chôn mấy

chục tên lính pạc-ty-dăng. Đó là họa sĩ Diệp Minh Châu. Anh người làng Lương Quới, quận Châu Thành, cũng tỉnh Bến Tre. Anh là học trò của họa sĩ Hoàng Tuyển. Cụ Hoàng là người chuyên môn vẽ sơn thủy cho các gánh hát cải lương ở Sài Gòn. Một hôm cậu bé mê say xem cụ vẽ đến quên lớp học.

Cụ hỏi: “Cháu có thích không?” Thích lắm - em bé đáp. Rồi hai người trở thành thầy trò trong hội họa. Về sau, cậu bé học hết nghề của thầy, hết luôn trường Gia Định. Ra Hà Nội học Cao đẳng Mỹ thuật và trở thành họa sĩ nổi tiếng của Hà thành, được tặng danh hiệu “Họa sĩ của tóc và mắt” có nghĩa là : Họa sĩ vẽ tóc và mắt đẹp khó ai bì kịp.

Người họa sĩ đó đã đi kháng chiến đánh Tây, đã ra trận với bộ đội của các anh Nhàn, anh Quên, anh Tỷ (cà lăm)

và anh Trung ... để vẽ tranh. Anh đã dự nhiều trận ở bên cù lao Bảo lẫn cù lao Minh của tỉnh Bến Tre, rồi lên Đồng Tháp Mười dự trận Gò Cát, trận Giồng Dứa, Giồng Dinh, v.v... Bộ đội rất quý, mến anh và phục tài anh. Vì ra trận, anh cầm súng bắn và xung phong như lính. Nhiều trận chỉ huy không cho anh xung phong, giật súng lại, nhưng anh vẫn chạy tới. Khi về nhà, anh đưa ra những bức tranh vẽ bằng máu tại chiến trường. Anh lấy máu làm màu. Máu chiến sĩ anh dùng của ta còn nóng hổi – máu của giặc bị ta giết.

Trận Vàm Nước Trong, bộ đội của anh Măng (Romain) hạ đồn Tây, anh cũng có mặt. Bên ta chỉ có một chiến sĩ trẻ hi sinh, đó là anh Phạm Hồng Sơn – không nhớ quê quán ở đâu.

Họa sĩ Diệp Minh Châu đã chấm bút trong máu của anh Sơn mà vẽ chính anh trên lụa. Hãy tưởng tượng, ngồi vẽ dưới làn đạn của chiến trận, thử hỏi ai có thể làm?

Bây giờ tôi gặp Diệp Minh Châu ở chợ làng tôi vẽ bức tranh Xác đồn Cầu Mống, tôi đứng xem thật mê man. Người họa sĩ như có phép thần, anh đang thu nhỏ cảnh vật và đưa lên tấm vải từng mảng. Dần dần nó choán hết tấm vải và toàn cảnh đã ở trên khuôn vải. Quả núi tro với cái linh hồn của nó: làn khói xám mong manh bay lên trong sương sớm.

Khoảng năm 1950, miền Tây tức là các tỉnh Cần Thơ, Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng hãy còn thênh thang độc lập, quân Pháp chỉ đóng ở thị xã, thị trấn, còn vùng nông thôn thì bỏ cho Việt Minh tung hoành. Bờ Kinh Sáng, Chắc Bàng

hãy còn những đoạn lộ đá nguyên vẹn, chỉ có những cây cầu, còn đường thủy thì “Buồm ngược xuôi rợp mát lòng sông”.

Một hôm tôi lại gặp anh Châu. Vẫn hớt tóc bum bê, mép tóc vắt lỗ tai, lưng vẫn đeo colt xề xệ. Anh thấy tôi từ xa đã gọi: “Ê, mày nhỏ đi đâu xuống đây?” Lần đó tôi được xem tất cả những bức tranh anh vẽ mấy năm đầu kháng chiến và cả trước kháng chiến. Anh chia phòng triển lãm ra làm hai. Một bên là “Nghệ thuật vị nghệ thuật” một bên là “Nghệ thuật vị nhân sanh”. Tôi chẳng hiểu “vị” cái gì là cái gì, cứ thấy màu sắc là xem mê mải. Bất ngờ tôi gặp những bức tranh anh vẽ thời 40-43, khi tôi còn học ở tỉnh. – “Trăng Thu”, “Suối Tóc” anh vẽ lựa chân dung những người đàn bà đẹp nổi tiếng tỉnh lỵ Bến Tre thời bấy giờ. Bức “Ngây Thơ” thì vẽ một cô bé chơi với mấy con

mèo vá. Còn bên “Nghệ thuật vi nhân sanh” thì trình bày những bức vẽ Trung đoàn 99 đánh Tây đi xe ngựa ở Phú Lễ, Phục kích ở Tân Hào, Trận Cầu Mống, chân dung Trung đoàn phó Huỳnh Thế Phương, tranh Máu Phạm Hồng Sơn.

Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến cả nước, có một lược triển lãm hội họa. Sau đó, anh đi lên miền Đông, rồi đi ra Bắc lúc nào tôi cũng không biết nữa. Nhưng có thể nói anh là người nghệ sĩ lặn lội gió sương và trưởng thành trong khói lửa. Anh là người họa sĩ vẽ không ngừng tay, lúc nào cũng có tác phẩm còn dở dang hoặc dự định trong đầu, hiện thực lẫn trừu tượng, ẩn tượng. Muốn nói hết về họa sĩ Diệp Minh Châu, phải viết vài cuốn sách. Tiếc thay hiện nay, ở Sài Gòn anh sống trong thiếu thốn, chật vật và khủng hoảng tinh thần.

Năm 1958 tôi ở Hà Nội, có ý định viết một quyển tiểu thuyết lấy tên là Lửa Dưới Tro, mô tả việc kháng chiến chống Pháp vào những năm đầu 45-46 ở Nam-bộ. Nhưng muốn chắc ăn hơn, tôi đến tìm anh Diệp Minh Châu, lúc bấy giờ đang làm giáo sư trường Cao đẳng Mỹ Thuật ở phố Yết Kiêu, để mượn tấm tranh “Trận Cầu Mống” đem về treo trước mặt. Khi viết xong, nhà xuất bản giao cho ông Nguyễn Văn Trấn đọc. Ông khen hay. Nhà Xuất bản Quân Đội hứa in rồi không in. Lúc đó Hoàng Văn Bôn vừa ra quyển Trên Mảnh Đất Này, Phù Thăng cho ra Phá Vây. Mỗi người lãnh nhuận bút 4 ngàn, xây nhà gạch hoặc mua xe đạp tốt. Sau này tôi mới biết, sở dĩ nhà xuất bản không in sách của tôi là sợ tôi thành tư sản như hai đồng nghiệp kia ! Kể đến vài ba năm sau, tôi vượt Trường Sơn với cái bản thảo trong ba

lô, định đem về Nam xuất bản. Nhưng giữa đường sốt rét nặng, nằm lại một mình giữa một nơi không có củi, một cái lá khô cũng không. Tôi lục ba lô thấy những tờ pơ-luya đánh máy, bụng mừng vô hạn, bèn dùng nó mà nấu được một gà mèn cháo húp đỡ dạ để lết tới trên quãng đường vạn dặm.

Ôi thôi rồi, quyển tiểu thuyết! Dưới cái tên tiền định Lửa Dưới Tro, nên nó ra tro. Nếu không thì bây giờ tôi đã in ở hải ngoại.

Xin trở lại với họa sĩ Diệp Minh Châu.

Anh là một nghệ sĩ tuyệt vời, biết đàn vọng cổ, nhạc cải cách, viết chữ rất đẹp. Tôi được hân hạnh xem anh vẽ vài lần. Lúc anh vẽ, anh trợn trừng cặp mắt xoáy vào cảnh vật hoặc vào người như

để thu hút cái tinh hoa hoặc nhìn thấu nội tâm để thể hiện nét bút.

Anh có mấy bức tượng lớn đặt ở các công viên Hà Nội, nhưng tội nghiệp anh nghèo quá, lại có tật hút thuốc liên miện. Gặp ai cũng hỏi: “Ê, có thuốc cho điều!”

Gặp tụi tôi quen cũ, anh bảo: “Thằng nào bao tao ăn tô phở bay !”

Hổng hiểu sao anh nghèo dữ vậy? Một bức tượng của anh giá bao nhiêu? Một hôm tôi đến xưởng của anh chơi. Nói là xưởng nhưng đó chỉ là một cái phòng con với đất sét gạch đá và vài món dụng cụ, dao, compas. . . v.v... Anh đang nặn tượng, không nhớ tượng gì. Tay ôm bụng, tay nhồi đất. Anh đang đau dạ dày, không có phiếu mua nẹp như Văn Cao. Anh có tật khi làm việc thì quên cả bịnh.

Làm việc để quên đau, ngồi không sẽ đau hơn.

Anh gặp tôi lúc nào cũng hỏi: “Mày đang viết gì? Chừng nào xong, đưa tao coi với, may ra tao có thấy được một cái gì, để vẽ ra tranh, nặn ra tượng?”

Nhớ lại lúc còn trẻ, thấy anh vẽ Xác đôn Cầu Mống, tôi thật mê. Môn nghệ thuật nào tôi cũng thích. Thấy Linh Mục Phạm Bá Trực đàn violon trên tay (không kẹp trên cổ) và hát bài «Chiến sĩ Việt Nam» trong đình làng Vĩnh Đức (quê Ngoại tôi), tôi mê lắm, không biết chừng nào mình làm được như vậy? Thấy ban Tuyên truyền tỉnh diễn kịch, về nhà tôi bắt thiếu nhi trong xóm ra dạy đóng kịch bắt chước theo ban Tuyên truyền đốt lửa trại. Cũng làm Tây, cũng nổ súng. Tôi đóng vai Tây, nói tiếng Tây toàn tên thuốc Tây: Ô là là! Quinine, Strychnine,

Prémarine, Quinobleu, Non, non, Teinture d'iode, Mercurochrome, Alcool de menthe ẹt Streptomycine... hả, hả! Đại khái như thế cũng hoàn thành vai Tây trên sân khấu.

Rồi đóng mọi Cà-răng-căng-tai. Cả đoàn Mọi từ trên núi kéo xuống để tham gia kháng chiến, mặt mày bôi lọ đen sì, không mặc áo, toàn thân quấn lá chuối, đi theo nhịp trống cà rùng, cà rùng, nói tiếng Mọi (Tây không ra Tây Tàu không ra Tàu) chẳng ai hiểu, nhưng ai cũng vỗ tay khen.

Gặp thơ thì chép, đọc, học thuộc lòng. Trong ba lô lúc nào cũng có tập thơ. Và lần này gặp họa sĩ Diệp Minh Châu lại muốn học vẽ. Anh có ba thanh niên đi theo mang vác những tác phẩm của anh cuộn tròn, đút trong những ống thiếc hàn kín, hễ gặp Tây ruồng thì đút vô bụi

hoặc nhận xuống mương cho khỏi rách, ướm. Tôi muốn tình nguyện đi theo vác đồ nghề cho anh để học vẽ, không hiểu sao lại thôi. Thế là nhạc, kịch, họa đều xa tôi hay tôi không có duyên với nó?

Bây giờ anh Châu đã gần 80, chắc anh vẫn còn vẽ? Biết chừng nào tôi gặp lại anh, để nói với anh rằng có một thời anh và anh Tư Tâm Điền đã truyền chất diệu kỳ của tâm hồn nghệ sĩ sang tôi.

Cái định nghĩa về nghệ sĩ của Thạch Lam rất đúng trong trường hợp hai anh: “Nghệ sĩ là một sản phẩm kỳ dị của hóa công!”

CHƯƠNG X

SƠN NAM PHẠM ANH TÀI
KIÊN GIANG HÀ HUY HÀ

Sơn Nam tên thật là Phạm Anh Tài, quê ở làng Đông Thái tỉnh Rạch Giá. Không biết sinh năm nào, nhưng có lẽ anh hơn tôi chừng 9-10 tuổi.

Còn Huy Hà tên thật là Trương Khương Trinh, quê ở Long Xuyên (?), hơn tôi chừng 5-7 tuổi. Khoảng năm 1950, khi tôi được đưa về tòa soạn Tiếng

Súng Kháng Dịch đóng ở miệt Ngan Dừa, Ngan Trâu (gần chợ Tà Beng) tỉnh Rạch Giá, thì tôi đã thấy hai anh đã có mặt ở đó.

Ngôi nhà ngói nền đúc đồ sộ, có lẫm lúa, có một dãy nhà ngang làm kho chứa vật liệu, bếp núc. Sau này hỏi ra thì hình như đó là nhà ông nội của nhà văn Hải Bằng.

Cậu bé Bằng lúc đó mới 5-7 tuổi. Nói là tòa soạn nhưng sự thực chỉ có ba ngoe: Văn thì Anh Tài, thơ thì Huy Hà bao sân, còn chủ bút thì có Rum Bảo Việt, tôi gọi là anh Sáu. Anh Sáu biên soạn chính trị, làm thơ và chịu trách nhiệm toàn bộ. Anh có tài viết là ra thơ và không sửa chữa. Tôi rất phục anh và được anh dạy làm thơ. Số báo nào cũng có thơ anh, loại thơ chiến đấu, hùng hục lửa căm thù.

Máu ai nhuộm nước U-minh ngầu
đỏ

Xương ai phơi trên choại héo tràm
khô

Dật dờ đi trong gió lạnh sương mờ

Hồn tử sĩ

Tiểu thay, anh lại rẽ sang con đường
làm chính trị, lên đến chức Phó ban
Tuyên huấn khu 9, rồi dừng lại đó cho
đến ngày cuối đời, không làm thêm bài
thơ nào.

Bây giờ xin trở lại Sơn Nam Phạm
Anh Tài. Anh là người gần gũi và dạy
tôi nhiều nhất. Lúc đó tôi chỉ làm mấy
đoạn thơ không được đăng báo, phát
khùng, tôi làm nguyên cả tập Xếp Bút
Nghiên đưa cho anh Sáu xem.

Anh bảo: “Được, nhưng phải chữa nhiều”. Rồi anh cất luôn ở đâu, không trả lại nữa. Giữa lúc đó thì báo ra đều đều, số nào cũng có bài của anh Tài và Huy Hà. Tôi nôn quá, làm sao có một bài để đăng báo và ký tên “Xuân Vũ”.

Những chiếc xuống liên lạc tới bến tòa soạn chở những quyển thơ Dịch vận: Quạnh Hiu của Anh Tài, và Minh ơi, Con Nước Lớn Rồi của Huy Hà đi phân phát các nơi. Tôi đọc thấy khó làm thật, nhưng cũng có những đoạn mình có thể làm.

Anh Tài có tài ngâm thơ “Xa lông” rất hấp dẫn. Trong các ngăn kéo mỗi một của chủ nhà, chúng tôi bắt gặp tập Lửa Thiêng của Huy Cận. Anh Tài mừng rỡ vô cùng. Anh lén đem ra đọc và lén đưa cho tôi xem (vì sợ bị phê bình là mất lập trường.)

Chiều chiều anh thường lôi tôi ra mé sông có cội điệp già, ngồi trên những cái rế ngoằn ngoèo sần sùi, nói hết chuyện mênh mông, lại sang thi phú. Anh thích ngâm thơ lục bát của Huy Cận. Giọng ngâm của anh nghe buồn não nùng và nét mặt của anh trông càng bi thảm. Hình như anh mang một mối sầu thiên cổ trong lòng, nên nó toát ra trong lúc ngâm thơ. Thơ đã buồn, anh ngâm càng buồn hơn, tôi không có nghe ai ngâm thơ như anh Tài. Nhưng anh chỉ ngâm cho vài người thôi, chứ không ngâm ở trước đám đông bao giờ. Tôi còn nhớ một vài đoạn trong “Lửa Thiêng” do anh ngâm:

Qua đêm thuyền đã xa rồi

Người ra giữa biển nghe hơi lạnh
buồn

Canh khuya tịch vắng bên cồn

Trăng phơi đầu bãi nước dồn mênh
mang

Thuyền người đi một tuần trăng

Thuyền ta theo gió tràng giang lững
lờ

Tiền đưa vôi núi đợi chờ

Xa nhau buổi ấy bây giờ nhớ nhau

Tôi có bao giờ sống trong một cái
cảnh biệt ly như vậy đâu. Tôi có chờ có
đợi ai đâu, thế mà nghe anh ngâm rồi
cũng đợi chờ, thương nhớ bằng quơ man
mác.

Ngập ngừng mép núi quanh co

Lưng đeo quán dựng mưa lò mái
ngang

Vi vu gió hút nẻo vàng

Một trời thu rộng mấy hàng mây nao
Dừng chân nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon
Đi rồi khuất ngựa sau non
Nhỏ thua tràng đặc, quán còn tịch
liêu

Chơ vơ buồn lợt quán chiều
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo
hút người.

(Đẹp Xưa – Đề tranh Tô Ngọc Vân)

... Sắc trời trôi nhạt dưới khe

Chim đi, lá rụng, cảnh nghe lạnh
lùng

Sầu thu lên vút song song

Với cây hiu quạnh với lòng quạnh
hiu

.....

Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

(Không nhớ tên bài.)

Cách đây 50 năm, nhớ lại mấy vần thơ, tôi vẫn như còn nghe dư âm giọng ngâm nã nùng của anh. Chính anh là người dạy cho tôi «cú trung đối» trong thơ lục bát:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Anh bảo:

– Mà thấy những chữ đôi, chiếc và hai vế câu tám có tài không? Rồi anh đọc tiếp:

Chăn đơn không ấm người
nằm một (Huy Cận)

Chữ đơn và chữ một có thần tình không?

Rồi lại thêm:

Tuổi son má đỏ môi hồng

(Nàng Trinh Nữ của Nguyễn Bính)

Anh chắc lười:

– Ba chữ son, đỏ, hồng thật là tuyệt.

Về văn xuôi, kỹ thuật viết truyện, anh dạy tôi cũng nhiều. Nguyên cái việc viết của anh cũng đã tức thì trở thành bài học cho tôi. Học thầy không tày học bạn, anh vừa là bạn vừa là thầy.

Trước nhất, anh bảo:

– Mà viết câu văn phải có bắp thịt. Nghĩa là nó không phẳng lý làng nhàng, đọc lên không gây xúc cảm.

Anh đem Thanh niên Cận vệ (tức tiểu thuyết Molodaya Gvardiya, 1946) của Alexandr Fadeev đọc và giải thích cho tôi nghe . . .

Tôi không đời nào quên cái hình tượng của Fadeev dựng lên trong chữ nghĩa. “... Khi ta cần một chữ, thì có hàng trăm chữ hiện ra. Cũng như anh chỉ huy cần một tên lính, thì có đến cả trăm xin đầu quân”. Vậy ta phải bắt lấy anh nào cho vừa ý nhất. Cũng như trong chữ, ta phải dùng chữ nào chính xác nhất... đắt giá nhất, ... độc đáo nhất để diễn đạt cái ý ta muốn diễn đạt. Nghĩa là khi ta dùng chữ đó rồi, không chữ nào thay vào mà hay hơn được

Anh Tài nói:

– Mà ý hiểu không? Cũng như mà lựa vợ vậy, khi mà đã chấm cô A thì cô

B dù có đẹp hơn giàu hơn cũng không làm mày hạnh phúc bằng cô A! Hì hì ...

Tôi hiểu lắm! Tôi càng nhớ những bài thơ Đường của tía tôi bắt tôi chép lúc tôi còn ở nhà. Chỉ có 56 chữ mà diễn đạt được cả một... trời!

Nhớ lời anh Tài, sau này đọc sách thì tôi thường chú ý như anh bảo.

Khi ra Hà nội gặp được một ông thầy khác là nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Một hôm anh nói:

– Cậu có đọc Kiều và thấy câu: “Lơ thơ tơ liễu buông mảnh” không? Sáu chữ đó tuyệt tác. Nó diễn tả cái mong manh, mảnh mai của liễu. Ba chữ Lơ thơ tơ là những chữ rất thường, nhưng không thể tìm đâu ra được những chữ như vậy. Cụ Nguyễn đã đặt đúng chỗ, rồi ba chữ liễu,

buông, mảnh đi theo ... Cho nên khi đọc 6 chữ, ta nghe lòng nhẹ nhõm và thấy những tơ liễu rủ mong manh ... Thơ phải đâu là điều gì khó khăn khúc mắc?

Khi tôi đọc Chí Phèo của Nam Cao, tôi thấy ông tả Chí Phèo sau một trận say, thức dậy nằm trong lều cô độc “Lòng thấy mơ hồ buồn”. Đọc đến chữ “mơ hồ”, tôi buông sách. Đúng quá ! Buồn, nhưng buồn mơ hồ, không duyên cớ. Không có chữ nào hay hơn chữ «mơ hồ».

Cũng như khi đọc Hà Nội 36 phố phường của Thạch Lam, gặp mấy chữ “thoáng một tí nghi ngờ” tôi cũng giật mình. Ông tả chị hàng bún chấm cây tăm vào chiếc lọ con rồi lại cho vào bát bún của khách hàng. Người khách nâng tô bún lên, nghe «thoáng một tí nghi ngờ» vì cái hương cà cuống!

Tôi đọc những chữ trên đây hằng nửa thế kỷ mà vẫn còn nhớ. Chữ nghĩa Việt Nam giàu quá như rừng vàng biển bạc, nhưng người viết phải biết dùng. Đó là công việc của nhà văn.

Xin trở lại với anh Tài. Một hôm anh chỉ cho tôi câu văn bấp thịch. Nói nôm na ra là như cái bấp thịch con chuột của anh nông dân. Văn là phải như thế đó, chớ không phải suông đuột như bấp tay con gái.

Anh bảo khi mà đọc lại truyện mà viết, thấy nó lênh lênh thì nên bỏ cả hoặc bỏ những đoạn đó mà viết lại. Đọc mà buồn ngủ thì ai đọc hết truyện của mà? Đây bấp thịch là thế này:

Anh A và anh B muốn đấu kiếm với nhau. Anh A hỏi:

– Mà có đem gương theo đó không?

– Nó không bao giờ rời tao!

Cái câu trả lời rất hấp thụ. Nếu bình thường người ta chỉ đáp:

– Có chứ! ta đeo trong lưng đây!

hoặc:

– Ta có sẵn đây!

Mày thử tìm câu trả lời nào hay hơn câu thứ nhất xem! Không có câu nào! Mày phải viết những đoạn cuộn cuộn như hấp thụ của một lực sĩ. Như thế mới lôi cuốn người đọc.

Hồi đó khó tìm sách để đọc lắm. Đôi khi đóng cơ quan trong nhà giàu có tủ sách cũ, quơ bậy trong xó hộc tìm được một cuốn Tự Lực Văn Đoàn hoặc Tiểu thuyết thứ bảy, mới đọc được Khải Hưng,

Nhất Linh, truyện ngắn của Ngọc Giao, Hồ Dzếnh, tôi thấy sao văn ngọt ngào thế? Biết bao giờ mình mới viết được như người ta?

Những lúc ông chủ bút đi họp cả tuần lễ, anh Tài và tôi lấy xuống chèo đi xuống tận Tân Bằng mượn một hai quyển sách của chi hội Văn nghệ. Đường chèo mất ba ngày đi, ba ngày về, chớ đâu phải gần. Nhưng hồi đó tôi còn trẻ lắm, sợ gì chèo chống mỗi mệ. Anh ngồi trước mũi kể chuyện cho tôi nghe. Anh có tài kể chuyện. Chuyện bắt cua bắt nhái ở quê anh, chuyện văn chương nghệ thuật, anh nhớ rất dai. Truyện Kiều đọc hồi xưa, những câu hay nhất, anh bảo nằm ở trang nào, ở đầu hay ở cuối trang.

Lúc anh viết truyện Tây Đầu Đỏ (chủ diễn Tây) anh có cho tôi xem. Lúc đó khó tìm được giấy quyển để quấn thuốc,

anh phải vô nhà in xin giấy báo (papier journal) dero, về thay giấy quuyến. Lúc hết giấy anh xé cả bản thảo hút thuốc. Anh viết đoạn sau, thì đoạn trước đã ra tro rồi. Tôi hỏi rồi anh làm sao viết lại? Anh bảo:

– Tao chép lại y nguyên!

Có lần tôi thử xem anh nói chơi hay nói thiệt. Tôi bảo anh chép lại một truyện đã in báo thử xem nào. Anh chép lại đúng y. Một lần khác tôi lấy bản thảo anh đang viết, và đọc to lên cho anh nghe, cố tình đọc sai một vài chữ, nhảy một vài cái chấm cái phết. Anh tốp tôi lại ngay và “cải chính”. Anh Tài có một trí nhớ và cách làm việc phi thường.

Còn nói về truyện “miệt vườn” thì tôi tin chắc không một nhà văn nào hiểu vùng quê (Bạc Liêu – Rạch Giá) bằng

anh. Anh có thể là nhà nghiên cứu sử địa, chứ không chỉ nhà văn.

Một lần anh mô tả một gia đình nọ, ông bố đi chợ về, lượm cái hộp lon sữa bò để làm ống đũa. Về sau khi tôi đọc Tô Hoài, thấy anh tả một ông nông dân ra đường cao su nạy một ít nhựa về gắn lại cái đĩa bể. Anh Tài và Tô Hoài đã dạy tôi như thế mà hai anh nào có biết! Và nhờ những chuyện nhỏ như vậy mà tôi hiểu văn học, viết văn.

Xin trở lại chuyện đi mượn sách ở chi hội Văn nghệ Nam bộ. Ở đây thỉnh thoảng có một quyển sách mới do một phái đoàn từ Bắc vào Nam. Sách mới đó là: Đêm Liên Hoan của Hoàng Cầm, Xung Kích của Nguyễn Đình Thi. Lúc đó ở Nam Bộ chỉ có mấy nhà thơ. Ở khu 8 có Truy Phong và Bảo Định Giang (báo Tổ Quốc), Ở khu 9 có Rum Bảo

Việt và Huy Hà (báo Tiếng Súng Không Địch), còn khu 7 thì có Huỳnh Văn Nghệ và Nguyễn Ngọc Tấn (báo Tiền Đạo). Về văn thì ở khu 9 có Anh Tài, khu 8 có Đoàn Giỏi và Minh Lộc, khu 7 có Hoàng Văn Bôn. Nhân tài trong Nam Bộ đúng là như «lá mùa thu.» Ở chi hội Văn Nghệ có tờ báo Lá Lúa, do thi sĩ Hà Mậu Nhai làm thư ký tòa soạn. Ngoài ra còn có “Tam Hoàng”: Hoàng Tấn, Hoàng Phổ và Hoàng Thanh Bình. Còn Nguyễn Bính thì ở khu 8 (Đồng Tháp Mười), nhưng bài của anh đăng khắp ba khu.

Xuống chi hội Văn nghệ, anh Tài là người có uy tín mà chỉ mượn được có một cuốn *La Tempête* của Ilya Ehrenbourg. Mà trước khi cho mượn, anh Nhai bắt phải hứa: 3 tháng đem trả. Anh Tài hứa ngay để được sách. Đem sách xuống xuống rồi, anh đọc, tôi chèo. Đoạn nào

hay anh giải thích cho tôi nghe, và phân tích về cách viết và bảo tôi phải nhớ những chi tiết ly kỳ .

Khi về tới cơ quan thì đã đọc hơn phân nửa quyển *La Tempête* dày 600 trang tiếng Pháp. Toàn Nam Bộ chỉ có một bản, mà chỉ anh Tài mới mượn được, và tôi có gan chèo sáu ngày để tới nơi mượn sách, thì đủ biết sự ham mê văn nghệ của chúng tôi cao đến mức nào.

Thuở đó, có lẽ không ai rõ chức nghiệp của nhà văn hơn anh Tài. Có lần anh rủ rỉ với tôi, không nhớ là vào dịp nào:

– Nghề đánh giặc thì tao nhường cho ông Giáp, nhưng viết văn thì ông ấy phải nhường cho tao chứ!

Con người ốm o, ăn mặc xập xệ

ấy đã cho tôi hiểu về văn chương nghệ thuật thuở ban đầu và mãi mãi sau này. Những bài học ngắn ngủi, thân ái, nghe qua tưởng dễ, nhưng áp dụng cả đời không xong, không được. Sau này tôi có đọc Hương Rừng Cà Mau, tôi thấy anh là một bậc thầy. Văn học Nghệ thuật không có được mấy người như vậy.

Người thứ hai tôi gần gũi là Huy Hà. Anh học trường Bassac và sớm mê thơ Nguyễn Bính. Con gái của anh hiện nay ở Hoa Kỳ, đã cho tôi biết là thuở còn đi học anh đã từng lên nhà xúc gạo đem cho nhà thơ giang hồ nghèo Nguyễn Bính, khi thi sĩ lưu lạc về bờ biển Rạch Giá khoảng năm 1942. Qua kinh nghiệm cuộc đời, tôi thấy hình như nghệ sĩ nào lớn lên trong nghề cũng đều có sự nâng đỡ, dạy dỗ của một người đi trước. Anh Tài: Quách Tấn, Huy Hà: Nguyễn Bính.

Huy Hà đối với tôi còn là một người thân tình. Lúc kháng chiến thoát trào, anh và anh Tài thường khuyên tôi cưới vợ. Anh còn bảo: «Nếu mày muốn, tao sẽ kêu em vợ tao ra gả cho mày!» Nhưng thời đó tôi mới 20 tuổi mộng tang bồng chưa thỏa, đâu chịu để sợi tơ buộc chân chim.

Anh là một người rất khiêm tốn, không thích sự ồn ào. Lúc nào anh cũng viết một bài thơ dở dang. Nhiều lần anh gọi tôi bảo: «Ê Xuân Vũ, tao mới làm bài thơ đã lắm, ra đây tao đọc cho nghe!»

Anh rất thích câu hát đưa em. Trong chiếc sắc-cốt da rách nát, hình như lượm ở đâu, chớ không phải mua, lúc nào cũng có cả xấp giấy rọc nhỏ ghi câu hát đưa em mà anh nghe được ở đâu đó.

Ví dầu cầu vốn đóng đinh

Cầu tre lắc lẻo gập ghình khó đi.

Chú thích: gập ghình chớ không phải gập ghềnh.

Ví dầu cậu giận mợ hờn

Em theo cùng mợ kéo đờn mợ nghe

Mợ nghe tôi kéo đờn cò

Đứt dây ứ hự quên hò, xự xang.

Chú thích: Kéo đờn chớ không phải kéo đàn.

Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi

Buôn bán chẳng lời chèo chống mãi
mê

Ví dầu ví dầu ví dầu

Ăn trộm hái bầu ăn cướp nhỏ dưa.

Có lẽ ca dao đã thấm vào hồn thi

sĩ từ thời trẻ, cho nên thơ của Huy Hà, nhiều bài mang hơi thở ca dao:

Mười chín tuổi chị lấy chồng

Hai mươi mới có con bông trên tay

Mỗi lần ru giấc ngủ ngày

Chị ghiền tiếng hát, chị say câu hò

Nếu không vang tiếng ầu ơ

Không vắng vắng tiếng võng đưa
thâm trầm

Chi buồn như buổi chợ tàn

Như ngày không nắng như rằm không trăng.

(Mẹ con Tiên nữ, 1958)

Tôi thấy nguồn hứng của Huy Hà triển miên, chớ không phải từng lúc,

và đợi có hứng mới viết. Anh viết trong bụng, lúc chèo xuống, đậu xuống nằm nghỉ dưới bóng cây ở ven sông, và cả lúc hành quân giết giặc.

Năm 1950, khi chiến khu 9 mở chiến dịch Long Châu Hà (Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên), tôi và Huy Hà đi làm phóng viên chiến trường cho báo nhà. Dọc đường gặp nhạc sĩ Quốc Hương, hai người cùng làm bài hát cho chiến sĩ hát, đó là bài “Cười Vui Mà Đi Long Châu”, nhạc của Quốc Hương, lời của Huy Hà. Huy Hà không biết nhạc, Quốc Hương phải hát bằng dấu «sắc», «hỏi», «huyền», «không» cho anh nghe ở một gò địa. Sau khi vượt qua kinh Cái Sắn trên đường lên Mỹ Hiệp Sơn, Quốc Hương bảo Huy Hà:

– Mày ráng làm cho xong. Tối nay đốt lửa trại, tao sẽ hát cho chiến sĩ nghe.

Huy Hà vừa lộ sinh ngang tới cổ, vừa làm lời. Anh biết tôi có chơi măng-đô-lin, nên gọi lại hỏi chữ này chữ khác. Lúc đó mệt đến điên người, còn nói sao ra cho được nữa, tôi đáp:

– Anh cứ cho một cục sinh vô là xong.

Đêm đó, Quốc Hương cầm giấy nghiêng vào ánh lửa, vừa đọc vừa hát. 46 năm trước, những người đi kháng chiến chống Pháp nếu từng dự chiến dịch này, có còn nhớ dáng điệu hùng dũng của nhạc sĩ Quốc Hương đêm ấy bên bờ Kinh Xáng Mỹ Hiệp Sơn bên sườn núi Ba-thê?

Quốc Hương đã dùng tiếng hát tài hoa để lau chùi lòng súng của chiến sĩ Trung đoàn Tây Đô vào mùa xuân năm ấy. Nay thì tiếng hát đã nằm yên dưới mộ

với nhạc sĩ, còn người làm lời ca thì nằm trên giường bệnh.... ở Sài Gòn:

Cười vui mà đi Long Châu

Tình thương reo trong nòng súng

Ta về mang theo Vui Mừng

Cầm súng ta đi diệt Tây

Quân về Long Châu! Quân về Long Châu!

Có lẽ đó là bài hát độc nhất của Huy Hà?

Tôi là kẻ đi bên cạnh anh, khi anh nhắm từng câu. Cũng là người nghe đầu tiên khi anh Quốc Hương hát thử trước khi trình diễn. Cái tâm hồn nghệ sĩ và lòng yêu nước của hai anh thật là hồn nhiên và lồng lộng. Riêng tôi thì thấy mình bước gần tới nghệ thuật thêm bước nữa.

Cũng trong chiến dịch này, Huy Hà đã làm hai câu thơ ca ngợi tình đồng chí nơi chiến trường:

Sắc rằn chia đứa nửa con

Mặn mà, mà nhớ, mà thương nhau
hoài.

Chữ mà điệp vận mới hay làm sao!

Huy Hà làm nhiều thơ lắm, bài nào cũng hay, cũng có thi tứ độc đáo. Người dân Sài Gòn, nhất là giới học sinh, còn có ai là không biết bài “Hoa trắng thôi cài trên áo tím” của anh. Nhiều hãng Vi deo đã trình bày ở Hải ngoại và trong nước. Năm ngoái bất ngờ nghe một nữ ca sĩ hát, bỗng nhiên nước mắt tôi ràn rụa. Tôi vụt nhớ con khô sắc rằn của Huy Hà trong chiến dịch Long Châu, chính chúng tôi đã chia cho nhau.

Hỡi ôi, những kỷ niệm xưa hồ như chôn vùi trong dĩ vãng, bỗng nhiên sống lại nguyên hương nguyên tình. Đây tôi xin chép lại mấy đoạn “Hoa Trắng” của anh.

Chuyện không có gì là ghê gớm, nhưng nó bất hủ là nhờ tài hoa của Huy Hà tiên sinh.

Mỗi lần tan lễ chuông ngừng đổ

Hai bóng cùng đi một lối về

E lệ, em cầu kinh nho nhỏ

Thẹn thường em dừng lại không đi

Từ lúc giặc ruồng vô xóm đạo

Anh làm chiến sĩ giữ quê hương

Giữ màu áo tím, người yêu cũ.

Giữ cả lầu chuông, nóc giáo đường

Ba năm sau, chiếc xe hoa cũ
Chở áo tím về trong áo quan
Chuông đạo ngân vang hồi vĩnh biệt
Khi anh ngồi kết vòng hoa tang.
Anh kết vòng hoa màu trắng lạnh
Tùng cài trên áo tím ngây thơ
Hôm nay vẫn đóa hoa màu trắng ..
Anh kết tình tang gửi xuống mồ.
“Lạy Chúa, con là người ngoại đạo
“Nhưng tin có Chúa ngự trên trời.
“Trong lòng con, giữa màu hoa trắng
“Cứu rồi linh hồn con, Chúa ơi!”

Tôi không có ý định viết về thơ Huy
Hà, chỉ ghi lại tình cảm xưa của tôi đối

với anh qua vài đoạn thơ, những thơ hay không ngừng bút được, xin chép thêm vài đoạn “Đẹp Hậu Giang “ là bài thơ mộc mạc nhưng thâm thúy như ca dao:

Muối Bạc Liêu mặn tình biển cả
 Tiêu Hà Tiên nồng ý quê hương
 Thơm tho khói thuốc mùi Cao Lãnh .
 Cá cháy bùi ngon và Sóc Trăng
 Gạo móng chim thơm mùi rạ ngọt
 Nấu nồi hòn Đất hòn Me
 Chum than đượm lửa cây đước
 Ôi lửa Cà Mau đẹp bóng quê

Trở lại xóm dừa mùa lửa loạn
 Ngồi trên bến cũ lắng thời gian

Vô tình tôi vớt trong dòng nước
Giọt máu miền Nam nước Việt Nam³
Nước chảy một dòng ra biển cả
Vẫn mang tình nước Cửu Long Gi-
ang
Sóng ơi! dù nước ra khơi biển
Vẫn nhớ rễ bần đất Hậu Giang.

Bài thơ này Huy Hà làm trước 1950.
Anh có đọc cho tôi nghe. Sau đó anh về
Sài gòn mới in ra, và đề năm 1956 .

Và một bài thơ làm cùng thời: “Tiền
và Lá” tặng thi sĩ Nguyễn Bính để nhớ
ngày tá túc ở xóm biển Kiên Giang:

Ngày thơ hớt tóc “miếng vừa

3 Hai câu này lúc chưa in là: “Khêu đèn tôi thấy trong lòng
nước/ Có máu miền Tây, máu Hậu Giang.”

“Ngày thơ, mẹ bắt đeo bùa “cầu ông”
 Đôi ta cùng học vỡ lòng
 Dắt tay qua những cánh đồng lúa
 xanh
 Đôi nhà cùng một sắc tranh,
 Chia nhau từ một trái chanh trái đào
 Đêm vàng soi bóng trăng cao
 Ngồi trên bờ giếng đêm sao trên trời
 Anh moi đất nắn “tượng người”
 Em thơ thần nhặt lá rơi. . . “làm tiền
 Mỗi ngày chợ họp mười phiên
 Anh đem “người đất “đổi “tiền lá rơi
 Nào ngờ, mai mả cho tôi
 Lớn lên em đã bị người ta mua

Kiếp tôi là kiếp làm thơ
Vốn riêng chỉ có muôn mùa lá rơi
Tiền không là lá em ơi
Tiền là giấy bạc của người in ra
Người ta giấy bạc đầy nhà
Cho nên mới được gọi là chồng em
Bây giờ những buổi chiều êm
Tôi gom lá đốt, khói lên tận trời.

Thời ở tòa soạn báo với hai anh, tôi được đọc nhiều thơ của Nguyễn Bính, có thể nói tôi thuộc hết thơ của Nguyễn Bính. Đặc biệt là bài Lỡ Bước Sang Ngang, dài trên một trăm câu lục bát. Tôi đã mua mực Waterman để chép thơ. Nếu rủi có chôn xuống mộ cũng không phai. Việc chép thơ và thơ đối với tôi

thời đó không xa lạ. Nhưng bây giờ nhớ lại, tôi mới thấy tôi đã dần dà đi vào văn chương mà không hay. Lúc còn ở nhà, tía tôi bắt chép thơ Đường, đọc Kiều để tìm ra “Mười lăm năm”, tôi không bao giờ nghĩ rằng mình sẽ làm thơ.

Khi đi học với thi sĩ Tâm Điền, tôi cũng mới biết làm thơ. Khi sống với anh Sáu Rum, tôi cũng chỉ dám nghĩ «sẽ làm thơ», nhưng mỗi lần thấy anh ngồi xuống, là xong bài thơ đăng báo, tôi sợ quá, nên tôi phải giữ phận «gối rơm». Nhưng khi đi chơi, trò chuyện với Anh Tài và Huy Hà, thì tôi thấy là «người ta làm được, mình cũng làm được,». Tuy Anh Tài có chỉ cho cách viết như trên, nhưng tôi không biết làm sao mà viết cho ra chuyện. Và chuyện gì mới được chứ?

Thời gian đó, trên báo chí đăng

những bài phóng sự trận đánh, thơ và những bài chính trị, và lâu lâu mới có một vài mẩu chuyện nói về chiến sĩ. Chỉ có Đoàn Giỏi là người đầu tiên viết truyện, đó là truyện «Đường Về Gia Hương», độ chừng 50 trang, và «Khai Sát Giới», nói về một nhà sư dùng cảnh chùa làm bãi chiến trường giết giặc pháp, không nhớ tên tác giả. Ngoài ra, Nguyễn Bính viết một truyện bằng thơ là «ông Lão Mài Gươm». Mãi về sau mới có giải thưởng Cửu Long năm 1950 (?) mới thấy xuất hiện Minh Lộc với Con Đường Sống, và Hoàng Văn Bốn với Vỡ Đất. Rồi đến truyện Xung Kích ở ngoài Việt Bắc vào.

Tôi đọc Xung Kích mới thấy rõ những nét của anh bộ đội có đời sống, có tâm tình, chớ trước kia không dám đưa cuộc sống riêng tư của nhân vật vào truyện vì cho rằng nó không có tính chiến đấu.

Riêng về Anh Tài là người viết truyện tiên phong ở Nam Bộ, nhưng cũng không có nhân vật bộ đội hoặc người kháng chiến. Anh viết nhiều về những tá điền với chủ điền Tây ngày xưa như: Tây Đầu Đỏ, Bên Rừng Cù Lao Dung. Trong đó anh mô tả nhân vật toàn diện, có tên tuổi có gia thế, hoàn cảnh chống áp bức và hành động rất hiện đại. Bây giờ nhớ lại, tôi thấy truyện của anh viết cách đây 40 năm vẫn còn mới nguyên. Tôi vẫn thích nhân vật Bảy Cần trong Tây Đầu Đỏ ngồi dưới bếp quạt lửa nấu nước. Nước đã sôi mà không chịu lên nhà trên vì hổ thẹn đã đưa con gái mình qua nhà Tây Đầu Đỏ để phụ «rửa chén»...

Anh luôn luôn nhắc tôi phải tránh lối viết và đối thoại «tự nhiên chủ nghĩa» mà có một lúc người ta xúm nhau đi vào cái lối mòn và sai lầm đó. Anh bảo: Văn

chương phải là gọt giũa nếu không, ai cần văn chương!

Muốn biết chợ búa ra sao, người Pháp chỉ cần đi chợ là đủ, chớ cần gì đọc chuyện Maupassant. Còn muốn biết lá rụng ra sao, chỉ cần nhìn lá rụng, chớ đâu phải đọc Lá Thu của Hugo cho tốn thì giờ!

CHƯƠNG XI

NHÀ PHÓNG VIÊN BẮT ĐẦU BIẾT MÙI THUỐC SÚNG

Tôi làm phóng viên cho Tiếng Súng Kháng Địch đi xuống bộ đội đánh giặc, phục kích giao thông, công đồn. Ban đầu sợ lắm, nằm chờ giặc đến cứ mắc đái hoài, mà đã có chỗ để đi, cứ tè tại chỗ. Cái chi tiết này, tôi viết lên báo, chiến sĩ thích lắm, nói đó là thực tế. Nhất là mấy anh tân binh thì cho rằng «đúng» vô cùng.

Có lẽ nhờ quen với bộ đội hồi ở Bến Tre, bây giờ gặp bộ đội, tôi «hít» lắm, tôi cho chiến sĩ đánh Tây là những người anh hùng. (Họ tưởng đánh Tây xong, nước mình độc lập thiết tình. Nào dè sau khi Tây đi, người ta còn muốn Tây trở lại!). À quên, tôi cũng có hụ hợ trong trận Tầm Vu nữa chứ, đầu hồi 1949-50 gì thì phải. Lâu gì lâu dữ, làm sao mà nhớ chính xác ngày tháng, những hình tượng thì không phai mờ. Cái trận đó lấy được «Cà nông xăng xe» tức là cà nông 105, chiến sĩ ta kéo không nổi, phải bắt trâu bò kéo... đến đứt ruột chết. Trâu kéo thì tôi thấy, nhưng trâu đứt ruột thì không, vài mắc lo chạy trước, chứ đâu có ở sau. Về nhà tôi viết phóng sự, thì anh sáu mới thêm cái vụ «đứt ruột» vô. Tôi cãi lại, anh cú đầu tôi: «Mày chạy trước nên không biết». Về sau tôi mới hay là ảnh «sáng tác» cái vụ «đứt ruột» đó. Thế là tôi học

được một bài học trong nghề viết...

Vụ đánh trận Sóc Xoài, cũng trước hay sau vụ Tầm Vu ít lâu thôi, nhưng chỉ lấy được cà-nông «xăng dít» (quatre vingt dix=90), anh em nhại theo «xăng xe» hồi trận trước nên nói là «xăng dít», chớ kỳ thật không có cà-nông nào 110 ly, chỉ có 90 hoặc 105 ly.

Hồi đó đánh Tây vui thiệt vui, coi cái chết như không. Vì yêu nước mà! Chiến sĩ ra trận ôm súng mút-cờ-tông trong tay mà chưa biết rành, chỉ huy phải bò tới bảo: bắn, lấp đạn, nhắm như vậy, như vậy... Thế mà đánh vẫn thắng như chẻ tre, không có trận nào mà không thắng cả. Liều mạng cũng có khi thắng địch chớ!

Có một trận vui thiệt vui, Tây chết bộn, đốt xe cháy mịt trời. Bỗng từ trong

đám lác nhô lên một cái đầu tóc vàng hoe, quần đốn, mặc áo không phải áo, quần không phải quần. Chiến sĩ không biết, đó là một con đằm. Nó tốc váy lên... ý nó bảo chiến sĩ ta.... rồi dùng giết nó. Bỗng anh chỉ huy tới hết, nó hoảng hồn buông váy xuống và lui.

Khi về viết phóng sự, tôi cũng ghi ra y như vậy. Anh Sáu gạt bỏ hết cả đoạn này mà không giải thích cho tôi hiểu tại sao.

Sau đó, gặp Anh Tài, anh mới bảo:

– Tout n'est pas bon à dire! (Không phải cái gì cũng nói ra được!)

Thế là tôi học được một bài học khác, không chỉ trong văn chương mà cả ngoài đời.

Cuộc đời làm phóng viên của tôi, có

ai dạy cho ngày nào mà vẫn cứ phóng ào. Tuy vậy cũng oai! Khi xuống bộ đội thì vị chỉ huy giới thiệu đây là phóng viên của khu. Tôi được đi chung với ban chỉ huy, ngồi chung hầm. Trên lưng mang ba-lô, vai đeo sắc-cốt, túi giắt bút máy, ghi ghi chép chép. Bên trong sắc-cốt toàn là giấy trắng, tưởng có thể viết bài cả trăm trang.

Bữa đó đánh đồn. Tôi định bụng sẽ tường thuật một bài thiệt ngon để lấy oai với chiến sĩ. Thường thường những trận đánh không có phóng viên đi theo, ở nhà cứ nghe tin chiến trường rồi sáng tác phóng sự, nên chiến sĩ đọc thấy không đúng sự thật, các vị chỉ huy cự nự rùm trời «nhà báo ở trong tháp ngà». Lần này thì không thể nữa. Tôi hỏi từng đội từng tên để tường thuật, không chê vào đâu được.

Ngờ đâu khi cây moọc-chê 81 của đại

đội trợ chiến mở đợt phá khẩu cho xung kích lại không găm. Cả nửa tiếng đồng hồ loay hoay ngoài vòng rào không vô được. Lính trong đồn hay, bắn ra như mưa bắtc. Đơn vị (của anh Thiên) phải rút lui. Nhưng khổ cho tôi. Trận đó tôi bò vô với một đội xung kích, ý định sẽ viết cho kỹ việc chiếm đồn. Cho nên khi nghe quân ta hô «xung phong» tôi cố bò tới. Một lúc lâu nhìn lại còn có một mình. Phía sau lưng tôi bộ đội đang rút lui, len lỏi dưới mé mương từng tốp, tôi mới giật mình. Thôi bỏ mẹ rồi! Khi xuất phát, ban chỉ huy có phổ biến:»Xung phong» là khẩu lệnh «rút lui!». Lâm trận, đầu óc rối bời, tôi quên khuấy đi, cứ tưởng xung phong là xung phong chứ đâu có nhớ đó chính là rút lui!

Ông phóng viên bèn vọt theo, chạy bò càng. May không bị thương nhưng về

đến địa điểm thì ba-lô lẫn sắc-cốt còn bỏ bên rào bót. Trận này về đến toà soạn tôi chỉ tường thuật miệng.

Tuy vậy ông phóng nhà ta cũng không ngán. Lần này cũng đi đánh bót nhưng không công đồn mà «nội ứng».

Bạn biết sao tôi hằng đánh đồn vậy không? Vì tấm ảnh của Chateaubriand, tác giả quyển Mémoires d'outre Tombe – («Ký ức dưới mộ»). Ông ấy đẹp trai lắm. Có người yêu tên Récamier hay gì đó quên mất. Thuở nhỏ đi học thấy tấm hình của ông ấy chụp đứng bên đồng gạch điêu tàn (Ruines) «tóc lộng tơ bởi gió bốn phương». Vẻ mặt sầu thảm, đôi mắt ngó xa xăm, tay phải thọc vào áo gi-lê, chân bắt chéo. Nói chung là rất nghệ sĩ. Cái tấm ảnh đó vẫn còn ăn sâu vào đầu tôi qua khói lửa kháng chiến cũng không mờ. Tôi bỗng có ý định chụp một

tấm hình «nghệ sĩ» ‘ như vậy. Đánh đồn xong là đốt. Tôi sẽ đứng bên xác đồn đổ nát hoặc xác xe bốc cháy mà chụp một tấm hình kiểu đó. Cho nên bộ đội đánh xe, đánh đồn gì chàng cũng phóng theo. Lần đánh nội ứng (bót Phán Đăng – ở Cần Thơ) bị nội ứng phản thù, nhưng quân ta cũng vô được bên trong.

Anh tiểu đội trưởng của tôi chĩa súng vô ngực tên lính đang ngủ trên giường bắn nửa loạt Tôm xông (tức súng máy Thompson). Một tên khác ở đâu không biết, nhào tới giật súng. Hai người giằng co. Tôi rọi đèn pin và kêu một chiến sĩ khác tới bắn. Còn viên đội có súng lục lúi dưới gầm giường. Tôi thấy rõ ràng hẵn chĩa họng súng về phía chúng tôi: – Pằng! Tôi nghe đau đặng, tôi buông cây đèn và tìm lối thoát ra bót. Lúc bấy giờ đã im tiếng súng, đơn vị đã rút lui cả rồi

(mà không hô xung phong tiếng nào cả).

Một anh bộ đội công tôi chạy

Trận đó, bài phóng sự cũng không viết được, vì quân ta bỏ lại trong đồn sáu xác chiến sĩ.

Còn nhiều trận lâm ly vui vẻ nữa, nhưng chỉ xin kể mấy trận để minh họa bước đầu viết phóng sự của tôi. Cái tên «Xuân Vui không biết ai đặt cho, được ký trên báo hồi thời đó.

Mới vừa rồi có anh chỉ huy cựu trào chống Pháp, nghĩa là cách đây 46 năm, một trong các vị chỉ huy nổi tiếng là «anh dũng xung phong, nổi sợ hãi của giặc Pháp» đến thăm tôi. Lạ chưa, như một giấc mơ! Anh năm nay đã 81 tuổi. Hai anh em ngồi uống trà. Anh nhắc lại những trận đánh ly kỳ thời 45-50 mà chỉ

những người yêu nước dám phơi gan trải mật dám xông vào. Chính tôi đã đi theo bộ đội của anh trên khắp miền Tây. Đánh không biết bao nhiêu trận. Nào đánh xe thiết giáp. Nào đánh chìm tàu Tây, nào đột nhập thị xã này, thị trấn nọ...

Những trận chiến thắng huy hoàng đem chiến lợi phẩm về triển lãm. Chiến sĩ được đồng bào coi như thần thánh. Tôi hỏi những vị chỉ huy cùng tuổi với anh hiện ở đâu?

– Chết hết rồi! Chi còn tao là đạn chèn còn đây thôi !

Tôi nhớ lại những ngày lặn lội ở miền Tây 9 tỉnh Hậu giang. Không chỗ nào là chỗ không có dấu chân anh. Anh nhắc lại. Tôi cũng bổ túc thêm.

Bỗng anh hớp miếng trà và cười ha hả:

– Nhưng chắc mày quên một chỗ?

– Chỗ nào vậy anh Tư?

Anh lại hộp trà như để thẩm giọng, sửa soạn kể một chuyện dài, và nói:

– Em nhớ hồi mình đánh lấy chiếc xe tăng ở Hà Tiên không?

– Dạ nhớ. Đó là sau trận đánh tàu lấy được vô số đạn dược và cà-nông. Tôi nói luôn – Trận đó đánh chìm tàu là do ý kiến của anh. Lần trước nước lớn, tàu chạy ngang súng mình bắn không lúng vì hông tàu bọc sắt. Anh tức mình chửi ó trời. Mấy bữa sau anh lại cho phục kích. Chờ nước ròng, mình ở trên bờ bắn chĩa xuống, lòng tàu không có bọc sắt. Trời! Lấy đạn thùng nào thùng nấy đây ắp, đạn vàng tươi, mê con mắt. Nhưng còn cà-nông thì nó bắt bù loong dưới đáy tàu,

không gỡ được, phải đưa thợ lặn xuống cửa đem lên.

Anh tiếp:

– Phải rồi. Sau đó nhờ đạn mới, mình đánh lấy xe tăng. Đánh xong lấy dây xích đem về triển lãm, chớ xác xe tăng quá nặng không chở về nổi. Rồi mình kéo quân từ Hòn Me, Hòn Đất về nghỉ dưỡng quân ở Chưn Qui, Đá Bạc. Để anh Tư nhắc cho em nhớ. Đó là «Chưn Qui» chớ không phải là «Kim Qui». «Kim Qui» là sau này người ta chữa lại cho văn hoa, chớ gốc cũ nó là «Chưn Qui» vì vùng này có cái rạch rẽ ra 5 nhánh như cái chưn con qui (rùa) xòe ra vậy nè (anh xòe 5 ngón tay để trên bàn). Nhớ chưa ?

Anh tiếp:

– Trong năm nhánh đó, có một nhánh tên là..., anh Tư đố em nhớ là rạch gì?

– Rạch Nàng Chăn.

– Rạch Nàng Chăn ở Cái Tàu. Không phải ở Chưn Qui.

– Rạch Nàng Bèn.

– Nàng Bèn ở Vị Thanh chứ không phải ở đây.

Tôi nhớ ra rồi, nhưng làm bộ quên, để anh Tư nhắc lại thì chắc đây đủ hơn tôi. Anh Tư lại hỏi:

– Em nhớ ra chưa? ... Đó là rạch «Độn Lò».

– Vùng Chưn Qui, Đá Bạc, đâu có rạch nào tên đó anh Tư.

– Như vậy trí nhớ của em thua anh Tư rồi! – Anh kể tai nói nhỏ – Đó là rạch «Độ L...»

– Đâu anh Tư kể tiếp coi. Em quên rồi.

Anh cười ha hả rồi tiếp:

– Trong bản đồ, sử sách đều không có cái tên này đâu Cũng như đầm Dơi, đầm Cùn, đầm Bà Hính vậy. Đây là tên do người dân cổ cư ở đây đặt ra thôi. Số là vậy: thuở xưa ở vùng này còn là bãi sinh lầy mênh mông, muốn đi qua phải dùng một miếng ván nhỏ và một cây gậy Người ta đứng một chân trên ván, còn chân kia thì chòi bùn, trong lúc hai tay cầm gậy chỗi nhịp nhàng theo chân chòi để đẩy tấm ván lướt trên sinh mà đi tới. Chớ nếu lội thì bùn sinh lên ngập tới háng, thì làm sao mà đi được? Anh tiếp:

– Em còn nhớ không, bà con mình nghèo lắm, bộ đội đến đó thấy bà con mặc bố tời, phải đem quần áo ra cho. Cuộc sống thật là chật vật buồn tẻ, bộ đội về là cả

một niềm vui (tôi không nhớ đây có phải là làng Đông Thái, quê hương của Anh Tài không) Nghề sinh nhai chỉ là đi bắt vọp. Em nhớ con vọp chớ?

– Dạ nhớ chớ anh Tư. Em cũng đã từng đi bắt vọp mà!

Anh tiếp:

– Con vọp nằm ở dưới sình sâu chừng hai gang tay, người có kinh nghiệm, nhìn trên mặt bùn là biết có vọp nằm ở dưới, bèn xúi bàn tay xuống rồi nâng lên, tức thì trên tay có một hai con vọp, mỗi con to bằng nửa cái chén nhớ không nhỏ.

– Luộc nhậu để đã lắm, anh Tư.

– Phải rồi, nhưng bắt vọp cũng có nguy hiểm, chớ không phải chơi. Muốn bắt vọp phải chuẩn bị; trước nhất là tấm ván như đã nói ở trên. Thay vì đứng,

người bắt vộp lại ngồi, và ở đằng sau để một cái thùng con, chân chòi, tay bơi bùn, gặp chỗ nào có dẫu thì dừng lại bắt. Nhiều khi bắt vộp nhưng lại quơ trúng cá mặt quỷ. Em nhớ cá mặt quỷ không?

– Dạ nhớ. Em chưa bắt lần nào, nhưng nghe người ta nói nó chém đau la trời ba ngày không hết.

Anh Tư tiếp:

– Nó làm ói mửa, nóng lạnh nữa, chớ phải nhức nhối mà thôi đâu. Không biết nọc gì mà độc vậy? Nhưng có một thứ thuốc thần hiệu, chữa hết ngay, chỉ sưng sơ sịa thôi.

– Thuốc gì mà em không biết?

Anh Tư cười hắc hắc, đưa tay che miệng:

– Như vậy nhà báo thua già này rồi. Đây này, để anh Tư nhắc cho: hể đàn bà mà bị thì kêu đàn ông tới «rưới nước cam lồ» lên tay là đỡ nhức liễn.

– Còn đàn ông bị, anh Tư?

– Đàn ông bị thì cũng kêu đàn ông tới rót chớ, «cái bình cam lồ» của đàn bà làm sao rót được!

Hai anh em cùng cười. Anh Tư tiếp:

– Để trừ cái nạn cá ma quỷ, bà con mới chế ra bao tay bằng lát. Đeo bao tay thì cá đâm không lủng, vọp bắt đầy thùng mà vẫn an toàn.

Tôi hỏi ngoéo lại:

– Còn rạch... ở đâu, anh Tư?

– Để anh Tư nói cho nghe: đàn bà con gái đi bắt vọp đông lắm. ở vùng đó

không có nghề gì khác làm ra tiền, nên sáng ngày cơm nước xong là người ta rủ nhau chõì bùn đi bắt vọp. Bắt đầy thùng là đúng trưa, lại rủ nhau đi về. Mình mấy dính bùn sinh phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới về nhà bưng ra chợ bán được chớ! Chị em đến một cái lạch, hồi đó chưa có tên, cởi hết quần áo ra, lặn hụp một cách tự nhiên. Cô này thấy chị kia, chị kia thấy cô nọ.... Ngày nào cũng vậy, riết rồi quen, không mắc cỡ gì hết. Đôi khi lại còn trêu nhau: Sao của chị như vậy, của em như vậy? – Ủ thì trời sanh như vậy, ai biết đâu nào? – Đồ quỷ đừng có hỏi, biết đâu mà trả lời! Đang khi độ... với nhau, thì bỗng một đám thanh niên chơi ván đi qua, nhìn vào. Họ la lên:

– Đó mấy bà độ L. . . đó , thấy chưa ?

Ngày này tháng khác như vậy, thế là con rạch mang tên là rạch độ... Nhưng

có nhiều người muốn tránh tiếng tục nói lái, thành ra rạch “Độn Lò.”

Một chốc anh hỏi:

– Sao, hồi đó em có viết lên báo không?

– Có viết mấy trận đánh xe tăng và đánh tàu, nhưng không có đem cái rạch đó vô.

– Bây giờ hồi ký đi. Anh thấy em viết hồi ký bộn mà!

– Dạ, để rồi em đem nó vô sách.

Cổ sự tân biên. Chuyện xưa nhắc lại, tưởng chừng như mới hôm qua. Cũng chính nhờ những ngày lưu động thích thú với các đơn vị bộ đội, mà tôi làm bài hát Niềm Thương Mến mô tả đời lính, và được tặng giải thưởng Cửu Long Nam

Bộ năm 1950 (nhạc của Phan Vân). Tôi làm xong năm đoạn lời trong lúc ngồi cắt tóc trong một quán ở Ô Môn (Cần Thơ). Nếu có điều kiện, tôi sẽ hồi ký về những năm tháng đi bộ đội đánh Tây

NIỀM THƯƠNG MẾN

I

Trải qua mấy mùa thu kháng chiến

Chúng ta là người ở bốn phương.

Cùng thoát ly gia đình ra đi.

Cùng gặp nhau trong đại gia đình:

Vệ Quốc Quân, Vệ Quốc Quân!

II

Tấm khăn rách còn nhường cho
nhau,

Giữa đêm trường đầy sương gió reo.

Lòng súng ôm trong bàn tay run,

Cùng chia sốt khi cùng đói long

Từng miếng khô, từng vắt cơm.

III

Có những lúc nằm kề bên nhau

Nói tâm tình lòng không giấu nhau.

Càng hiểu nhau ta càng thương
nhau,

Càng thương nhau trong đại gia
đình:

Vệ Quốc Quân, Vệ Quốc Quân!

IV

Nhớ những phút nằm chung trọn
tuyến

Xé khăn mình liền băng vết thương.

Choàng cánh tay ôm người bạn ta

Làn môi xanh chưa tàn nụ cười,

Dòng máu tươi tràn ướt tay.

V

Trải năm tháng đời vui chiến đấu,

Súng bên mình lòng hăng giết Tây.

Dù khó khăn nhưng lòng không nao,

Dù gian nan không một bước lùi,

Nghèo súng gươm, giàu chiến công!

Điệp Khúc

Khi gần bên nhau,

Ta vui sống trong niềm thương mến,

Thêm nặng tình đồng chí, tử sanh
không rời.

Về thời gian này, hai anh Anh Tài và Huy Hà ít có mặt ở cơ quan, còn tôi thì “hoạt động” văn nghệ rất mạnh. Ngoài nghiệp vụ phóng viên, tôi còn đi theo đoàn văn nghệ khu. Lúc này có câu lạc bộ Quân nhân ở Ngan Dừa. Ông Nguyễn Văn Trấn, chánh ủy khu thường đến đây nói chuyện về văn học nghệ thuật. Ông nói cả về kịch. Sau buổi nói chuyện có văn nghệ “giúp vui”. Hồi đó nói là giúp vui, chứ không có nói “biểu diễn”, nói là đoàn Văn nghệ, chứ không nói là “Văn công” như sau này.

Tôi là cây “chìa khóa” mở cửa nào cũng được. Thiếu vai gì, tôi “mần” vai nấy. Tây thì càng dễ. Chỉ hơi nhỏ con chút thôi, nhưng đóng Tây “Quinine” thì rành, đóng con gái, má chiến sĩ cũng được tuốt. Quay ra kéo màn cũng chẳng thua gì ai. Molière cũng kéo màn cho

một gánh hát lưu động khắp nước Pháp, tới 42 tuổi mới viết kịch đó sao?

Nghe ông Nguyễn Văn Trấn nói chuyện, nhà phóng (vò) viên còn lăm le viết kịch nữa đó chứ. May cho khán giả là anh ta không viết vở nào. Cống Quỳnh ngày xưa có làm bốn câu thơ và bị đánh rớt vì bốn câu thơ đó:

Văn chương phú lục đã xong rồi,

Còn giấy làm chi chẳng vẽ voi ?

Nhưng có câu này xin nói trước:

Đứa nào cười tở, nó ăn bòi!

Còn nhà họ Phóng này, thấy sân khấu có lúc im phắc vì chờ dọn màn, bèn nhảy lên xô-lô. Ôm ghi ta đánh “móc” (arpège) chứ chơi sao! Và cũng được khán giả vỗ tay bể rập. Bài tử là “Về Miền Trung” của

Phạm Duy, đôi khi do nhạc sĩ Văn Cử đàn tay trái “ắc-com-ba-nhê !”

Phải nhắc lại: cái anh Văn Cử này đàn kỳ cục lắm. Người ta bấm phím tay trái, đàn tay phải, còn ảnh thì ngược lại. Cho nên những ắc-co, thay vì từ trên đánh xuống, anh lại từ dưới quào lên, nhưng cũng ra rê-đô-son-mí như ai.

Trên sân khấu này, ca sĩ Quốc Hương là ngôi sao sáng chói nhất. Anh đã 35 tuổi, mặt vuông, quai hàm banh ra, râu ria tua tủa. Nhưng khi anh lên sân khấu thì anh trở thành thần tượng của các thiếu nữ trong khu. Nghe nói có Quốc Hương hát ở đâu là xuống ghe chật bến.

Riêng tôi cũng mê Quốc Hương như thế. Ngày nay có phương tiện hiện đại, đèn màu, micro tối tân, ca sĩ thượng thặng, nhưng tôi chưa thấy ai

hát bài Trường Ca Sông Lô của Văn Cao bằng Quốc Hương.

Có một điều lạ lùng là, anh như một nghệ sĩ ngoại lệ. Anh uống rượu, hút thuốc liền miệng, thức khuya bạt mạng không kiêng cử thứ gì cả, không cả luyện giọng, nhưng hát rất to, rất hay không bao giờ có micro. Và lúc nào có bộ đội là có Quốc Hương, hát đến mệt ăn thua.

Anh đã gieo vào tâm hồn tôi sự say mê nghệ thuật. Than ôi! Ca sĩ đã mất rồi, nhưng hình dáng của anh đứng trên sân khấu lưng đeo súng lục, đầu đội ca lô (như họa sĩ Diệp Minh Châu) với điệu bộ hùng dũng, anh đã làm say mê cả đồng bào và sông nước Hậu Giang trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Chính miền Tây sấm uất độc lập hoàn toàn đã cho tôi thở cái không khí

văn nghệ, và tôi đã đi vào như một tia nắng hỗn nhiên lúc mặt trời mới mọc.

CHƯƠNG XII

NHỮNG BẬC THẦY TRONG VĂN XUÔI

TÔ HOÀI – HƯƠNG HOA NGỌC
LAN NGÀY NÀO

Thời gian đi quá nhanh, mới hồi nào tôi là thiếu nhi cứu quốc, nay đã là thanh niên 24 tuổi: 1954, tôi xuống tàu đi tập kết ra Hà Nội với bao nhiêu ước vọng mơ màng trong nghề làm báo.

Hồi 9-10 tuổi tôi đã đọc Nguyễn Công Hoan, Nhất Linh, Khái Hưng... Nay ra Hà Nội ắt gặp các vị ấy. Mà thật, khi ra Hà Nội tôi gặp hầu như tất cả những văn nhân mà tôi từng biết trên sách báo, hoặc nghe danh tiếng.

Xin kể cho đầy đủ: Văn Cao, Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hồng, Ngọc Giao, Hồ Dzếnh, Vũ Đình Liên, Trương Tửu, Bùi Huy Phồn, Chu Thiên, Mộng Sơn, Vân Đài, Anh Thơ, Xuân Diệu, Thế Lữ, Tú Mỡ, Chế Lan Viên, Huyền Kiêu, Trọng Hứa, Tố Hữu, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng, Huỳnh Văn Gấm, Diệp Minh Châu, Trần Văn Lắm, Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Bính, Đỗ Nhuận, Văn Chung, Lương Ngọc Trác, Nguyễn Văn Thương, Ái Liên, Phan Tội, Trúc Quỳnh, Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, Tử Phác,

Hoàng Cẩm, Lưu Trọng Lữ, Đào Mộng Long, Hoàng Ngọc Phách, Phan Khôi

Điều làm tôi vui sướng nhất là phần đông đã đi kháng chiến trên Việt Bắc, nay trở về Hà Nội, cũng như chúng tôi kháng chiến ở Nam Bộ, nay ra Hà Nội vậy.

Chỉ có một số ít nhà văn tôi đã được đọc mà không được gặp mặt. Đó là Khái Hưng, Nhất Linh, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Phạm Duy. .

Nhưng thôi, gặp được bấy nhiêu cũng đã quá nhiều rồi, mình đâu cần bằng ấy ông thầy, chỉ vài vị là đủ. Trong văn học không phải như toán học hay hóa học, công thức biến hóa vô cùng, một cái dùng cả đời không hết. Hà Nội không rộng lớn lắm, nên muốn gặp ai cũng không khó. Chỉ cần một cuộc xe

đạp chưa mỗi chân là đã có cuộc tao ngộ rồi.

Chúng tôi lúc đó được các anh chú ý tới nhiều. Vì bộ môn văn Nam Bộ đi tập kết có vài ngoe: Đoàn Giỏi, Xuân Vũ, Bùi Đức Ái, Nguyễn Quang Sáng, Anh Tài thì không đi. Riêng tôi có bài đăng báo Văn nghệ sớm nhất.

Đã có sẵn chút ít ham mê , nay ra đất ngàn năm văn vật, tha hồ mà... học. Nói đúng ra là tôi có dăm bảy bài bút ký cỡ trung bình, chớ nào có biết viết truyện ra sao. Mối lo tâm phúc của tôi là ở chỗ đó. Lúc bấy giờ chưa có hội Nhà Văn, chỉ có hội Văn Nghệ . Tôi cũng không biết ai làm chủ tịch.

Tôi được nhìn thấy ông Nguyễn Công Hoan ở số 84 Nguyễn Du. ông mặc áo sơ mi, mang dép, đầu đã bạc, nhưng còn

tráng kiện. Nói cười vui vẻ, không đạo mạo như tôi tưởng. Kể đó, tôi thấy mặt Văn Cao, người làm ra những bài hát Bắc Sơn, Chiến sĩ Việt Nam mà những trại sinh chúng tôi nhật được ở bãi biển Cồn Chim năm 1946. Sau đó là Tô Hoài. Anh có cái trán cao tóc ít, tay nhỏ nhắn như tay con gái. Rồi Nguyễn Huy Tưởng mà tôi được đọc những vở kịch dài Những người ở lại và Bắc Sơn trên báo Văn Nghệ Việt Bắc khoảng 1948 gửi vô Nam. Giấy báo lù xì, nhúng nước là rã bét.

Tôi lại gặp anh Diệp Minh Châu ở đây. Chỉ vài lần, rồi sau đó nghe nói anh được cho đi sang Tiệp học nghề điêu khắc.

Giữa những người đàn anh, tôi hơi ngán không dám sáng tác hoặc không sáng tác được, không rõ lẽ nào. Các anh ấy, ai cũng có cả chồng tác phẩm, còn

mình chưa viết được một truyện nào. Có người (như Nguyễn Tuân) đã đi ra ngoại quốc giao thiệp với các ký giả Tây Tàu, còn mình nhà quê trất, lơ ngơ như dân vô nhà việc, đứng trước mặt hương chức, xớ rớ không biết phải dựa cây cột nào cho đúng chỗ . . .

Tôi sẽ ghi một cách chân thật và đầy đủ những điều ‘ôi học được ở các cụ về phần “nghệ thuật vị nghệ thuật ‘ màthôi, còn nghệ thuật vị... cái gì khác xin gác qua cho độc giả khỏi nặng nề, nếu có đọc những trang sách này.

Một buổi chiều, trong lúc tôi nằm queo rầu rĩ trong cái ga-ra vừa muốn được với giá năm đồng một tháng, thì bỗng có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở cửa thì đó là anh Tô Hoài Anh dựng xe đạp ngoài gốc cây bên hè, tay cầm quyển sách đi vào đưa cho tôi.

Tôi đỡ lấy quyển sách. Nhìn trên bìa, thấy hai chữ Mười Năm, tôi biết ngay là tiểu thuyết của anh vừa in, do Văn Cao trình bày bìa. Giở vào bên trong tôi thấy dòng chữ “Tặng Xuân Vũ”.

– Cậu ăn cơm chưa? Anh hỏi.

– Dạ chưa!... ủa rồi?

– Rảnh không? Đi lại đằng này chơi với tôi một chuyến đi.

Tôi vào thay quần áo và dắt chiếc xe đạp màu vàng hiệu Alpha nặng như sắt khối (của cơ quan), nhảy lên đạp theo anh.

Chạy phía sau, tôi mới thấy rõ tướng của anh: người nhỏ nhắn, xe guidon car-ré, nên lưng anh thẳng, đầu hơi nghiêng bên trái, mớ tóc lúa thừa, bay bay trong nắng chiều, và bộ đồ nâu của anh hơi bạc

màu, làm cho tôi nhớ đến những ngày khói lửa vừa qua.

Anh đưa tôi đến một tiệm ăn ở Hàng Da, kéo ghế bảo tôi ngồi:

– Cậu ăn bíp-tếch nhé !

– Tôi ăn cơm rồi anh ạ ? – Mặc dầu chưa nhưng vẫn trả lời thế.

– Vậy cậu uống một cốc vang với tôi. Nam Kỳ là uống rượu được mà ! Đừng từ chối nữa.

Thế là tôi uống với anh hết một chai vang đỏ suốt buổi tiệc. Anh rất vui tính, nói chuyện huyền thiên, không khách sáo. Anh hỏi tôi đang viết gì, định viết gì v.v.. Tôi nói thật với anh là tôi không viết được, không có ý định gì hết. Chỉ muốn trở về Nam thôi.

Trong câu chuyện rất dài, anh nói liên miên, tôi hỏi anh cũng rất nhiều, tới bây giờ tôi vẫn nhớ như in trong trí xin ghi lại không thiếu một điểm nào.

“Tôi (tức Tô Hoài) viết quyển Dế mèn phiêu lưu ký hồi tuổi đang chơi dế, không có gì ghê gớm cả . Tôi thấy con ếch hay hay, tôi bèn gọi nó là ếch đại vương. Khi trời mưa nghe nó kêu “uếch uếch”, tôi càng tưởng tượng nó là đại vương, chúa tể cả đồng quê. Nó kêu lên là nhái, ễnh ương, cóc, chẳng hiu đều khiếp vía, im tiếng.

(Năm 1972, khi qua bên Đan Mạch, tôi có đến thăm nhà lưu niệm của Anderson, nhà viết truyện nhi đồng nổi tiếng thế giới. Khi tôi đứng chụp tấm ảnh trước ngôi nhà này tôi hướng tâm trí tôi về anh Tô Hoài. Nước Việt Nam mình nhỏ bé nên không ai biết tới. Văn

học ít được chú ý, chứ nếu Dế mèn phiêu lưu ký được dịch ra các thứ tiếng thì tên tuổi của anh sẽ lừng lẫy khắp thế giới!)

Anh tiếp:

– Để tôi nói chuyện về quyển Quê người của tôi cho cậu nghe: Đây là quyển sách tôi cũng viết lúc quá tuổi chơi đồ một chút. Nó như thế này: Một hôm tôi ra Hà Nội, đến tòa soạn báo của anh Vũ Ngọc Phan. Bỗng anh bảo: “Tôi muốn nhờ cậu viết cho tôi một cái tiểu thuyết” Tôi không hiểu tiểu thuyết phải viết ra sao, nhưng tôi cũng hứa. Anh Phan đưa trước cho tôi 20 đồng. Tôi về nhà mua giấy bút một đồng, còn lại tôi đem về đưa cho mẹ tôi. Một số tiền quá lớn, chưa từng có đối với tôi.

Không nhớ bao lâu sau đó, tôi viết được một xấp, đem ra Hà Nội, đưa cho

văn phòng rồi chuẩn ngay. Tôi sợ quá, không dám để cho anh Phan gặp mặt.

Tôi (Xuân Vũ) hỏi: Tại sao?

– Tôi cũng không hiểu tại sao, nhưng bụng cảm thấy mình đã làm một việc quá sức mình và hình như không phải thuộc quyền mình - còn ít tuổi thế mà dám viết tiểu thuyết.

Rồi từ hôm ấy, tôi cứ nơm nớp lo sợ, không dám ra Hà Nội nữa. Lại sợ! Một hôm tôi liều mạng đi, bụng định sẽ gặp anh Phan, nhưng rồi ra đến Hà Nội lại thay đổi ý định: không dám gặp anh Phan!

Tôi lại hối hả đến bến tàu điện – ở ngã tư Hàng Bông kia kìa – vừa mới thấy tàu ở bờ Hồ tới thì bỗng có người gọi, thì ra anh Đỗ Phồn. Anh Phồn lớn hơn

tôi 5,7 tuổi, có tiếng tăm từ lâu ở Hà Nội. Anh bảo tôi: “Anh Phan muốn gặp cậu”. Nghe thấy thế tôi càng run trong bụng. Anh Phồn lại hỏi: “Lâu nay sao không thấy cậu ra chơi?” Tôi ấp úng không biết trả lời làm sao, thì may quá, anh lại bảo: “Anh Phan khen cái Quê người của cậu lắm!” Anh nói thế rồi đi. Tôi mừng như được hóa kiếp.

Không nhớ bao lâu sau tôi gặp anh Phan. Anh bảo:

– Viết tiếp nhiều nhiều đi. Tôi đã cho đăng số này rồi!

Và anh lại đưa tôi tiền. Thế là tôi về viết tiếp. Tôi không có làm dàn bài dàn bị gì cả, cứ ngồi viết y như chép ấy mà. Thực vậy, những nhân vật đã có sẵn trong đầu. Đó là những người cùng xóm, đi qua đi lại thấy nhau hàng ngày. Đời sống của họ

tôi thuộc như của tôi; chuyện buôn bán, cưới hỏi, đặng thịt chó, nợ nần, đánh lộn, mắng chửi nhau, chứa đầy cả trong bụng. Còn cảnh vật thì ở ngay trước mặt, “cứ chép” ra thôi, có gì mà phải suy nghĩ? Tôi viết không biết bao lâu thì xong, đem ra đưa cả cho anh Phan. Rồi từ đó, anh Phan bảo tôi viết luôn, không ngừng. Anh còn bảo:

– Cậu viết khá lắm, đều tay mà lại có duyên. Trang nào cũng đầy sức sống.

Tôi biết quái gì đâu, nghe thấy anh khen thì ham và lại cặm cụi viết. Xong cái Quê người tôi viết nhiều cái khác. Nhân vật là con gái ông Ký rượu, ông chiệc ở làng, những người dân nửa chợ nửa quê ăn trắng mặc trơn và chuyện chuột. Tôi viết đến 3,4 cái chuyện chuột: Chuột thành phố, Đám cưới

chuột, O chuột. Không hiểu sao tôi lại “thích” chuột thế?

Đó là mấy nét con đường vào làng văn của Tô Hoài. Anh dạy tôi mấy điều sau đây:

– Cậu đừng có dùng hình dung từ nhiều. Thí dụ cậu muốn tả món ăn ngon, thì đừng dùng tiếng “ngon”, hoặc “rất ngon”, mà phải tả làm sao cho người đọc nghe mùi thơm, nếm được vị mặn ngọt và thèm ăn, thì đó là cậu đã đạt. Chứ nói “rất ngon”, ai biết “ngon” thế nào? Muốn tả một cô gái đẹp thì đừng dùng tiếng “đẹp”, mà hãy tả mái tóc làn môi, nước da, nếp áo v.v... làm cho người đọc thấy cô ta hiện lên đẹp như ý định của mình.

Đừng bao giờ viết: Ngon vô tả, đẹp vô cùng, sợ khó tả. Khó tả thì phải tả nó ra cho người ta cùng sợ, cùng thấy ngon,

thấy đẹp với mình, chứ nói vô tả thì ai biết nó thế nào. Khó tả mà mình tả ra được mới hay chứ!

– Phải có mắt quan sát. Tôi chú ý thấy những buổi chiều đều khác nhau; mặc dù cũng là mặt trời lặn, cũng trâu về, cũng màn đêm xuống làm cảnh vật mờ dần... Nhưng buổi chiều mà mình tả phải có cái gì khác hơn một trăm buổi chiều bình thường. Cậu hãy ra đồng, đứng nhìn một lát thì thấy. Sở dĩ người ta viết chung chung chiều ở núi cũng như ở đồng bằng là vì thiếu quan sát.

– Cậu nên cho nhân vật sinh hoạt trong đầu, cho ông này nói chuyện với bà kia ... Hai cô cậu gặp nhau, trước khi viết ra giấy. Balzac đã cho nhân vật đối thoại nhau, ông la om sòm trong phòng như cãi lộn với ai.

– Mỗi chương là một mắt xích đưa độc giả dần tới kết luận. Mỗi chương phải làm nhiệm vụ đó, nếu không, bỏ nó đi.

– Nên có những đoạn dẫn chuyện, không phải chương nào, đoạn nào câu cũng đặc tả cả. Phải có những đoạn kể phớt để đến một đoạn mà câu dừng lại để đặc tả; ví dụ trên gương mặt cậu chỉ muốn làm bật cái miệng, hàm răng.

– Khi đặc tả thì như Tolstoi nói cụ thể tới đa. Nhưng cụ thể tới đa không có nghĩa là tả cô kia có mấy sợi lông mày, hoặc cô ta có mười ngón tay. Cậu chỉ tả một ngón có sẹo, và cái sẹo đó có dính dáng gì đến tình duyên hoặc cuộc sống của cô ta thôi ...

Tôi hỏi anh:

– Tại sao anh viết quê nhà, lại gọi là Quê người ?

Anh bảo:

– Tôi cho rằng những người này sẽ bỏ quê mình đi sống ở quê người cả vì nghèo đói.

Tôi lại hỏi:

– Anh viết nhiều vậy mà anh thích quyển nào nhất?

Anh đáp:

– Quyển nào cũng thích. Không thích không viết được. Nhưng quyển thích nhất là quyển chưa viết ra. Anh không dùng hai tiếng “Thai nghén”. Vì tiếng ấy có vẻ ghê gớm quá đối với một kẻ chưa viết gì như tôi.

Có lẽ anh Tô Hoài là người dạy tôi

chớp nhoáng nhất Tất cả những điều anh nói gom lại, chỉ trong vòng 30 phút, khi thì đứng ở góc sân, lúc lại trong buổi ăn cơm chung. Anh không uống rượu như Nguyễn Tuân hay Nguyên Hồng, nên tôi không có dịp đi chơi để hỏi nhiều, hễ gặp mặt anh thì cứ hỏi, được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Một lần vào quán Hàng Buồm, trông thấy anh đầu bếp to béo, anh bảo: “Thằng Đ.V. nhà mình!” Tội tôi cười bò ra. Con mắt anh quan sát nhanh thật.

Lần uống rượu vang ở phố Hàng Da là lần đầu tiên khi tôi ra Hà Nội (1955). Còn lần ăn cơm ở phố Hàng Buồm là lần cuối cùng trước khi tôi rời Hà Nội (1964).

Tôi vẫn xem những lời dạy của anh là quý giá mãi mãi hướng dẫn tôi trong

văn nghiệp. Có lẽ anh là tác giả tôi đọc nhiều nhất Chưa có quyển sách nào mà nước mắt tôi tưới ướt những trang giấy như Quê người. Nó ra đời khoảng 1942. Đến bây giờ đọc lại thấy văn chương vẫn mới, và bất hủ. Anh đã đến tuổi 80, vẫn còn viết. Viết từ tuổi 17, đến nay là 63 năm.

Tôi đọc anh hồi 24, nay 68. Truyện của anh sống trong tôi những đoạn, những cảnh, những người 44 năm, gần nửa thế kỷ... Tô Hoài... Tôi vẫn còn nhớ cái mùi hoa ngọc lan của Hời (anh thợ dệt) ném qua cửa sổ của Ngây (cô thợ dệt). Ngây đang dệt, biết là Hời đã tới bên ngoài bèn đứng dậy mở cửa đi ra – cái lối tỏ tình của Tô Hoài chưa thấy ở đâu, đóa hoa ngọc lan trong tay Tô Hoài đã trở thành phép lạ.

Một đoạn khác trong Quê người:

“Anh Từ (anh của Hời) đi Sài gòn. Vô trong đó, ít lâu trở về miệng cười luôn, để người ta thấy hai cái răng vàng. Rồi Từ đi, lần này lâu quá không thấy về. Vô trong cái ‘nước Sài gòn’, lấy cái giống dân đó, như lên miền Thượng lấy vợ Mường Mán, nó bỏ bùa mê thuốc lú, ăn vào quên bàn thờ ông vải mà không về nữa.”

Lại một đoạn khác:

“Anh phu trạm có chiếc xe đạp, tay cầm bằng cây chuối, thế mà các cô thợ dệt mê mết. Mỗi lần nghe tiếng chuông kính koong, các cô ngóng ra nhìn. Có cô mơ ước ồm lăn ồm lóc.”

Một cảnh đời nhà:

“Bốn người khiêng cái sườn nhà đi trên đường. Đang đi bỗng hai người cãi lộn, đánh nhau, nên bỏ ngang không kh-

iêng nữa. Cái sườn ngã qua, gãy vụn.”

Tô Hoài viết câu rất ngắn. Đặc tả của anh cũng ngắn chớ không dềnh dang. Nét bút của anh nhẹ nhàng lướt nhanh. Tiểu thuyết của anh có thể đọc hết trong một ngày, nhưng nhớ cả đời. Trong Mười năm anh mô tả cuộc tình cuối cùng của nhân vật nữ (Nhàn) với người con trai: “Nhàn cắn vào vai chàng rồi lịm đi.” “...mà đôi mắt tiếc đời còn trắng nhớn trên vai áo người yêu”.

Anh Tô Hoài còn cho tôi cái kinh nghiệm này nữa. Anh bảo khi viết truyện bất cứ ở đâu, cứ lôi nhân vật của mình về làng xóm, phố chợ của mình. Như vậy mình thuộc hơn, dễ tả hơn. Thí dụ nhân vật là người Bắc Ninh, Thái Bình, tôi cũng cứ thả họ về làng về chợ Hà Đông hoặc Hà Nội, để họ đi đứng, hoạt động... Bất cứ chợ nào trong truyện tôi cũng là

chợ Hà Nội, Hà Đông, bất cứ cánh đồng nào trong truyện tôi cũng là cánh đồng sau nhà tôi. Tôi chỉ đổi nó ra tùy mùa tùy lúc.

Có lần tôi hỏi: Trong nhiều truyện ngắn, anh ký là “Bến Ray 1942-43”. Bến Ray là ở đâu?

– Nam Kỳ ! (Nhưng anh không có vào Nam Kỳ thì phải?)

Từ trẻ đến già, anh làm việc không ngừng, đã được độc giả tặng danh hiệu cao quý: Nhà Văn của đồng quê Việt Nam. Một cây bút mà ai cũng đều đọc một cách mê say. Tác phẩm của anh xếp từ chân cao đến đầu. Đó là bề cao của anh.

Ở trong Nam Kỳ, theo tôi, ba nhà văn có ngòi bút đậm màu đất nước và bát

ngát tình quê hương có thể so sánh với Tô Hoài là Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc và Hồ Trường An, những nhà văn mà tôi rất yêu mến và học được rất nhiều.

CHƯƠNG XIII

NGUYỄN TUÂN NGƯỜI BÀO CHẾ RƯỢU MƠ

Nhà của Nguyễn Tuân ở một ngõ hẻm Trần Hưng Đạo, ngó ra đầu đường Yết Kiêu, nơi có hiệu phở Tư Lùn, một trong vài hiệu phở nổi tiếng Hà Nội xưa còn sót lại. Tôi và anh có đến ăn phở ở đây một đôi lần. Một hôm tôi đến nhà anh. Không phải tôi đến thăm anh, mà anh bảo đến chơi.

Nhà anh quả là nghèo. Bước vào thì phải nghĩ ngay như vậy. Chúng tôi ở ga-ra, nhưng đó là thân phận của kẻ ly hương, còn dân Hà Nội mà có căn nhà mướn như anh thì thật nghèo nàn, trống trơn không có gì hết. Chỉ có cái lò sưởi là đáng chú ý ; trước nhất là nó không còn làm chức năng của nó, mà đã trở thành cái tủ rượu và nơi trưng bày nhiều thứ khác rất lặt vặt, không thể đếm hết. Nhưng đặc biệt nhất là những chai rượu. Anh thường đi vùng núi, và mỗi lần về đều mang theo một ít món lạ : một chiếc khăn của người Thái dệt tay rất khéo, màu sắc rất sắc sỡ, một ít quả cam quả quýt rừng.

Lần tôi đến, anh khoe với tôi những trái mơ còn xanh. Anh đã bỏ vào một cái chai miệng rộng, nút vặn kín. Khi rót ra, rượu màu xanh nhạt, và có mùi...

mơ. Anh uống rượu như một nhà văn nghiện.

Rượu mua cắt từng Ô phiếu, hình như mỗi tháng một lít Nhưng với anh một lít sao đủ? Vậy phải có những người tiếp tế. Một trong những người đó là Nguyên Hồng. Thỉnh thoảng ông Bửu Võ từ Bắc Giang xuống Hà Nội đem theo trong ba lô một chai lít trong vắt làm quà cho ông Vang Bóng Một Thời,. Anh Tuấn có hai vật quý, đó là cây bút Parker Canada màu đen và một cái đồng hồ Movado, nhưng chẳng bao giờ thấy anh giắt túi và đeo tay. Cái đồng hồ gói trong khăn, bỏ túi, đôi khi anh lấy ra coi giờ, rồi bỏ lại vào túi. Còn cây bút thì không thấy viết cái gì .

Ở nhà anh có một bộ phản gỗ thô tét đầu, trên đó trải một tấm thảm của người thiểu số, và đặt một chiếc gối vuông to.

Nghe nói khi viết anh ngồi trên phản, chớ không ngồi bàn. Tôi thấy rất khó, ngồi như vậy làm sao mà viết được? Tuy chưa thấy anh viết bao giờ, nhưng cứ tin như vậy. Còn chữ của anh thì to, hơi run run, không đẹp như chữ của Tô Hoài. Hình như anh chỉ dùng một màu mực: đen.

Lần đó anh bảo tới chơi. Anh rót rượu mời tôi một cốc nhỏ-có đầu mà mời cả ly? Xong nói năm ba chuyện rồi đưa ra tờ báo Văn Nghệ có bài của tôi. Tôi thấy anh gạch đỏ hết cả, như thầy giáo chấm bài học trò (Khi đem về nhà thấy những dấu gạch thì có cả khen lẫn không khen. Khen ít, không khen thì nhiều.)

Mà thật, khó bề được anh khen. Anh có khen chẳng là cũng để khuyến khích mình thôi. Anh coi viết văn gần như một tôn giáo, khi viết phải nghiêm chỉnh phải

thiên lương, cho nên chữ của anh thật là trau chuốt, cân nhắc hết sức kỹ lưỡng. Nói cũng thế, anh nói như viết, câu kéo mệnh đề rất vững vàng, nếu có máy ghi ra thành văn thì không phải chữa lại bao nhiêu. Anh có tài nói những chuyện ai cũng biết rồi mà nghe lại vẫn hay. Một lần xem cái tựa một bài báo Văn Nghệ, anh bảo: dư một chữ. Hỏi anh dư chữ nào? Anh bảo tại sao phải để “Bút Ký”? Ai nấy chứng hững không hiểu. Vì xưa nay người làm báo có thói quen để như thế, ví dụ: “Lên Tây Bắc, Bút ký của A, B, C...” Anh tỉnh bơ nói:

– Ký thì bằng bút, chớ chẳng nhẽ lại ký bằng chổi à? Vậy ta nên bỏ chữ bút đi.

Từ đó báo Văn Nghệ bỏ hẳn chữ bút. Đó là cuộc cách mạng của Nguyễn Tuân. Nói đến Nguyễn Tuân là nói đến chữ, chữ của anh cũng như tác phong của anh,

chẳng ai học được. Tôi nghe anh Kim Lân nói trước 45 anh ăn cơm, gắp cộng rau muống luộc để vào chén, khoanh vòng tròn thật khéo, rồi mới và vào miệng, mà nhai cũng chậm chạp từng tí một như để thưởng thức cái ngon của cộng rau, chứ không ăn nhanh như ta. Anh Kim Lân thì kính trọng Nguyễn Tuân như bậc thầy. Một tiếng đều “cụ Tuân” hai tiếng cũng “cụ Tuân”. Anh còn bảo: Thời đó, anh văn sĩ nào được cụ ấy gọi tới mà “mắng” cho là hãnh diện lắm! Tôi không hỏi thêm chi tiết, nhưng đồ chừng rằng cái uy tín của Vang Bóng Một Thời, lớn quá, nên mới có chuyện như vậy. Mà có vậy thì cũng chẳng có gì là quá đáng. Một hôm, chính tai tôi nghe, mắt tôi thấy Nguyễn Tuân phát biểu trước toàn Hội Nhà Văn:

– Văn chương của ta nó vừa nhạt lại vừa nhẽo. (Nhạt nghĩa đăng nhạt, nhẽo có

nghĩa đẳng nhẽo).

Rồi lại nói:

– Còn sách in ra thì không ngồi được, ngồi còn không được, nói chi đến đứng? Cho nên nó chỉ nằm trong hiệu sách.

Đó là chữ của Nguyễn Tuân. Ngoài ra anh còn chẻ những chữ ra, ví dụ: Cái báo, cái chí của ta... Báo khác, chí khác nhưng ta có thói quen gộp chung: báo chí.

Nói đến Nguyễn Tuân là nói đến chữ, sự tưởng tượng và hình tượng. Tôi vừa mới đọc lại Chiếc lư đồng mắt cua, và Vang Bóng Một Thời,. Tôi cho rằng những chuyện trong Vang Bóng Một Thời, là những chuyện bịa y như thật. Một anh đao phủ chém đầu người không

cho rụng, vì còn dính một làn da mỏng ở cổ – gọi là chém treo ngành. Nghĩa là cái thủ cấp thay vì rơi xuống đất còn dính ở cổ, lưng lơ lửng lảng. Ở thời nào có cái lối hình phạt lạ kỳ ấy? Thời phong kiến chỉ có các hình phạt đại khái như là chém đầu, chém ngang lưng, xử lăng trì, xử bá đao, chớ đâu có cái lối “chém treo ngành”. Vậy đó là sự bịa tạc của Nguyễn Tuân thôi. Trên 10 chuyện, chuyện nào cũng do óc tưởng tượng, nhưng tưởng tượng có lý căn cứ trên cái vốn sống và cái tính lãng mạn của tác giả.

Chùa Đàn, một tiểu thuyết của Nguyễn Tuân, đọc xong, tôi không hiểu nó có trên mặt đất này không? Nửa người, nửa ma quỷ, nửa hư nửa thật. Đặc biệt nhất tôi phải chú ý là những hình tượng của tác giả dựng lên, có cái rất hiện thực, có cái ma quái một cách rất hiện thực.

Tôi xin nói ngay kéo quen:

Đó là hình ảnh những con rắn từ trong đám mả bò ra đớp những tàn đuốc... đó là ma quái mà rất hiện thực. Còn như Những Chiếc Ấm Đất thì vừa ly kỳ vừa hiện thực. Hình như Nguyễn Tuân có những chi tiết ly kỳ trước rồi mới dựng lên câu chuyện để dùng những chi tiết ấy Cũng như ta có đôi hoa tai kim cương trước, rồi đi tìm một người đẹp để đeo đôi hoa tai ấy cho xứng. Tóm tắt câu chuyện:

Một người uống trà chuyên nghiệp, có những bộ đồ trà rất quý. Uống trà phải nấu với nước xin ở chùa Đồi Mai, ở cái giếng ấy mà thôi, không đâu khác. Mỗi lần xin, người đầy tớ chỉ gánh được một gánh, xa hằng nửa ngày đường. . .

Thời gian qua, một hôm sư cụ chùa Đồi Mai đang ngồi uống trà với một người khách, thì bỗng có một người ăn mày vào xin cơm chùa. Sư cụ thấy người ăn mày có vẻ khác thường, bèn mời một chung trà. Người ăn mày đưa hai tay nâng lấy và uống với cung cách một người sành uống trà. Uống xong, người ăn mày trao lại chiếc chung cho sư cụ, và lễ phép thưa:

– Bạch sư cụ, trong vôi ẩm có cái vỏ trấu.

Sư cụ rất đổi ngạc nhiên, bèn trút xác trà ra, quả nhiên thấy cái vỏ trấu y như lời người ăn mày vừa nói. Phải uống bao nhiêu ngàn bình trà mới có kinh nghiệm ngửi thấy được cái mùi vỏ trấu trong vôi ẩm?

Sư cụ hỏi lai lịch, thì ra đó là người

bạn đã từng xin nước giếng chùa này, nay sa sút phải đi ăn mày.

Người ăn mày lại cầm lấy chiếc ấm trà úp xuống mặt bàn và nói: Đây không phải là loại Thế Đức hoặc Mạnh Thần, vì «vòi và miệng ấm khi úp xuống không cùng căn mặt bàn».

Những chi tiết truyện Nguyễn Tuân đều cầu kỳ hiếm thấy như: chém treo ngành, những con rắn và vỏ trấu ...

Chỉ một chi tiết đủ làm cho người đọc không sao quên được tác giả. Trong Chiếc Lũ Đồng Mắt Cua tôi đọc lâu lắm mà vẫn nhớ cái việc nhổ cây đinh trên tường. Anh nhổ cây đinh kia đến 5,7 trang sách, thế nhưng dù anh cù cưa mãi, mà đọc vẫn không nhàm. Người thường chỉ nhổ phéng cái là xong, nhưng Nguyễn Tuân nhổ nó mất bằng ấy trang sách. Đó là cái

tài nói những chuyện người ta đã biết rồi mà nghe vẫn thích.

Ba quyển của Nguyễn Tuân: Vang Bóng Một Thời, Chùa Đàn, và Chiếc Lư Đồng Mắt Cua như ba người viết, hay đúng ra là ba cái tạng khác hẳn nhau của một người. Cách hành văn thì vẫn như nhau, nhưng quyển trước thì bịa, quyển kế vừa bịa vừa thực, quyển chót thì thực hoàn toàn.

Đó là văn chương Nguyễn Tuân. Tôi rút trong đó những bài học lớn, không biết bài học gì. Nhưng có thể nói đọc Nguyễn Tuân, tôi thấy tôi lớn lên trong nghiệp cầm bút rất nhiều. Có thể bạn khác tạng với tôi, nhưng không thể chối cãi được rằng ở Nguyễn Tuân có nhiều cái ta phải học. Nhất là sự chọn lọc chữ.

Việc học đàn anh hay một đồng

nghiệp khác để nâng cái nghề của mình cao hơn lên là cái đáng làm lắm.

“... Một ngày không xa, khi mà văn chương Việt Nam được người Việt Nam yêu chuộng hơn, tôi dám chắc tác phẩm của Nguyễn Tuân sẽ có địa vị xứng đáng hơn bây giờ.”

Ngày không xa đó là ngày nào?

Câu trên đây nếu tôi nhớ không lầm, là của nhà Phê bình Vũ Ngọc Phan viết năm 1942, nghĩa là cách nay 56 năm. Hiện giờ cả hai vị đã gặp nhau ở bên kia thế giới, không biết ông Nguyễn có hỏi ông Vũ ngày đó là ngày nào hay không?

Tác phẩm của Nguyễn Tuân luôn luôn có địa vị xứng đáng trong lòng độc giả và đồng nghiệp thôi. (Mà như vậy là đủ rồi!) Còn bọn chính trị thì không bao

giờ đánh giá cao tác phẩm của Nguyễn vì Nguyễn không phục vụ thứ chính trị độc tài, lấu cá, thứ chính trị làm cho văn nghệ thuật diệt vong.

CHƯƠNG XIV

NGUYỄN HỒNG: KHI VIẾT, TÔI CẤU THỊT DA TÔI ĐỂ TRÊN GIẤY

Trong các nhà văn tiền bối mà tôi hâm mộ được làm quen, tôi không thấy ai nói chuyện về sáng tác sôi nổi hào hứng một cách kỳ lạ như Nguyễn Hồng.

– Anh xây dựng nhân vật Bảy Hệu của anh như thế nào?

Thế là anh nổ ngay. Chỉ hỏi bấy nhiêu thôi, anh có thể nói hằng giờ không đứt mạch. Mà những gì anh nói đều sinh động hữu ích trong lãnh vực nghề nghiệp cả.

Bảy Hựu là một người đàn bà dám hi sinh cho bạn. Anh bảo:

– Tôi quả có thấy một người đàn bà như vậy. Tôi gần như chép vào truyện. Còn sự tô vẽ thì rất ít.

Anh là người viết nhiều, nên kinh nghiệm rất phong phú, hỏi vấn đề gì anh cũng nói xuôi rót hết tất cả, bằng kinh nghiệm của chính bản thân anh, không bao giờ theo sách vở của ai. Trước hội nghị hay trước một người, sự sôi nổi của anh vẫn như nhau. Anh nói sôi bọt mép, lăm lăm lời tuôn nhanh, anh nói không kịp phải cà lăm: T..T...ôi...tô...i... nói...

nó..i...thật! Một lần trong một cuộc hội nghị sáng tác, nhà văn Vũ Tú Nam kể chuyện anh ta đánh đứa con gái 3 tuổi rồi sau đó gọi nó không đến. Vũ Tú Nam kết luận:

– Điều đó làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều về tình người trong sáng tác!

Nguyễn Hồng đáp ngay:

– Bố đánh thì chạy lại mẹ, chớ tình người cái gì. Cứ viết đi! Suy nghĩ, suy nghĩ mãi, không có tác phẩm! Sốt ruột quá !

Anh có tật trước khi viết, anh nhúng đầu cho ướt, để khỏi bốc mạnh quá. Còn Schiller thì không hiểu sao lúc nào trong ngăn kéo của bàn viết phải có một trái táo, nhưng không phải táo ngon, mà là táo thối. Mỗi người một tánh một tật.

Trước khi viết bộ tiểu thuyết Sóng Gầm, anh có cho tôi coi dàn bài.

Bạn thử tưởng tượng: Một tấm giấy lớn như mặt bàn ăn cơm, trong đó kẻ những ô vuông vức đầy bút những chữ và những làn gạch chéo nhau, những dấu ngoặc lớn nhỏ đủ màu xanh, đen đỏ và những chữ thập đánh dấu chỗ nọ chỗ kia tùm lum, nhìn vào tưởng như một bản đồ hình thể của thế giới vậy. Đó là dự án tiểu thuyết của Nguyên Hồng.

Mỗi ô là một chương, trong mỗi chương anh ghi rõ sự việc chính xảy ra với những nhân vật nào. Rồi nhân vật này liên hệ với nhân vật khác ở cùng chương hoặc ở chương khác ra sao. Sự biến đổi của các nhân vật, sự xuất hiện và biến mất của họ, và sự việc nào kết thúc ở chương nào, hoặc tái hiện ở chương nào. Ôi thôi, vô số nét trên tấm giấy ly kỳ này.

Anh cho tôi xem và giải thích, tôi không thể nào theo dõi nổi. Nhưng có cái hay là tôi được biết phương pháp làm việc của một nhà văn trong việc xây dựng một tiểu thuyết.

Nhưng tôi không học làm theo kiểu của anh bao giờ. Sau này tôi đọc một nhà văn thấy cách làm việc khác hoàn toàn, đó là Alexis Tolstoi, tác giả “Les Chemins des tourments” {tức bộ Khozhdeniye po mukam trong tiếng Nga.– Chú của nhà xb} của Liên Xô (cũ). Ông viết:

“Tôi không thể biết ở chương thứ 10 tôi sẽ viết gì, nếu tôi chưa viết xong chương thứ 9.” Điều đó có nghĩa là ông đã có đại cương toàn thể cốt truyện trước, nhưng không có phân chương mục gì cả, viết tới đâu, phân chương tới đó .

Không nhớ nhà văn nào đã viết ra

kinh nghiệm của mình như sau:

– Khi viết thì tôi (tức ông ấy) viết luôn một mạch đến xong rồi mới đọc lại toàn bộ và chữa, chứ không chữa từng chương, hoặc cứ vài chương quay lại chữa rồi mới viết tiếp như vậy làm tôi mất hứng.

Khi xem xong bức «địa đồ» đen ngòm của Nguyên Hồng, tôi có hỏi anh:

– Anh vẽ ra chi tiết như vậy, mà rồi anh có theo đúng nó không?

Anh lắc đầu:

– Không mà cũng có, có mà cũng không! – Anh còn tiếp: – Sở dĩ tôi làm như vậy là vì tiểu thuyết quá dài, đến 12000 trang, quá nhiều biến cố, quá nhiều nhân vật, nếu không vẽ ra sẽ không nhớ hết. Rồi có thể nhân vật đã chết

ở chương 10, mình lại cho nó sống ở chương 40 không chừng. Và nhiều thứ lắm cảm khác mà mình không kiểm soát nổi. Cho nên khi viết, thỉnh thoảng tôi nhìn vào đó để nhớ. Có khi chỉ liếc nhìn qua, mà nảy ra nhiều ý lắm cậu ạ !

Tôi lại hỏi:

– Khi anh định viết một truyện, cái nào đến với anh trước? Cốt truyện, nhân vật, hay một chi tiết nào? Ví dụ như Bỉ Vở.

Anh cười:

– Bỉ Vở? Cái chuyện này rất buồn cười, để tôi kể sau. Bây giờ để tôi trả lời câu hỏi trước kẻo quên: Có khi cốt truyện đến trước, mình nghĩ ra thành truyện, rồi tìm nhân vật, đặt tên rồi viết. Nhưng cũng có khi tôi lại bắt gặp một

chi tiết hay rồi bắt muốn viết truyện. Thí dụ như trong tập Địa Ngục của tôi có truyện Sư nữ chùa âm hồn, thì tôi bắt đầu bằng một chi tiết. Là khi tôi nghe một người hàng xóm nói về một bà vãi trẻ đi vô chùa, nhưng thỉnh thoảng còn có những cơn dục tình nổi lên. Thì bà ta bèn dùng móng tay nhọn, cứa véo thật đau vào bắp vế non, như vậy cơn dục tình kia sẽ biến đi. Đó là nét chính làm nên “Sư nữ chùa âm Hồn”. Hoặc một truyện khác, tôi cũng bắt đầu bằng một chi tiết: Một đứa bé trai ở đợ trong hẻm phố, được chủ sai ra đầu ngõ mua hai bát phở. Nó đang chơi với các bạn gái, phải bỏ cuộc chạy về mua phở. Hai tay bưng hai bát phở trên đường về, ngang chỗ các bạn đang còn chơi đùa, nó dừng lại xem, bỗng nhiên cái quần của nó tụt xuống đất. Hai tay bưng phở, không dám để xuống, thì một đứa bạn gái chạy tới kéo

quần lên và buộc lại cho nó. Thế rồi sau này tôi cho hai đứa thành vợ chồng, nhờ cái vụ tụt quần đó. Anh tiếp:

– Còn Bĩ Vở (Giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn năm 1937) thì dài dòng lắm, nhưng tóm tắt như thế này: Trước nhất là tôi có biết chuyện một cô gái ở gần làng tôi chữa hoang với một anh chàng trên tỉnh về quê chơi. Cha mẹ cô tức giận, muốn giết cô cho mất cái nhục. Nhưng vì không giết được, nên khi cô sanh được đứa bé ra, thì ông bà bán đứa bé. Cô gái đau khổ và hận tình, bèn lén nhà đi ra tỉnh tìm anh chàng kia. Rồi chẳng tìm được chàng kia mà lại rơi vào nhà thổ. Đó là mảnh thứ nhất. Mảnh thứ hai là Năm Sài gòn. Tôi quen thành phố Cảng, ở đây có nhiều dân «chạy vở» để sống. Hẳn là người Bắc, nhưng tôi thấy hẳn có dáng điệu ‘Sài gòn» nên đặt cho hẳn

cái tên ấy. (Tôi không rõ Sài Gòn ra sao, nhưng cứ nghĩ thế.) Rồi tôi ráp cô bé với Năm Sài Gòn lại nhau. Nhưng như thế đâu đã ra cái chuyện gì. Tôi bèn cho «đất bằng dậy sóng»: Năm Sài Gòn ghen, và cô bé ra đi, lấy mật thám. Đó là mảnh Bỉ Vở thứ ba. Mảnh thứ tư là Năm Sài Gòn bị bắt, cô bé lên lấy chìa khóa mở cổng thả tình nhân cũ. Rồi hai bên tái hợp về Cảng tiếp tục nghề “chạy vở”.

Mảnh thứ 5, kết cục. Một hôm cô bé đang ở nhà thì Năm Sài Gòn chạy về, trên tay ôm thằng bé đã chết cứng. Anh ta cướp thằng bé trên tàu và nhảy xuống sông lặn, thoát về nhà. Ngờ đâu khi cô bé nhìn cái dấu riêng thì nhận ra chính là con của cô ta, đứa bé cô đi tìm mà không gặp

Câu chuyện thật bi thảm, kết cục thật tài tình. Anh nói tiếp:

– Ở đời đâu có sẵn truyện cho mình chép, cậu phải tạo nó ra chứ? Nếu không tạo thì sao có vụ cướp nhảy tàu?

Sở dĩ tôi cho kết cục như vậy, là vì tôi có biết nhiều vụ nhảy tàu hoả, tàu thủy rất phi thường. Dụng truyện cũng như mình cất một ngôi nhà. Có khi nào ở trên trời rớt xuống cho cậu một ngôi nhà đâu! Cậu phải mất tiền mua sắm gỗ, lá, mua đất làm nền, và cuối cùng là phải tự biết sức thợ để dựng nó lên theo ý của mình. Thợ mộc thì cất nhà giống nhau, nhưng người viết truyện lại khác, có khi lấy đuôi làm đầu, có khi lại bắt đầu vào giữa truyện. Có người thích viết giạt gân, làm độc giả đọc chương trước, không đoán ra chương sau, cũng như kịch vậy. Nhưng cũng có người cứ từ từ tốn tốn kể lể theo thứ tự của các sự việc, không nhảy, không lộn ngược lộn xuôi mà

người đọc cũng thích thú như thường. Bởi vậy nên người ta nói: «văn là người» là vậy.

Đó là tiểu thuyết. Nó dài nên khó nói nhanh và rõ. Hãy lấy một truyện ngắn, như Chí Phèo của Nam Cao. Anh ấy vô đầu với câu: «Hắn vừa đi vừa chửi.» Hắn nào? Đọc một đoạn mới rõ.

Cũng có người viết đơn giản. Như cụ Hồ Biểu Chánh trong Nam. Cụ ấy viết như nói. Vào đầu, chuyện xảy ra ở đâu, năm nào, cô gái con của ai, ngôi nhà ra sao, trước sân có trồng trầu, trồng cau... Không giật gân gì hết, nhưng truyện nào của cụ cũng hấp dẫn, hễ đọc là không buông sách xuống được.

Tôi hỏi:

– Anh thích lối nào?

– Lối nào tôi cũng thích cả. Cái điều quan trọng là nội dung câu chuyện. Cậu diễn đạt làm sao cho cái ý định của mình truyền được sang người đọc. Cậu thấy Nam Cao có tài không? Chỉ trong một truyện ngắn mà anh ấy mô tả cả một cái nông thôn thời Pháp. Nghề viết, ai có lối này, không ai giống ai.

– Anh cũng tài chớ, cái Bí Vỡ của anh dịch ra tiếng ngoại quốc, thì phải được xếp ngang hàng với...

Nguyễn Hồng cười khà.

Một hôm đi nhậu thịt chó với anh ở Ô Yên Phụ. Ngồi nhâm nhi một cốc, bỗng tôi nhìn vào bếp thấy người nữ chủ quán, tôi trở bà ta và nói với anh: “Bảy Hựu của anh kìa, anh Nguyễn Hồng?” Anh cười rỏ lên sung sướng lắm, và cụng ly uống với tôi liên miên.

Chúng tôi thường gọi anh là Maxim Gorki Việt Nam. Và nếu có một nhà văn nào đã tả Balzac như sau: “ông ta có một dáng điệu của một anh hàng bánh mì, có nét mặt của anh hàng thịt, và đôi tay của một anh thợ đóng giày” thì tôi có thể tả Nguyên Hồng: “Anh có dáng điệu của một người nhà quê, thích xoay trần, chân không bao giờ mang giày, nhưng lại có một tâm hồn nghệ sĩ lớn! Hãy trông kìa: Cái xe đạp thô kệch của anh dựng ở gốc ổi già với chiếc cặp da cũ rách há hòng, vì chứa đầy giấy bên trong. Nó được ràng vào poọc-ba-ga bằng một sợi dây thừng cột trâu. Anh sợ chiếc cặp rơi mất. Đó là cặp bản thảo tiểu thuyết của anh! Mất là chỉ có chết, chớ không viết lại được?”

Không hiểu sao anh khỏe mạnh mà lại mất sớm thế? Vào lúc 63 tuổi (ngày 5-2-1982).

CHƯƠNG XV

NGUYỄN HUY TƯỜNG: “ĐẤT NAM KỲ LÀ ĐẤT TIỂU THUYẾT”

Trước nhất và thường xuyên nhất, anh Nguyễn Huy Tưởng đến chơi với tôi. Và một lần nọ, anh bảo bọn trẻ Nam Kỳ chúng tôi câu nói đó.

Anh chỉ viết tiểu thuyết và truyện dài, chớ không viết truyện ngắn. Cái ngắn nhất của anh cũng 200 trang. Anh

viết đủ loại, kể cả tiểu thuyết lịch sử và truyện cho thiếu nhi.

Anh đến với chúng tôi bằng tình cảm của một người anh. Và chúng tôi cũng đối lại với anh bằng sự kính trọng và thương mến của những đứa em. Không hiểu sao anh thương chúng tôi? Vì chúng tôi ngơ ngáo trước ngưỡng cửa nghệ thuật chẳng? Vì chúng tôi ly hương chẳng? Cũng như anh Tô Hoài nghe tôi than “viết không được” thì đến, đem cả sách tặng...

Anh đi chơi với chúng tôi cũng thường hơn các anh khác. Trong câu chuyện vui, bao giờ anh cũng xen vào vài câu chuyện văn học để dạy chúng tôi một cách khéo léo, không ra vẻ đàn anh.

KHÔNG KHÍ CỦA TRUYỆN

Một hôm đọc xong bản thảo của Nguyễn Quang Sáng, anh đem trả và mừng rỡ nói:

– Nhân vật ông Năm Ính kéo đàn cò được lắm, có không khí lắm.

Anh và anh Tuân cũng đều khen Đoàn Giỏi gây không khí rất hay. Cái không khí của truyện là rất cần thiết tức là bối cảnh chung quanh nhân vật làm cho người đọc cùng sống với nhân vật.

Thí dụ khi các cậu tả một bữa tiệc thịt chó, thì sự ăn nhậu phải khác với bữa giỗ, hoặc bữa tiệc mừng chiến thắng. Khác về thức ăn đã đành, còn lời nói, cử chỉ, các nhân vật cũng khác luôn. Tả các món thịt chó cho người đọc thêm rõ dãi, cho nhân vật cụng ly bóp chát, cười nói rộn rã. Lúc đầu tiên còn tỉnh táo, lúc quá chén thì ăn nói bạt mạng. Nhậu hết

để chạy đi mua. Đến lúc đã quá thì xách đòn ra mần sáu câu thiệt muỗi v.v...

Đó gọi là không khí của câu chuyện nhậu thịt chó. Chú nếu các cậu mô tả nó nghiêm trang lễ mễ, thì tiệc gì khác chớ không phải là tiệc thịt chó.

Không khí của truyện là cái bể bơi của nhân vật. Và nhân vật về phần nó, nó lại chính là kẻ tạo ra một phần cái không khí ấy. Tôi lấy ví dụ như các cậu tả một buổi rước dâu, vài loạt pháo ở ngõ với trẻ con bu lại lượm xác pháo tịt ngòi dưới hai chữ “Vu Quy” kết bằng hoa treo ở đầu ngõ. Thế là có không khí đám cưới rồi. Kế đó, đàn trai kéo tới, ông trưởng họ bưng khay rượu dừng lại ở ngõ, rót rượu mời trưởng tộc đàn gái, rồi hai bên cùng vào nhà. Bàn thờ tổ tiên được trang hoàng rực rỡ... cô dâu bước ra chào hai họ. Sự xuất hiện của cô dâu thay đổi hoàn toàn

cái không khí của gian phòng. Có phải sự xuất hiện đó gây nên cái không khí mới không? Ở ngoài phòng khách bao nhiêu cậu trai liếc ngang, bao nhiêu cô gái núp bên trong nhìn ra v.v... Đó gọi là cái không khí của câu chuyện. Không có nó, chuyện sẽ tẻ ngắt, nhân vật chết khô, như người bơi nằm trong lòng con sông cạn..

LÔ-GÍCH TRONG TRUYỆN

Có cả một quyển sách nói về lô-gích gọi là lô-gích học. Nhưng ở đây tôi chỉ nói nôm na ra đó là sự hợp tình hợp lý trong câu chuyện.. Nghĩa là khi một chuyện dù nhỏ dù lớn xảy ra, độc giả cũng không cho là vô lý, kỳ cục trái cựa.

Tôi đã từng nói với các cậu rằng đôi khi ta để ra nhân vật, nhưng ta không điều khiển được chúng. Tại sao? Tại vì:

Một là khi thể hiện được câu chuyện thì nhân vật lại vọt ngoài sự kiểm soát của ta. Hai là khi thể hiện ta thấy ở đoạn nào đó câu chuyện không hợp lý, ta phải thay đổi. Do đó nhân vật cũng thay đổi theo. Khi viết ta định bụng cho cô này yêu cậu kia, nhưng khi viết thì thấy cô ấy yêu cậu kia không lô-gích bằng yêu cậu nọ, thế là ta thay đổi. Điều này không lạ gì. Quá trình viết nó kỳ cục lắm. Có khi ta định ở chỗ này anh A sẽ chết, nhưng tới chỗ đó anh ta không chết được mà phải một anh khác chết. . . Nếu ta cứ khư khư bắt anh ta chết thì câu chuyện sẽ vô lý, nghĩa là không có lô-gích.

Lại ví dụ như trong Chí Phèo. Ở đoạn kết tác giả cho độc giả thấy “cái bụng của Thị Nở u lên” để chuẩn bị cho một Chí Phèo con ra đời. Nếu như ở trước không có vụ tình tự ở vườn chuối dưới chân đê

thì độc giả sẽ hỏi: Làm sao lại thế được? Nhưng đã có nhân ở đó rồi, thì cái theo sau là lẽ tất nhiên, không có gì là lạ.

Cũng như ở trong Othello, khi chàng ta bóp cổ Desdemona chết, khán giả không ngạc nhiên vì ở trước đó tác giả đã gieo sự hiểu lầm dữ dội là phó tướng của Othello nhận được chiếc khăn tay của nàng vô ý đánh rơi và đi khoe trong quân sĩ rằng khăn của nàng tặng cho mình.

Chuyện lô-gích là đề tài vô tận bàn cãi mãi không kết luận được trong nhiều trường hợp. Ví dụ như cái tai họa thành linh cho gia đình Thúy Kiều. Cái anh chàng bán tơ Mã Giám Sinh-không ai kịp hiểu nó ra làm sao cả khi hấn bảo: “Phải ba trăm lạng việc này mới xong”. Nhiều người cho rằng không lô-gích, nhưng nếu không có cái tai họa này thì sẽ không

có việc Kiều bán mình chuộc cha và do đó không có Truyện Kiều.

Cũng như trong Đoạn Tuyệt, cái chết của Thân không do Loan gây ra, Loan không cố tình hạ sát Thân mà tại Thân vác dao đuổi theo Loan rồi vấp ngã, mà bị dao xóc chết.

Cái chết thật là kỳ lạ ! Trong lịch sử giết người trường hợp này rất hiếm xảy ra. Nhiều người cho đó là một sự bịa đặt, dựng đứng, không lô-gích, nhưng nếu không có cái chết này thì truyện sẽ kết thúc bằng cách nào?

Cũng như Xuân Tóc Đỏ. Từ đầu tới cuối, tác giả bỏ cả luật lô gích để dựng nên một thằng cu con lưu manh trở thành một anh hùng cứu quốc mà cả quan Toàn Quyền cũng phải biết ơn và tặng mề-đay.

Trong ba trường hợp trên cái không lô-gích lại trở thành lô-gích, một loại bút pháp cao cường. Nói tóm lại, lô gích là một thứ qui luật, nhưng ở đời, nhất là trong văn học lại có nhiều điều vượt cả quy luật.

“Tôi ôm thiếu nữ vào lòng

Người yêu bỗng biến thành bông
hoa rừng.” (Thế Lữ)

Hai câu này có lô-gích không? Hoàn toàn phản lô-gích, nhưng lại rất lô-gích. Rất vô lý nhưng lại rất có lý. Nhà văn còn phải hệ lụy về cái luật này, còn nhà thơ thì hầu như không.

VẤN ĐỀ TÂM HỒN

Trên tất cả các vấn đề tôi đã kể với các cậu, là vấn đề tâm hồn. Vấn đề này rất mênh mông, hơn nữa rất trừu tượng.

Nó đề cập trực tiếp tới người nghệ sĩ. Người ta thường nói “tâm hồn nghệ sĩ”. Tâm hồn là cái giống gì?

Người không phải là nghệ sĩ có tâm hồn không? Ai cũng có tâm hồn cả. Tâm hồn là sự cảm xúc của một người trước một cánh vật, hay một sự việc. Đứng trước một buổi mặt trời mọc, một đóa hoa đang nở hay một cánh đồng lúa chín. . . , ai mà không cảm thấy vẻ đẹp? Nhưng tâm hồn người nghệ sĩ có khác, ở chỗ là người nghệ sĩ cảm xúc rồi mô tả rồi truyền cảm cho người khác. Hơn nữa, người nghệ sĩ cảm nhận được cả những cái đẹp mà người thường không nhận thấy hoặc thấy mà không mô tả được. Có phải xem tranh “Bên hoa huệ” các cậu thấy thiếu nữ trong tranh đẹp hơn thiếu nữ bên ngoài không? Có phải khi nghe câu hát “ Lá đào rơi rắc chốn Thiên

Thai/ Suối tiễn oanh đưa luống ngậm
ngùi” các cậu tưởng mình lạc Thiên Thai
không?

Đó là sự cảm xúc và mô tả của nghệ
sĩ. Hay đó chính là tâm hồn nghệ sĩ.

Và đây nữa:

Vầng trăng từ độ lên ngôi

Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ

Để tóc vướng vắn thơ sầu rụng

Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo

Năm năm tiếng lụa quay đều

*Những ngày đông giá, gió vèo thân
cây*

Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay

*Mùi hương hàng xóm bay đầy mái
hiên.*

(Lưu Trọng Lư)

Các cậu thấy tâm hồn người nghệ sĩ hiện lên rất rõ. Bài thơ chẳng có gì ghê gớm cả, nhưng mà hay vô tả. Chẳng cần phải leo thang làm chi cho mệt!

Nhưng mỗi nghệ sĩ có một tâm hồn. Đọc Nguyễn Bính các cậu không lẫn với Thế Lữ. Đọc Thạch Lam, các cậu không lẫn với Vũ Trọng Phụng được. Cũng như khi xem họa phẩm các cậu không thể lẫn Nguyễn Tư Nghiêm với ai khác. Các ông lớn không hiểu rằng sự “cong queo” trong đường nét của anh ta là nghệ thuật, là cá tính, là cái điệu tâm hồn của anh ta. Nếu bắt ai cũng vẽ ngay ngắn đủ mắt đủ tai, đủ hai bàn tay mười ngón thì Picasso là thằng điên chứ không phải là danh họa. Người Pháp mở “sâm-banh” ăn thịt bò hàng ngày, tính tình phóng túng tự do nên đẻ ra một Picasso, còn dân ta nghèo khổ chỉ có Tô Ngọc Vân và Bùi Xuân

Phái thôi. Tâm hồn của Tô Ngọc Vân rất chân thực, bình dị. Còn Bùi Xuân Phái muốn vượt ra cái nhỏ hẹp của đời sống nhưng cũng chỉ chừng mực nào. Pavlenko nói: “Văn chân chính phải dám tiêm vào mạch máu của dân tộc những nhân tố mới bằng ngòi bút của mình.” Chúng ta chấp nhận cái mới nhưng không thể nào rời bỏ tâm hồn dân tộc để mô tả người Việt Nam thành một người khác. Chúng ta không thể quên ca dao:

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh làm câu sửa mình

(Nguyễn Đình Chiểu)

Hoặc :

Nhụy vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Đó là tâm hồn dân tộc ta, muôn thuở không thay đổi. Hịch Tướng Sĩ và Bình Ngô Đại Cáo là những áng văn bất hủ vì nó mang trọn vẹn tâm hồn dân tộc ta. Các cậu sẽ thấy lòng tự hào của người Nga qua truyện ngắn Bản Chất Dân Nga của Tolstoi. Ông đã tiêm vào tâm hồn dân tộc ông một liều thuốc tự hào. Tôi đã đọc hàng trăm bản thảo viết tay của nhà xuất bản nhờ cho ý kiến. Có những bản thảo rất ngay ngắn, lý lịch nhân vật rất rõ ràng, thành phần cơ bản ra phết, lập trường vô sản không chệ vào đâu được nhưng đọc xong tôi không thể cho in, vì nó không mang lại một tý rung cảm nào, chẳng khác đọc bình luận của báo Nhân Dân. Ngược lại nhiều khi chỉ đọc vài trang nhem nhuốc lôi thôi, thậm chí trật cả chính tả, nhưng tôi thấy lóe lên khả năng một cây bút viết truyện. Người viết có tâm hồn. Có rung động

mãnh liệt, nên mới truyền cảm được. Một cây dương cầm có những phím gỗ diếc thì làm sao đánh ra nhạc làm cho người ta nghe. Chúng tôi đã từng đến sông Lô, thậm chí có đưa dự cả trận đánh này, nhưng có thằng nào viết ra nổi một bài nhạc như Sông Lô của Văn Cao đâu. Phải công nhận Văn Cao là một tâm hồn nghệ sĩ lớn của nước ta. Bài nào của anh cũng hay cả, không một nhạc sĩ nào với tôi, cả đề tài hiện đại lẫn đề tài lịch sử. (Thế mà Văn Cao gục ngã Dưới Lá Cờ Đảng, sáng tác năm 1957 sau khi bị “chém treo ngành” – chú thích của X.V.)

Lý Bạch rót rượu ra thơ. Ta có thể uống cả hũ mà chẳng ra câu nào. Lý Bạch nhảy xuống nước ôm mặt trăng mà chết. Tolstoi bỏ nhà ra đi giữa đêm tuyết xuống và bị bão tuyết vùi chết. Hai cái chết, một tâm hồn nghệ sĩ . Người đời

vẫn hiểu, vẫn yêu hai ông. Nếu Thạch Lam nói: “Người ta sinh ra là nghệ sĩ hay không chứ không phải học mà nên, muốn mà được!” Thì tôi cũng có thể nói: “Tâm hồn nghệ sĩ là của trời cho! Đừng nên bắt chước. Hãy làm một cái gì của riêng mình.”

MÀU SẮC ĐỊA PHƯƠNG

Lại ví dụ nữa: Nếu các cậu tả một buổi gặt hoặc một buổi cấy ở miền Nam, thì nên nhớ đừng làm cho độc giả miền Bắc nhầm tưởng là buổi gặt và cấy kia xảy ra ở ngoại thành Hà Nội, hoặc ở Hải Dương, Ninh Bình. Ngoài cái khoáng đạt của đồng quê miền Nam, các cậu còn những cánh cò, những câu hò đặc sắc địa phương và sự rộn rịp của ngày mùa của miền Nam. Tôi không rõ nhiều, nhưng nên nhớ là miền Nam khác miền Bắc, đó gọi là màu sắc địa phương (couleur lo-

cale). Cái hơn của một ngòi bút là ở chỗ màu sắc địa phương. Đọc Nguyễn Tuân các cậu thấy bàn đèn khói thuốc phiện Hà Nội, trò đánh thơ, thả thơ, đi vống, đi kiệu của Hà Nội thời xưa, đọc Tô Hoài, các cậu thấy cả làng thợ dệt. Hát Văn Cao, thấy quê hương trong vài nét chấm phá:

Làng tôi xanh bóng tre

Từng tiếng chuông ban chiều

Tiếng chuông nhà thờ rung

Làng tôi xưa đồng quê yêu dấu

Bóng cau với con thuyền một dòng sông. . .

Hoặc:

Sông Lô, sóng ngàn Việt Bắc

Bãi dài ngô lau, núi rừng âm u,

Thu du bến sóng vàng,

Từng nhà mờ biếc chìm một màu
khói thu...

Đó vừa là không khí, vừa là màu
sắc địa phương. Văn Cao đã vẽ nên bức
tranh tuyệt tác lôi cuốn người xem đắm
mình vào trong đó một cách mê say.

QUỐC GIA, QUỐC TẾ

Bây giờ nói lý luận nhé: Quốc tế và
quốc gia, con người nào trên thế giới cũng
có hai tay hai mắt giống nhau. Nhưng ở
mỗi quốc gia con người lại khác. Pháp
mắt đục, tóc hoe, Việt Nam mắt đen, tóc
đen, tiếng nói lại càng khác, không phải
khác ngôn ngữ mà thôi. Đây tôi nói cách
phát âm, vì phong thổ, địa dư, nên mỗi
dân tộc nói giọng khác nhau. L' Allemand

crache, l' Italien chante, le Français parle. Người Đức (nói như) khạc, người Ý (nói như) hát, chỉ có người Pháp nói như nói, nghĩa là bình thường. Còn người Việt Nam thì nói cũng như nói, có khi hát, có khi ngâm thơ trong câu chuyện bình thường.

Cùng là “nói”, nhưng mỗi dân tộc nói một cách khác. Cùng là yêu, nhưng Pháp, Thụy Điển yêu không như Việt Nam.

Cậu thử dịch:

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

Dù dịch thoát mấy đi nữa, dân Âu châu cũng không hiểu được câu ca dao đó.

Danh cầm David Ostrak sang Hà Nội, không đàn bài gì mà chỉ đàn:

Thương nhau cởi áo cho nhau,

Cây trúc xinh xinh...

Nhưng chắc gì anh ta hiểu được những bài ấy? Và chắc anh ta cũng không hiểu dân tộc ta qua những bài hát của các đoàn Tzigane Rumania.

Anh phải mô tả người Việt Nam mà anh yêu mến, sống hay đó chính là bản thân anh. Quốc tế họ sẽ hiểu Việt Nam như anh mô tả. Vậy thì không có con người quốc tế không có nghệ thuật quốc tế. Nghĩa là về mọi phương diện nhạc, văn, họa, không có cái nào gọi là có màu sắc quốc tế cả, mà chỉ có màu sắc quốc gia thôi. Nhiều quốc gia hợp lại thành quốc tế, không có quốc gia thì

không có quốc tế. Vậy quốc gia là cái nền, chứ không phải quốc tế. Không có một thứ nghệ thuật nào tiêu biểu cho mọi quốc gia. Trong âm nhạc khó nói cho tách bạch, nhưng trong tiểu thuyết thì rõ hơn nhiều. Đọc Sông Đông Êm Đêm [tức Tikhy Don của Mikhail Sholokhov – Chú của Nhà xb) các cậu hiểu con người Nga, vùng này có lối cưỡi ngựa Can Múc (Kalmyk), ngồi nghiêng nghiêng trên mình ngựa, các cậu không thể nhầm anh chàng Gơ-ri-gô-ri với anh chàng André trong Bão Tố hoặc ông Tư U trong Cá Bống Mú của Đoàn Giỏi ở sông Cửu Long được. Nếu khi đọc một tác phẩm về «Sông Cửu Long» mà dịch ra, đọc giả nhầm với Sông Đông là hỏng rồi ! Các cậu sẽ phải viết về Cửu Long Giang chứ ? Johann Strauss viết Danuble Bleu thì sao các nhạc sĩ miền Nam lại không viết được Cửu Long

Bleu? Đỗ Nhuận viết Hồng Hà ơi, Văn Cao viết Sông Lô đỏ, Nguyễn Hồng làm thơ “Cửu Long Giang ta ơi!” có mấy câu thật hay: “Ngắm nghĩ vui đi, Thác Khôn cười trắng xóa”. Nhưng làm sao anh viết tiểu thuyết về Cửu Long Giang nổi? Phải chính các cậu viết về Cửu Long Giang thôi, không ai viết thay các cậu được. Hãy cố lên! Nam Kỳ là đất tiểu thuyết, các cậu không viết thì ai? Tôi không thể viết về sông Cửu Long được, có viết thì cũng không bằng các cậu. (Chúng tôi lắc đầu.). Không, tôi nói thật đấy mà! Bây giờ các cậu thử tả cái mưa phùn, cái rét co ro, cái bánh chưng của Hà Nội xem, mười năm nữa, chưa chắc các cậu đã tả nổi những nét bình thường như thế. Nó ở trong máu nhà văn! Sholokhov là dân Cô-dắc (Cosaques) gốc sông Đông, cho nên quyển tiểu thuyết của ông ta đầy chất Cô-dắc mà Ehrenbourg cũng không

viết nổi. Văn chương nói thì nghe dễ lắm, nhưng tả một ly rượu Vodka uống với dưa chuột muối được như Sholokhov là không dễ. – Cũng như Hồ Xuân Hương tả một cảnh đánh đu với 56 chữ thì không phải nhà thơ thế giới nào cũng hiểu được, đừng nói chi làm.

Anh cười ha hả, sáng khoái, thích thú:

– Tôi nói ba lăng nhăng như vậy, để nói một điều này: “Couleur locale !” Đó là cái mà các cậu phải nhớ. Anh Nguyên Hồng bảo tôi: Trông mấy thằng Nam bộ đập cái “hột vịt lộn” cũng khác mình. Đó là bản sắc của các cậu. Hôm nào gặp anh, các cậu thử hỏi xem khác ở chỗ nào? Anh ấy thích nhân vật Năm Sài Gòn lắm trong lúc anh chỉ mơ màng, không hiểu Sài Gòn ra sao cả. Nhưng nội cái tên Năm Sài Gòn cũng đã độc đáo vô

cùng – giữa một lô nhân vật Bắc, Năm Sài Gòn sáng chói phi thường, có thua gì Gơ-ri-gô-ri trong Sông Đông Êm Đêm. Quốc tế hiểu dân Nga là nhờ quyển tiểu thuyết này, không phải nhờ gì khác. Tôi hiểu dân miền Nam là nhờ các cậu. Các cậu đừng rụt rè, tự ti. Hãy viết. Viết và viết. Và nên nhớ một điều là các cậu là Nam Kỳ. Đừng có tự cho các cậu lẫn lộn vào các cụ... Bắc Kỳ. Làm thế nào khi đọc các cậu, độc giả biết ngay: “À, thằng này là dân Nam Kỳ !...”

PHÂN CHƯƠNG MỤC

– Đó là một ước lệ, một sự lo âu tính toán, một con đường mình nghĩ là mình sẽ đi, một cái biển chỉ đường – anh xua tay bảo – Đó chỉ để mà chơi, không nhà văn nào viết đúng ý định của mình ra giấy dù chỉ 60%. Ngược lại, khi viết có khi ra cái khác hoàn toàn chỗi ngược

lại ý định của mình, mà ngộ thay, mình cứ ngỡ lại nó không nổi, vì mình thấy nó hay hơn cái ý định của mình trước kia. Nam Cao tả thằng Chí Phèo say bằng một câu tuyệt ..

– Uống đến đái ra rượu kia mới thích! – Tôi nói.

Anh lắc đầu:

– Đó là câu của Tự Mãn, bạn tù giảng rơi xuống của Chí Phèo. Còn câu của Nam Cao tả Chí Phèo như thế này: – “Có bao giờ một thằng say lại đi đến nơi mà khi ra đi, nó định đến”. Có nghĩa là sao? Là nó định đến nhà thị Nở để làm hung với bà cô của thị, vì bà này cấm không cho thị đến với hắn, nhưng hắn lại đi vào cổng nhà Bá Kiến rồi gây sự ở đây.

Anh cười, tiếp:

– Tất cả nhà văn đều là Chí Phèo say trong việc thực hiện ý định của mình trên giấy. Không một anh nào đi đúng dàn bài dù tỉ mỉ hay đại khái đến đâu, để tới mục tiêu mình đã định trước. Gogol viết quyển đầu của *Les âmes mortes* (Những linh hồn chết), được Pouchkine khen là tuyệt tác Nhưng sang quyển thứ hai, thứ ba thì không bằng. In ra xong chìm mất tiêu.

Những linh hồn chết thường bẻ, xoay ngòi bút của nhà văn. Nếu như sau này các cậu viết tiểu thuyết mà bị say như Chí Phèo, thì cứ đi như thẳng say, nghĩa là cứ viết tới chớ dừng tỉnh lại rồi đi theo cái dàn bài. Tôi đã bị nhiều lần rồi. Mình định sẽ viết như vậy, có khi lại rất cụ thể. Câu cuối cùng sẽ như vậy, nhân vật này sẽ làm như vậy nhân vật kia sẽ nói như vậy... Thế nhưng chẳng có nhân vật nào

nói và làm theo mình, chúng nó nói và làm theo chúng nó – nghĩa là theo cái dòng của câu chuyện. Tôi đành phải xuôi theo. Mình đẻ ra chúng, nhưng lắm khi chúng nó lại chỉ huy mình.

Có lẽ tôi đồng ý với Alexis Tolstoi, viết xong chương trước mới có thể nghĩ tới chương sau. Ngoài ra, chương là gì? Chương cắt riêng ra nên là một chuyện tự nó. Được vậy càng hay, nhưng nếu không được thì hai ba chương liền với nhau có thể tách rời ra toàn truyện mà cũng thành một truyện.

Lỗ Tấn có 9 điều căn dặn, trong đó có một điều quan trọng nhất là “Khả Hữu Khả Vô”, nghĩa là có cũng được, mà không cũng được. Nếu vậy nên bỏ đi cho nhẹ.

Khi các cậu đóng lại một chương thì

cũng có nghĩa là mở ra cho một chương khác. Đóng nhưng lại mở. Khi viết các cậu sẽ hiểu.

Trong một truyện dài, thỉnh thoảng nên có một cái cửa gà ! Đó là một chương hoặc một đoạn tách rời ra khỏi cái mạch chính của truyện, vì kẻ viết cũng mệt, mà người đọc cũng mệt, nên cho cả hai đi «xả hơi», rồi sẽ trở lại. Vậy cái cửa gà là một con đường nhỏ bên đại lộ hay một rạch con bên một dòng sông cái. Những nhà phê bình bảo thế là lạc đề, nhưng họ lầm khi không hiểu đó là sự lạc đường cố ý. Nghỉ ngơi giây lát rồi quay lại, chứ không phải là mất hướng đi.

SÁNG TẠO LÀ GÌ?

– Các cậu giờ Les Chemins des Tourments ra, ở chương V quyển I (Sombre matin: Bình minh u ám) các cậu sẽ thấy

anh chàng thi sĩ Bessonov đã mê hoặc nàng Katia, đến nỗi nàng phải... bỏ ông chồng mà đi đến khách sạn với anh ta. Xong anh ta lại đến ve vãn cô em là Dacha. Thoạt nhìn nàng, anh ta rủ rỉ:

– Em có những nét giống Katia!

Dacha biết ngay chuyện gì đã xảy ra giữa hai người, bèn lập tức xua anh ta ra khỏi nhà.

Đó là một nét để cắt nghĩa hai chữ “Sáng tạo”.

Ví dụ thêm: Khi Dacha có thai với Sergui, thành phố Mạc Tư Khoa tối om vì chiến tranh, nên không có điện. Sergui đi làm về đem cho nàng một trái chanh, và làm cho nàng một ly nước chanh (rất quý vào lúc này), nhưng nàng ném một tí rồi nhăn mặt:

– Em không muốn vị chua trong lúc này. (ý nói là hoàn cảnh khó sống).

Hoặc trong văn ta, hai chữ “Tắt Đèn” của Ngô Tất Tố, dù chỉ hai chữ nhưng là cả một sự sáng tạo. Còn nói về một quyển tiểu thuyết đầy sáng tạo thì phải kể *Số Đỏ* Vũ Trọng Phụng đã sáng tạo nên cả một bức tranh xã hội đương thời bằng một nhân vật Xuân Tóc Đỏ. Nó chỉ có sơ sài phơ phớt ở ngoài đời, nhưng tác giả đã dựng lên cả hồn lẫn xác. Từ một anh cu nhặt bánh mướt mà trở thành anh hùng cứu quốc.

(Nhà văn Cộng Sản Nguyễn Khải trong đại hội nhà văn Hà Nội đã nhận định: “*Số Đỏ* là quyển tiểu thuyết làm danh dự cho mọi nền văn học.” Đỗ Mười hiểu quái gì! Chính hắn là một Xuân Tóc Đỏ xã nghĩa.)

Thật ly kỳ ! Những nhân vật cụ Cố, bà Phó Đoan, ông Minh, bà Văn, cô Tuyết, ông Phán mọc sừng, cụ lang Tỳ, lang Phế, đều là do bàn tay sáng tạo của Vũ Trọng Phụng mà nên cả. Sự sáng tạo này làm kinh ngạc cả văn giới lẫn độc giả Hà thành thời đó.

Dư âm của nó còn đến bây giờ và mãi mãi. Cái câu “Biết rồi khổ lắm, nói mãi” ngày nay trở thành một thứ ca dao, đi đâu các cậu cũng nghe câu chế diễu đó. Còn nhân vật Xuân Tóc Đỏ có thua gì các ông Trương Phi, Lưu Bị, Tào Tháo không? Hễ ai làm điều gì rởm thì người ta gọi là “Xuân Tóc Đỏ”.

Cái sáng tạo của nhà văn là nhặt một hạt cát làm thành một hạt kim cương. Nếu không thì sự có mặt nhà văn trên đời để làm gì? Cùng một ý này, Gorki có nói: “Nhà văn như cái máy biến thể điện

nhận dòng điện từ nhân dân để trả lại nhân dân một dòng điện mạnh gấp 1000 lần.” Đó là sức mạnh và phép lạ của cây bút nhà văn. Những anh thầu khoán giắt bút Parker vàng nhưng chẳng biết viết quái gì cả. Còn Lý Bạch xài cái bút tre, nhưng viết cả thế giới con người và lưu tiếng ngàn đời!

Vì các cậu ‘biết nghe’, nên tôi nói về các nhà văn lớn thế giới cho các cậu nghe. Balzac rất kỳ quái, nhưng kỳ quái thiên tài. Viết một ngày 15-17 tiếng đồng hồ, mà đứng viết, còn cụ Tuân nhà mình thì lại ngồi trên phản. Thực lạ kỳ! Balzac vừa viết vừa uống cà phê, cho nên bản thảo của ông đều đen ngòm cà phê. Nhà ở phía sau có cửa hậu không khi nào khóa, để trốn nợ. Hễ nghe đập cửa là cứ việc vọt chạy, vì đó là chủ nợ, chứ không ai khác.

Ông ta chết rồi, nợ còn ngập đầu, chánh phủ phải trả. Nhưng sách của ông đem bán đi, chánh phủ lấy lại vốn, còn lời bọn.

Một hôm, một người bạn tới chơi, ông mở cửa ra, và ôm chầm lấy bạn, khóc mếu thắm nảo:

– Con Marie nó chết rồi!

– Con Marie nào? – Người bạn hỏi.

Thì ra con bé trong truyện của ông, chứ không có con Marie nào ngoài đời cả. Có một giai thoại kể lại rằng: khi ông ta đau nằm trên giường bệnh, ông bảo người đi tìm cho ông viên thầy thuốc tên Jean hay Jacques. Người ta chạy đi sục tìm khắp vùng không thấy ông thầy thuốc nào có cái tên đó cả. Thì ra là ông thầy Le Médecin de campagne (Thầy thuốc miệt

vườn) của chính Balzac. Những giai thoại này cho ta thấy tâm hồn của nhà văn vĩ đại cỡ nào. Nhà văn nhập hồn mình vào nhân vật mình mô tả. Tuy hai mà một.

Về Maupassant: Các cậu nên tìm đọc truyện ngắn của ông ta. Nó gần gũi với thực tế như chúng mình đối với cuộc kháng chiến chống Pháp, trong đó có những truyện người Pháp giết giặc cứu nước, như một bà nông dân gạt tên lính Phổ (Đức) xuống hầm rồi khóa cửa, mở nước cho chảy vào, và đi kêu quân đội tới. Có khác gì bà mẹ ở Nam Bộ, em gái ở khu 5?

Flaubert là người dạy cho Maupassant viết truyện. Flaubert có văn pháp cực kỳ trau chuốt, đến nỗi không có một chữ nào của ông ta có thể thay thế được. Tính ông ta rất hay cau có ngay với chính ông, và không chịu cho nhà

báo đến phỏng vấn. Một lần nọ, sau khi quyển *Madame Bovary* của ông xuất bản, người ta đồn rằng ông ta mô phỏng theo bà công tước này, bà bá tước nọ ở trong vùng để dựng nên nhân vật *Bovary*. Nhiều bài báo đoán mò in lên khắp Paris. Có một bài quả quyết rằng đó là bà *Jeanne de Carpentière* hay gì đó. Tác giả bèn đến để nhờ ông xác định. ông bảo:

– Không phải bà nào hết. Đó là tôi!

Các nhà báo đều té ngửa ra, không ai ngờ bà *Bovary* lại chính là ông *Flaubert*.

HÃY TỰ TIN

Các cậu đừng sợ người khác hơn mình. Ai hơn mình, mình nghiên cứu họ và vượt họ. Đừng có sợ các “ông lớn” *Nguyễn Tuân*, *Tô Hoài*, *Nguyễn Hồng* đứng sầm sầm trước mặt mình, phải có

quyết tâm bắt kịp họ và vượt cả họ nữa. “Rattraper et dépasser!” Ngay cả Nguyễn Du, mình cũng phải tìm cách vượt. Ông ấy sẽ rất buồn, cứ hằng năm mình làm lễ kỷ niệm, ca ngợi ông, mà chẳng có anh nào sờ đụng cái gấu áo của ông cả. Hãy có dũng khí của một viên tướng ở chiến trận, hãy có ý chí làm một sự nghiệp đời trước chưa có, đời sau sẽ không có, thế mới gọi là «dũng khí của nhà văn» chứ! Les coeurs tièdes ne deviendront jamais écrivains! Muốn trở thành nhà văn, chỉ có một cách là viết. Đừng sợ mấy ông phê bình gia – Không phải mấy ông nói gì cũng đúng. Mấy ông không phải là hướng đạo của nhà văn. Một người bạn tin cậy đủ rồi, không nên nghe bất cứ ai.

NHÂN VẬT

Nếu các cậu thấy tốn nhiều giấy bút quá mới dựng lên được một nhân vật,

thì hãy xem đây: Tô Hoài chỉ quệt một nét mà nên một nhân vật rất sống:

-... Cai Giắt (trong Mười Năm) nói là đi sang Tây đánh giặc, nhưng sang đó có làm quái gì ngoài giắt ngựa cho thằng quan Ba. Sáng giắt ngựa ra cho nó cưỡi, chiều nó về lại giắt vào chuồng. Hết hai năm nó đá đít cho về với chức cai, hóa ra là cai Giắt.

– Lão Nhiêu Thuộc: Mùa hè lão vẫn mặc áo bông. Từ trước đến giờ, xóm này biết lão tắm có hai lần. Lần thứ nhất khi đức Khải Định ngự Bắc Hà. Lần thứ hai, khi quan Toàn Quyền mới sang đảo nhiệm. Lần nào vợ lão cũng quây màn, nấu nước pha ấm cẩn thận, nhưng lần nào tắm xong, lão cũng ốm suýt chết. (Độc mấy nét này, độc giả cười bò ra).

VIẾT GÌ?

Viết cái gì cậu thuộc, đừng viết cái gì không thuộc. Thuộc nghĩa là những việc, những người cậu nắm lòng, không cần phải lấy tài liệu ở người khác. (Anh Tô Hoài tả các cô cậu thợ dệt, không phải hỏi ai cả.) Điều đó không có nghĩa là cậu chỉ viết những gì thuộc về cậu mà thôi. Những gì cậu nghe kể mà cậu nắm được chắc như của chính cậu, thì đó cũng là thuộc... Viết những gì cậu không lơ đi được, không viết ra, cậu thấy người cậu nó thế nào ấy.

TRƯỚC KHI VIẾT PHẢI CHUẨN BỊ NHỮNG GÌ?

Cốt truyện, nhân vật, mở đầu, kết thúc. Nhưng có khi chẳng chuẩn bị gì cả. Như cái con đế mèn của Tô Hoài. Anh thấy nó hay hay, thế là phát lên viết. Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng cũng thế. Anh thấy muốn viết, thế

là xin tiền mẹ mua giấy vẽ viết, viết trên tấm ván lót ngang góc chuồng lợn... Cái sự viết rất lạ lùng, lắm khi chuẩn bị một đăng, chuyện lại đi một nẻo. Nhưng dù sao có chuẩn bị kỹ, vẫn ít bị động hơn.

CHỮA THẾ NÀO?

Chữa chừng nào thấy không còn chữa được nữa thì thôi. Anh Nguyễn Công Hoan không chữa mấy, nhưng Tolstoi chữa 108 lần. Cho đến đổi một nhà phê bình nói rằng: Những mẫu văn do ông cắt bỏ, nếu ai ký tên dưới đó cũng sẽ nổi tiếng. Như thế thì ta thấy một nhà văn như Tolstoi đã phải bỏ ra bao nhiêu công sức cho hai pho tiểu thuyết như Anna Karénine và Chiến tranh và Hòa bình?

Nhà phê bình trên còn nói rằng: Từ truyện đầu tay đến truyện cuối cùng của

ông, không có sự khác biệt nhau về trình độ nghệ thuật. Nghĩa là ngòi bút của ông trong truyện đầu vẫn điều luyện như ở truyện cuối.

Khi đọc lại, các cậu nên thêm ít, bỏ nhiều. Đó là phương pháp của Anatole France, cũng còn gọi là cây kéo của A. France (Les Ciseaux d' A. France), cũng tương tự như Lỗ Tấn: Khả hữu khả vô ! Cắt câu văn nó đau như cắt ruột vậy.

SỰ SO SÁNH (COMPARAISON)

Mắt em như hồ thu, mày em như lá liễu .. Đó là một sự so sánh, cốt làm tăng sự nổi bật của hình tượng văn học. Như tôi đã nói ở đâu đó về hình tượng của chàng Gờ-ri-gô-ri ngồi dưới cánh cối xay gió như con chim đại bàng đập cánh mãi mà không bay lên được. Sự so sánh ấy nó còn ăn với nội tâm và ngoại cảnh.

Tất cả hợp lại làm thành một cái toàn bộ (ensemble) tuyệt vời.

NHỮNG TIẾNG «THÌ, LÀ, MÀ, VÀ...»

Những tiếng “thì, là, mà, và...” coi vậy mà rắc rối đấy, các cậu nhớ coi chừng. Dùng nó thì câu nặng nề ra, dễ trật văn phạm lắm, và nghe chướng tai nữa. Mau-passant viết những câu rất ngắn, nhà phê bình Marcel Prévost đã tổng kết: “Những câu dài của ông không phải là những câu hay.” Đó là kinh nghiệm, các cậu nên học ngay, đừng nên để mình có thói quen viết câu dài rồi khó sửa. Bệnh dễ chữa hơn tật, nhất là cái tật trong văn chương. Như ông Thiều Sơn bị nhà phê bình Vũ Ngọc Phan chế diễu là nhà phê bình “vậy vậy”, vì cứ vài câu thì ông lại “vậy” một phát. Trong văn học Pháp có một nhà văn viết rất đơn sơ, không có một câu nào rắc

rối cả, chỉ có một mệnh đề. Đó là Hector Malot, tác giả của 2 quyển truyện En Famille và Sans Famille được tặng giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp. Đừng làm ra vẻ văn chương bằng những câu rắc rối, chế tạo văn chương.

VIẾT VĂN LÀ MỘT SỞ THÍCH LÀ MỘT SAY MÊ, KHÔNG NÊN BẮT CHƯỚC

Anh Nguyễn Tuân còn coi đó là cái đạo. Ai có cách viết nấy, đừng có bắt chước. Các cậu mới bắt đầu, nên tôi mới dặn thế, đừng tự ái, đừng buồn nhé? Như trẻ con thấy cái gì ngộ ngộ thì làm theo, mãi rồi thành thói quen mà không hay. Tôi lấy ví dụ thơ Mayakovski (gọi tắt là Maia) Đó là thơ leo thang. Tại sao người ta leo? Một trong những lý do leo, có thể là ngôn ngữ của người ta là ngôn ngữ đa âm (polysyllabique), còn ngôn ngữ của

mình là ngôn ngữ độc âm (monosyllabique). Người ta cắt một chữ ra thì còn đọc được, thí dụ: Mát-xơ-va, chớ còn chữ của mình làm sao mà cắt? Cho nên anh em leo thang viết:

những

con

người

Nay mai có lẽ sẽ viết như thế này chẳng:

nhữ

ng

co

n

ngu

ời

Thật là vô lý kỳ cục! Hao giấy vô ích!

Nếu hay, thì mình cũng có thể chấp nhận được, còn đằng này các cậu có thấy gì hay không? Đó là sự lập dị, phá phách chớ chẳng phải tìm kiếm sáng tạo gì cả. Thơ hay là thơ có vần có điệu, nếu phá thể thì cũng vẫn có vần có điệu. Không ai hiểu được thơ leo thang VN. Nó lai căng, mất gốc và dị hợm. Các cậu tới nhà ga Hàng Cỏ thấy treo hình Maia thì biết ngay đó không phải là một người VN, và không ai hiểu ông ta tự vận vì lý do gì, và vì lẽ gì ông ta leo thang, cũng không ai rõ. Đó là nói về sự bắt chước hình thức, còn bắt chước nội dung thì càng tai hại. Đọc một tác giả tả tình yêu, hoặc anh bộ đội hay quá, mình cũng nhào vô tả anh bộ đội và tình yêu trong khi mình chẳng có vốn liếng gì trong hai lãnh vực này cả. Đó là chuyện nên tránh.

Lại nói xa hơn: Bắt chước tác phong. Các cậu chẳng lạ gì tác phong và văn chương của anh Nguyễn Tuân: nó đạo mạo, khinh bạc và phớt (ăng lê) đời. Hồi trước cách mạng có kẻ bắt chước Nguyễn Tuân trong cách viết, cách ăn mặc đi đứng hào hoa, nhưng đều trở thành lỗ bịch. Còn bắt chước lối văn của anh thì càng kệch cỡm hơn.

Tôi ví dụ thêm cho rõ: Có vài người bắt chước Vũ Trọng Phụng tạo ra một Xuân Tóc Đỏ, và một lô nhân vật như cụ Cố, ông Phán mọc sừng, Tuyết, Văn Minh... nhưng chẳng ai thành công cả, trái lại, thất bại hoàn toàn.

HÃY TẠO RA CHO MÌNH MỘT
LỐI : LỐI CỦA MÌNH – CÓ TÍNH
CHẤT RIÊNG

Tôi nói riêng đây là do hoàn cảnh

sống, hoàn cảnh gia đình, địa dư, phong thổ tạo nên cho con người các cậu. Cũng như cây cô mọc tự nhiên trên đất, chớ không phải những cây kiểng trong chậu do những người thợ tía tốt, uốn cong bẻ vẹo mà thành. Nhìn cây kiểng, lắm khi người ta không biết đó là cây gì, chỉ thấy vui vui, hay hay vì nó có hình con nầy con nọ.

VĂN CHƯƠNG LÀ SỰ GỌT ĐỂO CÔNG PHU

Nhưng sự gọt ẻo đó không được phá hỏng tính chất hồn nhiên. Hồn nhiên là một trong những yếu tố quan trọng trong văn chương. Tôi đổ ai có thể bắt chước được thơ Hồ Xuân Hương! Văn chương phải gọt ẻo, nhưng cũng không nên gọt ẻo đến mức tác phẩm trở

thành món đồ thủ công nghiệp, nghĩa là nó khô khan, ngay ngắn, bóng láng, nhưng không có sức sống, vô hồn. Nếu Tô Hoài hấp dẫn các cậu thì đó là do chất tươi mát hồn nhiên của cuộc sống ngồn ngộn trong văn chương, chứ không phải do sự gọt đẽo. Trong văn chương của Tô Hoài nổi bật là Sự Sống, chứ không phải do Khéo Tay. Anh không biết thế nào là văn chương, khi viết Dế mèn phiêu lưu ký, nhưng Dế mèn lại trở thành ông voi trong văn học. Nói đến Tô Hoài là nói đến sức sống, chứ không nói đến sự sang trọng của chữ nghĩa như Nguyễn Tuân. Chắc các cậu chưa biết anh Tô Hoài viết tiểu thuyết trong khi chưa biết tiểu thuyết là gì, thế mà thành công. Anh Nguyên Hồng bút rút phải xin tiền mẹ mua giấy viết văn, rồi cũng thành công. Cả hai cùng được giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn lúc mới 16-17 tuổi. Cái gì làm

cho các anh thành công, và trở nên thần đồng trong văn học Việt Nam? ĐÓ LÀ SỰ HỒN NHIÊN.

Nhưng nên nhớ rằng hồn nhiên không có nghĩa là tự nhiên, thô kệch. Trong những quyển đầu của Tô Hoài và Nguyên Hồng, sự sống là chủ yếu. Không thấy có sự suy nghĩ gì cả, cứ «chép» sự thực lên giấy thôi. Tự cái sự thực đó đã là văn chương rồi, và cái sự thực đó nói thay cho tác giả. Đó là nghệ thuật tiểu thuyết.

VIẾT CÀNG NHIỀU CÀNG TỐT

Nói tóm lại các cậu nên viết, viết càng nhiều càng tốt. Thành công càng tốt, mà thất bại cũng tốt. Khi in được một trang, mình đã phải viết mười trang, hoặc cả trăm trang, có ai biết cho đâu! Không có cách nào trở thành nhà văn nếu các

cậu không viết. Cứ ngồi mà «suy nghĩ ‘, cứ xem người này ngắm người kia hoài, không trở thành nhà văn được.

VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH

Khi viết, đừng thèm đếm xỉa tới các phê bình gia mang kính cận dày 8 ly hay một phân. Họ nói gì mặc họ. Đó là cái nghề của họ. Nếu các ông ấy là khuôn vàng thước ngọc, thì thế giới này sẽ không có văn chương, vì nhà văn nào theo mẫu mực của họ đều hỏng cả. Khi viết, hãy đốt nhang, kính cẩn đặt họ dưới gầm bàn. Hãy chém tất cả bọn phù thủy thì thế gian sẽ không còn ma quỷ. Vì chính bọn phù thủy tạo ra ma quỷ, chứ không ai khác. Các cậu có thấy người ta “xé nát” truyện Bốn Năm Sau⁴ của tôi ra thành

4 Chính tên tướng Trần Độ đã có lập trường mạt sát quyển Bốn Năm Sau trên báo Văn nghệ Quân đội. Tên này cũng mò mẫm viết văn để trở thành một trụ Cộng sản văn võ kiêm toàn, nhưng tới nay vẫn chỉ viết được chỉ thị.

giấy đi cầu không bằng không? Nếu nghe theo họ thì tôi tự vận quách cho rảnh, chớ viết văn làm gì cho nhục? Thiếu chút nữa họ giật bút tôi mà bẻ đi rồi. Nhưng may mắn thay, tôi có bùa hộ mạng. Một hôm tôi đi phất phơ ngoài phố, để tính chuyện viết cái phim truyện Lũy Hoa, thì gặp anh tiểu đoàn trưởng đơn vị tôi đến lấy tài liệu viết truyện Bốn Năm Sau. Anh ấy vỗ vai tôi hỏi: “Sao, truyện chỉ có thế à? Nhân vật Thống Chế anh em chiến sĩ họ thích lắm. Họ yêu cầu tôi xuống Hà Nội tìm nhà văn đề nghị viết thêm. Quyển I đọc hết rồi? Anh biết không, sách không có đủ, nên cả đại đội chỉ có một quyển. Người phụ trách câu lạc bộ phải chọn các cậu có giọng tốt đứng ra đọc cho toàn đại đội nghe... Thế nào, anh có rảnh không? Lên chơi Điện Biên một chuyến nữa để viết thêm quyển Năm Năm Sau chứ!...” Đó, các cậu thấy không? Mình sống là

nhờ những nhà “phê bình” chất phác hồn nhiên này.

Một lời nói của họ là một thang thuốc bổ. Đây là những lời phê bình giá trị nhất. Văn chương thơ phú là để cho người ta đọc, chứ không phải để cho các ông ấy “làm thịt” theo ý các ông. Khi nào các cậu viết xong tác phẩm, các cậu kêu mấy thằng khốn nạn đó đến và cho nó gặm mấy cái móng... ? Và bảo chúng nó dẹp nghề đi!

Anh nói với chúng tôi rất nhiều, nhớ không hết. Chúng tôi không có thầy nào dạy chính thức một bài nào cả. Toàn những chuyện tâm sự rất quý báu cho nghề viết. Không ghi thành bài, không đăng báo.

Ngày nay đã viết được chút ít, nhớ lại những bài học ban đầu, thì thấy nó “hơi

đễ” (!), như học trò lớp nhất nhìn lại bài lớp nhì, nhưng thời gian đó, nếu không có người chỉ cho, thì mò biết đời nào ra? Nhưng những bài học vật lý, toán pháp học một lần thì thuộc, còn bài học văn chương, học được rồi đem áp dụng mãi, thấy nó cứ biến hóa mới hoài. Vì truyện mình viết có khi nào trùng. Đâu phải bài nào cũng đem úp lý luận vào là thành tác phẩm cả !

Thêm những ngón nghề trong việc viết. Anh nói nôm na:

– Các cậu chơi ping pong thì cũng biết có mấy loại cú phải không, “drive”, “revers”, cú “droit”.... trong văn chương cũng vậy, nó cũng có những ngón của nó. Phải biết sử dụng để làm tăng giá trị của câu chuyện. Tôi có thể nói ra một vài ngón để các cậu tùy lúc mà sử dụng.

CƯỜNG ĐIỆU

Đây là một ngón rất thường dùng. Nhất là mấy ông nhà thơ: Mắt em là đại dương sâu thẳm, những quả núi tuyết những cặp đôi giá đáng một huy chương vàng (A.Tolstoi), những ngón tay búp măng nhưng có thể bóp nát quả đất... Trong truyện Tàu, truyện Tây đều thấy ngón này. Trương Phi hét như sấm dậy, ngựa Xích Thố chạy một ngày ngàn dặm. Giở truyện ra là thấy cường điệu, nổi nôm na là nói tướng lên, nhân sự việc to lên hàng vạn lần, đến mức gần như vô lý. Mục đích là gây ấn tượng sâu sắc trong đầu độc giả.

VẤN ĐỀ PHỤC BÚT

Những vấn đề tôi nói ở trên tùy lúc, tùy hứng mà các cậu dùng, chớ không có ai định liệu trước phải dùng ngón

nào cho truyện nào, cũng như người đàn vọng cổ tùy hứng vậy. Chỗ nào thấy cần nhấn ra mấy tiếng thì cứ nhấn. Không ai viết truyện mà định trước ở đoạn nào sẽ dùng ngón cường điệu, ngón ví von hoặc ngón phục bút. Khi viết tự nhiên thấy cần thì rút ruột tằm ra. Phục bút là gì? Phục bút là dùng nét bút trở lại lần thứ hai. Đó là một lối bỏ lửng mà không sợ độc giả hiểu khác đi. Thí dụ cho rõ: trong truyện Con Cánh Cam của nhà văn cổ điển Rumani Sadoveniu. ông tả một cô gái mù đau khổ vì không có tình yêu. Cô có ý định tự vận, cô bèn hỏi các bạn gái chỗ nào nước sâu. Các cô bạn vô tình không biết ý định đó của cô, nên một hôm đi chơi bờ biển, thì dẫn cô đến một vực thẳm có nước xoáy ác liệt, và báo: này coi chừng, đừng tới gần, rủi ngã xuống đó thì chết. Thế rồi tác giả bỏ lửng suốt truyện, chỉ nói những ý nghĩ

đau đớn của cô nàng, nhưng không nhắc đến ý nghĩ tự vận.

Mãi cho đến cuối truyện, tác giả cho cô gái đi đến cái vực thẳm ấy, nơi có dòng nước xoáy ác liệt. Rồi chấm dứt câu chuyện. Người đọc không thấy, nhưng biết cô ta sẽ có hành động gì sắp tới.

Lại thêm một ví dụ khác: Một anh chiến sĩ lúc tập trận ở nhà dùng 10 ngón tay bấu vào thân chuối lút cả ngón.

Đến năm ba chương sau, tác giả lại tả một tên giặc bị một anh chiến sĩ bấu thủng cả cổ mà chết. Độc giả biết ngay đó là anh chiến sĩ ở trên kia, chứ không ai khác.

Phục bút là một ngôn ngữ rất cao, ít khi thấy trong truyện. Những tác giả nào đã dùng được cái ngón ấy thì chẳng khác

nào tiên xài bửu bối. Nói khác hơn, cũng như tôi đã nói trước kia, là nói cái đó mà không nói cái đó, không nói cái đó mà lại nói cái đó. Trong văn chương càng tả rõ ràng cụ thể, thì càng có hình tượng. Tuy nhiên không phải chỗ nào cũng phải phơi trần ra hết cả, có những chỗ ta cứ để cho độc giả hiểu ngầm và thích thú lấy hơn là tác giả nói rõ ra. Tình yêu nói bằng mắt. Văn chương nói bằng sự... không nói.

VẤN ĐỀ ĐẶT TÊN

Tên nhân vật là vấn đề rất dễ, nhưng cũng có khi nó gây rắc rối. Thí dụ truyện tả có ba nhân vật nữ, ban đầu ta đặt là Loan (nhân vật chính) và Lý, Lựu (nhân vật phụ), nhưng khi viết được vài chương, thì ta bỗng thấy “Loan” không hay, mà Nga mới thích hợp. Vì trong đó có một cảnh trăng. Người con trai trở lên

mặt trắng nói: Em là Hằng Nga của anh. Như vậy không bằng nói: Nga của anh kìa ! Cho nên ta muốn đổi Loan ra Nga. Tôi đặt tên nhân vật rất nhanh, nhưng không khi nào tôi giữ nguyên cả viết vài chương thì mới khẳng định và dùng luôn. Điều này không có gì là hư hỏng. Tiểu thuyết Tây thì các tên nhân vật như André, François hoặc Dasha, Katia, Grigori, không có nghĩa gì cả, nhưng trong văn chương ta, nhân vật Phấn, Hương, Hoa đều có cái nghĩa rất đẹp của nó. Ví dụ một cô gái đoan trang không nên có tên là Bướm, hoặc một cô gái nhà trò không thể có cái tên là Mỹ Đức, một tướng cướp không thể có cái tên là Ngọc Long, hay Huy Ánh v.v . . .

Các cậu đọc truyện Tàu, thấy tên các tướng Phiên: Cáp Tô Văn, Hồng Mạn Mạn, Hắc Xích Đạt, Tề Cáp Nhĩ v.v...

Còn tướng Đại Đường, Đại Tống thì rất đẹp: Triệu Khuông Dã, Tiết Nhân Quý, Phàn Lê Huê. .. Đọc cái tên ta có thể hình dung được con người ít nhiều về cả hình thức lẫn bản tính. Nam Cao đặt tên Chí Phèo thật là độc đáo. Tiếng Việt của ta rất phong phú, vậy tên nhân vật cũng mang nhiều ý nghĩa tô đậm màu sắc cho câu chuyện.

VÍ VON HAY LÀ CHẤT THƠ TRONG TRUYỆN

Cách nói nhẹ nhàng, thơ mộng, làm cho truyện thay đổi không khí sau một chương hoặc một đoạn nặng nề. Nói để hiểu như vậy, chứ cũng tùy khả năng của tác giả. Thí dụ trong thơ Nguyễn Du tả nét đẹp của Kiều:

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém
xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng
thành,

Sắc đành đòi một tài đành họa hai.

Hoặc tả tiếng đàn của Kiều:

So đàn dây vũ dây văn,

Bốn dây to nhỏ theo vần cung
thương.

Khúc đau Hán Sở chiến trường,

Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen
nhau.

Khúc đau Tư Mã Phụng cầu,

Nghe ra như oán như sầu phải chăng?

Quá quan này khúc Chiêu Quân,

Nửa phần luyện chúa nửa phần tư gia.

Trong như tiếng hạc bay qua,

Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Tả sắc đẹp và ngón đàn của Thúy Kiều đến thế thì chẳng ai bằng. Đó là nghệ thuật ví von và cường điệu cùng đi một lúc, nên tứ thơ được nâng lên cao vút tối đa. Trong văn xuôi cũng không thể thiếu cái lối này.

NGOẠI CẢNH VÀ NỘI TÂM

Các cậu tả một cặp tình nhân đang tỏ tình ở bên bờ suối nhé ! Nếu là thường sự thì tả một vài cử chỉ trên làn môi má tóc, nhưng tay cao thủ thì đi quá tí nữa,

tả đôi chim trên cành, hoặc tả con suối cuộn cuộn chảy, tung bọt trắng xóa. Nội tâm và ngoại cảnh hòa hợp với nhau, ăn khớp và nâng nhau lên. Nếu cái bối cảnh của cặp tình nhân là đồng quê, thì các cậu đưa vào dưới chân của họ mấy cái bông hoa dại hoặc mấy tiếng dế gáy ở mô rạ. Còn nếu các cậu tả cặp vợ chồng trẻ yêu nhau, thì cho ánh đèn lờ mờ rồi cho con thằn lằn tắc lưỡi... Không cần phải tả gì hơn nữa.

Một lần nào đó, tôi đã nói với các cậu là một chương, khi đóng lại cũng còn có nghĩa là mở ra. Thì đây tôi xin lấy cái kết của truyện Chí Phèo của Nam Cao để ví dụ: Khi Chí Phèo đâm họng tự sát trước cổng nhà Bá Kiến, thì xóm làng tò mò chạy đến. Thị Nở cũng có mặt ở đó. Mỗi người bàn một câu, còn Thị Nở thì im lặng nhìn xuống bụng mình hơi vun lên.

Trong đầu thị thoáng chiếc lò gạch cũ nơi vắng bóng người lại qua. Cái bụng của thị u lên thì rõ rồi, còn cái lò gạch là nơi một gã đặt lươn đã nhặt Chí Phèo đỏ hỏn về nuôi. Cái kết mở ra, sẽ có một anh Chí Phèo con ra đời. Vừa đóng lại vừa mở là thế. Tuy tác giả không nói rõ ra, nhưng độc giả cũng nghĩ thế

NHÂN CÁCH HÓA

Cũng trong truyện Chí Phèo, lúc hai anh chị gặp nhau trên bãi sông thì trời có trăng. Nam Cao phóng một nét thần bút: “Những tàu chuối ngửa mình hứng ánh trăng bỗng run lên đàn đạch như hứng tình.” Cái sự nhân cách hóa này thật vô cùng tuyệt diệu, vì bên gốc chuối có cuộc yêu đương của đôi tình nhân kia. Một truyện hay có nhiều yếu tố, cũng như các cậu cầm vọt thì không thể nào đánh chân phương mãi, khi thì “revers” khi “coupe”,

lúc lại “drive”, phải không?

Ngoài ra lại còn những mẹo khác nữa mà tùy cá tánh của các cậu, hoặc tùy mạch chuyện mà dùng cho linh động. Nên nhớ rằng ngón cường điệu hoặc ví von, nếu dùng khéo, tự nhiên thì nó nâng câu chuyện lên, còn nếu vụng về thì nó làm cho câu chuyện “ridicule” (khôi hài). Các cậu không nên quên các tranh của Tô Ngọc Vân, anh ấy vẽ bức “Bên hoa huệ” thật là tuyệt vời. Các họa sĩ đều công nhận đó là bậc thầy. Càng ngắm càng mê mẩn. Cái đẹp tiềm ẩn không thể thấy hết trong một lần nhìn. Truyện cũng vậy, phải biết cách hé mở, khép lại, rồi mở rộng hơn, rồi mới mở hoàn toàn. Nếu vào chuyện mà độc giả biết cả kết luận, thì họ mất ít nhiều, hoặc tất cả hứng thú đọc

KỊCH TÍNH

Trong mạch chuyện các cậu phải biết cách lừa độc giả. Trong kịch gọi là kịch tính ấy mà ! Hoặc như cụ Tiên Điền cho Kiều và Kim Trọng gặp nhau tâm sự y như thật trăm phần trăm. Xong rồi cụ bảo: “Tình ra mới biết là mình chiêm bao?” Đó chỉ là mơ ước thôi, chớ chưa có gì cả. Chẳng khác nào cho độc giả đi quá vài bước rồi giật họ lại thực tế.

Đừng bao giờ để cho sự việc làng nhàng. Phải cho nó linh động đi tới luôn. Bắt độc giả đọc miết, không ngừng lại được. Làm cho độc giả bao giờ cũng tự hỏi: Sắp tới sẽ xảy ra chuyện gì?

Phải biết nhảy những bước trước xa (cải lương nói là nhân lớp), rồi mình quay lại, bằng hồi tưởng của nhân vật ăn khớp với hiện tại của sự việc, chớ

đừng kể anh A đóng cửa, lên nhà, mở cửa phòng, nhắc ghế, ngồi lên v.v.... Nếu cứ thật thà như thế, thì còn phải tả hàng chục cử chỉ khác nữa không cần thiết. Ta chỉ tả những gì nếu thiếu nó thì câu chuyện què đi.

Có khi trong suốt một quyển truyện dài, bạn đọc không thấy một bữa cơm nào cả, là vì bữa cơm không cần cho sự phát triển câu chuyện, mà chỉ thấy những buổi đi câu cá đi bát phở, vì nó cần thiết cho nhân vật bơi lội hoạt động trong những buổi ấy. Sẽ không có độc giả nào thắc mắc sao tác giả không tả đôi vợ chồng ấy âu yếm nhau, mà chỉ thấy họ gây gổ nhau, hoặc ngược lại.

ĐỐI THOẠI LÀ GÌ?

Tại sao phải đối thoại? Tôi cũng xin nói luôn: Đối thoại phải chan chất như

trong kịch thì mới hay. Một đoạn đối thoại được đặt ra là khi nào để giúp cho cá tính nhân vật hoặc một đoạn truyện nổi bật lên, chứ nếu Khả hữu khả vô thì nên viết một đoạn thường. Đối thoại tốn giấy lắm.

Trở lại một chút về vấn đề Ngoại cảnh và Nội tâm, tôi lấy ví dụ: ở đầu quyển Sông Đông Êm Đêm Sholokhov có dựng lên một hình tượng tuyệt hay, đó là anh chàng Grigori ngồi dưới chân chiếc cối xay gió cánh đang quay, anh chàng đang bắt mắt cái xã hội anh ta đang sống. Muốn đi, muốn làm một cái gì mà không biết đi đâu không biết làm gì. Sholokhov hạ một câu: “Anh ta như con đại bàng đập cánh hoài mà không bay được!” Sự kết hợp ngoại cảnh và nội tâm thật là tài tình. Các cậu phải biết chọn lựa những hình tượng đắt giá để

đưa vào chớ không phải hình tượng nào cũng đưa. Nếu chiếc cối xay gió kia dùng làm bối cảnh cho ông già Stephan bố của Grigori đi cày thì nó lãng nhách, vì ngoại cảnh nội tâm không ăn nhập gì với nhau.

Nếu các cậu có những chi tiết thật đắt giá thì phải biết cách đưa nó vào truyện cho đúng chỗ. Nếu dùng sai chỗ thì uổng chi tiết. Ví dụ cô Loan có cái cổ đẹp (cổ lộ chẳng hạn) thì các cậu nên cho cô ta đeo một xâu hột “peç⁵”. Hột “peç”, sẽ lấp lánh trên cái cổ xinh tươi. Cả hai đều trở nên đẹp hơn tự nó đứng rời ra – Cũng có thể ví một chi tiết đắt giá với một anh kép hoặc một cô đào có tài. Ông thầy tuồng phải biết cho cô cậu xuất hiện lúc nào, và trong bối cảnh nào, thì cô cậu mới trở tài được, mới ca sáu câu “muỗi rụng rốn” được, phải không? Ha ha.... !

5 perle, tức là ngọc trai – Chú của nhà xb

SỰ HÀI HÒA VÀ TƯƠNG PHẢN (HARMONIE ET CONTRASTE)

Trước nhất là sự hài hòa giữa cảnh vật và nhân vật.

Các cậu đọc Dưới Bóng Hoàng Lan của Thạch Lam, các cậu thấy cái không khí êm dịu của câu chuyện từ ngoài ngõ, trong phòng, con mèo, bộ ghế, chàng trai và cô bạn gái láng giềng. Nét nào cũng êm ái dịu dàng có vẻ cổ kính. Nhân vật và cảnh vật rất hòa hợp với nhau. Nếu trong cái khung cảnh đó mà đưa anh Chí Phèo vào thì anh ta phá bể hết, cũng như nấu chè mà bỏ thêm muối vậy. Các cậu đã đọc Chí Phèo thử đọc Sống Mòn cũng của Nam Cao, các cậu thấy dường như hai người viết, chứ không phải một: Chí Phèo thì rầm rập, phá phách, còn Sống Mòn thì cứ lờ lờ chán ngắt, không có gì xáo động. Không

ai ngờ hai truyện đó cũng một tác giả. Đó là sự tương phản của một ngòi bút, nhưng đó cũng là một sự hài hòa của một ngòi bút. Đồ máu xong muốn tìm sự an nhàn, hoặc an nhàn mãi rồi chán, đi tìm cái náo nhiệt, loạn đả. Sum họp chán, ước chia ly (Xuân Diệu).

Trong Tam Quốc các cậu có đọc thấy lúc Tào Tháo kéo quân xuống đánh Đông Ngô. Quân thần Đông Ngô tán loạn, bọn quan văn bàn việc đầu hàng. Chúng dẫn luân lý quân thần phụ tử lẫn nhăng đủ thứ, cuối cùng để đi đến kết luận là không nên đánh lại Tào Tháo. Độc giả đang hoang mang không hiểu Tôn Quyền có nghe không? Đùng một cái, Lỗ Túc vác gươm ra quát: “Câm mồm! Chúng bay có đầu thì cứ vác mặt đi mà đầu. Túc này còn một manh giáp cũng đánh!”

Thế là giải quyết xong cuộc bàn cãi. “Đánh!” Sự tương phản giữa lưỡi gươm và lưỡi bộn nho gàn.

Bộ ba Lưu Quan Trương là một điển hình cho sự hòa hài và tương phản. Tương phản vì mỗi người một tánh, nhưng hòa hài là vì ba người hợp lại thành một bức thành kiên cố của nhà Thục. Tác giả thật là một tay bản lĩnh mới có thể dựng nổi những nhân vật hay đến thế. Trương Phi lúc nào cũng găm hét như muốn ăn tươi nuốt sống người khác. Lưu Bị thì nguội lạnh, trầm tĩnh, nhơn đức và hay khóc, còn Quan Công thì đường đường chính chính, đi đại lộ về đại lộ. Ba người không ai giống ai, nhưng lại rất hòa hợp với nhau trong công cuộc cứu nước. Khi các cậu viết vài chương hoặc vài đoạn phảng lảng làm cho không khí của truyện chìm đi, thì tự nhiên các cậu lại muốn khuấy

động nó lên cho nóng sốt, rầm rộ. Như Tolstoi sau khi viết hằng trăm trang tả cảnh gia đình êm ấm, những ông hoàng bà chúa yến ảm yêu đương thì bất sang chiến trường máu lửa ác liệt. Sau những trận ác liệt lại trở về bình thường: cây lá, cơm nước, yêu đương.

CAO ĐIỂM CỦA TRUYỆN

Trong mỗi truyện ngắn hay dài, các cậu phải chọn cao điểm, tức là cái ý định của tác giả, làm cho độc giả khóc cười hay cười đau khóc hận, hay là v.v. . . Có lắm khi định thế này nó lại ra thế khác. Nhưng dù thế cũng vẫn hơn là không có ý định gì cả . Trong Kiều, cao điểm là sự gặp gỡ Kim Trọng và Thúy Kiều. Hạnh phúc tưởng chừng với được trong tay, bỗng sụp hoàn toàn. Rồi tới một cao điểm khác: gia đình tan nát, Kiều bán mình chuộc cha, cao điểm của đau khổ.

Độc giả xem tới đây phải sa nước mắt. Rồi sau đó Kiều vào lầu xanh, tự vận v.v... đều là những cao điểm tình cảm. Có khi cao điểm nằm ở giữa truyện, có khi lại ở cuối truyện. Tùy bàn tay phù phép của các cậu. Không thể nào đánh một trận mà không có kế hoạch. Cũng như bồi bếp dọn một bữa ăn thì phải có món chánh món phụ. Thịt kho là chánh hay dưa cải là chánh ? Nhưng dù chánh dù phụ cũng đều phải có bàn tay săn sóc của tác giả. Các cậu thấy trong Quê Người của Tô Hoài có hai nhân vật chính, Hời và Ngây – còn các nhân vật khác quan trọng ngang nhau, nhưng đều có nét hết cả. Hãy đọc đoạn tả Bướm và Thoại về làng để thấy công phu chạm trổ của tác giả.

Thị Nở trong Chí Phèo là nhân vật phụ, nhưng thật nổi bật. Nam Cao tả

gương mặt cô ta thật thảm hại: “Cô ta ắt phải đau khổ, khi mua chiếc gương đầu tiên”; và là “dòng họ có mả hủ”; cô không hiểu thế nào là «hớ hênh»...v.v... Dù là nhân vật phụ nhưng vẫn có nét của một nhân vật hoàn chỉnh. Họa sĩ có thể vẽ cô nàng lên tranh được. So với nhân vật chính của một số truyện thì Thị Nở còn hơn xa.

Trong Othello, cao điểm là lúc Othello ghen, bóp họng Desdemona chết! Trong Taras Butba cao điểm là lúc ông bố bắn chết thằng con phản quốc; trong Hamlet, cao điểm là ở đoạn kết, tất cả đều chết. Khi viết một truyện, các cậu phải là một vị chỉ huy, một tổ trưởng, một tiểu đội trưởng, một trung đoàn trưởng hay một nguyên soái Mỗi chữ là một tên lính dưới quyền điều khiển của các cậu. Làm thế nào cho họ chiến đấu, lập chiến

công rục rở nhất.

Không khi nào chiến cuộc xảy ra hoàn toàn theo kế hoạch của người chỉ huy, vậy phải linh động mà xoay xở làm sao đừng bại trận, hoặc tệ hơn nữa, mình bị lính của mình phản nản vì họ hi sinh vô ích.

... Tất cả nghệ thuật mà tôi nói với các cậu đều có ở trong Kiều, không cần phải tìm kiếm ở sách Tây sách Tàu gì cả. Kiều còn có nhiều hơn thế, chỉ tại chúng ta không chịu nghiên cứu đó thôi. Tệ hơn nữa, có những người viết lách mà lại chưa đọc Kiều, mà lại đi đọc Tây, Tàu, Ấn Độ, Hi Lạp để học! Trong khi cây nhà lá vườn có sẵn đó và quý báu biết bao! Các cậu phải đọc Kiều, nếu chưa đọc. Nếu đọc rồi, hãy đọc lại, nếu đã đọc nhiều lần rồi vẫn cần đọc thêm. Đó là một áng văn chương tuyệt tác, chứa

đựng 1000 bài học cho lũ chúng ta.

Trong văn chương không có ai làm thầy ai mãi, không ai làm học trò ai hoài. Các cậu học ở tôi sự mô tả miền Bắc, tôi học lại các cậu ở những trang mô tả miền Nam! - Anh nói thật, không khách sáo.

Anh Nguyễn Huy Tưởng còn là một nhà soạn kịch. Kịch của anh từng diễn ở nhà hát lớn Hà Nội. Những vở Những Người ở Lại, Bắc Sơn v.v... đều là kịch năm màn, cỡ lớn. Anh luôn luôn mộng mơ đến tầm quốc tế. Tiểu thuyết cũng vậy, mà kịch cũng vậy.

Một hôm có phái đoàn ngoại quốc sang, người ta (!) giới thiệu anh với khách:

– Đây là Polévoi Việt Nam? (Polévoi là nhà văn Liên Xô viết theo lối người thật, việc thật).

Khi khách ra về xong, gặp bọn tôi, anh càu nhàu:

– Tôi mà là Polévoi à? Tôi phải là L. Tolstoi mới được chứ!

Tiếc thay, anh mất quá sớm, 48 tuổi – trong lúc anh đang viết bộ tiểu thuyết về Hà Nội những ngày đầu kháng chiến. Chỉ tả đục tường thông phố và “bom ba càng” đã mất 500 trang. Đọc những trang đầu quả thật anh có ý tưởng vĩ đại khi mô tả người dân thủ đô hùng dũng bước vào kháng chiến. Tiếng đục tường giữa đêm khuya nghe lạnh cả người. Cặp đùi cô Jeannette, cô gái cavalière của hộp đêm tham gia kháng chiến, treo cờ cách mạng ở khách sạn, bị Tây bắn té nhào, những anh khách trú nặn hình con con bằng đất sét ở ven Hồ, một tên thực dân cắt cổ một cô gái bảo: – Cho mày

giỏi “phanh thầy uống máu quân thù... !”

Lần đó tôi đi Thanh Hóa, bỗng được điện gọi hỏa tốc phải về. Về đến nơi... Thì ra thế! Tôi chạy vọt đến bệnh viện mong gặp anh. Nhưng đến phòng bệnh không thấy anh: Trên giường phủ drap trắng. Những bó hoa. Ngoài cửa các anh các chị cũng đang mang hoa tới. Thôi đành gạt lệ đi ra.

Chính tôi và anh Kim Lân thay mặt nhà xuất bản đã đến tận nhà anh lục lấy bản thảo, đem về xếp lại thứ tự để đưa in. Còn một số không xếp thứ tự được. Tôi là độc giả đầu tiên của truyện này.

Cả Hà Nội buồn. Mất Nguyễn Huy Tưởng rồi, sẽ không còn người Hà Nội nào viết nổi những trang tiểu thuyết lịch sử này. Nguyễn Huy Tưởng mang Hà Nội

trong lòng như Sholokhov bơi lội trong nước Sông Đông.

Nhà văn! Đó là sản phẩm kỳ dị của Hóa công. Nguyễn Huy Tưởng mất đi mang theo trong lòng những trang tiểu thuyết chưa viết ra, cũng như Thạch Lam mất đi không ai viết tiếp lịch sử Hà Nội cho chúng ta. (Nhất Linh đề tựa quyển lịch sử Hà Nội của Thạch Lam bằng câu cuối cùng bỏ lửng:... “Nếu còn sống, Thạch Lam sẽ viết xong quyển lịch sử này và sẽ làm cho chúng ta. . .”)

Chốc đây mà đã gần 40 năm, Nguyễn Huy Tưởng không có mặt ở Hà Nội. Nếu anh còn cầm bút từ đó đến nay, thì người đời đã được đọc bao nhiêu trang sách lý thú.

Tôi nhớ ngày ấy dãy hàng hoa Hà Nội trống hết, không còn một đóa nào.

Chúng được kết thành vòng hoa tiễn biệt nhà văn Hà Nội Nguyễn Huy Tưởng. Một nhà văn mất đi, thiệt đáng buồn. Anh rất giản dị, chân đi guốc, mặc đồ nâu, nếu mặc sơ mi thì chỉ sơ mi trắng, không bao giờ bỏ vô quần. Anh thường kêu chúng tôi là những «thằng cu Nam Kỳ». Coi chúng tôi như em. Nói năng không giữ kẽ, uống rượu say với chúng tôi, vào giường chúng tôi ngủ hoặc nằm ngay sô pha.

Bây giờ chúng tôi đều trở thành nhà văn cả. Có đứa làm tới Tổng thư ký Hội Nhà Văn. Và đều có sách xuất bản, có truyện làm phim.

Nhớ lại những bài học vỡ lòng về văn chương của anh giảng cho ở mâm rượu, quanh bình trà, tôi không cầm được nước mắt. Bây giờ mới thấu hiểu thêm, chớ hồi đó nào biết văn chương là

gì! Nếu không có anh dạy bảo, chắc đâu chúng tôi đã viết được gì ra hồn

“Nam Kỳ là đất tiểu thuyết... Các cậu phải viết, chớ không ai viết thay các cậu được! Sholokhov viết về Sông Đông. Các cậu viết về Cửu Long. Chớ không ai khác, không ai khác!”

CHƯƠNG XVI

NGUYỄN CÔNG HOAN: “TRUYỆN LÀ BỊA Y NHƯ THẬT”

Đó là câu nói cũng là bài học hay nhất của Nguyễn Công Hoan dạy tôi. Ông luôn luôn cười mím chi, cái cười trên gương mặt đôn hậu rất dễ mến, không nghiêm trang. Ông chỉ đến cơ quan khi họp, họp xong về ngay, nên ít có dịp tiếp xúc với đám trẻ. Từ ngày ông mua ngôi nhà trên Bưởi thì ông ở luôn trên đó, chỉ khi nào cơ quan cho người

đánh xe lên rước, ông mới xuống. Do đó, ông là người ít nói kinh nghiệm cho ai nghe hơn hết.

Nhưng tôi có dịp may. Số là khoảng năm 59-60 chi đó tôi cố tìm được một nơi yên tĩnh để ngồi viết quyển Lửa Dưới Tro đã nói ở trên kia. Đó là ngôi chùa gần nhà ông.

Chiều chiều tôi thường đi ra trước cổng chùa để nhìn về phía Nghi-tàm mà nhớ Hà Nội, ở Hà Nội mà vẫn nhớ Hà Nội. Bỗng một hôm tôi gặp ông cũng đi dạo mát ở bờ Hồ Tây ngay trước cửa chùa. Đó là lần gặp riêng duy nhất của tôi đối với ông.

Sau vài câu chuyện mưa nắng, anh hội viên Xuân Vũ bèn phỏng vấn ông chủ tịch Nguyễn Công Hoan. Phỏng vấn

hối hả và không có chương trình gì hết.
Tôi hỏi:

– Xin cụ Hoan cho cháu biết cụ viết
cái Bước Đường Cùng như thế nào?

Ông xua tay:

– Ấy chết! Đừng gọi tôi thế? Đừng
gọi tôi thế!

Tôi chưng hửng, không biết mình
hỏi thế có đường đột vô lễ gì không, thì
cụ mỉm cười:

– Anh là người Nam nên không hiểu
“Cụ Hoan” nghĩa là gì hả ? !

(Về sau tôi mới hiểu tiếng nói lái của
miền Bắc khác miền Nam. Cụ Hoan có
nghĩa là hoạn...)

Rồi cụ vui vẻ:

– Bước Đường Cùng tôi viết trong 15 ngày. Bỏ nhà đi chỗ khác vắng vẻ viết một mạch. Xong, ra về, đưa đi in.

– Cụ không có chữa à ?

– Chữa trong lúc viết thôi.

– Dạ . Còn Lá Ngọc Cành Vàng?

– Cũng gần như vậy. Tôi viết giấy rời, tờ nào không vừa ý thì rút ra, viết tờ khác thay vào.

– Cụ lấy cốt truyện ở đâu?

– Tôi không lấy ở đâu cả, toàn bịa. Chỉ có tí sự thực tôi nghe được.

Quả thật sau đó tôi đọc các truyện ngắn của cụ do nhà xuất bản Văn Học in thành 4, 5 tập cả trăm truyện, tôi mới thấy điều của cụ nói là sự thực, toàn bịa ra cả. Mỗi tuần một truyện thì thì giờ

đâu mà đi lấy tài liệu, đi thực tế như bọn trẻ chúng tôi bây giờ? Vả lại, ông là thầy giáo, làm sao bỏ lớp học được?

Ông nói thêm:

– Truyện là bịa y như thật, anh nào bịa giỏi anh đó ăn!

Đó có vẻ là câu nói bình thường, nhưng đã được nhà văn Việt Nam Nguyễn Công Hoan đúc kết thành chân lý, nguyên lý của nghề viết truyện.

Nguyễn Công Hoan cho biết ông không đọc sách, ngoại trừ sách giáo khoa để dạy học trò. Còn tiểu thuyết, truyện nọ kia thì ông không đọc của ai hết vì: sợ khi viết rủi trùng với người ta mà không hay rồi mang tai tiếng. Ông ghét nhất là lý luận văn học. Ông gọi những nhà lý luận là “bọn ấy”. Chúng nó không sáng

tác được, nên quay sang làm nhà phê bình, nhà lý luận. Chính ra từ sáng tác anh mới lý luận được, chứ từ lý luận đặt ra, rồi bảo người ta sáng tác theo đó, thì còn gì vô lý bằng. Chính nhà văn mới là nhà lý luận văn học.

Tôi không biết nên nghe lời ông hay không nên nghe, nhưng tôi cũng không bao giờ viết một bài lý luận.

Về câu nói “Truyện là bịa”, tôi càng viết càng thấy nó hay quá trời! Chính từ khi đặt bút viết truyện đầu tiên, mình đã dùng cái nguyên lý ấy rồi, nhưng không hay. Đến nay nghe ông “Tổ Bịa”, nên mới dám mạnh dạn mà “bịa”.

Trước kia, khi viết mình cứ sợ đi xa sự thật rồi nó không thật. Anh Nguyễn Huy Tưởng đã hết lời khen Vũ Trọng Phụng là sáng tạo phi thường cái Số Đỏ. Sự thật

không có một anh chàng nào như Xuân Tóc Đỏ, như ông Minh, bà Văn, như ông Phán mọc sừng cả ! Nói cho văn học thì đó là sáng tạo, và nói theo kiểu bình dân như cụ Hoan thì đó là Bịa? Tức là tác giả nhặt một mớ đất sét ở đây đó khắp nơi, gom lại, chế tí nước, pha tí màu, rồi nặn ra các con rối, và đặt tên là Xuân, là Tuyết, là cụ Cố v.v... Các bạn đọc lại Số Đỏ xem, có cái đám ma nào vui vẻ kỳ lạ thế không? Có ông chồng nào như ông Phán mọc sừng không? Bịa hoàn toàn, nhưng thực, thực một cách tàn nhẫn! Sự thực trong sách hay hơn sự thực ngoài đời Có những lúc viết, tôi cứ ôm cứng cái sự thực, không dám đẩy nó lên một mức, vì sợ xa sự thực. Mà xa sự thực thì sẽ rơi vào tháp ngà mà ở trong tháp ngà thì là bố của tiểu tư sản và tư sản!

Bây giờ xem lại thấy Victor Hugo

làm thơ toàn ở trong tháp ngà, và nhờ ở trong tháp ngà, ông mới làm được bằng ấy bài thơ có giá trị.

Vậy câu nói của Nguyễn Công Hoan bao trùm cả văn lẫn thơ. Riêng ở lãnh vực thơ càng phải bịa, bịa mạnh.

“Đêm nay rằm, yến tiệc ở trên trời”

“Chàng là Kim Đồng, thiếp là Ngọc Nữ!”

“Tôi ôm thiếu nữ vào long

Người yêu bỗng biến thành bông hoa rừng!”

Những hình tượng ấy không phải bịa thì là gì?

Từ khi tập tễnh cầm bút tới nay, tôi chưa thấy ai nói một câu đơn sơ mà có tính cách nguyên lý trong nghề viết

truyện như Nguyễn Công Hoan. Đó là lý luận. Nhưng câu nói ấy không mấy ai chú ý, để bu vào theo những bài vở lý luận xa vời vô bổ làm cho người viết khó theo, run tay khi viết. Bịa phải chăng là tưởng tượng? Nay đây, tôi xin nhắc lại: những truyện Liêu Trai Chí Di của Bồ Tùng Linh có phải là bịa không? Có cậu học sinh nào yêu ma quái như vậy không?

Thời tôi đi học, đã nhắc lại ở những chương đầu, có quyển Thần Hồ của Tchyá Đái Đức Tuấn, bọn tôi mê mẩn xem, bỏ cả học bài. Đó là một con cọp trắng hóa thành tinh ăn thịt người, nhưng có khi hiện hình là một tiên ông ca hát với đám tiên nữ. Đám tiên nữ cũng là một lũ ma trành, ma xó đi theo hầu hạ “tiên ông”.

Truyện vô cùng hấp dẫn cho học trò lẫn người lớn. Ngày nay không có cây bút nào đi vào làng bịa như Tchyá nữa.

Rồi truyện Dế Mèn của Tô Hoài, phải chăng là một trời bịa? Các truyện Chuột của anh cũng chỉ là một sự bịa. Bịa y như thật. Hãy bịa mạnh vào, nhưng nhớ là bịa y như thật.

Và đây nữa, truyện Tây Du, Phong Thần, Tam Quốc làm say mê tuổi học trò lẫn tuổi già của tôi. Hàng trăm tiên ông tiên bà, ngàn trang sách, toàn bịa là bịa, nhưng đọc cứ tưởng y như là thật. Có Trần Huyền Tăng không? Có Đường Thế Dân không? Có, nhưng trong chính sử, cả hai đều không đẹp như sự bịa của Ngô Thừa Ân. Nào là 7 con Nhện Nhện, nào là con Ba Ba tu dưới đáy sông 500 năm chưa thành tiên, nào là cái kim cô của Quan Âm niềng đầu Hành Giả. Nào là cả ngoại càn khôn, nào là thế giới loài khỉ ở Thủy Liêm Động, nào là quạt Ba tiêu của Bà La Sát có phép quạt tắt cả núi

lửa. Tám mươi tai nạn mà Phật tổ Thích Ca cho Tam Tạng còn chưa đủ, phải bịa thêm một tai nạn thứ 81 . Đó là những cuốn “Vô Tự Kinh”.

Nhưng cái sự bịa ly kỳ nhất là Tây Lương Nữ Quốc, một nước chỉ có đàn bà, hoàn toàn không có một đấng mày râu khả dĩ cưới vợ được! Nguy hiểm nhất là triều đình nước Tây Lương này cũng toàn là quần vận yếm mang cả, vua thì gọi là Nữ vương, Thừa tướng, Thái sư, Nguyên soái để tóc dài và uốn quăn, đi mỹ viện xâm viên mắt và môi cả. Nhưng cũng chưa tuyệt, vì độc giả hỏi: Thế thì làm sao dân xứ này đẻ con? Thưa, có con sông gọi là “Mẫu Tử Hà”, công dân xứ này đến tuổi mười tám, nếu muốn có con, cứ ra đẩy mức nước sông lên uống, thì sẽ chuyển bụng và mang thai, rồi sẽ hạ sinh con sau chín tháng mười ngày, đúng qui

luật của tạo hóa như những bà vợ ở các nước khác. Nhưng có điều là chỉ đẻ ra cái đĩ chó không ra thằng cu nào cả !

Trong dịp bốn thầy trò Đường Tăng lại đến xin VISA để đi nước khác, vua tôi đều mê mệt những gã đàn ông này. Bát Giới bỗng trở thành niềm ước của cả triều đình. Sa Tăng, Hành Giả mặt mày như thế mà vẫn được coi là đẹp trai. Nữ vương thì nói thẳng với Tam Tạng: “Trẫm sẽ nhường ngôi cho chàng!” Bạn có thấy ai bịa như Ngô Thừa Ân không? Đó nếu không gọi là Bịa thì gọi là gì? Có cái nước nào trên thế giới này như Tây Lương Nữ Quốc không? Thế nhưng cái bộ óc “Siêu Bịa” của Ngô Thừa ân đã tạo ra nó Y NHƯ THẬT.

Cho nên câu nói của nhà văn Việt Nam Nguyễn Công Hoan, nếu dịch ra một trăm thứ tiếng trên thế giới, thì

nó sẽ là cây đuốc soi đường cho những ngòi bút sáng tạo toàn cầu. BỊA Y NHƯ THẬT! Trước ông một ngàn năm, Ngô Thừa Ân đã làm công việc đó. Nhưng Ngô Thừa Ân chỉ làm mà không nêu thành nguyên lý, cho nên sau ông có biết bao nhiêu nhà văn cứ ôm lấy sự thực mà đặt lên giấy, không dám bớt mà cũng không dám thêm, thành ra văn chương lắm khi bị lẫn quẩn trong vòng sự thực, tẻ ngắt, khô khan, ngô nghê! Nhất là văn chương xã nghĩa. Chỉ khi nào tung hê cái sự thực đó đi ĐỂ LÀM NÊN MỘT SỰ THỰC KHÁC MẠNH HƠN, ĐẸP HƠN SỰ THỰC NGOÀI ĐỜI, thì văn chương mới trở thành văn chương được.

Có lần nhà văn Tô Hoài bảo tôi: Người ta đang đi theo lối viết người thật việc thật. Đó là nói láo! Chẳng ai viết truyện mà đem nguyên sự thực lên giấy

bao giờ. Nếu có ai theo lối đó, thì chẳng bao lâu họ cũng sẽ bỏ đi, vì lối đó không khoa học và phản nghệ thuật. Khi cầm bút viết câu thứ nhất, là cậu đã bắt đầu sáng tạo rồi, nghĩa là cậu bắt đầu cắt xén hoặc tô vẽ cho sự thực.

Sau này nếu có một độc giả hỏi cậu: “Những điều ông viết ra có đúng sự thực hay không?” thì cậu đừng bao giờ trả lời là: “Tôi có gặp ông A bà B, và tôi ghi lại sự thực hoàn toàn!” Ngoại trừ làm phóng sự cho báo thì có thể, chứ còn viết phóng sự tiểu thuyết như Vũ Trọng Phụng, Tam Lang là đã có khối bịa tạc rồi!

Tôi nghĩ là câu nói của Tô Hoài bổ túc cho câu của Nguyễn Công Hoan. Bịa là một ngón nghề quan trọng nhất, cơ bản nhất cho nghề viết truyện. Bịa từ cốt chuyện, bịa tới nhân vật, bịa luôn cả những biến chuyển và kết luận. Đó

là trí tưởng tượng kết hợp với khoa học và nghệ thuật. Đối với tôi những chữ “TRUYỆN LÀ BỊA Y NHƯ THẬT” đã trở thành nguyên lý viết truyện mà tôi càng áp dụng, càng thấy nó đúng.

Lâu nay tôi cũng có bia, nhưng không mạnh tay. BỊA MUÔN NĂM !

CHƯƠNG XVII

CHI TIẾT NHỎ LÀM NÊN TIỂU THUYẾT LỚN (Léon Tolstoi)

Câu này tôi đọc thấy trên báo Văn Nghệ Hà chừng ba mươi năm qua, và nó đối với tôi cũng lại là một nguyên lý khác. Tôi có thói quen là khi nghe ai kể chuyện, tôi không ghi chép, mà chỉ nghe và nhớ những chi tiết hay. Cái nào còn nhớ thì đó là cái hay, cái nào

mình quên thì không hay hoặc mình có thể bị được.

Đối với tôi, cốt chuyện bị được, hành động nhân vật cũng bị được, cho đến nhân vật cũng bị được nốt, nhưng chi tiết rất khó bị. Nhưng vài trò của nó lại rất quan trọng, nó làm cho truyện gồ ghề, nhám nhúa, dễ nhớ. Đối với tôi, không có chi tiết hay, tôi không viết truyện được. Mỗi chương tôi định viết, thì trong đó, tôi đã đặt sẵn một chi tiết hay. Càng có nhiều chi tiết hay, truyện càng sống và càng hấp dẫn. Đây tôi xin kể hầu các bạn những «chi tiết nhỏ».

Truyện phim Anh lái xe Ru Măng Xếp rất xoàng nhưng có một đoạn hay: Hai người công nhân ở trọ chung một phòng, tình bạn rất thâm thía. Vì gậy gố, anh A dùng dùng ôm đồ đạc quần áo ra

đi. Khi ra khỏi cửa, anh đóng cửa, một cái tay áo trong mớ đồ của anh ôm trên tay kẹt dính lại. Anh lôi những nhăng không dứt ra được trong lúc anh B gọi anh trở lại. Anh nghiêng răng giật mạnh, đứt phéng tay áo dính kẹt ở cánh cửa. Nó hay ở chỗ là ta có câu: “Huynh đệ như thủ túc”. Nhưng phen này nhất định cắt đứt cách tay (áo) ra đi. Ngoại cảnh ăn khớp với nội tâm.

Trong kịch Đêm thứ 12 của Shakespeare viết phục vụ cho Hoàng gia, có nàng Quận chúa xinh đẹp Olivia, Thái tử rất yêu, bảo: “Ta đứng ở ngoài cổng chào nàng. Nếu nàng không ra, ta sẽ hoá thành cổ thụ, mọc rễ ở đây luôn”. Bên cạnh Thái tử còn có vị quản gia già của Quận chúa. Ông cũng mê đắm nàng, nhưng chờ mãi không thấy nàng đáp lại. Một hôm, một anh đầy tớ bảo: “Quận chúa sắp đến

đấy!” Thế là ngài quản gia nhà ta chưng diện với tất cả quần áo sang trọng và xỏ đôi dép quai treó vô chân. Một chập sau quả tình Quận chúa tới. Ngài quản gia run rẩy cả tay chân, không biết làm cách nào giữ được bình tĩnh, bèn ngồi phếch bên góc hồ nước, vốc nước lên tim vỗ vỗ. Cốt ý làm cho trái tim già đập lại nhịp bình thường. Cái chi tiết vốc nước rưới vào tim, vừa hiện thực lại vừa siêu thực. Thiệt đây ý nghĩa!

Trong truyện Eugénie Grandet của Balzac, lão già hà tiện sắp chết, tay chân mình mẩy lạnh ngắt. Lão bảo người nhà khiêng thùng đựng những thỏi vàng ra để trước mặt, lão đưa tay đặt lên và nói:

-Ça me réchauffe (Cái này làm ta ấm lại)

Một người đàn bà có tới hai chồng.

Bà ta sắm một chiếc gối ôm. Hễ đêm nào bà quăng chiếc gối vào buồng nào, thì đêm bà không tới buồng đó. Bà cho chiếc gối ôm đến thay bà. Chi tiết này Hứa Hoàng cho tôi, và nhờ đó mà tôi viết được truyện Mưu Trí Đàn Bà.

Nguyễn Văn Ba trong «Gác Cu» có viết về một người chuyên môn gác cu, con cu mỗi gáy tiếng khàn khàn, vì nó uống nước phong-tên, không phải nước mưa.

Maupassant vẽ một nét vô cùng sinh động trong «Nuit de Noces» (Đêm Tân Hôn) trong quyển Contes de la Bécasse như sau: Từ từ chiếc váy rơi xuống (Lentement la jupe tomba) và nằm bẹp tròn (et s'aplatit en rond) quanh chân cô nàng (autour de ses pieds). Thật là rõ từng nét một như tranh treo trước mắt, không thể nào mô tả được hơn.

Bây giờ tôi xin trở lại cái tử ruột của tôi là truyện Tàu: Tây Du. Nếu ai có đọc truyện này thì đều nhớ nhân vật Tôn Hành Giả với những nét đặc tả như sau đây:

Hành Giả là kẻ không cha không mẹ, do một hòn đá sinh ra. Nơi đó, bấy khi sau khi tám tuổi, leo lên ngôi phôi lông cho khô. Lâu ngày chày tháng, hòn đá thọ khí âm dương, bỗng một hôm sét đánh vỡ làm đôi, từ trong đó nhảy ra một chú khí, gọi là Thạch Hầu.

Thạch Hầu bẻ nhánh cây ném xuống tuổi, rồi nhảy lên ngôi trên nhánh cây. Nhánh cây trôi ra biển tới ngoại càn khôn.

Gặp Bồ Đề tổ sư xin học đạo. Tổ sư không nói gì, cầm chiếc quạt gõ trên đầu khỉ ta ba cái, rồi chấp tay sau đít đi vô.

Khỉ hiểu rằng thầy bảo đến cửa sau lúc canh ba. Quả đúng như vậy.

Khỉ gặp thầy, nhưng thầy không dạy dỗ gì cả, chỉ giao cho một cái ống nhỏ, bảo đem đi đổ, mà không được đổ trên trời, không được đổ dưới đất, cũng không được đổ ở cội dưới.

Thạch Hầu suy nghĩ một lát, không biết phải đổ ở đâu, bèn nâng ống nhỏ lên, ngửa cổ dốc cả vào mồm. Uống xong thấy mình nhẹ như bông. Chẳng ngờ đó là 72 phép biến hóa của thầy truyền cho.

Từ đó Hành Giả hú một tiếng bay 36 ngàn dặm.

Khi gặp Tam Tạng, Hành Giả vẫn quen thói cũ cứng đầu, Quan Âm tới cho cái mào. Hành Giả đội lên bị bóp lòi mắt. Đau quá xin trả lại... Nhờ đó mà Tam

Tặng mới điều khiển được đứa học trò cứng đầu. Cái niềng vàng ấy gọi là “Kim cô”.

Bằng ấy chi tiết làm cho ta không thể nào quên được nhân vật Hành Giả, kẻ đã từng làm loạn Thiên Cung, đánh Ngọc Hoàng chạy sút ... dép, và binh tướng nhà trời phải bao phen kinh hoàng.

Còn biết bao “chi tiết nhỏ” khác, làm cho các nhân vật không thể nào quên được . Thí dụ: trong số tướng nhà trời có Nhị Lang Thần là Dương Tiễn. Ông thần này có một con mắt giữa trán, nó giúp ông nhìn ra chân tướng của ma quỷ. Ngoài ra ông còn có con chó gọi là Hạo Thiên Khuyển. Khi đánh với Hành Giả, thì ông rũ tay áo con chó vọt ra, Hành Giả chạy dài (có tích khỉ sợ chó).

Trong truyện Tam Quốc có nhiều “chi tiết nhỏ” loại này nhất:

Hạ Hầu Đôn bị tên bắn trúng mắt, nhổ tên ra tròng mắt dính theo, ông nuốt luôn con mắt.

Lữ Bố chờ cho hai lưỡi giáo chéo vào nhau, liền bắn một phát mũi tên xuyên qua làm hai lưỡi giáo dính lại, hai bên không đánh nhau được nữa.

Triệu Tử Long bắn một phát đứt dây buồm, làm chiếc thuyền quay ngang không thể đuổi theo Khổng Minh.

Một lần khác, Triệu Tử Long bắn cái ngù mào Châu Do để cảnh cáo (không bắn chết).

Quan Công đang ngồi uống rượu, bỗng có giặc tới khiêu chiến. Ông cầm đao nhảy lên ngựa. Một hồi trống thúc,

ông chém đầu địch, cắt thủ cấp đem về.
Ly rượu hãy còn chưa nguội.

Khổng Minh ngồi giữ cửa thành bằng chiếc quạt lông và cây cờ mà quân Tào sợ chạy trốn chết. (Trong nhạc cổ có một bản ngắn gọi là Khổng Minh tọa lâu)

Một trận đánh lớn nhất lịch sử: Trận Xích Bích. Lửa cháy làm cho vách núi hai bên sông Trường Giang bị nung đỏ lên, nên gọi là Xích Bích . (Xích là đỏ, Bích là tường).

Những chi tiết kể trên đã làm cho truyện sống lạ thường. Người đọc không bao giờ quên được.

Câu nói của bậc thầy tiểu thuyết Tols-toi là tổng kết của một trời kinh nghiệm viết.

CHƯƠNG XVIII

CÁ TÍNH CỦA NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN TÀU

Truyện phải có nhân vật. Nhân vật là động cơ đưa câu chuyện đi tới. Đây là vấn đề lớn nhất trong truyện. Nhân vật có ba phần: lai lịch, hình dáng và nội tâm. Tôi không lấy đâu xa, loanh quanh trong cái tủ của tôi... truyện Tàu. Xuyên qua các nhân vật đó, tôi thấy rõ ba vấn đề trên.

Từ truyện Tây Du: Tam Tạng, Hành Giả, Bát Giới, Sa Tăng. Từ truyện Tam Quốc: Lưu Bị, Trương Phi, Quan Công, Tào Tháo, và một số nhân vật của các truyện khác.

Tôi không phải là nhà bình luận, tôi chỉ lấy tư cách độc giả, và thấy hay hay, ngộ ngộ thì viết cho vui vầy thôi, chớ không dám chắc nó là đúng.

Nhân vật Tam Tạng: hình dáng phương phi, khôi ngô lạ thường, ít thấy ở người khác. Vì ông là cốt tu đã chín đời. Đời này nữa là đủ mười kiếp, sắp trở thành Phật, nên mới có dung mạo kỳ vĩ như vậy. Đặc biệt một miếng thịt của ông, ăn vô số ngàn năm, còn hơn cả linh đơn của Thái Thượng Lão Quân, vì thế mà nữ yêu mê lắm. Con trai còn trinh mười kiếp mà! Nếu dụ dỗ làm chồng không được, thì sẽ hầm ăn, bổ khỏe biết

bao nhiêu. Do đó mà tai nạn xảy đến liền liền. Hết yêu tinh đến nữ chúa, đàn bà góa mê mết. Suýt làm đám cưới hai ba lần . Khi đến Tây Lương Nữ Quốc, thì nữ vương sẵn sàng nhường ngôi để làm hoàng hậu của Ngài.

Đó là về phần hình thể, còn về tâm lý thì: Tuyệt đối trung thành với Phật giáo, nhất quyết đi đến Tây phương thỉnh kinh về Đường bang. Dù bị hăm dọa, mua chuộc cũng không lay chuyển được.

Nhưng ông có tánh ngây thơ, không biết suy xét nhận định Chân và Giả, tưởng ai cũng tốt như mình, cho nên yêu tinh dễ gạt. Chúng hóa kẻ mắc nạn, bày ra cảnh Phật để lừa, là y như rằng ông ta dính bẫy. Đã ngây thơ lại không nghe lời Hành Giả, nên suýt bị hăm tương mấy lần. Nếu không nhờ Hành Giả thì có đâu đi tới nơi về tới chôn.

Tam Tạng tượng trưng cho chính nghĩa và đạo đức.

Nhân vật Hành Giả: cốt là khí, tánh tình thẳng thắn, khôn ngoan, trung thành với thầy và đạo, nhưng cũng rất bản tính, không chịu rầy rà. Nhiều lần bỏ Tam Tạng về Thủy Liêm động vui thú với bảy con cháu trong rừng. Có 72 phép thần thông. Từng khuấy động Diêm Đình lẫn Thiên Đình. Từng chui vô bụng bà La Sát để mượn quạt Ba Tiêu quạt tắt núi lửa. Lập công đầu trong cuộc thỉnh kinh. Cuối cùng thành Phật.

Hành Giả tượng trưng cho lòng can đảm và chính trực.

Nhân vật Trư Bát Giới: Trước đây ở trên nhà trời làm chức Thiên Bồng nguyên soái. Một đêm có tiệc, họ Trư say sưa nên chọc ghẹo Hằng Nga, và bị đẩy

xuống trần gian, chờ Tam Tạng đi qua xin làm đệ tử để đái công chuộc tội. Dù theo thầy Tam Tạng thỉnh kinh, nhưng lòng trần chưa dứt, chỗ nào hưởng lạc được là họ Trư ló mòi ngay. Có lần thấy các tiên cô (giả) tắm dưới suối, họ Trư bèn nhảy xuống nước, hóa ra con cá leo chui qua chui lại những cặp đùi ngọc của các nàng. Có lần ăn trộm nhân sâm của nhà chùa, trong khi Hành Giả và Sa Tăng còn đang nhắm nháp, thì họ Trư đã nuốt trọn, nên không biết mùi vị ra sao. Lần nào bị yêu tinh hóa ra gái đẹp như họ Trư cũng nhào vô, bị dính bẫy.

Khi lên đến Tây phương, Phật tổ phong chức Bồ Tát cho Tam Tạng và Hành Giả thì họ Trư kỳ kèo trả giá. Phật tổ bảo: Cái chức Kim Thiên La Hán của người coi vậy mà ngon. Ai đem của cúng tới chùa, người đều hưởng hết cả! Thế là

họ Trư quạt tai, thích chí, không kèo nài nữa.

Trư Bát Giải cốt heo, tượng trưng cho sự ham mê vật chất và suy xét nông cạn.

– Nhân vật Sa Tăng: cốt là thủy quái, không rõ con gì. Cổ đeo chín cái sọ người, tượng trưng cho ba phải. Bát Giải nói cũng nghe, mà Hành Giả bảo cũng gật. Có công gánh hành lý mười ba năm trường. Và cũng được phong chức ngang họ Trư, nhưng y không kèo nài gì.

Cá tánh để ra ngôn ngữ và hành động. Cùng trong một hoàn cảnh, nhưng mỗi nhân vật có phản ứng về hành động và ngôn ngữ khác nhau.

Thí dụ: Khi Phật tổ phong chức La Hán cho Bát Giải thì y kèo nài:

– Đệ tử có công lớn trong việc thỉnh kinh. Đệ tử đã thay thế con khỉ ốm ba lần, trong lúc nó bỏ thầy mà đi du hí. Đệ tử ủi 800 dặm đường Thất tuyết. Nếu không có đệ tử, thì cả đoàn không qua ngọn núi đó được. (Đây là đoạn đường kỳ lạ: cả dãy núi bị lá cây và trái rừng rụng phủ kín, lội vào thì ngập đến đầu. Bát Giới phải hiện nguyên hình là họ Trư, cao lớn như núi, ăn một lúc 800 gánh cơm. Ăn xong, kê mõm ủi thành con đường dài cho Tam Tạng cưỡi ngựa đi qua. Do đó, Bát Giới kể công với Phật tổ, và đòi chức cao hơn).

Khi nghe Phật tổ nói đến sự hưởng thụ của cúng thì họ Trư im ngay. Đó là cá tánh của nhân vật. Tác giả thể hiện Tất tài tình qua suốt câu chuyện. Đặc biệt là việc kéo nài với Phật tổ. Sa Tăng cũng nhận được chức ấy, mà không so bì chi

cả.

Cũng trong vấn đề cá tính nhân vật, để cho rõ hơn tôi xin thêm Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi: Đây là bộ ba Đào viên kết nghĩa. Ai đã từng xem Tam Quốc Chí cũng đều say mê ba nhân vật này. Thậm chí, có nhiều người không hề đọc trang nào mà cũng biết cá tánh của ba ông. Thí dụ: Để chỉ một người có tính nóng, bà con ta thường bảo:

– Cái thằng đó như Trương Phi! –
Hoặc gọi hản anh A anh B bằng cái tên Trương Phi.

Còn con nít khóc hoài, dỗ không nín, bà mẹ đồ quạu nói:

– Cái thằng... sao mà khóc như Lưu Bị v.v...

Riêng về Quan Công thì đã trở thành

thần tượng trong đời sống của dân Trung Hoa lẫn dân Việt Nam. Người dân tôn thờ Ngài như một vị thánh, gọi Ngài bằng «Ông» chớ không dám gọi tên. Những gánh hát có diễn tuồng về «Ông», đều thờ cúng trang nghiêm. Người kép nào đóng vai «Ông», trước khi ra tuồng phải đến vái trước tượng thờ «Ông».

La Quán Trung, tác giả bộ Tam Quốc Chí đã mô tả cá tính của hàng trăm nhân vật trong truyện một cách tài tình. Khi viết được ít lâu, tôi mới thấy vấn đề cá tính. Và bây giờ càng thấy rõ hơn nữa.

Những câu nói và sự việc tôi vừa kể trên đây, chứng tỏ nhân vật của La Quán Trung không chỉ có tên, mà còn có cả con người, hoạt động và suy nghĩ mỗi người một cách, không nhân vật nào giống nhân vật nào về diện mạo cũng như về nội tâm.

Hãy xem lại từng nhân vật một: Trương Phi.

Ông Trương nóng nảy lạ lùng, trong các truyện Tàu không có một ông tướng nào nóng đến như ông. Ra trận không cần mặc giáp bào chi cả, và cũng không đội mũ mão gì hết. Chức tước được phong, ông cũng không biết đó là chức tước gì, cứ xưng là “Trương mẫu”!

... Khi Lưu Bị cầu hiền, tam cố thảo lữ, ba lần đến Ngọa Long Cang, lần nào cũng không gặp. Lần chót gặp được thì Khổng Minh đang ngủ, tiểu đồng ra bảo Lưu Bị đứng chờ. Lưu Bị kiên nhẫn chờ mãi, nhưng Khổng Minh cũng không chịu thức dậy cho. Trương Phi bèn gầm lên: “Cái thằng cha gàn đó tài cán gì mà làm cao vậy? Để đệ lấy sợi dây thừng buộc trâu trời quách nó xách về cho đại ca!”

... Khi đánh nhau với quân Tào Tháo, quân Lưu Bị lâm nguy, bị đuổi tới Dương Dương Trường Bản kiều, Trương Phi được giao cho giữ mặt trận này, thấy bị bao vây, bèn giở cấm nang của Không Minh ra xem quân sư mách bảo kế gì. Mở tờ giấy ra thấy trắng toát, chẳng có mưu kế gì cả. Phi tức giận, hét lên một tiếng như trời gầm. Cây cầu bỗng nhiên rung rinh rồi sập tan đổ xuống sông. Đó là do sự chỗi dậy của con rồng dưới đáy sông. Nó tưởng sấm sét nhà trời rước nó, nên bay lên làm sập cầu. Quân Tào đang trên cầu rơi xuống sông chết hết, còn đám đang đi tới thì sợ hãi, hoặc không có đường qua sông, nên.ử. tháo lui. Từ đó, trận nào nghe Trương Phi hét, quân Tào đều chạy vỡ mặt.

Tính nóng của Trương Phi thể hiện cả trong giấc ngủ và cái chết. Trương

Phi ngủ ngời chó không nằm như người thường. Đặc biệt là đôi mắt mở trừng trừng rên ngáy như sấm. Ai không biết, tưởng ông đang thức.

Lần nọ, Quan Công bị quân Ngô gài bẫy, sụp hầm và bắt giết, Trương Phi nóng lòng trả thù cho anh. Chư tướng khuyên can «dục tốc bất đạt», nhưng ông không nghe. Giữa mùa đông rét mướt ông vẫn ra lệnh tiến quân. Binh sĩ cần đồ ấm, ông ra lệnh cho thợ phải may xong trong bảy ngày, nếu không xong, ông sẽ chém đầu. Làm thế nào may xong cả vạn bộ đồ trong mấy ngày? Hai anh thợ bèn bàn nhau: «May không xong thì phải chết! vậy ta chỉ có cách là giết hăn, họa may sống được chăng?» Thế là hai anh thợ vác kéo dao, ban đêm chui vào dinh Trương Phi, giết chết ông tướng nhà ta.

Một vị tướng đã từng làm cho quân

thù võ mật, lại chết về tay anh thợ may, lãnh nhách! Không có ông tướng nào chết vì tính nóng như Trương Phi.

Lưu Bị thì hoàn toàn ngược lại, trầm tĩnh, nguội lạnh, lấy nhơn đức đãi người. Khóc và khóc. Nhưng cái khóc của Lưu là cái khóc nhân nghĩa, cái khóc được nhà lợi nước, cái khóc của một trang hào kiệt.

Cá tính của Quan Công thì khác hẳn.

Ông là người nghĩa khí, trung trực, một đấng trượng phu, không thấy có nhân vật nào sánh bằng.

Ông dùng cây Thanh Long đao, có miếng “đà đao” rất ác hiểm. Khi ra trận, muốn giết nhanh tướng giặc, ông đánh chơi vài hiệp, rồi quay Xích Thổ bỏ chạy. Tướng giặc đuổi theo, ông kéo sệt cây

đao dưới đất, rồi bắt thần vung trái lại, đầu giặc rơi liền.

Ông có tánh rộng lượng, “Hạ mã bất sát”, nghĩa là tướng giặc nào biết mình thua tài xuống ngựa là ông không giết.

Về việc tiền tài và nữ sắc, thì ông càng tỏ ra thanh khiết. Khi thất thủ thành Hạ-bì, quân ta tán loạn, ông phò hai người chị dâu chạy trốn sang đất Tào Tháo. Tháo biết ông là nhân tài, nên đối xử rất trọng hậu, tâu lên vua phong cho tước hầu (Hán Thọ Đình Hầu). Bảy ngày đại tiệc, ba ngày tiểu tiệc. Gió bắc sợ râu ông rụng, Tào may túi gấm cho ông bao râu. Vàng bạc chu cấp vô số kể. Nhưng ông vẫn khẳng khẳng một dạ thừa Đào viên kết nghĩa: “Khi nào nghe tin anh tôi (Lưu Bị) ở đâu, tôi sẽ trở về”.

Tào Tháo ác ý, cho ông ở chung nhà

với hai chị dâu, để gây tiếng xấu, làm tan vỡ cái nghĩa Đào Viên. Nhưng đêm đêm ông đứng ngoài thềm, tay cầm bó đuốc. Đứng cho đến sáng, mới vào vấn an hai chị.

Về việc cầm đuốc để tỏ lòng trang chính, tôi nhớ chỉ có hai người được sử sách ghi: Đó là Quan Vân Trường đời Hán và Liễu Hạ Huệ đời Châu.

Khi được tin Lưu Bị, ông lập tức vào thưa với Tào Tháo xin đi. Tào Tháo ngăn cản, năn nỉ thế nào cũng không được, nên đành phải để ông đi. Trước khi dời dinh, ông niêm phong tất cả vàng bạc, đem trả lại cho Tào.

Ngày còn thơ, tôi cũng có đọc Tam Quốc cho Ông Cụ tôi nghe, nhưng tôi không mê lắm, vì nó không có đánh phép. Nhưng sau này, nhất là bây giờ, tôi

đọc lại Tam Quốc thì yêu các nhân vật trong truyện bao nhiêu, tôi càng phục tài La Quán Trung bấy nhiêu.

Tôi không có đọc nhiều sách dịch Tây, Mỹ. Tôi cũng không hiểu tại sao. Tôi cho rằng truyện Tàu là truyện hay nhất trong văn học thế giới.

Cái niềng kim cô của Hành Giả có kém chi gót chân thần thoại của Achilles, Khổng Minh Tọa Lầu không thể sánh với con ngựa thành Troie hay sao?

Khi ra miền Bắc, được gặp gỡ các nhà văn tiền bối tôi thường nghe cách bàn luận về cá tính của nhân vật thường là lấy các nhân vật trong tiểu thuyết lớn hiện đại, như Sông Đông Êm Đêm, Bảo Tố, Paris Thất Thủ v.v... Tôi rất lấy làm thích. Đó là những bài học rất sống, giúp ích cho nghề mình. Một hôm

tôi đi ăn ở một tiệm người Tàu ở Hàng Buồm, bước vào tiệm, trong cái không khí âm u, tôi chợt thấy bức tranh treo trên ngưỡng cửa buồng. Qua làn khói hương nghi ngút, mờ hiện bức tượng Quan Ngài.

Ông ngồi giữa, bên phải của ông là Quan Bình, bên trái là Châu Xương tay cầm cây Thanh Long đao dựng đứng. Đó là hình ảnh quen thuộc của tôi thừa bé.

Từ hôm đó tôi nhớ lại những «hồi» trong truyện Tam Quốc, rồi nhớ đến cá tính của nhân vật trong truyện. Cá tánh tức là tánh tình của một con người... Những nhân vật kể trên không thể lẫn với ai khác.

Xây dựng một nhân vật có cá tánh như đã kể trên là một việc khó khăn. Tác giả phải có bản lĩnh cao. Tôi vừa đọc

lại bộ truyện Tam Quốc tám quyển, tôi càng thấy La Quán Trung quả là một tiểu thuyết gia vĩ đại nhất hoàn cầu. Theo sự hiểu biết của tôi, không có truyện nào sánh được với Tam Quốc Chí. Tôi có cảm giác đứng bên cạnh La Quán Trung, hầu như tất cả nhà văn đều trở thành những chàng lùn.

Nếu bạn chưa từng gọi ai là: Cái thằng nóng như Trương Phi, thì cũng như từng nghe: cái thằng đa nghi như Tào Tháo. Nhân vật Tào Tháo, nói về mặt nghệ thuật, cũng hay như bộ ba Lưu Quan Trương. Tào Tháo cũng bước từ trang sách ra ngoài đời như Lưu Quan Trương, nhờ cái cá tánh đa nghi.

Đây tôi xin chép ra cái tánh ấy của họ Tào:

Khi đánh nước Ngô không thành, ba

quân hao hốt, lòng dân bất phục, họ Tào tiến thối lưỡng nan. Một buổi chiều, anh nấu bếp dâng lên bát bún thang, trong đó có cái gân gà. Vừa gặm, Tháo vừa ngẫm nghĩ: “Tại sao hắn lại cho ta ăn gân gà?”

Bụng sinh nghi, bèn cho đòi mưu sĩ là Âu Dương Tu lên hỏi ý. Tu thưa rằng: Đó là hắn ta có ý nói, đất Ngô như cái gân gà, ăn không dô mà bỏ thì uổng. Tháo thấy Tu nói đúng tim đen mình, nên giật mình. Còn Tu hơi tự cao, về đến trại đồn om lên là ngày mai sẽ rút quân. Tháo cho người kiểm soát quân lính, thấy ai cũng chuẩn bị cuốn gói. Sợ Âu Dương Tu mưu phản, nên hạ lệnh chém ngay, với tội làm rối loạn lòng quân.

Tháo mắc bệnh nhức đầu, cho mời danh y Hoa Đà tới để chữa trị. Hoa Đà là người đã từng chữa bệnh cho Chu Thái là tướng nhà Ngô, và Quan Công là tướng

nhà Thục. Hoa Đà chẩn mạch xong, thưa rằng Tào Tháo có cái u trong óc, phải bổ sọ ra, mổ óc cắt cái u đi mới khỏi, còn uống thuốc, không hiệu quả gì!

Tháo nghe xong nghĩ rằng Ngô lẩn Thục thuê Hoa Đà tới giết mình, bèn hạ lệnh bỏ ngục Hoa Đà cho tới chết. Do đó sách thuốc của Hoa Đà cũng mất luôn. Mà rồi sau Tháo không có thầy chữa cho, cũng chết vì bệnh nhức đầu.

Tháo nghi tất cả, không trừ ai. Triết lý sống của Tháo là: Thà ta phụ người, chớ không để người phụ ta! Do cái triết lý đó, Tháo đã giết nhiều tướng tá vô tội của mình.

Nói về cá tính của nhân vật, tôi nghĩ rằng khó có ai sánh bằng La Quán Trung và Ngô Thừa Ân.

Anh Tô Hoài bảo: Thường thường chúng ta dựng nhân vật chỉ có một nửa, nói rõ hơn, chỉ có cái xác, chứ không có cái hồn, hoặc có hồn xác mà không có cá tánh. Một nhân vật có ba phần, lai lịch, hình dáng và tâm lý: «Anh A ở độ từ bé, khi chăn trâu anh ngã, bị trâu đạp nên hỏng một chân, phải đi khắp khiêng. Anh ta mồ côi từ bé, nên ít ai gần gũi, thành ra có tánh cô độc.» Như thế là cậu đã cho một nhân vật ra đời. Nếu có nhân vật thứ hai, thứ ba thì các anh này phải khác đi, hoặc điếc hoặc nói ngọng chớ không nên đi khắp khiêng nữa. Khi đưa lai lịch cá tính nhân vật thì cũng phải tùy hoàn cảnh cho nó xuất hiện, chớ không phải anh nào cũng đưa ra như chủ quán bày hàng, thứ tự cái này đến cái khác, và bày vào lúc sáng tinh mơ v.v. và v.v..

Về những điều dạy này, tôi đem soi ngay vào các nhân vật Tam Quốc, Tây Du kể trên, thì thấy rõ lắm. Viết đến đây, tôi chợt nhớ đến một nhân vật có đời sống rất ngắn trong Tam Quốc, đó là Ngụy Diên. Đây là một dũng tướng của Tào Tháo về đầu nhà Thục. Khổng Minh nhận và phong cho làm Đại tướng ngay.

Nhưng dù trọng dụng, Người cũng để lại một cấm nang về Ngụy Diên. Sau khi Khổng Minh qua đời, Ngụy Diên không phục ai hết và muốn đứng ra thống lãnh toàn quân nhà Thục. Các tướng không biết đối phó cách nào, bèn mở cấm nang ra coi, thì Khổng Minh bảo Ngụy Diên có cái xương “phản cốt” sau gáy, sớm muộn gì hấn cũng phản Thục. Muốn giết hấn, phải làm thế này, thế này...

Nhân vật Ngụy Diên chỉ có một nét đó thôi, nhưng đã ướ thành một nhân

vật khó quên cũng như Tôn Quyền: cậu bé râu tía. Chỉ một nét.

Hứa Chử hai tay cầm hai tên lính làm vũ khí, tả xông hữu đục. Cũng chỉ một nét.

Ngô Quận chúa trong phòng treo toàn binh khí, không có đồ trang sức. Nhân vật chính như Lưu Quan Trường, La Quán Trung tô vẽ rất công phu, nhân vật phụ chỉ cần chấm phá.

CHƯƠNG XIX

THÊM VÀI NHÂN VẬT CÓ CÁ TÁNH
ĐỘC ĐÁO TRONG TRUYỆN TÀU:

LÃ BẤT VI, QUÁCH HÒE,
DỰ NHƯỢNG và TẠ NGUYỆT KIỀU

Càng đọc truyện Tàu, tôi càng thích thú và lượm được nhiều bài học trong cách xây dựng nhân vật, qua những nét mà các bậc tiền bối đã truyền dạy cho. Trong lịch sử nhân loại có lẽ chỉ một mình Lã Bất Vi là tên lái

buôn chúa tế các lái buôn thôi.

Buôn vua! Một việc làm không ai có thể tưởng tượng, vậy mà họ Lã làm trót lọt, thành công hoàn toàn và trở thành thái thượng hoàng, cha của ông vua lừng danh nhất lịch sử nhân loại: Tần Thủy Hoàng đại đế. Người ta bảo con hoang lớn lên thường tàn ác để trả thù cuộc đời. Tôi xin kể tóm lược việc buôn vua:

Vào thời Đông Châu Liệt Quốc, nước Tàu chia ra hàng trăm mảnh, lớn nhỏ mỗi mảnh có một người đứng ra xưng hùng, nhỏ thì xưng chúa xưng hầu, lớn thì xưng vương, xưng thiên tử. Lúc bây giờ có những nước lớn là Tần, Tề, Ngụy, Sở, Triệu, Hàn, Yên, v.v.. Các nước đánh nhau như bằm bầu, sáng hòa chiều đánh, nay bạn mai thù, hỗn ai nấy giữ. Các điển tích Kinh Kha sang Tần, Ngô Phù Sai – Tây Thi, Bao Tụ đều lấy

trong Đông Châu Liệt Quốc. Lúc bấy giờ ở nước Triệu có một anh lái buôn vàng bạc, kim cương, tên là Lã Bất Vi. Họ Lã dùng tiền bạc mua chuộc được các quan trấn biên ải, nên qua lại các nước như đi chợ, và buôn bán được lãi rất nhiều. Một hôm Lã về nhà, bố Lã hỏi chuyện này con lời được bao nhiêu? Lã đáp: “Cũng nhiều, nhưng buôn vàng ngọc không bằng buôn vua. Con chỉ cần một chuyên là giàu sang phú quý cả vạn đại nhà mình”.

(Chỉ một nét này thôi, nhân vật Lã Bất Vi đã trở thành bất hủ). Chúng ta hãy xem họ Lã buôn vua cách nào?

Số là nước Triệu bắt con vua nước Tần là Dị Nhân sang làm con tin. Vua Tần có quá nhiều con, nên Dị Nhân bị bỏ quên. Con vua mà sống lang thang thiếu thốn và buồn nhớ quê hương, nhưng vua cha không đoái hoài tới.

Lã Bất Vi rất sành tâm lý, nên lân la giao du với Dị Nhân, mời chàng ta ăn nhậu và tặng tiền bạc để tiêu xài, đồng thời mua chuộc viên quan của triều đình chuyên lo quản trị... con tin các nước. Nhờ đó, Lã được tự do giao dịch với Dị Nhân. Đàn ông con trai lại xa xứ cần gì khác nữa? -Gái! Cái mạch này không cần bắt cũng nắm được, huống chi Lã là một tay bán trời không mời thiên lôi.

Trong nhà Lã có một đám hầu non mua được ở các nước trên con đường thương mại. Trong đó có nàng Triệu Cơ đẹp nghiêng quán xiêu đình. Một hôm Lã mời Dị Nhân cùng với một ít quan chức có thẩm quyền về con tin đến thết đãi. Dị Nhân bị ép uống khá nhiều, nên xong tiệc khách khứa ra về hết, chỉ còn ông hoàng tử ở lại thôi. Họ Lã bèn cho Triệu Cơ ra tiếp đãi. Thấy sóng tình dường đã

xiêu xiêu, Lã bèn rút lui, để cho chàng và nàng tỉ tê tâm sự. Nàng thì lụy nhỏ vắn dài, còn chàng thì than thân lưu lạc.

... Đến khuya, Lã mở cửa phòng vào, thấy đôi uyên ương đang chấp cánh bay trên giường, Lã ta dùng dùng nổi giận:

– Tôi tin thái tử là lá ngọc cành vàng, nên cho vợ tôi ra tiếp đãi, chẳng dè cơ sự thế này.

Dị Nhân sụp lạy xin lỗi lảng xảng. Lã đỡ dậy, và sau một lúc phân tỏ thiệt hơn, Lã bèn nhường nàng hầu Triệu Cơ lại cho Dị Nhân, lại còn giúp cho hai bên thành vợ chồng chánh thức.

Bước đầu quan trọng đã thành công, bây giờ sang bước thứ hai. Lã sang Tần, lại dùng tiền bạc để mua chuộc các quan to quan bé xin vào yết kiến Hoa Dương

hoàng hậu là người được vua Tần yêu dấu nhất, nhưng lại không có con, trong lúc nhà vua lại có rất nhiều con với những bà phi khác.

Lã đã nhìn thấy rõ chỗ yếu của Hoa Dương là không có con, cho nên khi được vào yết kiến, lão tâu:

– Hoàng hậu là người đẹp nhất nước Tần, nhưng sắc đẹp không tồn tại mãi. Một khi nhan sắc phai tàn thì biết chúa thượng có còn yêu mãi hoàng hậu chăng?

Nghe nói, Hoa Dương mới giật mình, lúc này bà đã đứng tuổi, nhan sắc đang phai dần, câu nói của họ Lã như mũi dùi đâm thẳng vào tim bà. Lã lại tiếp:

– Chi bằng hoàng hậu nên chọn trong số con của chúa thượng, nhận một đứa làm con nuôi. Chúa thượng yêu hoàng

hậu, tức nhiên con của hoàng hậu sẽ nối ngôi, địa vị của hoàng hậu sẽ vững chắc.

Hoa Dương thấy Lã nói đúng quá, bèn bảo Lã lui ra để bà suy nghĩ. Lần sau, chính Hoa Dương cho vời Lã vào để hỏi ý kiến. Lã tâu ngay:

– Hạ thần biết Dị Nhân là đứa con có hiếu... Vậy hoàng hậu nên nhận Dị Nhân làm con.

Thế là Hoa Dương ưng chịu, nghe lời họ Lã. Trong lúc yến ẩm với nhà vua, Hoa Dương bèn làm ra ử dột mày châu. Vua thấy thế bèn hỏi han, Hoa Dương tâu thật nỗi lo sợ của mình về sau. Nên đã nhận Dị Nhân làm con. Vua hứa sẽ cho Dị Nhân kế vị. Vua bèn lấy chiếc đĩa bẻ làm hai, chia cho Hoa Dương một khúc, còn mình giữ một khúc như để giữ lời hứa.

Quả nhiên khi vua Tần băng hà, Dị Nhân được triệu về nước lên ngôi. Và cô hầu non Triệu Cơ được phong chức chánh cung hoàng hậu. Dị Nhân có ngờ đâu trong bụng Triệu Cơ đã tượng hình hòn máu của gã lái buôn họ Lã.

Nhưng trời lại che lấp tội lỗi của gã, nên đứa trẻ kia mười hai tháng mới chào đời. (Khi vừa lọt lòng mẹ đã có bốn cái răng). Do đó Dị Nhân cứ tưởng là con của mình. Chính là Tần Thủy Hoàng sau này.

Dị Nhân phong cho Lã Bất Vi chức thừa tướng, được phép ra vào cung cấm tự do, tha hồ chàng lái buôn móc ngoéo lại với bồ cũ.

Nhân vật Lã Bất Vi thành công trong cú buôn vua là nhờ hai yếu tố: tiền bạc và tâm lý. Hay có thể nói họ Lã rất sành

tâm lý, đánh phát nào trúng phát ấy. Đây là một loại nhân vật rất ly kỳ. Hình dáng và cách tung tiền của họ Lã, không được tác giả mô tả rõ nét. Tác giả chỉ đi sâu vào tâm lý là yếu tố sâu sắc và khó mô tả nhất.

Bây giờ đến nhân vật Quách Hòe. Họ Quách là thái giám. Trong cung hoàng hậu và thứ phi cùng lâm bồn. Nhưng oái oăm thay, chánh cung lại sanh công chúa còn thứ phi lại cho ra đời một hoàng nam. Chánh cung sợ con thứ phi lên ngôi, mình sẽ mất địa vị thái hậu, bèn sai Quách Hòe đem mèo chết lén tráo hoàng nam, (gọi là ly miêu hoán chúa) rồi hô toáng lên là thứ phi đẻ ra đồ yêu quái.

Quách Hòe vâng lệnh chủ, hoàn thành độc kế xong, lại phóng lửa đốt cung cấm để phi tang.

Hai mươi mốt năm sau, trong một dịp chẵn bản, Bao Công đã tìm ra manh mối, bèn tâu vua. Vua sai bắt Quách Hòe ra tra khảo. Vì ăn lộc của chánh cung ngậ mặt, nên bị đòn roi chết ngất nhiều lần, họ Quách vẫn không khai, và bảo: “Ta chết xuống âm phủ mới khai.”

Bao Công nghe thế bèn cho lập cung điện Diêm vương nhưng nhúc quỉ sứ ngưu đầu mã diện, rồi cho đánh Quách Hòe chết đi sống lại nhiều lần. Vào lúc nửa đêm, cho khiêng Quách Hòe ném xuống “Diêm đài”. Khi tỉnh dậy, Họ Quách tưởng mình đã chết, bèn khai rõ cả đầu đuôi.... Sau khi biết rõ lầm mưu Bao Công, họ Quách cắn lưỡi tự vẫn.

Chỉ một nét thôi, tác giả đã dựng nên một Quách Hòe bất hủ. Truyện này đã được chuyển thành tuồng cải lương, rất được yêu thích.

Nếu không có việc thiết lập Diêm đình để tra khảo lấy cung thì Quách Hòe chỉ là một thái giám giỏi chịu đòn, không có gì đặc sắc.

Câu chuyện mà tôi sẽ kể sau đây cũng vậy. Nhân vật Dự Nhượng cũng chỉ có một nét khắc họa mà sông muôn đời.

Vào thời Đông Châu Liệt Quốc, ông vua A liên minh với ông vua B để đánh lấy nước của ông vua C. Nhưng trong lúc sắp xảy ra chiến tranh, thì vua B lại xỏ lá quay sang cặp bồ với vua C để quay lại xơi tái vua A. Vua A thua và bị bắt giết. Còn vua B và vua C chia nhau đất đai của vua A. Dự Nhượng là bề tôi của vua A. Sau khi mất nước, Nhượng bỏ kinh thành vào núi ở ẩn, để tìm cách báo thù cho cội chủ.

Nhượng cắt tóc, rạch mặt, bôi đen

cả tay chân, nuốt than đổi giọng nói, để không còn ai nhìn ra mình nữa, và tìm cách lại gần vua B, để đâm chết tên đồng minh phản phúc này. Một ngày kia, được tin vua B sẽ đi ngang qua một chiếc cầu, Nhượng bèn chui vào bụi rậm ở móng cầu, chờ vua B đi tới sẽ nhào ra đâm chém, nhưng việc không thành. Quân hầu cận của vua B bắt Nhượng đem tới trước mặt vua. Nhượng không quì, lại còn trở mặt mắng vua B là quân chó má, khăng khăng đòi giết cho được vua B để trả thù cho chủ mình. Vua B thấy Nhượng là người trung can nghĩa khí như vậy, bèn cởi áo bào của mình, cho Nhượng đánh một roi, để hả lòng mà quên thù cũ đi.

Nhượng cầm roi, hét lên một tiếng, và dùng hết sức mình quất roi vào chiếc long bào của vua B.

Khi về triều, nhà vua nghe đau ê ẩm khắp người. Nhìn lại thấy trên long bào làn roi rướm máu. Vua kinh hãi phát bệnh và đau luôn rồi chết.

Sức căm thù của Dự Nhượng ghê gớm đến nỗi chiếc áo vải trở thành con người thật của vua B khi làn roi quật xuống. (Đoạn truyện này đã được chuyển thành tuồng cải lương, có tên là “Dự Nhượng đả long bào”. Khán giả xem tuồng đều phải sờn gai ốc khi Dự Nhượng vùng dậy quật thẳng cánh ngọn roi vào chiếc áo.)

Chỉ một nét thôi, tác giả đã dựng nên một nhân vật ly kỳ, sức sáng tạo của ngòi bút thật là phi thường.

Năm 1972, tôi được chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa gửi đi châu du bấy nước trên thế giới. Trong dịp này, tôi có ghé

thăm nhà lưu niệm của Shakespeare ở Stratford-on-Avon, Anh Quốc. Khi ở Hà Nội tôi được xem nhiều phim của Liên Xô (cũ) dựng từ kịch bản của Shakespeare. Khi về Hà Nội, tôi đi xem tuồng cải lương ở rạp Kim Chung cả tháng ròng nhưng không thấy có tuồng San Hậu. Tôi hỏi anh Sỹ Tiến, thì anh nói: Có kịch bản, nhưng không có đủ diễn viên đóng, nhất là đào kép không ca vọng cổ được.

Do đó mà vở tuồng trứ danh của Nam Bộ bị mai một. Tới bây giờ mà không thấy có đoàn nào diễn lại tuồng ấy cho toàn vẹn như thửa tôi còn bé xem nó ở đình làng Minh Đức, quê ngoại tôi. Bây giờ tôi già rồi, bỗng một hôm tôi được xem lại San Hậu trên video như một dịp may trời cho. Tôi vụt có ý nghĩ: vở tuồng này đâu có thua gì các phim của Shakespeare, tôi xem vừa kể ở trên.

San Hậu là một giai đoạn bi tráng của Tề triều, trong đó diễn tả đủ mọi quan hệ của xã hội đương thời: Vua tôi, Vợ chồng, Anh em, Cha con, Mẹ con, Bạn bè, Tôn giáo, Trung và Nịnh, Chân và Dỏm, mỗi nhân vật đều điển hình rất đặc sắc.

Tôi có ý định viết một bài về võ tướng này nhưng chưa có dịp, thì nay dịp may tới. Đó là quyển sách này.

Tóm tắt câu chuyện như sau:

Vua Tề nhu nhược, bị hoàng hậu là Tạ Ngọc Dung đầu độc chết, để em trai mình là Tạ Thiên Lăng soán ngôi với sự hòa theo của hai người em trai khác là Tạ Nhược và Tạ Ôn Đình.

Nhưng âm mưu này bị Tạ Nguyệt Kiêu phản đối. Nguyệt Kiêu là tam cung của vua, và lại là em gái của Tạ Ngọc

Dung. Dù bị phản đối, Tạ Ngọc Dung vẫn cùng các em trai thực hành âm mưu soán ngôi. Sau khi vua băng hà, Tạ Thiên Lăng lên ngôi, còn Tạ Nguyệt Kiếu thì âm thầm cứu nguy cho Phàn Phụng Cơ, một ái phi của vua đang có thai. Cứu Phụng Cơ là cứu được giang san nhà Tề cho nên Tạ Thiên Lăng sau khi soán ngôi quyết giết Phụng Cơ để trừ hậu hoạn. Nhờ sự che chở của Nguyệt Kiếu mà Phụng Cơ được hoãn án, chờ sau khi sinh nở sẽ bị chém.

Lại nhờ có hai võ tướng trung thành là Khương Linh Tá và Đồng Kim Lân đưa Phụng Cơ cùng ấu chúa thoát vòng vây của quân soán nghịch. Nhưng dọc đường Khương Linh Tá bị địch quân giết chết và chặt đầu, còn Phụng Cơ tay ẵm con, tay cầm gươm đánh giặc và bị thương, chỉ còn Đồng Kim Lân phò trợ.

Khương Linh Tá hiện hồn lên làm đuốc soi đường cho Đồng Kim Lân và Phụng Cơ qua núi giữa đêm tối mịt mùng.

Cuối cùng đến được San Hậu thành là nơi Phàn Đình Công, cha ruột của Phụng Cơ, ông ngoại của ấu vương trấn thủ. Và các tướng tá mưu đồ khôi phục Tề trào. Tả Thiên Lăng xưng vương, phong cho Tả Ôn Đình làm nguyên soái thống lãnh binh quyền, trong khi Nguyệt Kiêu xuống tóc đi tu. Quân của Phàn Đình Công giao chiến với quân soán nghịch Tả Ôn Đình bất phân thắng bại. Tả Ôn Đình bắt mẹ của Đồng Kim Lân đem lên mặt thành, mong Kim Lân phải hạ khí giới. Nhưng bỗng một hôm, Tả Ôn Đình lại thấy Tả Nguyệt Kiêu bị trói dưới chân thành Đồng Kim Lân đòi đổi lấy Đồng Mẫu. Ôn Đình có ngờ đâu đó là kế của Nguyệt Kiêu.

Cuối cùng quân soán nghịch thua. Âu vương đã mười tuổi, được quần thần tôn lên ngôi, chính nghĩa đại thắng. Đây là một võ tướng lâm ly, bi tráng đầy éo le, gây cảm. Nếu có bốn cũ nguyên văn, và có đủ đào kép tài ba, một công ty nào đó còn yêu mến nghệ thuật xưa của nước nhà, dựng lại tướng San Hậu một cách đầy đủ thì may mắn cho khán giả Việt Nam vô cùng. Những giá trị nghệ thuật như tướng San Hậu, nếu không được phục hồi, thì thật đáng tiếc. Nếu chạy theo tướng chưởng, thì ta cứ lết đệt ở phía sau thiên hạ mà thôi.

Đứng về mặt nghệ thuật mà bàn luận, thì toàn bộ nhân vật trong vở tuồng đều rất xuất sắc. Phe soán nghịch ham địa vị cao sang: Tạ Ngọc Dung, Tạ Kim Lăng, Tạ Ôn Đình, mỗi người đều có nét rất độc đáo. Tạ Nguyệt Kiều chán chê trò

phản trắc của chị em mình, bỏ cảnh cung vàng điện ngọc đi tu. Phe trung thần có Phàn Định Công khi tiếp được chiếu chỉ của “Tạ thiên tử” thì tức tối hộc máu ra mà chết. Khương Linh Tá đã bị giặc giết, nhưng linh hồn trung nghĩa vẫn theo phò ấu vương.

Hồi nhớ lại những năm tôi còn bé, ít khi nào tôi vắng mặt ở rạp hát. Không vào được bên trong từ đầu, thì cũng coi cộp được màn chót khi hát thả giàn. Không có tuồng truyện nào tôi bỏ qua.

Thời đó sân khấu ta phong phú vô cùng là nhờ tuồng truyện. Có những gánh hát chuyên diễn tuồng truyện, tuồng truyện rợp trời. Xem lại chỉ dăm ba tuồng Tây phóng tác, như Trà Hoa Nữ, Tristan et Yseult. Còn tuồng Tàu có hàng trăm: Phụng Nghi Đình, Phong Ba Đình, Xử án Bàng Quí Phi, Xử án Quách

Hòe, Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu Thành, Phàn Lê Huê phá Hồng thủy trận Tiết Giao đoạt ngọc, Tiết Đình Sơn cầu Phàn Lê Huê Thần nữ dựng Ngũ linh kỳ chuộc tội Tiết ứng Luông Quan Công đập đập bắt Bàng Đức, Quan Công phục Huê dung đạo, Quan Công hiển thánh, Tôn Tản Bàng Quyên Tôn Tản hạ san, Tôn Tản tái sanh, Tiết Nhơn Quý chinh đông, Tru Tiên trận, Hội Hồng môn, Dịch Thanh giải chinh y, Khổng Minh tam khí Châu Do v.v...và v.v. không kể hết nổi.

Quả là truyện Tàu đã làm phong phú sân khấu Việt Nam, và làm cho tim óc trẻ thơ của tôi biết rung cảm. Tới bây giờ tôi đã già, đọc lại truyện Tàu, xem lại tuồng truyện, tôi vẫn rung cảm như hồi còn thơ. Lạ thay!

Đó là nhờ bàn tay khối óc của những nghệ sĩ lớn.

Ông Đạo Xôi Ba Du ơi! Ông có còn sống chẳng thì cũng đã ngoài tám mươi, và Tư Sạng – Tạ Nguyệt Kiều sao vẫn cứ đẹp tuyệt trần trong trí tôi, với bộ râu sống dưới mái chùa.

CHƯƠNG XX

MẤY TRUYỆN NGẮN TÔI KHÔNG BAO GIỜ QUÊN

Truyện ngắn! Một thể loại khó viết vô cùng. Bằng một số chữ ít nhất, người viết phải thể hiện cái ý định của mình rõ rệt và mạnh mẽ nhất!

Anh Bùi Hiến, một cây bút viết truyện ngắn tài ba trước 45, tác giả quyển Năm Vạ được giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn – đã định nghĩa truyện

ngắn như sau với tôi: «Đó là một cái coupe dọc hoặc ngang của một con người hoặc của xã hội. (C'est une coupe latérale ou transversale d'un homme ou d'une société)»– Tôi hiểu ra đó là một mặt, một khía cạnh nào đó của một con người hoặc của xã hội, chứ không phải toàn bộ con người hoặc toàn bộ xã hội.

Thí dụ: Bĩ Vỗ không phải là một truyện ngắn, vì nó biểu hiện toàn bộ xã hội «chạy vổ» trong cái xã hội thời bấy giờ gồm có nhiều người, nhiều mặt mà Tám Bính và Năm Sài Gòn là tiêu biểu.

Tôi có hỏi anh nên bắt đầu truyện ngắn từ đâu? Anh bảo: “Từ chỗ có chuyện!” Tôi hiểu ra rằng: cắt bỏ khúc đầu càng nhiều càng tốt, cắt đến chỗ nào không thể cắt được nữa. Vì nếu cắt thì chuyện sẽ thiếu.

Tôi có cái tật là viết phải lấy trón một đoạn hoặc một vài đoạn rồi mới «vô» được. Viết xong, thường thường tôi bỏ khúc đầu.

Với định nghĩa trên đây, tôi xin lược thuật đại ý mấy truyện ngắn mà tôi nhớ đã ba bốn chục năm nay. Và có lẽ không bao giờ quên các truyện của Antoine Tchékhov (nhà văn Nga):

A. TCHÉKHOV: CÁI CHẾT CỦA MỘT CÔNG CHỨC

Một anh công chức đi xem hát, ngồi trên tầng lầu. Xem một lát, anh bỗng thò đầu ra nhổ một bãi nước bọt xuống phía dưới. Anh ta có cái thói quen ấy từ lâu, ở nhà hoặc ở công sở. Nhưng dù có mất vệ sinh, cũng không tác hại nhiều, vì ở nhà và ở công sở anh không ngồi trên lầu, còn ở rạp hát thì anh lại ngồi trên lầu.

Ngồi trên lầu mà nhổ nước bọt xuống tầng dưới, thì thật tai hại. Sau khi nhổ xong, anh mới giật mình nhớ ra rằng mình không nên nhổ như vậy, nhưng đã muộn rồi. Bãi nước bọt kia rơi trúng một cái đầu hói bóng lưỡng. Cái đầu hói kia ngẩng lên nhìn xem kẻ nào bất lịch sự đến vậy, thì anh công chúc nhận ngay rằng đó là cái đầu hói của ông giám đốc nhà mình.

Anh bèn bỏ chỗ, nhảy thang ba nấc một xuống đứng trước mặt vị giám đốc, cúi gập người, lắp bắp:

– Thưa ông giám đốc, tôi đã vô tình nhổ nước bọt lên đầu ông giám đốc.

– Thế à? – Ông giám đốc đã lau xong bãi nước bọt, nhét khăn vào túi. Không có vẻ gì giận dữ.

– Thưa ông giám đốc, đây chỉ là sự vô tình thôi ạ!

Ông giám đốc xua tay, độ lượng:

– Không sao cả. Anh không phải lo!

– Vâng ạ! Thưa ông giám đốc, đó chỉ là vô tình. Tôi không cố ý nhỏ như....

– Được rồi! Anh cứ trở lại xem tự nhiên. Kịch đang hồi hay.

Anh công chúc lại cúi rạp cảm ơn lia lịa và vọt trở lên, nhưng đến nửa chừng thì anh ta lại trở xuống với những cử chỉ quan trọng hơn lần trước.

– Thưa ông giám đốc, tôi quả tình không có ý định nhỏ nước bọt trên đầu ông giám đốc. Đó chỉ là một sự vô ý, một sai lầm vì bất cẩn, vì thói xấu tự nhiên của một con người. Và loài người ai mà

không có một hoặc nhiều thói xấu!

Ông giám đốc rộng lượng nhưng hơi khó chịu vì ông đang say mê theo dõi vở kịch. Mắt ông đăm đăm nhìn lên sân khấu, mồm nói:

-Tôi hiểu! Tôi hiểu! Anh cứ yên tâm.

– Cảm ơn ông giám đốc, tôi xin được mãi mãi làm người tôi tớ của ông giám đốc, và ông giám đốc sẽ mãi mãi là người chủ anh minh nhất của tôi.

– Tôi sẽ không xuống cấp anh, sẽ không bớt lương anh. Anh yên tâm chưa nào?

– Cảm ơn ông giám đốc. Vợ con tôi sẽ đến xin lỗi và cảm ơn ông giám đốc.

– Tôi không muốn nghe những lời nịnh hót thái quá của anh nữa. Anh nên trở lại mà xem hát.

Anh công chúc lại trịnh trọng cảm ơn rồi trở lên lầu. Nhưng lương tâm cắn rứt, anh không ngồi yên được mà xem hát. Anh như mất hồn cho đến lúc vãn. Về nhà anh lại cũng không yên tâm. Nhỏ nước bọt lên đầu ông giám đốc, đầu phải là lỗi nhỏ. Anh không thể nào sống yên được.

Ông giám đốc về nhà, vở kịch hay làm cho ông thích thú. Đến lúc vào buồng ngủ, ông hãy còn bàn bạc với vợ về các vai đào kép. Nhưng lại có tiếng đập cửa, có vẻ khẩn cấp. Ông để luôn đồ ngủ, chạy ào ra mở cửa.

Cả một tốp người hiện ra trước mặt ông, kẻ đứng, người quì gối:

– Tôi xin căn rơm căn cỏ xin ông giám đốc tha tội cho!

Ông giám đốc nhận ra tiếng anh nhân viên, bèn quát:

– Tôi đã bảo anh không có tội gì. Nghe rõ chưa!?

Anh công chúc quì mọp xuống, và cứ lải nhải:

– Quả thật con không có ý định làm... cái đầu của ông giám đốc nheo bần ra vì một bãi nước bọt vô tình.

– Tôi xin lấy danh dự của một giám đốc hứa với anh rằng tôi không bắt lỗi anh gì hết!

Ông giám đốc quát rồi, trở vào đóng sầm cửa lại.

Anh công chúc dắt vợ con về nhà. về đến nhà, anh không nói không rằng gì cả, anh leo lên giường nằm ngay chân ra mà chết.

A. TCHÉKHOV: CHIẾC MỀ ĐAY

Nhân viên sở hỏa xa An-tôn Séc-gây-ép-ki lấy làm hân hoan được giấy mời đi dự tiệc tối nay. Anh ta khoe với vợ tấm thiệp mời, rìa chạy chỉ vàng, và giữ nó trong túi áo không rời. Từ giờ đến lúc vào tiệc còn ba tiếng đồng hồ nữa. Cố làm sao đừng mất, đừng làm bèo nhèo tấm thiệp quý. An-tôn nhấp nhòm chờ tới giờ là phóng lên xe đi ngay. Phòng tiệc cũng vừa đông khách thức ăn đã dọn lên bàn, nào thịt gà quay, nào thịt bò chiên thơm bát ngát. Khách toàn những ông to bà lớn sang trọng Những chiếc áo có đuôi, bên cạnh những chiếc váy đăng ten. Những bộ ria mép tỉa tốt kỹ hơn hàng rào vào ngày lễ Phục sinh. Ngực nhiều ông chói lói những huy chương cao cấp, những bội tinh nói lên công trạng lẫn ân đức của người được trao tặng.

An-tôn cũng có một chiếc chớ có thua ai? Chiếc huân chương “Hoàng hậu Anna” là loại cao nhất đang đeo lủng lẳng trên ngực, nhưng chàng ta không dám chường mặt và ưỡn ngực ra như thói thường những kẻ đeo huân chương. An-tôn hơi len lén, nhưng chỉ một lát thôi, rồi chàng ta lấy lại dũng khí như thường. Vừa lúc đó thì chủ nhân buổi tiệc mời khách vào bàn.

Chiếc ghế mà chàng ngắm nghía cho mình là chiếc ghế ở trong cùng, nhưng quái ác thay, chủ nhân lại dành cho chiếc ghế ở giữa bàn, nơi mà từ mọi phía tia mắt đều có thể chĩa vào tấm huân chương “Hoàng hậu Anna” rực rỡ của chàng. Chàng đâm ra sợ hãi, trong lúc ăn, chàng hơi mọp xuống cho chiếc huân chương thông gần mép bàn. Và chàng chỉ dùng tay mặt để cầm dao nĩa, còn tay trái

thì vờ gãi đầu gãi tai, chùi mép bằng chiếc khăn bàn, để có lý do che chiếc Hoàng Hậu Anna đệ nhất đẳng. – Bây giờ chàng mới biết cái khổ tâm của kẻ mượn huân chương đeo đi ăn tiệc. Chàng sợ những người quen biết điều đó. Cũng may, ở đây không ai quen, nên dù có ngó thấy tấm Hoàng hậu Anna trên ngực chàng, họ cũng không biết là chàng đã mượn của một người bạn.

Bất thần, chàng trông thấy thằng bạn Sà-lù-bốp ngồi trước mặt chàng, chỉ cách nhau có con gà quay. Chốc nữa đây, khi chú gà biến đi, thằng Sà-lù sẽ chẳng gặp khó khăn nào để xoi mói vào tấm huân chương cao quý của chàng. Hẳn ta dư biết chàng làm gì có tấm huân chương ấy. Nhưng mà sao me xừ Sà-lù cũng có vẻ len lét? Hẳn không nhận chàng là bạn quen, cũng không nhìn chàng như thường lệ.

Càng lạ hơn nữa, hắn cũng chỉ dùng có một tay xử dụng dao nĩa, còn tay kia thì lại quơ quơ trước ngực. Nhưng có lẽ hắn thấy thế không tự nhiên, nên hắn buông cả muống, nĩa, và lấy chiếc khăn bàn giắt lên cổ áo. Chiếc khăn bàn thừa sức phủ kín cả cái phía trước của hắn: ngực lẫn bụng. Rồi hai tay hắn tha hồ hoạt động. Cả cặp mắt hắn xoáy vào ngực chàng một cách thẳng thắn, hắn học hoặc chế riều làm cho chàng đã lúng túng càng thêm lúng túng.

An-tôn mong cho buổi tiệc tan nhanh để trở về nhà lột cái huân chương trả cho bạn, và thể không bao giờ đi mượn danh dự của người khác để đi dự tiệc nữa.

Nhưng kìa, bỗng nhiên cái khăn ăn trên ngực Sà-lù-bốp lại rụng xuống như có bàn tay nào giật. Sà-lù buông dao nĩa và chụp lại, nhưng không kịp. Cả bộ

ngực hấn phoir ra, trên đó lủng lảng tấm huân chương “Đại đế Guy-dôm”. Antony thở phào: Hấn cũng mượn huân chương của người ta. Hấn làm gì có được huân chương “Đại đế Guy-dôm” mà đeo?

Thế là An-tôn dùng cả hai tay cầm muỗng nĩa, còn bên kia, Sà-lù cũng không cần giữ miếng gì hết.

Hai bên cắt xôm, nhai ngốn lia lịa, không bên nào sợ bên nào nữa cả. Chưa thỏa mãn, họ còn buông dao nĩa, dùng cả hai tay quơ hốt!

Hai truyện trên chứng tỏ sức sáng tạo của nhà văn thật là phi thường. Có lẽ ông tưởng tượng nhiều hơn là lấy chất liệu từ thực tế. Một nét nho nhỏ ngoài đời vào tay nhà văn trở thành một bức họa sinh động và bất hủ .

Độc Cái chết của một công chức ta thấy mấy hình tượng– Bãi nước bọt và cái đầu hói. Tchekhov đã cường điệu cái chết của viên công chức một cách tài tình hết sức. Ngoài đời chắc là không có cái chết nào như vậy, nhưng trong văn học ta thấy nó thực vô cùng. Còn truyện Cái mề đay thiệt là lý thú. Kẻ đi mượn danh dự của người khác làm của mình, rồi sớm muộn gì cũng bị lộ mặt nạ.

Tchekhov là một vị bác sĩ, không hiểu sao ông lại bỏ nghề mà đi viết văn và nổi tiếng hơn cả nghề lương y. Ông có lối viết sắc nhọn chế riễu xã hội như trên. Tôi không được đọc ông nhiều, nên không dám nhận định tổng quát.

Sau đây là hai truyện của Guy de Maupassant, có lẽ nhà văn mà tôi đọc nhiều nhất trong các nhà văn nước ngoài.

Truyện Tình yêu mà tôi thuật lại sau đây không có chi tiết nhiều như hai truyện của Tchekhov, nhưng luận đề của nó rất sâu sắc. Truyện này tôi đọc ít nhất là đã trên ba mươi năm, nhưng mới vài ba năm trước, tôi gặp lại một người bạn cũ hồi còn trẻ. Ngồi nói chuyện với nhau, tôi bỗng nhớ lại truyện này, và tôi đã kể lại cho người bạn nghe. Không hiểu sao nó lại bất ngờ hiện lên trong trí tôi như thế?

GUY de MAUPASSANT: TÌNH YÊU (L'amour)

Từ Paris đến... tôi đi vào rừng gặp một đôi chim. Tôi giương súng bắn một phát. Một con chim rơi xuống máu me nhuộm cỏ. Con chim còn lại không bay đi mà cứ bay quần trên đầu tôi, có ý nhìn xuống người bạn mình đang hấp hối dưới đất. Không biết đó là con trống hay

con mái. Tôi định giương súng bắn tiếp, nhưng rồi hạ súng xuống, không bắn nữa. Định hè này ở chơi lâu vùng miền Nam. Nhưng hôm sau tôi bỏ ý định đó và trở lại Paris.

Truyện chỉ có thế, đâu chừng hai trang. (Câu kết không ăn nhập gì với truyện cả, vậy mà truyện gây một ấn tượng không phai.)

GUY de MAUPASSANT: TRÊN TOA XE (En wagon)

Trên toa xe, một anh nông dân đặt những đồ nghề gồm những cuốc xẻng dưới gầm băng và tìm chỗ ngồi. Bên dãy băng trước mặt có một người đàn bà đứng tuổi, mập mạp, nhưng vẻ mặt đầy lo âu, pha lẫn chút đau đớn. Chị ta ngó mông ra ngoài, như tìm một người quen.

Đoàn tàu chạy nhanh, không đỗ lại ở ga nào. Người đàn bà nhăn nhó, rồi một lúc sau ôm ngực tỏ vẻ khó chịu, chị ta càng để lộ vẻ đau đớn. Anh nông dân bèn đến gần và hỏi thăm có sự để giúp đỡ. Chị ta nói:

– Tôi bỏ đứa con ở nhà, đi ở vú cho người khác cách đây hơi xa. Sữa căng, tôi đau đớn vô cùng. Tôi mong tàu đỗ lại để tìm một đứa bé cho nó bú, thì hết đau.

Anh nông dân nói:

– Như vậy... tôi có thể giúp bà được không?

– Nếu ông vui lòng.

Người đàn bà vạch áo ra, và người đàn ông quì xuống làm nhiệm vụ của một đứa bé. Xong rồi, anh đứng dậy. Người đàn bà lấy làm khoan khoái, kêu

lên: «Tôi xin cảm ơn ông!»

Người đàn ông nói:

– Chính tôi phải cảm ơn bà. Tôi đang thất nghiệp, đi tìm việc làm. Đã hai hôm tôi không có cái gì cho vào dạ dày.

Đó là hai truyện ngắn của Maupassant đăng trong tập Truyện chọn lọc của ông. Ở đây nhà văn vừa sáng tạo phi thường và vừa chứng tỏ sự quan sát của mình cũng phi thường không kém.

Nếu với một cây bút không có bản lĩnh thì trên đây chỉ là hai mẫu chuyện nhưng dưới ngòi bút của Maupassant, nó trở nên những truyện ngắn tuyệt tác. Rất tiếc tôi không nhớ những chi tiết để ghi lại mà chỉ nhớ cốt truyện.

Một tý bột ông đã gột nên hồ. Cái đặc biệt của cặp mắt và trái tim của nhà

văn là ở chỗ đó. “Thấy” cái trước mắt mà người thường “không thấy”. Cũng như các anh Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài... thường nói về Vũ Trọng Phụng:

“Cái thằng Xuân Tóc Đỏ nó lù lù ở trước mặt đó mà chẳng anh nào ‘thấy’ cả, để Vũ Trọng Phụng viết lên rồi mới té ngựa ra!”

Vậy vấn đề “thấy” của nhà văn cũng quan trọng như vấn đề viết. Có khi “thấy” lại còn quan trọng hơn. Không “thấy” thì làm sao mà viết được. Cũng như Vũ Trọng Phụng “thấy” chàng Xuân Tóc Đỏ vậy.

Một truyện ngắn hay, một truyện dài hay đều có một hoặc tất cả những yếu tố sau đây;

– Cốt truyện ly kỳ. (Bỉ Võ)

- Sự sáng tạo của tác giả. (Số Đỏ)
- Văn chương mượt mà.
- Sự bố cục khéo léo (độc giả bị ngạc nhiên, nhưng bố cục vẫn mạch lạc).

Những truyện trên đây tôi cố gắng kể lại. Thường thức một truyện ngắn chỉ đọc được tóm tắt, thì chẳng khác nào mua trâu vẽ bóng. Tuy nhiên, ta có thể rút ra được một điều gì bổ ích.

Sau đây tôi xin đưa ra truyện ngắn của hai nhà văn Việt. Một Nam, một Bắc, một già, một trẻ dưới cặp mắt của tôi.

XUÂN TƯỚC: CON RẮN VÚ NÀNG

Bà vợ Cai tổng có nhân tình là Ba Sanh. Anh này sợ bà mà phải tới lui. Sanh có nhân tình là Tư Phước. Bà Cai

ghen, nên muốn chia rẽ hai người. Bà bèn than thở với ông Cai rằng mình già rồi mà chưa có con. Rồi bày mưu cưới cô Phước cho ông làm vợ bé để kiếm chút con nối dòng. Thế là đôi uyên ương đứt đường tơ. Bà Cai trả được thù Ba Sanh, đồng thời được “rảnh tay” để hù hỉ với tình nhân mới là ông thầy thuốc rắn trong xóm. Nhưng chẳng bao lâu, vợ bé ông Cai lại có bầu. Như thế, bà Cai sẽ mất của mất quyền trong nhà ông Cai. Bà bèn nhờ tay ông thầy rắn giết giùm con yêu tinh kia.

Ông thầy đi tìm con rắn Vú Nàng là loại rắn cắn chết ngay, thường ở trong gốc tre già. Ông thầy phải bỏ nhiều công mới bắt được con rắn đem về nuôi trong chai. Bà Cai lại nghĩ cách dùng con rắn để giết tình địch. Ông thầy đóng một chiếc giường, bốn chân làm bằng gốc tre,

ông thấy dùi một lỗ bỏ con rắn vào. Xong bà Cai chở chiếc giường lại tặng, cho bà nhỏ “nằm chỗ”. Nhưng đứa bé đã ra đời mà mẹ nó cứ sống nhăn. Bà Cai càng sốt ruột, nên tự tay bà bào chế thuốc độc đem lại gặt tình địch bảo là sâm nhung, em uống cho khỏe. Nhưng đến nơi thì trời mưa, bà Cai trượt chân té, làm đổ chén thuốc và tắt đèn. Khi mẹ thằng bé tìm được hộp quẹt đốt đèn lên, thì thấy bà Cai nằm dưới đất sủi bọt mồm. Trong lúc đèn tắt, phòng tối om con rắn mới bò ra. (Loại rắn này kị ánh sáng, nên trong thời gian trước nó không bò ra, vì ban đêm người mẹ để đèn sáng cho tiện việc cho con bú). Bữa nay phòng tối om nó mới bò ra vào đúng lúc bà Cai chụp vào cái chân giường, nên bị nó cắn.

Ông Cai chạy đến thì vợ lớn đã chết, nhưng nhìn cô vợ bé trẻ nõn nà, lại có

thêm đứa bé nổi dòng, ông cũng buồn nhưng không khóc. Ông không biết thằng bé là con của Ba Sanh.

Khi tôi đọc truyện này, thì tôi nghĩ ngay đến Tắt Đèn của Ngô Tất Tố, một truyện tiêu biểu nông thôn miền Bắc. Tôi bèn gọi phen cho cụ Xuân Tước, đề nghị viết truyện Con Rắn Vú Nàng thành truyện dài như Tắt Đèn, nhưng cụ bảo đã viết truyện ngắn rồi, không phá ra được.

Trong truyện này có một chi tiết thần kỳ: «Bà Cai cột sợi dây lưng quần của bà vô ngón tay cái của anh Ba, rồi bảo giật đi, giật mạnh đi!» Xin nói thêm để đọc giả cả ba miền rõ là đàn bà con gái Nam Kỳ thời đó mặc quần dây lưng rút, hể nắm đầu dây lưng giật mạnh là... ăn thua ngay. Nhưng ở đây bà Cai lại không tự giật, mà buộc nó vào ngón tay của tình nhân và bảo giật. Với cách nào

khác cũng không hay bằng cách này, nó vừa âu yếm lai vừa có cái tâm lý: Chia hai tội lỗi với người tình.

Ngoài ra tôi còn thú vị cái kết của câu chuyện: Bà Cai thù người hại mình, nên chết bất ngờ. Độc giả bị một cái “double surprise” (ngạc nhiên hai lần.) Cái chết của bà Cai là một, rồi đến thằng bé mà ông Cai mừng rỡ nựng nịu tưởng là con mình lại là con của tình địch, là hai.

Cái kết này cũng hay như cái kết của Món trang sức (La Parure) của Maupassant. Ngoài ra nữa, câu chuyện rất Nam Kỳ, ai đọc cũng không lầm lẫn được. Còn về bố cục thì rất khéo léo và hợp lý.

Sau đây cũng là một truyện ngắn rất khó kể lại. Dù cố gắng mấy cũng không kể cho độc giả thưởng thức được. Nó khó kể cũng như truyện Tình yêu của

Maupassant.

ALPHONSE DAUDET: NHỮNG
VÌ SAO (Les Étoiles)

Cô nàng lên núi chơi, rồi bị tuổi lữ trở về nhà không được. Một người tớ trai đem cơm lên cho cô, rồi gặp trời tối nên không trở về được. Đêm đó hai người ngồi trong lều nói chuyện tới khuya. Rồi vì hơi lạnh của núi mà nhích lại gần nhau hồi nào không hay. Vẫn kể chuyện, hết chuyện rồi đếm sao trên trời. Cho đến lúc cô nàng thấy một số sao rụng, nhìn lại nghe vai mình nặng nặng mới hay rằng chàng trai đã ngả đầu trên vai mình mà ngủ.

Sáng lại chàng ta ra về, cô nàng ngồi trong lều ngóng theo bước chân chàng và nghe sỏi rơi từng hòn một yên trái tim mình.

Truyện này như một bài thơ bằng văn xuôi.

NGUYỄN ĐÌNH PHÙNG: TỘI ÁC

Một ông già đi nhà thờ. Lúc xong thánh lễ, ông ta xin với vị Linh mục được xưng tội. Được vị Linh mục nhận lời, ông đến tòa giải tội và thú tội.

– Tôi đã giết chết hôn phu của em gái tôi, và đổ cho vc giết. Sau đó tôi hãm hiếp em gái tôi, và nó có thai. Vì xấu hổ, nó trốn đi lên rừng ở một thời gian, rồi vượt biên sang Hoa Kỳ. Chuyện cách nay đã ba mươi năm.

– Rồi sao nữa?

– Tôi sang đây để tìm nó, thì được biết nó mới chết cách nay vài tháng.

Tác giả không nói đứa con hoang kia

chính là vị Linh mục vừa giải tội cho lão già, nhưng trong cách tình bày rất điêu luyện và tinh tế, người đọc vẫn hiểu như vậy.

Đọc truyện này tôi hoảng hồn. Trên đời này có một loại tội ác kinh hoàng đến thế hay sao? Và còn độc địa hơn, trớ trêu hơn cái kết quả của tội ác kia lại chính là kẻ nhân danh Thiên chúa mà tha thứ cho kẻ phạm tội! Đây là một truyện ngắn tuyệt bút, có thể đặt ngang hàng với những truyện hay trên thế giới.

VŨ TRỌNG PHỤNG: LÀM ĐI

“...Em vẫn cứ nhìn xuống mũi giày, thì Tần đã nhấc tay em lên miệng để hôn. Thấy em không kháng cự, Tần từ từ ôm chặt lấy em, hôn vào miệng em, khô-

ng phải cái hôn tầm thường, nhưng mà cái hôn đặc biệt. Nhờ nó, em và chàng cảm thấy ẩm ướt ở miệng nhau thì sung sướng, tựa hồ uống được linh hồn của nhau, một cái hôn đặc thắng của ái tình trước bốn phận mà tiếng trống ngực thành thành điểm khúc khải hoàn ca. Một cái hôn nó giống của màn ảnh, do đó, em tưởng chừng em đã phó thác ca thân thể cho người ta vậy. Tờ giấy cam kết của hai bên như vậy là đã có chữ ký của hai bên rồi. Một cái hôn như thể đã tổng công kích lần cuối cùng để làm hại cả một đời đàn bà chỉ còn một số tàn quân đạo đức trong thành lương tâm.”

Một cái hôn mà nhà phê bình Vũ Ngọc Phan nhận định rằng từ trước đến nay (1942) chưa một văn sĩ Việt Nam nào tả đến cùng như thế. (Nhà Văn Hiện Đại quyển II).

Tôi chỉ xin trích một câu của Vũ tiên sinh thôi. Nhưng là một câu làm ta nhớ cả quyển.

CHƯƠNG XXI

GÓP NHẬP BỐN PHƯƠNG

Ở ngoài bìa của quyển tự vị Pháp Larousse có một vòng tròn mạ vàng to bằng khu chung mắt trâu. Trong cái vòng tròn đó có in hình cô đầm ngó nghiêng đang thổi những nhụy hoa bay đi. Bên ngoài cái vòng tròn có dòng chữ “Je sème à tout vent” (Tôi gieo mầm theo gió bốn phương). Bây giờ nhớ lại, tôi lại ghi: “Je ramasse de tout vent” (Tôi nhặt từ bốn phương).

Nhà văn? Có tờ báo phỏng vấn: – Tại sao anh viết? Đáp thế nào cho đạt yêu cầu? Thôi thì đáp: Không biết. Người ta lại hỏi: – Anh đi vào nghề văn bằng con đường nào? Tôi càng không biết. Tôi chỉ có thể trả lời rằng: Tôi ham viết lắm. Có một lần anh bạn tôi, nhà báo, phỏng vấn tôi, tôi có tếu lên mà trả lời: Tôi cảm thấy, tôi chỉ sống khi tôi ngồi viết, còn làm việc gì khác, tôi cũng thấy mất thì giờ cả!

Đến đây thì những câu chuyện lan man của tôi có thể chấm dứt được rồi. Chính ra tôi cũng không biết ghi ra cái gì nữa. Tôi còn nhớ mấy lời vàng ngọc của văn hào Ilya Ehrenbourg người Nga, xin ghi ra. Đây là rút từ bài diễn từ của ông đọc trước độc giả của ông ở Paris vào năm ông sáu mươi ba tuổi. Ông là tác giả của hai quyển tiểu thuyết đồ sộ *La Tempête* (Bão Tố) và *La Chute de*

Paris (Balê thất thủ). Dân tộc Pháp mang ơn ông đã ghi lại “giùm” cho dân tộc này cái cảnh mất nước trước quân Hít-le. Cái tát vào mặt viên thiếu tướng Petit, kẻ trấn thủ mặt trận Maginot làm cho chiến lũy này vô hiệu quả, thật là đích đáng. Năm ngón tay in trên mặt viên tướng kia nay đã năm mươi năm, nhưng hình như rõ hơn bao giờ hết.

Ông viết bằng tiếng Pháp, chớ không phải dịch từ bản chính ra tiếng Pháp. Những bồi bàn quán rượu ở biên giới miền Nam nước Pháp, mỗi khi thấy ông đến, đều có thói quen đem giấy bút đến cho ông, để ông viết cho những chữ, những đoạn văn. Thời kỳ quân Nga đánh với quân Hít-le, có chỉ thị của bộ tổng chỉ huy rằng những số báo có bài của Ilya Ehrenbourg phải được binh sĩ truyền tay nhau đọc, không được xem như những

tờ báo khác.

Làm nhà văn như ông thật không vinh quang nào bằng. Khi ông thọ sáu mươi ba tuổi, chính độc giả Paris đã tổ chức mừng sinh nhật ông.

Tôi đọc được bài diễn từ này, cách nay ít ra cũng bốn mươi sáu năm tại Cần Thơ lúc tôi mới tập tễnh viết những bài ký sự nho nhỏ.

Những lời nói của ông thật đáng thiên kim. Sứ mệnh của nhà văn. Bài “La mission de l’écrivain” không dài, có những câu tôi nhớ đời đời. Xin tạm dịch ra đây, lẫn ghi lại nguyên văn thuộc lòng:

Écrire ce n’est pas jongler avec des mots, mais c’est servir l’homme (Viết không phải là đùa giỡn với chữ mà là phụng sự con người.)

La mission de l'écrivain c'est de révéler le trésor dans le coeur de l'homme. (Sứ mệnh của nhà văn là phát hiện kho tàng trong trái tim con người.)

Il n'y a pas de distributeur de talent... Il n'y a que le travail. (Không có cái máy nào phân phát tài năng cả. Chỉ có cần cù làm việc.)

L'écrivain ne connaît pas la vieillesse. Il est jeune jusqu'à ce que la mort l'arrache de sa table de travail. (Nhà văn không biết tuổi già. Anh ta trẻ cho đến ngày cái chết rút anh ta ra khỏi chiếc bàn làm việc.)

Tôi còn nhớ được mấy câu đó mà cũng thấy sung sướng lắm rồi. Có lẽ không bao giờ tôi quên chúng.

Tôi đọc Ehrenbourg rất say mê. Tiếc

thay bây giờ không tìm thấy ông ở đây nữa. Những bài tùy bút của ông viết trong cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại của dân Nga là những tuyệt tác.

Trong quyển Công việc nhà văn của ông, tôi còn nhớ một câu như sau:

“Khi anh hoàn thành tác phẩm, anh có một niềm vui, niềm vui hoàn thành tác phẩm, nhưng cũng có một nỗi buồn, nỗi buồn xa các nhân vật mà anh dựng lên.”

Đúng y chang tâm trạng của nhà văn. Phải là một nhà văn viết nhiều mới nói được câu ấy. Đọc xong câu này, tôi buông sách thán phục ông.

Hiện giờ phút này, tôi cũng đang có nỗi buồn ấy.

Từ bấy lâu nay viết những trang sách, tôi có cảm giác là thừa chuyện nhỏ to cùng các bạn. Bây giờ xong rồi, chuyện đã chấm dứt, xa các bạn, tôi buồn, biết bao giờ tái ngộ để cùng trò chuyện? Cả một cái cổ kim thiên hạ hàng trăm người tôi vừa gặp lại trong những trang sách qua.

CHƯƠNG XXII

VIẾT THÊM: VIẾT VĂN LÀ MỘT VIỆC PHIÊU LƯU

Viết văn là một công việc làm thiệt ăn chơi hoặc làm chơi ăn thiệt. Viết quyển sách này chính là dịp cho tôi nhìn lại những gì mình đã viết trong một thời gian khá dài, từ trẻ đến già, mê đọc và ham viết. Đọc không nhiều mà viết cũng chẳng bao nhiêu, chỉ có sự ham muốn say mê thì vẫn còn đầy ắp. Ước gì trẻ lại để viết những gì chưa viết được.

Văn chương là gì mà sao tôi mê dữ vậy? Cũng có thể nói đây là một thú tình.

Chữ tình là chữ chi chi

Cũng có khi mà cũng có khi. (Tản Đà)

Hoặc :

Hôm nay ôn lại chuyện non song

Nghe sóng nghìn xưa vỗ bến lòng. (Ngân Giang)

Chỉ có vậy thôi – mấy chữ – mà sao đọc rồi không quên? Và lại mơ gặp những người đã viết ra những chữ ấy. Hay quá hay! Nhưng nếu có ai bảo tôi cắt nghĩa, thì tôi không thể nào cắt nghĩa được.

Và có lẽ những người viết ra những câu trên cũng như tôi – đều không cắt nghĩa được! – Đó là văn chương, là nghệ

thuật. Nó đi không cùng và sống mãi như một anh chàng phiêu lưu, một kẻ trường sanh bất tử.

Sở dĩ tôi nói nó là một việc làm thiệt ăn chơi, là vì có những cái mình gò gẫm tưởng hay lắm, nhưng khi đưa ra rồi, không có tiếng vang, ngược lại có những cái mình không dự định gì hết mà lại...

Văn chương là một ước lệ, không có ai đo được chính xác như cửa gỗ làm nhà hoặc đo vải may áo. Nhà làm xong thì ở, áo may xong thì mặc cho đến hư đến rách. Người ta ai cũng gọi đó là cái áo, cái nhà, nhưng văn chương lại khác, sách in ra, kẻ khen người không, mỗi người một lời bình phẩm.

Anatole France là hậu sinh của Emile Zola, tác phẩm cũng ít hơn Zola, danh tiếng có lẽ cũng không bằng Zola,

ông khổng lồ của trường phái hiện thực. Nhưng A. France lại bảo: «Zola không phải là nhà văn!»

Không biết có ai cãi lại hay không? Có cũng tốt mà không có cũng chẳng sao. Vì Zola chết trước France 22 năm, và tác phẩm của ông còn sờ sờ ra đó, trong lúc France còn tại đường, và tác phẩm của ông cũng sờ sờ ra đó trong đời sống người Pháp. Đánh giá văn chương là một vấn đề tương đối.

Cùng là một câu Kiều, nhưng hôm sau tôi đọc thấy nó hay hơn bữa trước, là vì tôi có tâm sự gì đó, hoặc không có tâm sự gì cả... Vì thế nên tôi mới nghĩ ra rằng: văn chương chỉ là một ước lệ, nó không bao giờ là một định lý. Thí dụ: thi sĩ Xuân Diệu có câu «Yêu là chết ở trong lòng một tí». Đó là một cách ví von tình yêu thôi, chớ chưa chắc hẳn ai yêu cũng

«chết một tí» cả. (Câu này không phải của Xuân Diệu, mà Xuân Diệu rút trong thơ văn Pháp).

Toán thì có công thức, nhưng trong văn thơ không có một công thức nào dạy muốn làm một bài thơ, thì phải bắt đầu thế nào, và phải kết thúc ra sao? Và ai muốn làm thơ phải theo luật lệ đó.

Còn phiêu lưu? Tôi nghĩ người viết văn là kẻ phiêu lưu vô cùng. Mặc dù có đích ngắm, nhưng chắc gì đã đến đó? Có khi sự lạc lối đâm ra hay hơn là đi theo con đường mình tự vẽ ra cho mình trước.

Người đi buôn có thể nắm chắc kết quả chuyến buôn, nhưng kẻ viết văn thì có khi, có lắm khi dự tính sai hoàn toàn. Phải chăng đó là phiêu lưu, một sự phiêu lưu thú vị.

Tôi đã kể ở một chương trước rằng: Tô Hoài không biết tiểu thuyết là gì, khi nhận viết “một cái tiểu thuyết” cho Vũ Ngọc Phan, và rồi rất thành công ngoài sự tưởng tượng của chính mình và Vũ Ngọc Phan.

Nguyên Hồng viết Bỉ Vỡ hồi còn quá trẻ, đâu chưa đầy hai mươi thì phải? Và nó đã được giải thưởng cao quý của Tự Lực Văn Đoàn. Anh sống đến sáu mươi ba tuổi, viết rất nhiều, nhưng theo ý tôi chẳng có cái nào được yêu mến bằng Bỉ Vỡ cả. Cả hai nhà văn này chẳng phải là những kẻ phiêu lưu là gì?! Phải chăng sự phiêu lưu nghề nghiệp lây sang đời sống tư riêng? Và ngược lại Balzac rất phiêu lưu trong nghề viết cũng như trong đời sống.

Hãy liếc sơ qua cuộc đời tình ái phiêu lưu của Balzac. Một bà bá tước Ba Lan,

tên Hanska đọc truyện của Balzac rồi yêu ông viết thư cho ông, ông đáp lại. Rồi hai người yêu nhau trên giấy mực và trong mộng. Những bức thư tình mà Balzac gửi cho Hanska gom lại thành một tác phẩm tên là *Lettres à l'étrangère* (Thư gửi người phương xa). Có một giai thoại ghi rằng: người phu trạm đem thơ đến nhà Balzac hàng ngày, nhận thấy tên người gửi là một người đàn bà Ba Lan, ông ta bèn cho các cô các bà trong khu phố hay. Các cô các bà nghi ngờ, nên đã xé đại ra xem. Càng xem, họ càng ghen tức: “Bộ Paris này không có ai bằng cái mụ Ba Lan đó hay sao?” Và yêu cầu bưu điện không gửi cũng không phát thư cho Balzac nữa.

Không biết sau đó hai ông bà còn thư từ qua lại với nhau không, không thấy sách nói. Nhưng mỗi tình này khô-

ng tan vỡ. Tuy nhiên phải đợi cho tới khi ông bá tước qua đời thì hai người mới gặp mặt nhau. Cuộc hẹn hò được đặt ra ở một vườn hoa gần biên giới hai nước. Hai bên cho biết đặc điểm về hình dáng nhau. Riêng Balzac thì cầm một đóa hoa hồng để tặng Hanska.

Họ gặp nhau trên giấy, trong mộng mười lăm năm trời như Nguyễn Du mô tả cuộc tái hồi Kim Trọng và Kiều:

Những là rầy ước mai ao,

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!

Gặp nhau trên giấy, gặp nhau trong mộng, rồi bây giờ chàng tặng nàng đóa hoa hồng nơi vườn hồng. Rồi họ làm lễ kết hôn trong một ngôi nhà thờ nhỏ ở gần đó. Nhưng chỉ mười lăm hôm sau,

Hanska lại trở thành góa phụ. Và chính ngôi nhà thờ còn ngát hương của buổi lễ thành hôn hôm nào, nay lại chính là nơi Hanska đưa linh hồn Balzac về chầu Chúa.

Một cuộc tình phiêu lưu có một không hai trong lịch sử và lịch sử văn học. Phiêu lưu thường là bạn chung tình của lãng mạn.

Balzac là nhà văn lãng mạn và là người thanh niên lãng mạn nổi tiếng của Paris thời bấy giờ. Mỗi ngày ông đều thay đổi sắc phục. Và cách ăn mặc của ông đã thành “mốt” được thanh niên bắt chước và được thiếu nữ yêu chuộng... “à la Balzacienne”. (Ăn mặc theo kiểu Balzac.)

Ở Paris chiều thứ bảy luôn luôn có dạ tiệc mời Balzac tới dự, hoặc khi nào ông bán được sách, có tiền thì ông bày

tiệc thết đãi. Những người yêu Balzac và yêu văn chương Balzac phần lớn là các “demoiselles” và các “dames Parisiennes”, những cô những bà mệnh phụ ở chốn Paris phồn hoa, trong đó có những bà công tước, bá tước mà Balzac bảo thẳng rằng: “Nếu các bà không phải là người yêu của tôi, thì tôi phải gọi các bà bằng mẹ.” Có lẽ trong hoàn cảnh này mà Balzac đã viết một câu như sau: “Chỉ mối tình cuối của người đàn bà mới thỏa mãn được mối tình đầu của người đàn ông.” Có đúng vậy không? Ai mà biết được! Nhưng có lẽ Balzac cũng có lý, vì đó chính là kinh nghiệm bản thân của ông chẳng?

Balzac là một người lãng mạn phi thường, ông yêu nhân vật của ông như người bằng xương bằng thịt: cô Marie, ông thầy thuốc miệt vườn, con ngựa,

người ốm. Sách kể lại rằng: Có lần bạn đến chơi, thấy ông trùm mền trùm hum trên bàn viết, thì tưởng ông đang đau, nhưng ông bảo: thằng Jean của tôi đang sốt! – Jean nào? Hỏi ra thì đó chỉ là thằng Jean trong truyện của ông.

Nhưng Balzac không chỉ phiêu lưu và lãng mạn, ông còn là một người cầm bút rất tự hào về chức nghiệp và sứ mệnh của mình. Trong một bức thư của ông viết cho Napoléon ler có câu như sau:

“Tu fais ton œuvre avec ton épée. Je l’achève par ma plume.” (Ngài làm nên sự nghiệp của ngài bằng thanh gươm, còn tôi hoàn thành nó bằng ngòi bút của tôi!).

Tôi đọc quyển *Trois Maîtres* (Ba bậc thầy) của Stefan Zweig cách đây bốn mươi năm, nhưng vẫn còn nhớ được

một vài giai thoại của các bậc vĩ nhân trong văn học, xin kể lại để các bạn đọc giải buồn, chớ nó không phải là những kinh nghiệm viết văn. Tuy nhiên ta cũng có thể thấy được những mảnh đời kỳ thú của những thiên tài sống trước ta và thấy các vị sống và viết thế nào.

Trong sách này, tác giả còn đề cập tới Féodor Dostoyevski nhà văn thời Nga hoàng. Tôi không còn nhớ vì sao ông bị đày đi Xi-bê-ri, chỉ còn nhớ rằng những kiệt tác của ông đều được viết trong lao tù, hoặc trong một cuộc sống vô cùng khổ ải. Ông phải bán đến những cái áo nịt vú của người yêu để lấy tiền sống và viết. Ông mất hết lòng tin ở sự tốt lành của con người, cho đến nỗi ông phải đánh bài để bói số mệnh đỏ đen.

Khi ông còn sống thì tên tuổi và tác phẩm của ông không được đề cao cho

lắm, cho đến mãi vào những năm cuối đời, ông mới được kính trọng và tác phẩm được đánh giá rất cao. Độc giả xếp ông ngang với Léon Tolstoi. Nhân vật của ông phần lớn đều u ám tối tăm có tâm sự nặng nề uất ức, chớ không trong sáng thanh thản như của Tolstoi —đọc *L'Idiot* thì thấy rõ điều này: Hoàng thân Mitchkine, Desdémona, Rogogine... — Khi ông qua đời trong một ngõ hẻm tối tăm, những độc giả yêu ông đã kéo tới đông nghẹt bít cả lối đi, chỉ mong được sờ vào quan tài của ông. số người đông đến nỗi gian nhà mất hết dưỡng khí, làm cho những cây nến phải tắt đi, và sự chen lấn làm cho chiếc quan tài phải đổ ngang.

Gương mặt của ông trông đến khiếp! Một gương mặt kỳ dị như tạc bằng đá. Stefan Zweig hay một nhà văn nào tôi không nhớ, đã viết rằng: “Bộ râu của ông

như rừng rậm, còn ánh sáng của đôi mắt thì như chiếu hắt vào phía bên trong... ” Ông là một nhà văn đau khổ suốt đời, và viết không lúc nào ngừng. Phải chăng niềm đau đó đã làm cho ông trở nên vĩ đại? Như Victor Hugo nói một câu triết lý:

“Rien ne nous rend plus grand qu’une grande douleur.” (Không gì làm cho ta lớn bằng một niềm đau lớn.)

Có lẽ trong các nhà văn lớn trên thế giới, hai vị hạnh phúc nhất là Victor Hugo và Léon Tolstoi. Hugo là con của một ông tướng. Thừa nhỏ cùng đi học với Ngô Quang Trưởng ở trường Quận, tôi có học bài “Après la bataille” (Sau trận chiến) của ông.

Quái nhỉ, sao lại những câu thơ học cách đây gần sáu mươi năm bỗng nhiên

lại hiện lên trong óc mình? Vừa rồi NQT đến thăm bất ngờ, tôi có hỏi anh còn nhớ thằng Văn cháu ngoại ông Bùi Quang Chiêu hay không? Thì cũng đúng lúc tôi nhận được tờ báo Phụ Nữ Diễn Đàn. Tôi đưa cho NQT xem hình ông Bùi Quang Chiêu và nói: Hồi nhỏ mình đi học, qua nhà ông hàng ngày (ở thị trấn Mỏ Cày) mà nào có biết ông. Bây giờ nhờ nhà văn Hứa Hoành, mà tụi mình tóc đã bạc, mới biết mặt ông Bùi, một trí thức tiền tiến của dân Việt Nam.

Thời ấy, mình học bài thơ rất ngắn của V. Hugo kể trên. Trong đó tác giả mô tả chiến trường ngổn ngang xác chết, Ông đại tướng Hugo, thân phụ của V. Hugo cưỡi ngựa đi duyệt qua chiến trận sau khi đã tàn binh lửa. Bỗng từ trong một đồng gạch vụn lê lết một người lính địch bị thương, anh ta giơ tay há miệng

xin một tí nước. Ông đại tướng quay lại bảo viên sĩ quan hầu cận cho anh ta tí nước, thì... “đoành!” Một phát nổ. Chiếc kê-pi đại tướng của ông bay tung, con ngựa lồng lên rồi vọt tới. Nhưng ông vẫn quay lại bảo viên sĩ quan: “Donnez-lui tout de même à boire!” (Cứ cho nó uống như thường!)

Bài thơ của Hugo còn sót lại trong đầu tôi hai câu, câu đầu là:

“Mon père au sourire si doux.” (Cha tôi với nụ cười hiền hậu)

Và câu cuối đã kể trên.

Ngoài ra còn một chữ nữa: “Caram-ba!” Đó là tiếng Tây-ban-nha tỏ nỗi căm thù với kẻ địch. Anh lính thừa lúc ông đại tướng quay đi, bèn hét lên một tiếng dữ dội và rút súng ngắn giấu trong lưng

ra bắn. Mặc dù bị bắn suýt chết, ông đại tướng vẫn bảo cho kẻ địch uống như thường.

Ôi văn chương, nào ai biết được chữ nghĩa đi đến những đâu và sống đến bao giờ? Victor Hugo chống độc tài quân phiệt Napoléon , và ra tị nạn nước ngoài. Napoléon III đã cho người sang mời ông về nước, ông trả lời bằng một bài thơ ngắn rất nổi tiếng là «Ultima Verba» (Lời nói cuối cùng). Thừa nhỏ tôi thuộc vanh vách, bây giờ chỉ còn nhớ có một câu:

«Tôi chỉ về cùng với tự do!» (Je ne retourne qu'avec la liberté). Khi ông mất, nhân dân Pháp đã cử hành quốc táng để tôn vinh ông. Ông làm bài thơ đầu tiên hồi mười ba tuổi. Đến tám mươi tuổi, hàng ngày ông ngồi trước cửa sổ nhìn cảnh vật quê hương xứ sở và viết ra thơ như chép tạo vật vào giấy.

Lạ thay, ông viết thể loại nào cũng đứng đầu trong văn học Pháp. Những Kẻ Khốn Khổ, Người Lưng Gù Nhà Thờ Notre Dame De Paris, thơ Lá Thu... Ông đứng đầu trường phái lãng mạn về kịch nghệ. Một nhà danh họa Pháp đã vẽ Victor Hugo ngồi trên nóc nhà hát Paris, một chân gác trên chông tiểu thuyết, một chân gác trên Lá Thu. Còn một nhà điêu khắc đã đục một tượng Balzac cuỗi con lừa mang một bị sách. Hai ông sống cùng thời, có thư từ qua lại, lại rất phục tài nhau. Đó là thời huy hoàng nhất của văn học Pháp.

Mất hai ông rồi, nước Pháp nghèo đi, và càng ngày càng nghèo, mãi cho đến ngày nay thì càng sa sút, như một nhà văn Mỹ bạn tôi phải than thở với tôi: “Junk sells better than qualities!” (Đồ nát bán chạy hơn phẩm chất!)

Người ta phải quay lại thời xưa để tìm văn chương nghệ thuật. Ở đâu cũng vậy, không cứ gì ở đâu! Thời đại khoa học càng giăng đôi cánh, thì đôi cánh văn học nghệ thuật cũng teo lại dần, hay đó chính là điều Balzac đã tiên liệu trong quyển Mảnh da lừa (La peau de chagrin).

L. Tolstoi cũng như Hugo là con nhà quý phái, hay chính ông là người quý phái. Nếu tôi không nhớ nhầm, thì ông là Nam tước thời Nga hoàng. Ông giàu sang vô kể. Chính những nhân vật trong Chiến tranh và Hòa bình là dòng họ của ông chứ không ai khác. Toàn là quận công, vương tướng, hầu tước... Có vị sắm cả một bầy nô lệ ba trăm người chuyên môn đi săn chim ri để phục vụ cho gia đình.

Nhưng chính Nam tước Tolstoi lại có đầu óc xã hội rất sớm, ông từ chối

cuộc đời nhưng lựa của ông để bố thí cho người nghèo, và ông từ bỏ lâu đài nguy nga để sống trong nhà tranh vách lá, chân mang giày rơm và viết trên bàn gỗ thô.

Ông đã nghĩ tới cái chết bốn mươi năm trước khi cái chết thực sự đến với ông vào lúc ông tám mươi hai tuổi. Một đêm mưa tuyết hãi hùng, ông đã bỏ nhà ra đi. Sáng hôm sau, người ta tìm thấy xác ông vùi lấp trong tuyết ở gần ga Polyana... ở đâu đó trên nước Nga, tôi không nhớ, chỉ nhớ rằng ông di chúc chôn ông đừng làm mả to⁶, ngay cả không đắp nấm và không cắm mộ bia. Sinh thời của ông, báo chí Âu châu viết: “Có một người mạnh hơn cả Hoàng đế, đó là

6 Chí Phèo của Nam Cao đã chế giễu một cách sâu sắc: “...Có ông nào chết mà được khen là ông mả to đâu!” Chỉ có những kẻ hợm mình mới xây lăng hoặc bắt con cháu làm mả to cho mình.

Léon Tolstoi và cây bút của ông.”

Ngày nay người Nga vẫn giữ lời di chúc của ông, không đắp nấm mộ, chỉ một mô đất thấp... Nhưng hàng ngày có nhiều khách thập phương đến đặt những đóa hoa tươi, trên mô đất thấp lè tè ấy , vì người ta biết dưới đó là nơi an nghỉ của tác giả Chiến tranh và Hòa bình.

Một trong các nhà văn trẻ được Tolstoi chú ý là Maxime Gorki. Một hôm Tolstoi gọi Gorki tới khen một số truyện của Gorki vừa xuất bản. Nhưng sau cùng, ông bảo: “Chú tả sai một nét!” Gorki sung sướng được cụ chỉ cho, nhưng không đoán ra mình tả sai nét nào. Tolstoi bèn bảo: “Không có cô gái nào như cô Anna của chú cả. Vào tuổi 18-19, cô nào cũng mơ mộng và thích được tán tỉnh ôm ấp bởi những chàng trai.” Gorki phục quá, vì ông tả Anna như một nữ thánh. (Đây là

câu chuyện của anh Nguyễn Huy Tưởng kể lại cho chúng tôi nghe hồi tôi ở Hà Nội).

Gorki có một cuộc sống thiếu thốn vô cùng vất vả. Ông đã phải lang thang khắp nơi và làm đến mười bảy nghề không tên để kiếm ăn. Trong đó có cả cái nghề lặn mò đồ của khách đánh rơi ở bến tàu, và nghề rửa chén cho các tiệm ăn. Ông lẫn lộn sống chung với những anh bồi chị bếp, ông thấy giá trị của họ, và trở thành bạn thân của họ. Chính ông đã tặng cho nhà văn danh hiệu «kỹ sư linh hồn». Tôi không nhớ ông qua đời lúc nào, ở đâu, và vì bệnh gì? Nhưng tôi nhớ ông đã đến New York đầu khoảng 1901–02 gì đó. Và khi trở về xứ, ông viết những cảm tưởng không mấy gì tốt đẹp của ông đối với thành phố này trong quyển Thành phố Con Quỉ Vàng.

Có lẽ đây là sai lầm lớn nhất của Gorki? Nhưng nghĩ lại thì cũng không đáng trách. Ông cũng là người phạm mất thit như ta, chỉ khác ở cái tâm hồn nghệ sĩ, thì làm sao đoán chuyện quá khứ vị lai bá niên tiền, bá niên hậu được? Ông là bạn thân của Lénine, nhưng không vô đảng của Lénine như nhiều người lầm tưởng ông là ủy viên Trung ương đảng.

Ở Hà Nội khoảng 1958 – 60, bọn trẻ chúng tôi thường gọi anh Nguyễn Hồng là Maxime Gorki, vì Nguyễn Hồng cũng có vẻ lam lũ khắc khổ nghèo nàn, và còn có dáng dấp phu phen bến tàu như Gorki.

Mà thật, Nguyễn Hồng là dân nghèo cảng Hải phòng. Chính ở đây anh đã nghĩ ra Bỉ Vỡ, vì trông thấy một tay chạy võ mà anh nghĩ là giống dân Sài Gòn, và đặt tên nhân vật chính của Bỉ Vỡ là Năm Sài Gòn.

LẠI VIẾT THÊM

Sáng nay đem cái bản thảo NHỮNG BỨC THẦY CỦA TÔI để xem lại, không hiểu sao tôi lại bật nhớ hai câu thơ của Tản Đà và của Ngân Giang nữ sĩ rồi viết ra đoạn này:

Ngân Giang nữ sĩ là một người đàn bà đẹp như thơ và lại làm thơ. Vì thế chất thơ có đến gấp đôi trong Ngân Giang. Hai câu thơ của chị, tôi đã kể ở phần VIẾT THÊM ở trên, thật là tuyệt tác. Đúng đây là «Lạc giữa trần gian một tấm lòng» (thơ TAT). Bây giờ không mấy ai nhắc đến, chứ thực ra thì ở Hà Nội, thử tìm xem có được mấy câu như vậy – mà đây là thơ hồi 1946 kia đấy, tức là thời kỳ tôi mê thơ, đi tìm thơ mà chép để dành đọc cho thích.

Xin vô phép chữa thơ cụ Tản Đà:

Văn chương là cái chi chi

Cũng có khi mà cũng có khi!

Cái “chi chi” thì không thể định nghĩa được, còn “có khi mà cũng có khi” – Khi gì? Cũng không biết được! Thế mà sao tôi thích? Cũng không trả lời được. Sự đời ai có ngờ đâu chàng kiếm sĩ luôn tròn anh hàng thịt giữa chợ, mà bỗng chốc trở thành Phá Sở Đại Nguyên Soái khét tiếng lừng danh. Rồi cũng ai có ai ngờ đâu vị Phá Sở Đại Nguyên Soái kia đã đem lại cho một triều đại lớn nhất lịch sử (nhà Hán) một giang san cũng rộng lớn nhất thế giới – mà rồi lại chết lẫm xệt vì tay một mục đàn bà. Có lẽ trong lịch sử không có một tướng soái nào uy danh lớn lao như Hàn Tín, mà lại chết như Hàn Tín.

Võ nghiệp là cái chi chi

Cũng có khi mà cũng có khi.

Thì cũng như Võ Hậu, tức Võ Tắc Thiên. Từ một cô cung nữ tầm thường chỉ được quyền xếp quần áo cho vua, chớ không được đến gần vua. Thế mà rồi khi vua băng hà, lại liếc mắt đưa tình với hoàng tử qua đầu quan tài vua cha, rồi cuồn luôn được ông hoàng tử, rồi lập mưu giết cả hoàng hậu. Nhưng chưa thỏa mãn tham vọng, giết luôn cả vua để lên ngôi. Ba thằng con trai léo nhéo, mẹ ta giết láng để tuyệt hậu hoạn. Vậy mà làm vua luôn năm mươi năm, triều thần mọp rảnh rắc. Chỉ có một người dám can ngăn sự tàn bạo của bà ta, đó là nhà thơ Trần Tử Ngang.

Ông nhà thơ thấy quá nhiều chuyện phi lý, bất bình, bèn làm một bài sớ, dưới hình thức một bài thơ dài dâng lên. Võ Hậu xem qua, mắt đổ lửa, đầu tóc đứng

dựng lên, triều thần lạnh xương sống. Nhưng không có việc gì xảy ra hết. Võ Hậu đã không hành hình nhà thơ cương trực, lại còn thăng cấp và thưởng vàng bạc. Rồi mụ còn quay lại mắng mỏ lũ triều thần:

– Các quan chỉ là một lũ vô dụng, chỉ biết nịnh hót và cúi lòn!

Nhưng mụ có biết đâu chính mụ là nguyên nhân của sự nịnh hót và cúi lòn đó. Dù sao, từ ấy mụ cũng bớt chém giết trung thần như trước kia.

Thì ra, trong kẻ ác cũng còn có một chút ánh sáng của lương tri. Tần Thủy Hoàng là ông vua sợ chữ nghĩa nhất. (Vì chữ nghĩa ghi tội ác của ông lưu xú muôn đời. Mà hôn quân không sợ gì hơn sợ người ta gọi mình là hôn quân). Cho nên mới có việc đốt sách và chôn

sống học trò, ai cũng phải khiếp oai. Do đó mà triều thần không dám can gián, trừ một người, đó là Úy Liêu, Úy Liêu đã dám khố gián nhà vua, ông cởi trần trước bệ rồng và nói những lời trung trực. Triều thần nhắm mắt lại không dám nhìn, nhưng không bịt tai, để nghe. Trước sân lúc nào cũng có sẵn một chảo dầu sôi, ai can gián vua sẽ được quăng vào đó mặc tình bơi lội. Tần Thủy Hoàng thấy Úy Liêu cởi trần thì phán hỏi tại sao vô lễ. Úy Liêu đáp: “Để cho đao phủ khỏi mất công.” Tần Thủy Hoàng lập tức bước xuống bệ rồng, vỗ vai khen Úy Liêu là bề tôi trung nghĩa, dám liều chết can vua. Bèn sai quan thị vệ đem vàng bạc ra ban thưởng, rồi cởi long bào khoác cho Úy Liêu.

Nếu chẳng có Úy Liêu thì Tần Thủy Hoàng sẽ còn tiếp tục đốt sách và chôn

học trò. Về sau Tần Thủy Hoàng lại bị Kinh Kha ám sát. Không rõ là lời nói của Úy Liêu, và lưỡi gươm của Kinh Kha, cái nào có tác dụng hơn? Với một hôn quân, lưỡi gươm cũng chính là sự phát biểu rất nên thơ vậy. Đây không phải là lần đầu tiên hắn bị mưu sát. Một lần khi hắn du hành, long xa bị một chùy sắt của một tráng sĩ đập nát. Hai lần chết hụt, ắt hắn tên bạo chúa phải suy nghĩ, cũng như Võ Hậu trước lá sớ của Trần thi sĩ.

Rất tiếc là lịch sử không ghi lại bài thơ của Trần Tử Ngang, xem ông ta gieo vần dùng chữ như thế nào, để đến nỗi một Võ Hậu phải chùn tay chém giết? – Nhiều nhà triết học đã viết trùng nhau trên một ý tưởng: “Những kẻ dùng sức mạnh là những kẻ yếu”. Tôi không nghĩ đây là một chân lý, nhưng nó cũng không đến đâu sai.

Tôi viết quyển sách này là một việc bất ngờ. Một hôm tôi đến chơi nhà một người bạn gốc Hà Nội đã đọc truyện tôi mà chưa hề gặp mặt đó là ông bà bác sĩ Nguyễn Như Lâm. Rồi cũng lại bất ngờ gặp chị Trương Anh Thụy, cháu gọi ông bà bằng cậu, mợ từ Washington xuống thăm. Trong câu chuyện văn thơ thường lệ, chúng tôi nhắc về mảnh đất văn vật Hà Nội. Để tỏ lòng mang ơn mảnh đất này, tôi đã kể chuyện về những nhà văn tiền bối mà tôi được hân hạnh gặp và học kinh nghiệm nghề nghiệp. Tôi có thuật lại câu bất hủ của nhà văn Nguyễn Công Hoan nói về nghệ thuật viết truyện : “Truyện là bịa y như thật. Anh nào bịa giỏi anh ấy ăn”.

Một bất ngờ nữa là, đọc trong Chân Trời Lam Ngọc 2 của Hồ Trường An tôi được biết gia đình cụ Trương Cam Khải có thời gian cư ngụ tại thôn Trích Sài gần chợ Bưởi. Chính tôi có đến đây xin ở trong một ngôi chùa sát bờ Hồ Tây để sáng tác. Cũng chính nơi đây tôi đã gặp nhà văn Nguyễn Công Hoan, đã phỏng vấn ông và được trả lời như trên. Ven hồ có rất nhiều sen... Phải chăng cô bé Trương Anh Thụy đã bơi thuyền đi hái trộm sen với các bạn ở nơi này cách đây nửa thế kỷ?

Chị Anh Thụy được nghe kể chuyện các nhà văn thì bắt ngay vào vấn đề:

– Chắc anh đã được nghe các cụ truyền nhiều kinh nghiệm viết văn lắm nhỉ? Anh kể thêm nữa đi!

Bị hỏi bất ngờ, tôi chưa biết đáp thế nào. Sự thật thì có đúng như vậy, nhưng bảo kể lại thì làm sao mà kể được? Nay nghe một câu, mai nghe một câu, chớ đâu có lớp trường nào hằn hoi, bài mục thứ tự! Nhưng chị Anh Thụy quả quyết bảo:

– Anh hãy kể ra tất cả, để tôi in ra cho mọi người đọc với, chớ anh để trong bụng hoài uổng quá!...

Tôi chỉ làm thỉnh, chớ không dám hứa. Tuổi già là tuổi bất trắc bất ngờ, nhưng ai lại đi từ chối một sự hảo tâm thiện chí như vậy? Tôi về nhà mới ngồi nhớ lại và cặm cụi viết... hồi ký. Mãi hai tháng sau tôi mới gọi phôn cho chị:

– Chị Anh Thụy ơi, tôi viết xong rồi!

– Vậy hả? Anh gửi lên cho tôi ngay đi! – cả hai cùng mừng.

Tôi viết hồi ký kể từ khi tôi biết ham đọc sách và trang truyện đầu tiên tôi đọc là truyện Tây Du. Rồi kể đó là hàng trăm bộ truyện Tàu, Việt, Pháp... cho tới bây giờ thì đã sáu mươi mùa...

Thu đi... vũ trụ bạc phơ đầu...

(thơ Trương Anh Thụy)

Ngồi ghi lại những chuyện đời buồn vui mà cảm thấy như:

Hôm nay ôn lại chuyện non sông

Nghe sóng nghìn xưa vỗ bến lòng.

(thơ Ngân Giang)

Xin cảm ơn những câu thơ đã cho tôi cái kết tuyệt diệu của quyển sách, và cái đầu bạc phơ này xin chân thành gửi nó đến các bạn.

Xuân Vũ

PHỤ BẢN



Cù bà NGUYỄN THỊ DU, 90 tuổi

Thân mẫu của nhà văn Xuân Vũ, người đã cống hiến lớn lao cho cuộc đời cầm bút của nhà văn. Lời kể chuyện đầy hình tượng của Cù mà Xuân Vũ được thấm nhuần suốt tuổi thơ đã ảnh hưởng sâu sắc đến cách viết của ông sau này.



Cù BUI QUANG HAI (1908 - 1969)

Thần phụ của nhà văn Xuân Vũ, tác giả của ngót ngàn bài thơ Đường luật không đăng báo, đã mất hết sau 1975. Cù cũng là người gieo vào lòng nhà văn những vấn đề từ lúc nhà văn còn trẻ thơ.

